



“KIẾN GIẢI A-TỶ-ĐẠT-MA”

(Abhidhammassa samujjala vivaraṇa)

<>Soạn phẩm «hỗ trợ» cho 2 quyển “Triết học A-tỳ-đàm I & II” (*Abhidhamma philosophy I & II*), do Hòa thượng **J. Kashyap**, Cố Viện trưởng Viện Đại Học Tân Nalanda (Nava Nalanda Mahāvihāra), Ấn-độ biên soạn (vào đầu thập niên 1940), đã được nhóm “Ái hữu cựu sinh viên Đại học Tân Nalanda”, phiên dịch và ấn hành (2017-2018), để dùng làm tài liệu giảng dạy, trong chương trình *Cao học Phật giáo*.



SOI SÁNG pháp học là KIẾN GIẢI.



SAMUJJALA-VIVARAṆĀ

Lời nói đầu

<>Hai chữ “**KIẾN GIẢI**” (Samujjala vivaraṇa) được tượng trưng bằng “**ngọn đèn**” chiếu sáng cõi trần, là một phần của cái tên khiêm nhường, đặt cho “*quyển sách đặc biệt*” này. -“**KIẾN GIẢI**” ám chỉ “**thấy rõ một cách khách quan rồi trình bày**” những điểm khá tế nhị lẫn sâu sắc, trong 1 lãnh vực nào đó.

-Ở đây “**KIẾN GIẢI**” được công hiến, nằm trong sự soi sáng Triết học Phật giáo (Buddhist philosophy), tàu âm là A-Tỳ-Đạt-Ma” (=Abhidhamma) hay VI DIỆU PHÁP, -mà sách vở xưa nay đã hiếm khi “nói hết” được. -Hoặc cũng từng nói, nhưng NHÂN DUYÊN chưa đủ, để “thăng thán” trình bày một cách vô tư, với một tinh thần xây dựng, bất cầu lợi !

-Vì thế, “**Kiến Giải A-Tỳ-Đạt-Ma**” (Abhidhammassa samujjala vivaraṇa) không phải là cuốn sách, thuộc loại diễn giảng theo sát “*Chánh Văn Vi Diệu Pháp*” (Abhidhamma), mà là một “**TẬP HỢP**” những “*lý giải làm sáng tỏ*” môn học QUÍ BÁU, do “*công trình nghiên cứu*” của chúng tôi, chân thành công hiến vào sự **hiểu biết dù sâu sắc nhưng tương đối**, khi chúng ta có

gắng học hỏi những **giáo lý thâm thâm** (gambhīra dhamma), nặng về “**tâm thức**” (citta viññāna) trong nhà Phật.

<>Thực ra, tạng VI DIỆU PHÁP (=Abhidhamma piṭaka hay “A-tỳ-đạt-ma tạng”) chính là “**kết quả phối hợp khéo léo**” của cả 2 tạng KINH (**Sutta-piṭaka**) và tạng LUẬT (**Vinaya-piṭaka**), đã được chư Cao tăng tiền nhân “**thực hiện**”, để “trình bày” giáo lý siêu việt của Đức Phật (Buddha), một cách sâu sắc, thâm mật, có hệ thống triết học phân tích.

-Chư **Cao Tăng tiền nhân** ấy là những **Thịnh Văn đệ tử Phật** (Sāvaka), những bậc *thân tâm đã thanh tịnh*, sống ngoài ảnh hưởng của *tham* (lobha), *sân* (dosa), và *si* (moha). Còn thời gian “thành hình” VI DIỆU TẠNG (Abhidhamma piṭaka) là trong khoảng 300 năm, sau khi Phật tịch diệt.

*Nghĩa là, Tạng **VI DIỆU PHÁP** (Abhidhamma pitaka) “được chính thức công bố” kể từ cuộc **kết tập kinh điển lần thứ III** (tatiya saṅgīti), tại **Hoa thị thành** (Pāṭaliputta), tân thủ đô vương quốc **Ma-kiệt-đà** (Magadha), dưới sự hướng dẫn anh minh của **Thánh tăng** lỗi lạc là Ngài **Moggaliputtatissa**, và với sự bảo trợ nhiệt thành của **Hoàng đế A-dục** (Asoka Mahārāja), một “**Minh quân vĩ đại**” của vương tộc «Maurya», trong lịch sử Ấn-độ (Bhāratta).

*Tiếp theo là công trình duy trì, truyền bá, và phát triển vượt bậc, của nhiều thế hệ **Tăng-Ni bác học**, đã diễn giải “A-tỳ-đạt-ma” hay Vi Diệu Pháp (**Abhidhamma**) một cách vừa «*trải nghiệm*» vừa «*uyên thâm*»..., nhất là bởi 2 Ngài **Buddhaghosa** (Phật Âm), thế kỷ thứ V, và **Anuruddha** (“A-na-luật”), thế kỷ thứ XI sau Tây lịch.

-TRẢI NGHIỆM và UYÊN THÂM ở đây ám chỉ “đó là giáo lý muôn đời của PHẨM GIẢI THOÁT, chứ không riêng được thốt ra từ kim khẩu của **Phật Thích-ca Mâu-ni**. (Sakya Muni Buddha). TRẢI NGHIỆM và UYÊN THÂM đến độ các tầng lớp Phật học sau này, có thể tưởng lầm rằng, «*giáo pháp ấy đã được những “Sa-môn ưu tú” của Phật giáo, “sáng tác” trong khoảng hơn 1000 năm sau Phật tịch*» (!)

<>Nói cách khác, “một số Phật ngôn” trong Tạng KINH (**Sutta pitaka**) và trong Tạng LUẬT (**Vinaya pitaka**), nếu “vào thời nguyên thủy” đã tỏ ra giản dị và dễ hiểu bao nhiêu (đối với các hạng túc trí), thì về sau trong “VI DIỆU PHÁP” (Abhidhamma), **những giáo lý ấy** lại trở thành **thâm thúy** và **tương đối khó học** bấy nhiêu, -nhất là đối với những “cá nhân” nào **tâm tư chưa thuyên giảm 3 lậu THAM SÂN SI**.

-Còn đối với những hiền giả (paṇḍita), hằng sống TỊNH HẠNH (brahmacariya), *TU DUY* cõi mở, thì trái lại NÓ (A-tỳ-đạt-ma) là ***một hệ thống Phật học tuyệt vời !***

<>Theo chúng tôi nghĩ, nghiên cứu “A-tỳ-đạt-ma” hay VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) chính là «*làm một cuộc khám phá thực tiễn, và trực tiếp hướng về THÂN TÂM (hay DANH SẮC) của con người*». -Nghĩa là mỗi cá nhân, khi học Vi Diệu Pháp thì giống như họ quay về ***tự tìm hiểu chính mình***.

-Vì từ đầu đến cuối, ***nội dung*** môn học này vốn chẳng đề cập đến cái gì khác, ngoại trừ đào sâu *một cách thanh tịnh và khách quan*, vào ***sinh hoạt tâm thức*** (citta=viññāna=maṇa=linh hồn) ***phối hợp với thể xác*** (rūpa), của mỗi cá nhân trong sự sống, xuyên qua “cộng nghiệp” và “biệt nghiệp”.

-Nghĩa là, học VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) để “***ngăn ngừa nhân ác***” (akusala hetu), và “***hóa giải quả xấu***” (akusala vipāka), đồng thời làm “***kích thích nhân thiện***” (kusala hetu) và “***phát triển hành động lành***” (kusala kamma), xuyên qua những chu kỳ luân hồi, nhất là “bình tĩnh đối phó” với THỰC TẠI (thuận hay nghịch), một cách sáng suốt và tích cực.

*Đó là nội dung 2 câu châm ngôn trong đạo Phật mà chúng ta thường nghe : “*Thánh nhân giải quyết cái NHÂN. Phàm tình giải quyết cái QUẢ*”.

<>Người *thật tâm noi gương Đức Phật*, và hiểu thấu VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), thì sẽ sống ở đời một cách thanh tịnh và can đảm, đầy đủ BI-TRÍ-DŨNG. Khi đối diện với phiền não, họ không bao giờ than phiền rằng “*tại sao mình phải gặp hoàn cảnh trở ngại như thế*”.

-Nói tóm lại, nhờ “thông hiểu” ***Vi Diệu Pháp*** (Abhidhamma) trong nhà Phật, mà một hiền giả luôn luôn biết cách ngăn chặn nhân xấu một cách “giải quyết từ nguồn gốc”, chứ không úy kỵ hậu quả, để bất mãn cuộc đời. Ấy là BI-TRÍ-DŨNG.

-VI DIỆU PHÁP = ABHIDHAMMA gồm những gì ?

-Đó là các ***CHÂN LÝ NHÂN SINH*** nằm trong 4 lãnh vực :

1/TÂM VƯƠNG (Citta), còn gọi là “***tinh thần***” (Maṇa),

2/TÂM SỞ (Cetasika), còn gọi là “***thức tánh***” (Viññāna),

3/SẮC PHÁP (Rūpa), còn gọi là “***sinh thân***” hay *thể xác hiện hoạt động* (kāya), và

4/NIỆT-BÀN (Nibbàna), còn gọi là “**sự giải thoát luân hồi**” hay *tuyệt tịnh, toàn xả, hết vướng mắc*, dứt sinh tử xung đột (saṃsāra vimutti).

<> Bốn “**lãnh vực**” này, nhà Phật gọi là “**chân đế**” (paramattha), khi nghe qua có vẻ giản dị, nhưng lúc học Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), chúng ta mới thấy NÓ rất phức tạp, khá khúc mắc, và nhiều khi khó hiểu... Nhưng mặt khác, NÓ ***lại rất chính xác, và sâu sắc vô cùng !***

-Do đó, nếu có thêm 1 số TÀI LIỆU «***nêu ra những kiến giải***», để tùy tiện soi sáng ***4 lãnh vực tuyệt vời*** ấy, một cách rộng hơn, thì quả thật là một đóng góp cần thiết, và rất đáng khuyến khích.

<> «**KIẾN GIẢI**» (samujjala vivaraṇa) cống hiến ở đây, không phải là những “***hiểu biết chủ quan***”, mà là sự chân thành chia sẻ «*chút công trình nghiên cứu và trải nghiệm khách quan, tương đối sâu sắc*» của một người có thiện tâm, từng trải qua khá nhiều năm kiên nhẫn học hỏi, thực hành, và sưu tầm những ***nguồn thư liệu Vi Diệu Pháp quý giá***, muốn thân tặng đến đồng đạo nói riêng, và nhân loại nói chung.

*Và lại, “KIẾN GIẢI A-TỶ-ĐẠT-MA” dù có được mạch lạc lẫn đầy đủ đến đâu, cũng không thể bảo đảm “***tính hoàn toàn***”, trong sự trình bày “GIÁO PHÁP VI DIỆU” (Abhidhamma) của

Đức Phật, -nhất là đòi hỏi sự «*chân thành soi sáng*» nhưng phải giữ tinh thần TRUNG ĐẠO (Majjhima patipadā), và KIẾN GIẢI *không được phép* tạo hiểu lầm cho người đọc.

-Xin nhắc lại, SỰ SOI SÁNG (ujjāḷana, joti) *những thắc mắc* nào, trong **A-tỳ-đạt-ma** (Abhidhamma) xưa nay chưa từng được thực hiện (đối với một số người, chứ không phải tất cả), ấy chính là **mục đích** khiêm nhường của chúng tôi.

-Và sự «**tháo gỡ các khúc mắc**» cũng tùy thuộc vào *nhân duyên* hiện tại với đạo Phật, và *căn cơ TRI THỨC* của từng người học hay đọc sách VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma).

*Nghĩa là nhờ **nhân duyên** (paccaya) và **tri thức** (ñāna) ấy, mà KIẾN GIẢI mới có thể được gọi là «hữu dụng».

<>Ngày xưa, khi nền văn minh nhân loại, chưa tiến xa, vào các lãnh vực **vật lý, hóa học**, và **cơ khí**, lúc ấy các *từ ngữ triết học*, ám chỉ “**tâm linh**” (citta) lẫn “**ý thức**” (maṇo) phối hợp với thể xác (rūpa), đã không được “hỗ trợ” bằng những *chứng minh KHOA HỌC*, thì.....TRIẾT HỌC “A-TỠ-ĐẠT-MA” (Abhidhamma=Vi diệu pháp) chỉ biết “*nhờ vào*” sự thông thái đặc biệt (ñāna), của những bậc học giả **chân tu**.

<>Nhưng ngày nay, xuyên qua nhiều ***quá trình chứng chận*** của THỰC NGHIỆM VẬT THỂ nói chung, và “***khoa học tâm linh***” nói riêng, hai nền VĂN HIẾN “***duy vật***” và “***duy tâm***” trong sự sống con người, có thể tương quan đồng bộ..., nên “***tinh thần***” nói chung, và “***tri thức***” nói riêng, không còn bị coi là 2 “chủ đề huyền bí” nữa.

<>Ngoài ra, nhìn lại các sách viết về VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) từ xưa đến nay, chúng ta đã không thấy SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) trong nhà Phật, được trình bày một cách cu thể và tương quan với VẬT CHẤT (từ ***vi mô*** đến ***vĩ mô***) trong KHOA HỌC VẬT LÝ như thế nào, nên xuyên qua tập KIẾN GIẢI này, chúng tôi phải cố gắng trình bày SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) nhiều hơn là **3 lãnh vực** kia, tức *Tâm vương* (citta), *Tâm sở* (cetasika), và *Niết-bàn* (nibbāna).

*Điều đáng tiếc, là không khéo đa số «tín hữu» lại cho rằng, “***sắc pháp trong nhà Phật***” chẳng liên quan gì đến “***vật chất phàm trần***” trong nền VĂN MINH nhân loại hiện tại. -Thậm chí có kẻ còn quan niệm một cách cứng ngắc rằng : “***Vật chất chỉ là đối tượng giả tạo***”. -Hay “VẬT CHẤT vốn không có thật”. -Những người ấy căn cứ vào tính vô thường, thay đổi, không ngừng (aniccā), để vội vã kết luận như thế.

-Họ quên rằng “**cái không có thật, thì lấy gì nó thay đổi ?**”.
Tính THAY ĐỔI của một VẬT (vô thường = aniccā) hằng
chứng tỏ “**NÓ quả có thật**” (atthi), hơn là qui nạp “**NÓ không
bao giờ có**” (natthi).

<>Đây chính là lý do “KIẾN GIẢI A-TỠ-ĐẠT-MA”
(Abhidhammassa samujjala vivaraṇa)) chú trọng rất nhiều đến
SẮC PHÁP (Rūpa dhamma). Đó là “môi trường nương nhờ
hằng CỐ” (vatthu) của **tâm vương** và **tâm sở**, cần làm cho “nổi
bật” để trình bày một cách soi sáng.

*Và ngoài phần SẮC PHÁP (rūpa dhamma) ra, chúng tôi cũng
xin công hiến đến quý độc giả, rằng có “**một số điểm**” khá **khác
biệt** được nêu lên trong KIẾN GIẢI, mà chưa thấy «gợi ý» trong
bộ sách giáo khoa “TRIẾT HỌC A-TỠ- ĐẠT-MA”
(Abhidhamma philosophy), gồm 2 cuốn do chúng tôi dịch.

Chẳng hạn như :

-Các chương từ I đến IV trong “**Kiến giải A-tỳ-đạt-ma**”
(Abhidhammassa samujjala vivaraṇa) thì tương đối giản dị,
nhưng chương V nói về **Chu trình tâm** (cittavīthi) trong “**Kiến
giải A-tỳ-đạt-ma**” thì trình bày nhiều chi tiết hơn, nên tương đối
có vẻ “**khúc mắc**” hơn.

-Chương VI : “**Bất định**” (aniyata) trong “**Kiến giải A-tỳ-đạt-ma**” chính là “*một bổ túc cần thiết*” do chúng tôi sưu tập rồi thêm vào. Quý vị không tìm thấy trong các sách “Vi Diệu Pháp” (Abhidhamma) khác.

-Chương VII : “**Tuyệt công**” (Abhiññā) trong “**Kiến giải A-tỳ-đạt-ma**” được diễn tả dưới dạng “*ẩn dụ TÂY DU KÝ*”.

-Từ chương VIII đến chương XI trong “**Kiến giải A-tỳ-đạt-ma**”, với cách trình bày ngắn gọn, có khi nêu chi tiết hơi dài dòng (dựa theo “Comprehensive Manual of Abhidhamma=C.M.A).

-Chương XII : “**Nói về Thanh Tịnh Đạo**” (Visuddhi magga) trong “**Kiến giải A-tỳ-đạt-ma**” (Abhidhamma), thì chúng tôi “*đề cao*” hạnh tu “thanh tịnh đầu đà” (dhutaṅga), đặc biệt là “*khuyến khích*” các “tu sĩ tại gia”.

-Riêng “PHỤ LỤC 1” tuy là một “**bài nói chuyện**”, đã được thực hiện ngoài khuôn khổ cuốn sách, nhưng chúng tôi cũng xin mạn phép cho vào đây, để làm “*tài liệu bổ sung*” cho THANH TỊNH ĐẠO (Visuddhi magga), dưới dạng phân tích một cách “*khuyến tu*” đến các hàng “Phật tử tại gia”.

*Sau cùng, chúng tôi thành tâm phát nguyện rằng, **Tập biên khảo** này chỉ xin làm *một viên gạch nhỏ*, nhiệt thành đóng góp

vào sự xây dựng nền tảng, của MÔN PHÂN TÍCH TÂM THỨC, hầu nâng đỡ sự hiểu biết về VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) trong nhà Phật.

<>Ngoài ra, “KIẾN GIẢI A-TỠ-ĐẠT-MA” (Abhidhammassa samujjala vivaraṇa) này còn là “soạn phẩm”, dành riêng cho những ai thích nghiên cứu môn Vi diệu pháp (Abhidhamma), mà không biết “Phạn văn”, hay chưa nắm vững “*thâm nghĩa*” trong thánh điển Pāḷi, ngôn ngữ bình dân mà Đức Phật đã dùng nói Pháp ngày xưa, đến mọi tầng lớp xã hội.

-Chúng tôi đã nghe không ít đạo hữu thổ lộ rằng, -muốn học “Triết lý A-tỳ-đạt-ma” (Abhidhamma), nhưng không rành “Phật ngữ” là một điều “thất thế” rất lớn. Hy vọng cuốn “KIẾN GIẢI” khiêm nhượng này, có thể giúp quý vị ấy vượt qua trở ngại đó. Mong thay !

Cư sĩ Tuệ Lạc (Paññanando)

(Ivry-sur-Seine, Pháp quốc. -Tháng 03/2019).



Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā Sambuddhassa.

Chương I

CITTA

KIẾN GIẢI VỀ CHỮ “**CITTA**”

-Tạm dịch : «NGUYÊN TÂM».

<>“CITTA” (Pālī), xin phép được chuyển ra quốc ngữ là “NGUYÊN TÂM” hay “TÂM VƯƠNG” (=Theo Hán Việt), có nghĩa là “*tâm biết cảnh một cách tự nhiên*”, hay TÂM “*phản chiếu thực trạng đầu tiên*” của mọi hiện tượng (dīṭṭhivisaya) nơi TRI THỨC (Viññāna), vận hành bên trong hay bên ngoài 5 giác quan (pañca dvāra).

-“NGUYÊN TÂM” (citta) có thể tạm ví dụ như “*tám gương hoàn toàn chưa lấm bụi*”. -NÓ tự nhiên có khả năng “nhận cảnh đúng”, hay ***phản chiếu không lệch***, tất cả sự vật nằm trong “*quang trường*” của NÓ.

-Nhưng “NGUYÊN TÂM” (Citta) ví như “**tấm gương hoàn toàn không bụi**” ấy, thì trong tam giới quả thật **quá hiếm**, hầu như chẳng bao giờ có, -nhất là trong **các cõi cấu kết nhân duyên cố hữu**, với 3 nguồn bụi vô cùng ô nhiễm, là **tham** (lobha) **sân** (dosa) **si** (moha).

-TÂM (citta) trong các cõi **sống và chết** ấy vốn đã bị dơ bẩn, bởi các lớp bụi trần, phủ lên, xâm nhập, đồng hóa...**nên đặc tính phản chiếu nguyên thủy** của nó đã hoàn toàn biến mất.

-NGUYÊN TÂM cũng gọi là “TÂM VƯƠNG”, khi đã bị ô nhiễm thì tự nhiên phải biến thành **một thứ tâm khác** (Añña citta), mà môn Vi diệu pháp (Abhidhamma) trong nhà Phật gọi ấy là TÂM QUẢ (Vipāka CITTA), hay “TÂM BẨM SINH”, chứa **quả thiện** lẫn **quả ác** từ các chu kỳ sống quá khứ, trước khi bước vào kiếp hiện tại. -Một **phàm nhân** khi sinh ra, thì đã **mang sẵn** cái TÂM quả hay **bẩm sinh** này rồi.

<>Và vì “BỊ Ô NHIỄM” (hay bị phủ bụi), nên “**khả năng phản ánh đúng cảnh vật**” của “NGUYÊN TÂM” (citta) trong người PHÀM, đã trở nên bạc nhược, phân tán. Sự BIẾT CẢNH (dassana) ấy của nó, luôn luôn **bị hạn chế, bị che mờ, bị thu hẹp**, và **bị thiên lệch**, nên không thể nào chính xác, hay không

thể nào khách quan. -Tóm lại, NÓ **hoàn toàn** nằm trong tình trạng **chấp thủ** (Upādāna), -và từ đó gọi là “tâm luân hồi”.

<>**Tâm luân hồi** (hay phàm tục) **này**, cũng có trường hợp gọi là TÂM VÔ NHÂN (Ahetuka citta) hay TÂM BẨM SINH. Gọi là **tâm vô nhân** (ahetuka citta)vì lúc chào đời các NHÂN TỐT (Kusala hetu) lẫn các NHÂN XẤU (Akusala hetu) “*di truyền từ kiếp trước*” bên trong nó, đều đã **rất yếu**, không thể vận hành bình thường được. -Còn gọi là “**tâm bẩm sinh**”, vì khi chào đời, NÓ là như thế. Ba NHÂN **tham sân si** chưa ảnh hưởng được.

-Nhân gian có câu nói “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” hay “*Trẻ con sơ sanh thì tính hiền lành*” phải chăng vì lý do này (?!).

-Nhưng sau đó, đứa bé do *nghiệp làm người* thúc đẩy, bắt đầu nhận sữa mẹ và lớn dần lên, thì 3 **TẬT tham-sân-si** “*ngủ yên*” trong tâm khảm sẽ tự nhiên «thức dậy», rồi tự “vận hành” và “củng cố”, để thao túng nơi ý thức (maṇoviññāna) con người....thì đó lại là **một chuyện khác**.

<>Trong VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), các “mẫu tâm tuy từ nguyên thủy (mūlabhūta) là cùng một loại, nhưng khi diễn đạt, thì chúng được dùng, để ám chỉ nhiều vận hành (kicca) riêng biệt, hay nhiều cá tính khác nhau”.

-Vì tình trạng “**nguyên danh**” (Mūlabhūta), gọi là “**tâm vương**” (Citta), “**tâm quả**” (Vipāka citta), hay **tâm vô nhân**” (Ahetuka citta), còn phải kết hợp với những “trình độ cao thấp khác nhau”, như **dục giới** (Kāma citta), **sắc giới** (Rūpa citta), và **vô sắc giới** (Arūpa citta)...., nên “*tính cách linh hoạt*” biến hóa chúng thành ra “khác loại”.

-Do đó, người học Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) cần phải “**nắm bắt**” tất cả ***những pháp hành của TÂM theo mỗi hoàn cảnh***, để không bị lẫn lộn, khi một loại tâm được nói đến, lại vừa ở chỗ này và vừa ở chỗ kia...với «2 vai trò» khác nhau.

-Nhất là học viên ***tuyệt đối không nên cố chấp, mắc dính vào từ ngữ***, văn tự chế định, tương đối.

<>KIẾN GIẢI SƠ LƯỢC VỀ TÂM

(CITTASANKHEPASSA UJJALA VIVARAṆA).

* Như trên đã nói, chữ “**Citta**” có thể tạm dịch là “NGUYÊN TÂM”, để ám chỉ “**tâm chân nguyên**”, hay “**tâm đơn thuần**”.

* Chữ “**Citta**” cũng có thể gọi là «TÂM VƯƠNG», để ám chỉ “**vai trò chỉ huy của nó**” (Maṇo), và “**nó có nhiều tùy tùng**”.

* Chữ “**Citta**” còn được xem là “***phản ảnh của tập khí cũ***” hay «TÂM QUẢ» (vipāka), để ám chỉ ***tập tính bẩm sinh***, nguồn gốc của những cung cách tự nhiên trong kiếp này, không bị ảnh hưởng bởi ***tham-sân-si***. -Đây là trường hợp “**Citta**” được dịch ra là “TÂM VÔ NHÂN” (Aheuka citta).

* Mặt khác, chữ “**Citta**” cũng “chuyên chở” cái nghĩa của «THỨC TÁNH» (Viññāna), vì khả năng chính của TÂM (citt) là BIẾT (Vijjati).

CÁC LOẠI TÂM (CITTA SAṄGAHA).

<>Theo Phật giáo, ***mỗi hành động*** (kamma), nhỏ hay lớn của ***con người***, bộc lộ ra ngoài, hay còn ngấm ngấm bên trong, thì luôn luôn được “vận hành” bởi 1 loại tâm ***thiện*** (kusala), ác (akusala), hay ***trung tính*** (abyākata).

-Trong người phàm (Puthujjhana) thì ***hành vi*** phải được “thúc đẩy” bởi 1 trong 2 loại tâm, thường được gọi là :

A- Tâm **hữu nhân** (Sahetuka citta), gồm sự ***phối hợp*** với 6 ***nhân*** (hay 6 khuynh hướng) ***xấu*** hoặc ***tốt***, gồm 1/***tham*** (lobha),

2/**sân** (dosa), 3/**si** (moha), và 4/**vô tham** (alobha), 5/**vô sân** (adosa), 6/**vô si** (amoha).

B- **Tâm vô nhân** (Ahetuka citta), còn gọi là **tâm quả** (Vipāka citta), tức là **tâm nhiễm đũ** những **tánh và tật kiếp trước**, hay cũng gọi là **tâm bầm sinh** trong kiếp này.

<> Nhưng **hành vi** của một **Thánh nhân** (Ariya puggala), thì được bộc lộ bởi **một loại tâm khác**, mà ấy là **tâm duy tác** (Kiriya citta), tương đương với **tâm trung tính** (abyākata). -Tức là TÂM (citta) tuy làm ra hành động, và tự nó không dính mắc, vô hiệu lực, **không trở quả**.

<> **Tâm duy tác** (Kiriya citta) cũng có thể gọi là “**tâm vô ký**” (abyākata), không vương **chấp thiện** hay **chấp ác**, tức là **tâm đã đa phần xả bỏ** mọi cấu kết, hay **toàn xả** (upekkhā) mọi lậu hoặc hay phiền não (āsava, kilesa).

<> Một số sách A-tỳ-đạt-ma (Abhidhamma pakaraṇa) cũng xem “**tâm duy tác**” (Kiriya citta), **tâm quả** (vipāka citta), và **tâm bầm sinh** (kamma citta), là 3 loại tâm tương đương. -Ví dụ :

“Sự nháy mắt tự nhiên của một động vật có “nhãn căn” (cakkuṇḍriya) nói chung, và của loài người nói riêng, là do **vận**

hành của “tâm bảm sinh” hay “tâm nhãn thức duy tác” (cakkhundriya-kiriyacitta).

-Như trên đã nói, **tâm bảm sinh** chính là “tâm nguyên bản chất” trong kiếp sống hiện tại của tất cả chúng sanh. Các cung cách, các oai nghi, hay phong độ riêng biệt của mỗi cá nhân, là do vận hành của tâm này. Nó là loại **tâm tạo ra hành động**, nhưng **không trở hậu quả** ở cửa ý.

-Còn “**tâm quả**” (vipāka citta) thì ám chỉ đó là QUẢ CỦA NGHIỆP QUÁ KHỨ’ (atīta kammassa vipāka), nên chính NÓ trong hiện tại **không thể đóng vai trò khác**.

NÓI VỀ **TÂM** (Citta) VÀ **CẢNH GIỚI** (Bhūmi)

<>Liên quan đến “CẢNH GIỚI” (Bhūmi) hay “CỖI ĐỂ TÂM SINH HOẠT” (Loka), thì Vi diệu pháp (Abhidhamma) trong Phật học, đã nêu ra **các trình độ tâm** (tương ứng với đối tượng), chúng ta có thể “**kiến giải**” (ujjala vivaraṇa) như sau :

I/Tâm DỤC GIỚI (Kāmāvacara citta)

*TÂM DỤC GIỚI là loại tâm **thấp xấu** và **phức tạp nhất**. -Chữ “KĀMAVACARA” có nghĩa là “**chạy theo ham muốn**”, “**vọng động không ngừng**”, “**khao khát liên tục**”, “**đòi hỏi vô đáy**”....

-TÂM loại này hằng làm cho “**thức tánh**” (Citta-viññāna) của sinh linh *bất an, mỗi mết, phân tán, phóng túng, tầm tới...trôi lăn trong bất thiện*, và sẽ rơi vào **4 cảnh sa đọa**, là **địa ngục** (niraya), **ngạ quỷ** (peta), **súc sinh** (āpāya), và **a-tu-la** (asura). Bốn cảnh thấp thỏi này tiếp cận bên dưới, hay tạm xem là “ngang hang” với thế giới loài người.

II/Tâm SẮC GIỚI (Rūpavacara citta).

*TÂM SẮC GIỚI (rūpavacara citta) là loại tâm có *khả năng ổn định* (*Bhāvanā*). -Nói cách khác, đây là **tâm THIỀN** (Jhāna citta), hay *tâm hướng đến SỰ QUÂN BÌNH*, hay *AN TRÚ* vào *một đề mục thanh tịnh* (*kammaṭṭhāna*).

-Những hạng người có chủng tử **LÀNH MẠNH** trong tâm, ít *tham sân si* (lobha dosa moha), biết **hổ thẹn** và **ghê sợ tội lỗi** (hiri & ottappa), thích sống với **giới hạnh** và hành động **HƯỚNG THIỀN** (kusala kammanta), thì thường dùng một *đối tượng cụ thể* hay “*sắc vật*” (rūpa), để làm “*đề mục tu thiền*” (kammaṭṭhāna), thường xuyên an tịnh tâm tư.

-Nếu họ hành đạo thành công, thì trong lúc *an trú tâm vào thiền pháp* (appanā), tâm thức của họ trở thành **TÂM SẮC GIỚI** (Rūpa citta), -hay **TÂM** của một “**tịnh hạnh nhân**” thanh tịnh (brahmacariya).

-Rồi cuối đời, sau khi nhắm mắt, “thức tánh” (citta-viññāna) của họ có thể tái sinh lên cõi trời hữu sắc (Rūpa deva loka).

III/Tâm VÔ SẮC GIỚI (Arūpa citta)

*TÂM VÔ SẮC (arūpa citta) là TÂM thanh cao hơn..... -Khi hành giả đạt được tâm thiên hữu sắc rồi, nhưng họ không mắc dính, không ý lại, không ngã mạn, vẫn tinh tấn hành đạo, thì “**đề mục bằng sắc vật trong thiên pháp của họ**”, sẽ tự xóa biên giới, không còn biểu lộ hình thức hạn chế nữa.

-Đó là “khái niệm” (paññatti). Và NÓ được thiên pháp (Jhānadharmā) mở toang lẫn mức, trước mọi “hình thức hữu hạn”, chẳng bị đóng khung bởi không gian và thời gian nữa. TÂM ấy biến thành tâm VÔ BIÊN, -gọi là “Tâm thiên VÔ SẮC” (Arūpajjhānacitta).

Nghĩa là :

-Khi “**thiên cảnh**” lẫn “**tâm cảnh**” đã “vượt thắng” tuyệt vời như thế, thì theo sách «Thanh Tịnh Đạo» (Visuddhimagga pakaraṇa), đó là «GIAI ĐOẠN THUẬN THỨ» (Anuloma), tức là «*tâm đã bắt đầu **buông cảnh**, để tự thích ứng và thăng hoa theo “không cảnh”, hay **chứng đắc**...».*

-Nhưng với một «**phẩm cách vô cùng ảo diệu**», hành giả ở trình độ này luôn luôn cảm thấy «*ý thức trống không, chẳng có ấn tượng hoang mang, đối với không gian, đối với thời gian, đối với tâm, và đối với cảnh*». Hành giả cứ tiếp tục khinh an hành đạo, thì sự «chứng đắc» GIẢI THOÁT (nibbāti) **vượt lên thân tâm mình** sẽ phát sinh.

IV/Tâm SIÊU THỂ (Lokuttara citta)

-Khi hành giả nhận thức «THÂN TÂM» (kāya-citta) của mình chỉ là **ngũ uẩn**» (Pañca khandhā), chỉ là «**danh sắc**» (Nāma-rūpa), luôn luôn thay đổi, xung đột, và hoàn diệt, thì phẩm cách chứng đắc đó **thiền học** gọi là **minh sát** trong **định tâm** (Ekaggatassa vipassanā citta), hay gọi đó là **tuệ lực vượt thắng**, thấy rõ «**3 pháp giải thoát**» là :

1/VÔ THƯỜNG (aniccā), vạn vật thay đổi liên tục.

2/KHỔ (dukkhā), thân tâm *luân hồi sinh diệt*, thì **chịu đựng cả thuận** (mānāpa) **lẫn nghịch** (amānāpa).

3/VÔ NGÃ (anattā), «*cái ta*» trong ngũ uẩn chẳng bao giờ tồn tại thật, vì cuối cùng luôn luôn là «không».

-Cái «**ta giả dối**» trong ngũ uẩn ấy, vốn là «sản phẩm» của **10 sợi dây cột trời** rất nguy hiểm, hay KIẾT SỬ (samyojana), hằng «*tạo dáng*» cho mỗi sinh linh, vướng vào vô số vòng sinh tử luân hồi, -mà **3 sợi dây đầu** là :

a/THÂN KIẾN (sakkāyadiṭṭhi),

b/HOÀI NGHI (vicikicchā), và

c/GIỚI CẤM THỦ (sīlabbataparāmāso).

-Nhưng 3 pháp giải thoát GIỚI ĐỊNH TUỆ sẽ «vô hiệu hóa» ảnh hưởng của vô thường (aniccā), chịu đựng xung đột khổ (dukkhā), và vô ngã (anattā) nói trên, và sẽ đoạn trừ 3 sợi dây nguy hiểm này, để đưa tâm linh hành giả đến giác ngộ, nhập vào một «*trạng thái tự do thanh tịnh*», gọi là **Thánh Lưu** Tu-đà-hườn (Sotāpanna).

*Ba chữ «**Tu-đà-hườn**» ám chỉ bậc Thánh chỉ còn tái sinh làm «*người có tướng hảo quang minh*» tối đa là 7 lần nữa, thì sẽ được giải thoát. Tu-đà-hườn (Sotāpanno) là «*bước đầu bảo đảm*» chấm dứt sự kéo dài sinh tử luân hồi đến vô tận (saṃsāra).

-Vì sau phẩm thánh này, chỉ còn 3 phẩm thánh nữa, sẽ đưa «hành giả» đến cứu cánh Niết-bàn (Nibbāna).

-Đó là :

Tu-đà-hàm* (Sakadāgāmi) hay Thánh *Nhất lai*, tái sinh làm **người lành chỉ 1 lần.

**A-na-hàm* (Ānāgāmi) hay Thánh *Bất lai*, không tái sinh làm người nữa, và...

**A-la-hán* (Arahatta) hay Thánh *dứt tham sân si*, hết sinh tử luân hồi, sau khi chết.

<> Theo tạng VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma piṭaka), thì 3 phẩm thánh vừa nêu, sẽ giúp bậc Tu-đà-hườn (Sotāpanno) **làm yếu đi** và cuối cùng **diệt tận** một cách chắc chắn, 7 sợi dây phiền não luân hồi còn lại, hăng cột trói một chúng sinh vào bánh xe sinh tử luân hồi.

-Nếu tính với 3 sợi dây đầu, thì 7 sợi dây được kể tiếp theo là :

4/Tham dục (Kāma taṇhā, abhiññhā),

5/Ác ý, sân hận (Abyāpāda),

6/Ái hữu sắc (Rūpa taṇhā),

7/Ái vô sắc (Arūpa taṇhā),

8/Ngã mạn (Māṇa),

9/Trạo cử (Uddhacca), hay phóng tâm, và

10/Vô minh (Avijjā).

<>Tóm lại, Tâm SIÊU THỂ (Lokuttara citta) là **tâm của Thánh nhân** (ariya purisa), kể từ **Tu-đà-hườn** (Sotāpanno) trở lên, mỗi bậc có «**2 phẩm chứng đắc**», là ĐẠO (Maggā) và QUẢ (Phala). Tổng cộng **4 cặp phẩm tánh chứng đắc**, thì tổng cộng có 8 thánh tâm tất cả, như sau :

*Một Thánh tâm **Tu-đà-hườn ĐẠO** (Sotāpanna maggacitta), song song với một Thánh tâm **Tu-đà-hườn QUẢ** (Sotāpanna phalacitta).

*Một Thánh tâm **Tu-đà-hàm ĐẠO** (Sakadāgāmi maggacitta), song song với một Thánh tâm **Tu-đà-hàm QUẢ** (Sakadāgāmi phalacitta).

*Một Thánh tâm **A-na-hàm ĐẠO** (Ānāgāmi maggacitta), song song với một Thánh tâm **A-na-hàm QUẢ** (Ānāgāmi phalacitta).
Và...

*Một Thánh tâm **A-la-hán ĐẠO** (Arahatta maggacitta), song song với một Thánh tâm **A-la-hán QUẢ** (Arahatta phalacitta).

<>Nhưng nếu đem **8 Thánh tâm** ấy kết hợp với **5 chi thiền sắc giới**, nghĩa là nhân với tích số 5, thì chúng ta sẽ có 40 Thánh

tâm thiền, khi các Ngài *còn sống* và *nhập vào trong hữu sắc thiền* (Rūpajjhāna).

«BẢN SẮC» CỦA CITTA hay CỦA TÂM

<>«BẢN SẮC» (pakati) của «CITTA» hay của «TÂM» là một điều rất khó «kiến giải» hoàn hảo. Vì «CITTA» hay «TÂM» khi còn «lăn trôi theo bánh xe sinh tử luân hồi», tự nó có một *bản sắc ĐIỆN TỬ*» vừa hài lòng vừa bất mãn, vừa sáng vừa tối, vừa tĩnh vừa động, vừa thanh cao vừa ô trược, vừa nhanh vừa chậm, -hỗn tính.

<>Nói một cách «cụ thể», BẢN SẮC (pakati) của CITTA hay của TÂM khi *phối hợp với thân* (kāya) thì hằng biểu lộ trên 3 phương diện vận hành :

A-Cảm giác sinh tồn (VEDANĀ), thuộc về THÂN NGHIỆP,

B-Hiểu biết hoàn cảnh (ÑĀṆĀ), thuộc về TÂM NGHIỆP,

C-Động lực phát tác (JAVANA), thuộc về BIỆT NGHIỆP (asādhāraṇa) và CỘNG NGHIỆP (gaṇībhūta).

A-CẢM GIÁC SINH TỒN (VEDANĀ) thì có 5 :

1/*Thuận với tâm*, gọi là HỖ, hài lòng (SOMAṆA),

2/**Nghịch với tâm**, gọi là UÙ, bất mãn (DOMAṆA),

3/**Thuận với thân**, gọi là LẠC, dễ chịu (SUKHA),

4/**Nghịch với thân**, gọi là KHỔ, khó chịu (DUKKHA), và

5/**Lạ với thân tâm**, gọi là XẢ, dửng dưng (UPEKKHĀ).

<>NĂM CẢM GIÁC (Vedanā) này, nếu nói «*giản dị*» thì chỉ có 3, là “**thuận**” (mānāpa), “**nghịch**” (amānāpa), và “**trung tính**” (abyākata), hay “xa lạ” (vô phản ứng).

B-HIỂU BIẾT HOÀN CẢNH (ÑĀṆĀ) thì có 2 :

1/Thông suốt, thì Ý biết (ÑĀNA SAMPAYUTTA).

2/Bất thông, thì Ý không biết (ÑĀNA VIPPAYUTTA).

C-NĂNG LỰC (BALA) cũng có 2 :

1/**Đủ đồng lực phát tác**, tự động làm, thì gọi là **vô trợ** (ASAṆKHĀRIKA).

2/**Thiếu đồng lực phát tác**, làm bởi kích thích, thì gọi là **hữu trợ** (SASAṆKHĀRIKA).

<>**Bản sắc** (pakati) ấy cũng chính là «**phẩm cách THIỆN**» (kusala) hay «**phẩm cách ÁC**» (akusala) của Tâm (CITTA), trong một con người.

-Nếu mỗi chúng ta tự KIẾN GIẢI (=soi sáng) cho mình, sẽ **nghiệm thấy** rằng, **phẩm cách thiện** (kusala) hay **phẩm cách ác** (akusala) chính là «**nội dung**» của NGHIỆP, do TÂM (citta) và THÂN (kaya) tương tác.

-Và «NỘI DUNG» ấy chứa tất cả «**khả năng thành Phật**» cũng như chứa nhiều «**khả năng thành ma, thành quỷ**», mà một con người nói riêng, hay chúng sanh nói chung...phải có.

<>Như vậy, mục đích của KIẾN GIẢI A-tỳ-đàm (Abhidhammassa ujjala vivaraṇa), là giúp chúng ta «nhận diện», không những các «MẪU TÂM» **thiện, ác, trung tính, kết quả, duy tác** hay **vô ký**...v...v... -mà NÓ còn giúp cho chúng ta nắm bắt các «ý nghĩa tương đương», bao gồm từng CĂN NHÂN (Hetundriya) trong BẢN SẮC của TÂM (Cittapakati).

-Theo A-tỳ-đạt-ma (Abhidhamma), các **căn nhân** (Hetundriya) ấy là THAM (Lobha), SÂN (Dosa), SI (Moha), VÔ THAM (Alobha), VÔ SÂN (Adosa), và VÔ SI (Amoha). Đó là «sáu yếu tố» vừa đóng vai «**nguồn gốc**», vừa đóng vai «**vật liệu nuôi dưỡng**» của toàn thể TÂM THỨC (Citta), **thiện** cũng như **ác**, trong «bộ máy luân hồi» (Saṃsāra).

<>Nói tóm lại, BẢN SẮC của TÂM (Cittapakati) vốn «bất định» (aniyata), vì có đến **6 cấu tố pha trộn** (-ví như «hỗn kim»

trong lòng đất), là **3 căn nhân thiện** (ti kusala mūlāni) và **3 căn nhân bất thiện** (ti akusala mūlāni).

-Nếu muốn được **vàng nguyên chất**, chúng ta phải thanh lọc «hỗn kim» như thế nào, thì một «hành giả» trong đạo Phật cầu «giải thoát khổ vui», cũng cần **thanh lọc thân tâm** để trở thành **Thánh nhân** như thế ấy.

Nghĩa là tu tập để :

***Tiêu trừ 3 căn nhân BÁT THIÊN (tham, sân, si) nhờ vào tam học, GIỚI (Sīla), ĐỊNH (Samādhi), TUỆ (Paññā). Và...**

***Hóa giải 3 căn nhân THIÊN (vô tham, vô sân, vô si) bởi các pháp TÒAN XẢ BA-LA-MẬT (Upekkhā pāramatṭha pāramī).**

KÊ KHAI TÂM THỨC (CITTA SAṄGAHA)

A-Trong DỤC GIỚI (kāṃāvacara bhūmi)

-Có 54 mẫu tâm thuộc loại vọng động, gồm :

***12 TÂM hữu nhân bất thiện** (saṃhetuka akusala citta) với **3 căn sa đọa** (ti āpāya mūlāni), là 8 tâm có nhân THAM (lobha), 2 tâm có nhân SÂN (dosa), và 2 tâm có nhân SI (moha).

<>8 **mẫu tâm có NHÂN THAM** (lobha hetu), qua 3 **phương diện bản sắc, CẢM GIÁC, Ý THỨC**, và **ĐỒNG LỰC** :

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ HỖ (somaṇa), **có hiểu biết**, đủ sức hành động (**vô trợ**=asaṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ HỖ (somaṇa), **có hiểu biết**, hành động do thúc đẩy (**hữu trợ**=saṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ HỖ (somaṇa), **không hiểu biết**, đủ sức hành động (**vô trợ**=asaṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ HỖ (somaṇa), **không hiểu biết**, hành động do thúc đẩy (**hữu trợ**=saṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ XẢ (upekkhā), **có hiểu biết**, đủ sức hành động (**vô trợ**=asaṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ XẢ (upekkhā), **có hiểu biết**, hành động do thúc đẩy (**hữu trợ**=saṅkhārika).

-1 *tâm tham* lobha hetu) thọ XẢ (upekkhā), **không hiểu biết**, đủ sức hành động (**vô trợ**=asaṅkhārika).

-1 *tâm tham* (lobha hetu) thọ XẢ (upekkhā), **không hiểu biết**, hành động do thúc đẩy (**hữu trợ**=saṅkhārika).

<>2 **mẫu tâm có NHÂN SÂN** (dosa hetu), qua 3 **phương diện bản sắc, CẢM THỌ, Ý THỨC**, và **ĐỒNG LỰC** :

-1 tâm sân (dosa) thọ UU (domaṇa), với ý thức **giận hờn** (paṭigha), đủ sức hành động (**vô trợ**=asaṅkhārika).

-1 tâm sân (dosa) thọ UU (domaṇa), với ý thức **giận hờn** (paṭigha) hành động do sự thúc đẩy (**hữu trợ**=saṅkhārika).

<>2 **mẫu tâm có NHÂN SI** (moha hetu), qua 3 **phương diện bản sắc, CẢM THỌ, Ý THỨC**, và **ĐỒNG LỰC** :

-1 tâm si (moha) thọ XẢ hay dửng dưng (upekkha), **không hiểu biết** (ñāna vippayutta), hành động trong nghi ngờ (vicikicchā).

-1 tâm si (moha) thọ XẢ hay dửng dưng (upekkhā), **không hiểu biết** (ñāna vippayutta), hành động trong lơ đãng, phóng dật (uddhacca).

***18** MẪU TÂM **vô nhân** (ahetuka citta), hay «**mẫu tâm quả**» (vipāka citta), cũng gọi là “**mẫu tâm bẩm sinh**”, với 7 **BẤT THIÊN** (akusala), 8 **THIỆN** (kusala), 3 **DUY TÁC** (kiriya), có thể viết ra như sau :

<> **7 mẫu tâm vô nhân bất thiện** (akusala vipāka) hay **7 mẫu tâm quả bất thiện**, là những “**mẫu tâm bảm sinh**” hằng hiện hữu từ khi chào đời, nơi mỗi con người.

-Trong đó, có **4 mẫu tâm** hoạt động một cách tho XẢ (upekkhā vedanā) nơi 4 giác quan (**mắt, tai, mũi, lưỡi**), để *thấy, nghe, ngửi, nếm* một cách tự nhiên, -và có **2 mẫu tâm** cũng tho XẢ, vận hành nơi ý thức, để **tiếp thu** và **suy đạt**. Nhưng **1 mẫu tâm** trong số ấy gọi là “thân thức”, vận hành nơi **làn da** (=xúc giác) thì “câu hữu trực tiếp” với thọ **KHỔ** (=dukkha) khi “va chạm”.
-Vì “bản sắc” nó là **BẤT THIỆN** !

<> **8 mẫu tâm vô nhân thiện** hay **8 mẫu tâm quả thiện** tiếp theo, cũng có thể gọi là những **mẫu tâm bảm sinh**, thì có thể trình bày gần giống như 7 mẫu tâm quả nêu trên. Nhưng nếu so sánh, thì chúng ta thấy có khác chút ít, như sau :

-Trong **8 tâm quả thiện** (kusala vipāka) đó, có **4 mẫu tâm** hoạt động với tho XẢ (upekkhā vedanā) nơi 4 giác quan (**mắt, tai, mũi, lưỡi**), để *thấy, nghe, ngửi, nếm* một cách vô tư. Nhưng **1 mẫu tâm** liên quan đến **thân** (=xúc giác hay làn da) thì “vận hành” với thọ **LẠC** (=sukha) khi “va chạm”. -Còn 2 **tâm tiếp thu** (sampaticchana) và **suy đạt** (santīraṇa) thì cũng tho XẢ, lại

vận hành nơi *ý thức*. -Riêng trong sự ***suy đạt*** thì có thêm 1 *mẫu tâm quả* là ***suy đạt thọ HỖ*** (somanassa). -Vì đó là ***quả thiện*** !

<>3 *mẫu tâm vô nhân sau cùng* gọi là ***duy tác*** (kiriya), thì cũng vận hành với thọ XẢ (Vedanā upekkhā) và thọ HỖ (Vedanā somanassa), gồm các *mẫu tâm quả* (vipākacitta) sau đây :

*1 mẫu tâm *hướng ngũ môn* (pañcadvāra āvajjana) vận hành với thọ XẢ (upekkhā sahagata),

*1 mẫu tâm *hướng ý môn* (manodvāravajjana), vận hành với thọ XẢ (upekkhā sahagata),

*1 mẫu tâm *làm nụ cười* (hasituppāda citta), vận hành với thọ HỖ (somanassa sahagata).

<>Tiếp theo là các MẪU TÂM DỤC GIỚI (kāṃāvacara) cao hơn, còn gọi là “tịnh quang” (sobhana), gồm **24** MẪU TÂM ***hữu nhân*** (saṃhetuka citta), được chia làm 3 nhóm là THIÊN (kusala), QUẢ (vipāka), và DUY TÁC (kiriya).

a/Hữu nhân THIÊN dục giới (saṃhetuka kāṃāvacara kusala) :

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa saḥagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa saḥagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM THIỆN (kusala citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

b/Hữu nhân QUẢ dục giới (saṁhetuka kāmāvacara vipāka) :

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**”

(ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XÁ** (upekkhā saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XÁ** (upekkhā saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XÁ** (upekkhā saḥagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM QUẢ (vipāka citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XÁ** (upekkhā saḥagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

c/Hữu nhân DUY TÁC dục giới (saḥetuka kāmāvacara kiriya), cũng có 8 mẫu tâm là :

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa saḥagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **HỖ** (somanassa sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā sahagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā sahagata), **có hiểu biết** hay “**hợp trí**” (ñāna sampayutta), hành động do thúc đẩy (asaṅkhārika=hữu trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ **XẢ** (upekkhā sahagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñāna vippayutta), đủ đồng lực hành động (asaṅkhārika=vô trợ).

-1 MÃU TÂM DUY TÁC (kiriya citta) tạo nghiệp (kamma) với thọ *XẢ* (upekkhā saḥagata), **không hiểu biết** hay “**ly trí**” (ñānavippayutta), nhưng hành động do thúc đẩy (saṅkhārika=hữu trợ).

B-Trong SẮC GIỚI (rūpa bhūmi).

-Có 15 mẫu tâm an trú sắc pháp, gồm :

*5 MÃU TÂM **thiền sắc giới THIÊN** (rūpa kusalaññhāna), gồm **đệ nhất thiền** (paṭhamaññhāna), **đệ nhị thiền** (dutiyaññhāna), **đệ tam thiền** (tatiyaññhāna), **đệ tứ thiền** (catutthaññhāna), **đệ ngũ thiền** (pañcamaññhāna).

*5 MÃU TÂM **thiền sắc giới QUẢ** (rūpa vipākaññhāna), gồm **đệ nhất thiền** (paṭhamaññhāna), **đệ nhị thiền** (dutiyaññhāna), **đệ tam thiền** (tatiyaññhāna), **đệ tứ thiền** (catutthaññhāna), **đệ ngũ thiền** (pañcamaññhāna).

*5 MÃU TÂM **thiền sắc giới DUY TÁC** (rūpa kiriyaññhāna), gồm **đệ nhất thiền** (paṭhamaññhāna), **đệ nhị thiền** (dutiyaññhāna), **đệ tam thiền** (tatiyaññhāna), **đệ tứ thiền** (catutthaññhāna), **đệ ngũ thiền** (pañcamaññhāna).

C-Trong VÔ SẮC GIỚI (arūpa bhūmi).

-Có 12 mẫu tâm an trú vô biên, là :

4 MÃU TÂM *thiền vô sắc giới THIÊN (arūpa kusalajjhāna), gồm ***đệ nhất thiền KHÔNG VÔ BIÊN XÚ*** (ākāsānañcāyatana paṭhamajjhāna), ***đệ nhị thiền THỨC VÔ BIÊN XÚ*** (viññānañcāyatana dutiyajjhāna), ***đệ tam thiền VÔ SỞ HỮU XÚ*** (ākiñcaññāyatana tatiyajjhāna), ***đệ tứ thiền PHI TUỞNG PHI PHI TUỞNG XÚ*** (nevasaññā nāsaññāyatana catutthajjhāna).

4 MÃU TÂM *thiền vô sắc giới QUẢ (arūpa vipākajjhāna), gồm ***đệ nhất thiền KHÔNG VÔ BIÊN XÚ*** (ākāsānañcāyatana paṭhamajjhāna), ***đệ nhị thiền THỨC VÔ BIÊN XÚ*** (viññānañcāyatana dutiyajjhāna), ***đệ tam thiền VÔ SỞ HỮU XÚ*** (ākiñcaññāyatana tatiyajjhāna), ***đệ tứ thiền PHI TUỞNG PHI PHI TUỞNG XÚ*** (nevasaññā nāsaññāyatana catutthajjhāna).

4 MÃU TÂM *thiền vô sắc giới DUY TÁC (arūpa kiriyaajjhāna), gồm ***đệ nhất thiền KHÔNG VÔ BIÊN XÚ*** (ākāsānañcāyatana paṭhamajjhāna), ***đệ nhị thiền THỨC VÔ BIÊN XÚ*** (viññānañcāyatana dutiyajjhāna), ***đệ tam thiền VÔ SỞ HỮU XÚ*** (ākiñcaññāyatana tatiyajjhāna), ***đệ tứ thiền PHI TUỞNG PHI PHI TUỞNG XÚ*** (nevasaññā nāsaññāyatana catutthajjhāna).

D-Trong SIÊU THỂ GIỚI (lokuttara bhūmi), có 8 **mẫu tâm thánh** :

- 1/Tu-đà-hườn đạo (sotāpatti maggacitta),
- 2/Tu-đà-hườn quả (sotāpatti phalacitta),
- 3/Tư-đà-hàm đạo (sakadāgāmi magga citta),
- 4/Tư-đà-hàm quả (sakadāgāmi phalacitta),
- 5/A-na-hàm đạo (ānāgāmi maggacitta),
- 6/A-na-hàm quả (ānāgāmi phalacitta)
- 7/A-la-hán đạo (arahatta maggacitta), và
- 8/A-la-hán quả (arahatta phalcitta).

<>Nhưng sau khi chứng đắc đạo quả, mà chư Thánh chưa hết tuổi thọ, thì các Ngài vẫn ***sống thanh tịnh với thân thể bình thường trên cõi người***, thì 8 loại Thánh tâm của các Ngài, vẫn hằng ngày nhập vào và an trú trong 5 *bậc thiền hữu sắc* (pañca rūpajjhānāni), như đã nêu trên đây.

<>Do đó, số ***thiền tâm SIÊU THỂ*** của chư Thánh sẽ 40 thay vì chỉ có 8, theo bài toán $5 \times 8 = 40$.

<>NÓI VỀ VỀ **QUẢ THIỀN** :

*TU THIỀN (bhāvanā) là một pháp hành rất «**huyền diệu**».

-Phẩm cách HUYỀN DIỆU ấy trong chiều sâu, có thể ví như «1 con dao 2 lưỡi», hay đúng hơn như «1 luồng sáng 2 chiều».

-Một chiều nó **soi xuyên thấu** vật chất thuộc về bên ngoài, làm cho hành giả rất thích thú, vì thấy được những điều «thần bí».

-Một chiều nó **vô ngại soi ngược** vào bên trong (thân tâm), để làm cho hành giả THẤY chính mình và vạn vật HOÀN KHÔNG (Suññatā). -Rồi «tâm linh» (citta) của hành giả sẽ hướng đến «**phẩm siêu thế**», giải thoát, tháo gỡ tất cả những mắc dính, ràng buộc nơi thân tâm, từ thô kệch đến vi tế.

-Vì vậy :

* **5 bậc thiền hữu sắc** (5 rūpajhānāni) khi được thành tựu trong một hành giả không phải là Thánh nhân, thì nó có thể làm cho người ấy đạt khả năng phi thường, gọi là «**thần thông**» (abhiññā), biểu diễn được một số phép lạ, -nhưng sau đó không khéo họ sẽ rơi vào vương mắc, sa đọa.

*Còn đối với Thánh nhân, **5 bậc thiền hữu sắc** ấy, sau khi đã chứng đắc vững chắc, thì «**thần thông**» chính là «**mạch nguồn**» của TUỆ GIÁC (paññindriya), hay của MINH SÁT (vipassanā

bhāvanā), và là nền tảng «nuôi dưỡng» **4 bậc thiền vô sắc**, để tiếp theo *kết tinh* thành TRÍ BÁC-NHÃ (PRAJÑĀ=PAÑÑĀ).

*TRÍ BÁC-NHÃ này luôn luôn hóa giải sự CHẤP HỮU (Upādāna), và không tạo «*duyên khởi*» để thành lập các «*hiện tượng hợp tan*», hay các UẨN (khandha) nữa.

-Nghĩa là NÓ vừa *không tạo* NGÃ (Anatta), vừa *CHẮNG* tuyệt diệt. TRÍ BÁC-NHÃ (Prajña) tương đương với ánh sáng TOÀN XÁ, để biến «*giác linh*» của một «phạm hạnh nhân» có *nguyện lực BỒ-TÁT* (Bodhisattvā) thành PHẬT (Buddha).

<>Nói tóm lại, TRÍ BÁC-NHÃ (Prajña=Paññā) không phải là «*khả năng kỳ diệu*» để đưa một chúng sanh, dù «*dày công phu hành đạo đến đâu*» đến một CẢNH GIỚI HƯỞNG THỤ.

-Vì «*cảnh giới hưởng thụ*» thì luôn luôn có điều kiện, hữu hạn, và dẫn tới «*tận phúc đức*» trong tương lai. Và khi «*hết phước*» thì sa đọa, luân hồi...là một điều khó tránh !



Chương II

CETASIKA tạm dịch là TÂM SỞ

«KIẾN GIẢI» VỀ CHỮ «**CETASIKA**».

<> Từ ngữ chuyên biệt Pāḷi «CETASIKA» trong các sách A-TỀ-ĐẠT-MA (Abhidhamma = Vi diệu pháp) ngày nay, được một số các nhà học Phật dịch ra «hán việt» là «**TÂM SỞ**» hay «**SỞ HỮU TÂM**».

*Chúng tôi tuy hoàn toàn không dám «phê phán», nhưng quả thật 2 từ ngữ «*hán việt*» này, chẳng «thỏa mãn» chúng tôi lắm.
-Vậy xin mạn phép dùng «*cách kiến giải*», để quay về «*nguồn nghĩa lý*» của chữ Pāḷi, để chân thành «cung cấp» đôi chút đóng góp vào môn học A-tỳ-đạt-ma (Abhidhamma).

*Trước tiên, xin phân tích 2 phần «ngữ căn» :

<>«CETA» có nghĩa là «Ý THỨC». Và «IKA» có nghĩa là «VAI TRÒ». Còn phụ âm «S» thêm vào theo *luật văn phạm*, để

«*tạo vẩn*» khi phía trước nguyên âm «I» lại có nguyên âm «A». (Ceta + Ika).

-Như vậy «CETASIKA» ám chỉ «*những CÁI phát sinh để giúp TÂM đóng vai trò gì đó, có tác ý (CETANĀ)*. -«**Đóng vai trò**» tức là «***hành động tạo nghiệp***» (Kammassa kicca). Rồi khi vận hành (KICCA) kết thúc, thì CETASIKA (tâm sở) hay CETANĀ (tác ý tạo nghiệp) cũng chấm dứt theo. -**Nhưng CITTA thì không chấm dứt, vẫn tồn tại và mang cái tên là VIÑÑĀNA** (thức) suốt kiếp sống».

-Nói rõ hơn, nếu không có CITTA (tâm) và nếu không có ĀLAMBANA (***đối tượng*** hay ***cảnh vật***), thì CETASIKA (tâm sở) cũng không có. -Ở đây, một yếu tố thứ ba là ĀLAMBANA hay «***đối tượng***» (tức cảnh vật bên trong ký ức lẫn bên ngoài giác quan) tự nhiên phải được kể vào.

<>Kinh Pālī còn ghi rõ : «**Citta**» (nguyên tâm hay tâm vương) và «**Cetasika**» (tâm sở hay sở hữu tâm) luôn luôn có 4 điểm chung, là «**đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh, và đồng căn**».

*Câu này xác nhận rằng «CETASIKA tùy thuộc và còn mất theo CITTA», tạm dịch là «***tâm sở tùy thuộc, và hiện hữu hay biến mất theo tâm vương***», xuyên qua 3 điểm chung «đồng sanh, đồng diệt, và đồng cảnh».

-Còn điểm chung thứ tư là «đồng căn», ám chỉ «*có cùng cơ sở*»,
-tức «*nơi chốn vận hành*» (vatthu), và thuộc về «*thức tánh
bẩm sinh*» (cittapakati) trong *thân tâm* (nāma-rūpa) con người,
hay trong «*ngũ uẩn*» (pañca khandha).

-NƠI CHỖN (vatthu) ở đây ám chỉ «**6 cửa**» (cha dvārāni), gồm
CỬA MẮT hay «nhãn môn» (cakkhudvāra), CỬ TAI hay «nhĩ
môn» (sotadvāra), CỬA MŨI hay «tỷ môn» (ghānavdāra), CỬ
LƯỠI hay «thiệt môn» (jīvhādvāra), CỬA THÂN hay «thân
môn», tức «làn da» (kāyadvāra), và CỬA Ý hay «ý môn»
(manodvāra). Đây là 6 «*môi trường chung*» để TÂM VƯƠNG
(citta) và TÂM SỞ (cetasika) *đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh,*
và *đồng căn*.

<>Trong chương I, chữ «CITTA» được tạm dịch là «*nguyên
tâm*» hay «*tâm vương*», vì «CITTA» được xem là «*đi trước*»,
như ông vua. Và ở chương II tiếp theo, «CETASIKA» được
xem là «*đi sau*», như quần thần, luôn luôn tùy tùng nhà vua. NÓ
được tạm gọi là «*tâm sở*».

-Và với sự soi sáng của KIẾN GIẢI (samujjala vivaraṇa), chúng
ta có thể *tương đối hiểu biết*, tại sao *phần tinh thần* (maṇo)
trong một con người, lại mang 2 cái tên tinh tế, khó phân biệt,

là «*nguyên tâm*» hay «*tâm vương*» (citta) và «*tâm sở*» (cetasika) như thế !

<>Nhắc lại «**4 đặc tính**» mà «CETASIKA» (tâm sở) luôn luôn «*có chung*» với «CITTA» (tâm vương), là «**đồng sinh**», «**đồng diệt**», «**đồng cảnh**», và «**đồng căn**», chúng ta cũng tự thấy thêm rằng 2 điểm chung thứ ba và thứ tư, «**ĐỒNG CẢNH**» (Ālambana) và «**ĐỒNG CĂN**» (Vatthu) cùng ám chỉ «**SỰ VẬT**» (Rūpa) hay «**SẮC PHÁP**» (tinh vi lẫn thô kệch) trong thân và ngoài thân.

-CẢNH (ālambana) là SẮC PHÁP «bên ngoài» (bahīra). CĂN (indriya) là SẮC PHÁP «bên trong» (ajjhatta), thật ra không là gì khác, mà là thân thể của chúng ta và ngoại vật.

*Tóm lại, «Triết học A tỳ-đạt-ma» (Abhidhamma) là **môn học phân tích** về «**chính sự sống của con người**», vận hành do TÂM (citta) và TÂM SỞ (cetasika), xuyên qua «**TỨ ĐẠI**» (catu mahādhātu), -nói theo Phật giáo, hay xuyên qua «**VẬT CHẤT**», -nói theo ngôn ngữ thông thường.

-«**TỨ ĐẠI**» hay «**VẬT CHẤT**» gồm **đất, nước, lửa, và khí**.

KIẾN GIẢI.

<>**Để tiện lợi** cho việc nghiên cứu, «*người soạn sách kiến giải*» xin mạn phép được chia tất cả «CETASIKA» hay TÂM SỞ ra thành 2 nhóm, mỗi nhóm (vagga) có thể có nhiều loại.

-**Nhóm thứ nhất** tạm gọi là **bất định** (Aniyata), vì *đối tượng* hay *cảnh* (ā lambana) xảy ra thành *linh*, không biết trước được. Loại TÂM SỞ (cetasika) ấy phát sinh tùy theo những gì do hoàn cảnh, hay cộng nghiệp làm xuất hiện.

*Nhóm này tiếng Pālī gọi là «SABBA CITTA SĀDHĀRAṆA CETASIKA», tạm dịch «*tâm sở đi với tất cả tâm vương một cách tùy tiện*» (bất định). Tiêu biểu của nhóm này là «**7 tâm sở biến hành**» (hay thích ứng chung), không phân biệt có nhân THIÊN (kusala) hay có nhân ÁC (akusala), như sau đây :

1/XÚC (Phassa), 2/THỌ (Vedanā), 3/TƯỞNG (Saññā), 4/TƯ (Cetanā), 5/NHẤT TÂM (Ekaggatā), 6/MẠNG QUYỀN (Jīvitindriya), 7/TÁC Ý (Manasikāra=ý định).

Xin nhắc lại :

<>Khi VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) nói đến **1 MÃU TÂM** (Citta) thiên hay ác, là nói đến **1 năng lực** (tinh thần) có thể phát ra **1 HÀNH ĐỘNG** (kamma) với :

-Mẫu tâm (citta) có **nhân thiện** (kusala hetu) thì...**hành động thiện** (kusala kamma).

-Mẫu tâm (citta) có **nhân ác** (akusala hetu) thì...**hành động ác** (akusala kamma).

-Mẫu tâm (citta) không có **nhân thiện** hay **ác** thì...**hành động duy tác** (kiriya kamma).

-Và cả 7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH nói trên, khi tùy tiện đi chung với hầu hết mẫu tâm vương, có NHÂN **thiện** hay **ác** ấy cũng cần hội đủ, thì mới phát sinh HÀNH ĐỘNG được (kamma). Nghĩa là tâm sở thứ 7, hay «**tác ý tạo nghiệp**» (Manasikāra) phải có mặt. -«NÓ» xác nhận «**bộ bảy tâm sở biến hành hiện diện đầy đủ cho một hành động diễn ra**».

<>BIẾN HÀNH (Sādhāraṇa) cũng có *nghĩa gián tiếp*, là «**không ngờ trước**» hay «*phát sinh tùy theo bất cứ cảnh tượng nào*» (Ālambana) xuất hiện. Nói cách khác là 7 **tâm sở biến hành** này *luôn luôn có thể tùy tiện đi chung* với những MẪU TÂM VƯƠNG có NHÂN **thiện** hay **ác**.

<>**Loại thứ hai** là **tâm sở khả định** (Niyata cetasika). Và tiêu biểu của nhóm này là 6 **TÂM SỞ BIỆT CẢNH** (Pakīṇṇaka

cetasika), vì *đối tượng đang hiện diện trước mặt* hay *sẽ xảy ra vốn nằm trong dự tính*, hay đã được biết trước, và từng có «khái niệm» (paññatti) trong quá khứ.

-Nói cách khác là **TÂM SỞ BIỆT CẢNH** (pakinnaka cetasika) **chỉ đi chung** với những **mẫu tâm vương đã có đối tượng**, hay thuộc về «chủ ý».

Biệt cảnh tâm sở (pakinnaka cetasika) có 6 là :

1/**TÂM** (Vitakka = chú ý), 2/**TỨ** (Vicāra = giữ mục tiêu), 3/**THẮNG GIẢI** (Adhimokkha = khả tín, quen thuộc, không xa lạ), 4/**TẤN** (Viriya = dòn năng lực), 5/**HỖ** (Pīti = hài lòng), và 6/**DỤC** (Chanda = muốn đối tượng).

*«DỤC» (chanda) là *tâm sở biệt cảnh thứ sáu* thúc đẩy con người thực hiện hành động (kamma), đã có dụng ý nhắm vào một cảnh nào đó (ā lambana).

<>Như trên đã nói, 2 loại **TÂM SỞ *biến hành*** (sādhāraṇa) và ***biệt cảnh*** (pakinnaka) mang lại 2 **hiệu lực khác nhau**, một là **BẤT ĐỊNH** (Aniyata) và hai là **KHẢ ĐỊNH** (Niyata) :

-**Bất định** (aniyata) thì «**hậu quả của HÀNH ĐỘNG** (kamma), sẽ nằm trong chiều hướng **tiến hóa** hay **sa đọa** tùy theo **NHÂN** (thiện hay ác), nên chúng ta không có tiêu chuẩn để qui nạp».

-Khả định thì **hậu quả** của **HÀNH ĐỘNG** (kamma) sẽ nằm trong chiều hướng **tốt** hay **xấu** tùy theo **NHÂN** (thiện hay ác trong dự tính), nên chúng ta có **tiêu chuẩn qui nạp**.

Dẫn giải :

-Vì «**BIẾN HÀNH** tâm sở» (sādhāraṇa cetasika) «hoạt động» với tất cả các **MẪU TÂM VUÔNG** (Sabba citta) *trước bất kỳ CẢNH* (ā lambana) nào, *thiện* (kusala) hay *ác* (akusala) không thể biết trước, và chúng có «**khả năng tùy biến**».

-Còn **BIỆT CẢNH** tâm sở (Pakiṇṇaka cetasika) chỉ «hoạt động» với những **MẪU TÂM VUÔNG** (Citta) *đã biết cảnh rồi*. Nghĩa là **tâm sở biệt cảnh** sẽ phát sinh khi nào hành động (kamma) có **DỰ TÍNH** cetanā).

-Chẳng hạn như trong sự **HƯỚNG THIỀN** với «**khéo léo tác ý**» (yoṇiso manasikāra), hành vi tìm «**cảnh thuận**» sẽ làm cho có «**biệt cảnh tâm sở**» (pakiṇṇaka cetasika) thuộc loại lành mạnh (kusala). Còn trong **TU THIỀN** (bhāvanā), thì **CẢNH THUẬN** (ā lambana) có «**dự tính**» chính là «**đề mục**» (kamaṭṭhāna), và «**hiệu lực**» (vāra) của hành động (kamma) là phẩm cách **AN TRÚ** (appanā).

-Chưa kể mặt khác, 6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH (6 Pakiṇṇaka cetasikā) tùy từng những MÃU TÂM THIỀN (Jhāna citta), thì “hiệu lực” của chúng chỉ giúp *tâm vương tiến hóa* mà thôi.

*Đây là lý do để chúng ta tạm gọi chung 2 nhóm TÂM SỞ (***biến hành*** và ***biệt cảnh***) này là PHỨC HỢP, -có sách còn gọi chúng là 13 tâm sở ấy là «***đồng bất đồng tâm sở***».

<>Tiếp theo là 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (Akusala cetasika) :

1/Tâm sở **SI** (Moha cetasika)), tức là ***không biết*** PHÁP khi hành động, hay TÂM SỞ ***đui mù, tối tăm, đần độn, bất thông***, chẳng đủ khả năng cảm nhận ***hậu quả*** của việc đã, đang, và sẽ làm. Nó có tên khác là **VÔ MINH** (Avijjā).

2/Tâm sở **VÔ TÂM** (ahirika cetasika), tức là ***không biết hổ thẹn***, khi làm điều xấu, hay có hành động (kamma) mà hầu hết ***xung quanh đều chế cười***.

3/Tâm sở **VÔ ÚY** (anottappa cetasika), tức là hành động một cách ***coi thường hậu quả, chẳng sợ hậu quả có hại đến cuộc đời***, do việc mình đã làm.

4/Tâm sở **TRẠO CỬ** (uddhacca cetasika), tức là tâm nằm trong tình trạng rung chuyển không ngừng, dễ dàng thả trôi theo vong động, hay *liên tục phóng tâm*.

5/Tâm sở **THAM** (lobha cetasika), tức là tâm muốn thu vào mãi, do đòi hỏi liên tục và vô đáy.

6/Tâm sở **TÀ KIẾN** (ditṭhi cetasika), tức là tâm tin vào quyền năng, cho rằng “*nghiệp tốt hay xấu không phải do mình, mà là do ý trời*” (hay thượng đế, tạo hóa). Tâm tối tăm tin vào **sự ban phúc** và **xá tội** của ngoại lực, -không biết tự lực hay không biết trông cậy vào chính mình.

7/Tâm sở **NGẠO MẠN** (māna cetasika), tức là tâm có tập khí cho là “*mình quan trọng nhất*”.

8/Tâm sở **SÂN** (dosa cetasika), tức là tâm “*bất mãn thường trực*”, vì “*ta đúng, người sai*”.

9/Tâm sở **BỐN XẼN** (issā cetasika), là tâm *chẳng muốn chia sẻ cho ai* bất cứ cái gì.

10/Tâm sở **GANH TỊ** (macchariyā cetasika), tức là tâm có tật *chẳng chịu ai hơn mình*.

11/Tâm sở **HỐI TIẾC** (kukkucca cetasika), tức là tâm *thường xuyên không hài lòng với việc đã qua*.

12/Tâm sở **HÔN TRÂM** (thina cetasika), tức là tâm có *trạng thái lờ lờ*, không hăng hái.

13/Tâm sở **THUY MIÊN** (middham cetasika), là tâm nhiễm tạt chán nản, *buồn ngủ liên tục*.

14/Tâm sở **HOÀI NGHI** (vicikicchā cetasika), là tâm có tập khí *hoang mang*, bất định, chần chừ, lúng túng.

<> **14 tâm sở bất thiện** (akusala cetasikā) này «chứa» **3 nhân xấu** (akusala hetū) là THAM SÂN SI (lobha, dosa, moha), như trong **12 mẫu tâm vương bất thiện** (akusala cittāni). -Thử chia chúng ở đây thành các nhóm :

***Biến hành bất thiện** (akusala sādhanā), gồm :

a/Gọi là **VÔ MINH PHẦN** (Avijjā), với 1/**SI** (moha), 2/**VÔ TÂM** (ahirika), 3/**VÔ ÚY** (anottappa), 4/**TRẠO CỬ** (uddhacca). -Bốn tâm sở xấu này làm cho «4 biến hành» là **XÚC** (phassa), **THỌ** (vedanā), **TUỞNG** (saññā), **TU** (cetanā) trở thành *bất thiện* (akusala sadhāraṇa).

b/Gọi là **THAM PHẦN** (Lobha), gồm 1/**THAM** (lobha), 2/**TÀ KIẾN** (diṭṭhi), và 3/**NGÃ MẠN** (māna). -Ba tâm sở xấu này làm cho «3 biến hành» tiếp theo, là **NHẤT TÂM** (ekaggatā), **MẠNG**

QUYỀN (jīvitindriya), **TÁC Ý** (maṇasikāraā) trở thành *bất thiện* (akusala sadhāraṇa).

c/Gọi là **SI PHẦN** (Dosa), gồm 1/**SÂN HẬN** (dosa), 2/**TẬT ĐỐ** (hay ganh tị= issā), 3/**KEO KIẾT** (hay xan lận=macchhariya), 4/**HỐI TIẾC** (hay không hài lòng=kukkucca). -Bốn tâm sở xấu này làm cho «3 biết cảnh» **TÂM** (vitakka), **TÚ** (vicāra), **THẮNG GIẢI** (adhimokkha) trở thành *tê liệt, bất thiện*.

d/Gọi là **NHUỘC PHẦN** (Apadhāna), gồm 1/**HÔN TRÂM** (thīna), liên quan đến **TÂM** (citta), và 2/**THUY MIÊN** (middha, liên quan đến **THỨC** (viññāna). -Hai tâm sở xấu này làm cho «2 biết cảnh» **TÁN** (viriya), **HỖ** (pīti), trở thành ù-lì, *bất thiện*.

e/Gọi là **NGHI PHẦN** (Vicikicchā), gồm duy nhất tâm sở **HOÀI NGHI**. -Đây là *tâm sở HOANG MANG*, không có sự khéo léo (ayoniso mánikāra), nhất là *bản tánh* nghi ngờ **PHẬT** (Buddha), nghi ngờ **PHÁP** (Dhamma), nghi ngờ **THÁNH TĂNG** (Ujupatipanno Saṅgha), nghi ngờ **GIỚI** (Sīla), nghi ngờ **ĐỊNH** (Samādhi), và nghi ngờ **TUỆ** (Paññā).

<>THIỀN HỌC gọi *hoài nghi* (vicikicchā là một *triền cái* (nīvaraṇa) rất nguy hiểm cho *sự hướng thiện* và *định tâm* (bhāvanā paṭipatti).

<>Liên quan đến **12 mẫu tâm vương bất thiện** (akusala citta), thì “**THAM phần**” là chủ lực của 8 tâm ác, “**SÂN phần**” là chủ lực của 2 tâm ác, và “**SI phần**” là chủ lực của 2 tâm ác. -Tổng cộng $8+2+2=12$ mẫu tâm vương hành động bất thiện.

25 TÂM SỞ TIẾN HÓA.

(25 Sobhana cetasika = 25 Kusala cetasikā).

<>**Những tâm sở tiến hóa** (=Tịnh quang), cũng được chia ra thành nhiều nhóm, để «thuận tiện» cho sự nghiên cứu :

***Nhóm thứ nhất** gồm **19 TÂM SỞ BIẾN HÀNH TỊNH QUANG** (Sobhana sādharma cetasikā), là...

1/TÍN (saddhā) : Tin tưởng một cách sáng suốt.

2/NIỆM (saṭi) : Thân tâm tỉnh thức, nhớ biết thực tại.

3/TÀM (hiri) : Hở thẹn khi làm điều xấu.

4/ÚY (Ottappa) : Ghê sợ kết quả xấu của hành động).

5/VÔ THAM (alobha) : Giảm tham lam để chia sẻ, có sự hy sinh vì người khác.

6/VÔ SÂN (adosa) : Giảm giận, để phản ứng trước hoàn cảnh với sự thiện cảm.

7/HÀNH XẢ (tattamajjhataṭṭā) : Tâm thức quân bình.

⇒ 8/AN TĨNH THỂ CHẤT (kāya passaddhi),

9/AN TĨNH TINH THẦN (citta passaddhi).

⇒ 10/NHẸ NHÀNG THỂ CHẤT (kāya lahutā),

11/NHẸ NHÀNG TINH THẦN (citta lahutā).

⇒ 12/NHU NHUYỄN THỂ CHẤT (kāya mudutā),

13/NHU NHUYỄN TINH THẦN (citta mudutā).

⇒ 14/THÍCH ỨNG THỂ CHẤT (kāya kammaññatā),

15/THÍCH ỨNG TINH THẦN (citta kammaññatā).

⇒ 16/TINH THỰC THỂ CHẤT (kāya pāguññatā),

17/TINH THỰC TINH THẦN (citta pāguññatā).

⇒ 18/CHÁNH TRỰC THỂ CHẤT (kāya ujukatā),

19/CHÁNH TRỰC TINH THẦN (citta ujukatā).

Chú ý :

<>Các **mũi tên**, từ tâm sở thứ 8 đến tâm sở thứ 19, biểu lộ sự trình bày “**từng cặp**”, để diễn tả **2 mặt của tập khí** (vāsana), là “thuần thực ở THÂN” (kāya) và “thuần thực ở TÂM” (citta)

<>**19 tâm sở biến hành đẹp** hay **tịnh quang** (sobhana sādharma) nêu trên, hằng «**phổ biến**» trong tất cả MÃU TÂM THIÊN (kusala cittāni) một cách tổng quát.

KIẾN GIẢI THÊM VỀ **19 TÂM SỞ TỊNH QUANG, TIẾN HÓA** và **BIẾN HÀNH**, vì **KHÓ NẮM BẮT**.

1-Tâm sở TÍN (Saddhā cetasika)

<>“**TÍN TỊNH QUANG**” (Sobhana saddhā) ám chỉ “*niềm tin chân, thiện và mỹ*”. “Niềm tin” (saddhā) này xác minh sự hội đủ của 4 *chi pháp tịnh hảo* (sobhana), gồm :

1/Tin NGHIỆP (kamma) là **duyên khởi** của sự luân hồi,

2/Tin QUẢ (vipāka) là **điểm đến** của sự luân hồi,

3/Tin BÁO ỨNG (kamma vipāka) là **hành trang** căn bản của sự sinh tử luân hồi.

4/Tin NIẾT-BÀN (nibbāna) là phẩm trạng **chấm dứt** sự sinh tử luân hồi. -“*Chi pháp tịnh hảo*” này cũng ám chỉ “*quả giải thoát của một vị Phật là có THẬT*”.

*“**TÍN TỊNH QUANG**” (sobhana saddhā) ở đây cũng có nghĩa là “**chánh tín**” (samma saddhā), **đối trị chính đáng** của “**tà kiến**” (miccha diṭṭhi).

Cần hiểu thêm :

<>Tin tưởng dứt khoát vào **Tam Bảo** (Phật-Pháp-Tăng) để **đốc lòng thực hành giáo lý giải thoát** là CHÁNH KIẾN (sammā diṭṭhi), bước thứ nhất trong Bát Chánh Đạo.

<>Nhưng tin tưởng vào “**Tam-Bảo**” (Phật-Pháp-Tăng) với dụng ý tìm cầu sự “**ban phước xá tội**”, -hoặc tin rằng “*phước đức của một cá nhân tùy thuộc vào sự rộng lượng, hay lòng từ bi của Phật-Pháp-Tăng*”, rồi không hành trì nghiêm chỉnh GIỚI ĐỊNH TUỆ (sīla samādhī paññā), thì ấy là **tà kiến** (miccha diṭṭhi), không xứng đáng là tín đồ đạo Phật.

2-Tâm sở NIỆM (Sati cetasika).

<>NIỆM ở đây ám chỉ CHÁNH NIỆM (Sammā sati) là *tỉnh thức, nhớ biết thân tâm trong giây phút hiện tại*, -NIỆM (sati)

không cho phép TÂM (citta) phóng ra ngoài THÂN TÂM, xa
lìa *cảm thức quân bình* của thân thể.

-“**Chánh niệm**” không phải là “**tụng nhập tâm**” hay “**phát âm
thuộc lòng**” một danh hiệu, hay một bài kinh nào đó, đến độ
không vấp một chữ, mà thực tế *chẳng hiểu biết nghĩa lý*.

***Cần phân biệt thật rõ** “TỤNG” (punakaraṇa) và “NIỆM”
(sati). -“**Tụng**” là lập lại nhiều lần một âm thanh (hay một nhóm
chữ), một cách thuộc lòng. -Còn “**Niệm**” là *tỉnh thức và biết rõ*,
hay vừa nhớ biết vừa cảm thấy hiểu rành thân tâm chính mình
đang ở trong thực tại nào.

-Khi “**tụng**” mà *không nắm bắt nghĩa lý* lời kinh, -và vừa
“TỤNG” tâm hồn vừa “lang thang”, *phân tán đến những chuyện*
khác, thì “TỤNG” ấy **vô ích** !

3-Tâm sở TÂM (Hiri cetasika)

<>TÂM (hiri) là *tâm sở tự trọng*, hay tâm *biết âm thầm hổ
thẹn*, khi vô ý hành động sai, -hoặc vì hoàn cảnh phải “làm điều
bất thiện” mà lòng “không vui”, luôn luôn tự cảm thấy “*tinh
thần bị cắn rứt*”.

-Nghĩa là, vì “**hổ thẹn**” hay TÂM (hiri) thường xuyên mạnh mẽ
trong tâm, nên con người không dám làm việc bất thiện (akusala

kamma), hoặc đã lỡ làm việc xấu rồi, thì người ấy *tự lòng cắn rứt, âm thầm sám hối*, quyết chí TỪ ĐÓ bỏ lỗi lầm, đồng thời *tăng cường thực hành nhiều điều tốt*, để được xứng đáng.

-*Tâm sở TÂM* là một trong những **đức tánh** của người có tư cách, *sống trong phạm hạnh, không cầu thả, không buông trôi, và không coi thường “nhân phẩm”*.

4- Tâm sở ÚY (Ottappa cetasika)

-“ÚY” có nghĩa “đen” là **ghê sợ tội lỗi**, không chấp nhận hành động bất thiện (akusala kamma), sẵn sàng xa lánh điều xấu.

<>Viết đầy đủ tên này là “*tâm sở ÚY KỴ*” (ottappa), -ÚY KỴ ám chỉ sự “dị ứng”, hay “*LO SỢ hậu quả xấu của việc mình làm*”, -tất nhiên đó là **hậu quả** của việc làm bất thiện. -Tâm sở ÚY (ottappa cetasika) là “**khắc tinh**” của sự bê-tha, vô nhân cách, *coi thường tội lỗi*.

*Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), *tâm sở ÚY* luôn luôn đi đôi với *tâm sở TÂM*, hay “*sự ghê sợ hậu quả của hành động xấu* luôn luôn đi đôi với *sự hổ thẹn phạm lỗi*”.

5/Tâm sở VÔ THAM (Alobha cetasika)

(TRẠNG THÁI của VÔ THAM là *hành động vì người khác*).

◁>“VÔ THAM” (alobha) trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), cũng ám chỉ “***lòng hy sinh***”, biết chia sẻ một phần lợi lộc của mình đang có, cho người khác. Sự BỐ THÍ (dāna) hay GIÚP ĐỠ (upakāra) những kẻ thiếu thốn, phát sinh từ tâm sở VÔ THAM (alobha cetasika) này.

-Hành động VÔ THAM (alobha kamma) ở đây KHÔNG xác nhận “*người hành thiện hoàn toàn chẳng còn tham lam*”, mà “***hành động lành*** ấy vốn được kích thích bởi ***tâm thương người*** (từ bi) và ***lòng hy sinh*** (yāga) một phần lợi lộc của mình, để giúp đỡ kẻ cô thế, thiếu thốn.

Lưu ý :

-Chỉ có Thánh nhân (ariya manussa) hay PHẬT (buddha) mới hoàn toàn vô tham, còn “phàm nhân” (puthujjana manussa) mà có *tâm sở VÔ THAM*, tức là bậc PHẠM HẠNH, (brhamacariya) sống biết nghĩ đến sự bất hạnh của người khác, nên họ thỉnh thoảng tùy khả năng hay thường xuyên chia sẻ một phần lợi của mình cho kẻ khác.

*Ví dụ :

-Anh Hiền có 100.000 đô-la và anh đã hoan hỷ tặng đến cô nhi viện 10.000 đô-la, thì đối với 10.000 đô-la ấy, anh đã hành động do ***tâm sở vô tham*** (alobha), hay ***lòng thương người***.

-Và anh giữ lại 90.000 đô-la, tức là anh vẫn còn “tham” để có sự “an toàn” cho chính anh, là một điều tự nhiên (nếu không muốn nói là “sáng suốt”), -vì dù sao anh vẫn còn *phàm*. Nhưng ***tính thương người*** và ***lòng hy sinh*** trong anh đã khá mạnh, nên anh mới có thể chia sớt 1 phần mười số tiền (=10.000\$US).

-Trường hợp “*hiến tặng bởi mua danh*”, thì hành động ấy trên thực tế cũng làm cho ***cô nhi viện*** được gia tăng ngân sách. Nghĩa là sự hiến tặng kia vẫn giúp cho đời sống của các em cô nhi thêm phần bảo đảm, an vui, hạn chế sự bấp bênh, giảm thiểu tình trạng thiếu hụt tiền bạc....

-Nói chung “người bố thí do háo danh” ***vẫn có phước***. Dĩ nhiên đó là “***phước hữu lậu***”, phước sẽ cho quả để tâm thức người mua danh *vướng mắc*, không hoàn toàn cao thượng. Sự háo danh có thể làm cho họ sa đọa về sau.

-Trường hợp *ban quản đốc* cô nhi viện gồm ***những người lạm dụng***, không phục vụ với tinh thần nhân đạo, không hết lòng chăm sóc trẻ em mồ côi, dùng quỹ từ thiện cho cá nhân, thì ấy là một chuyện xấu, và phức tạp khác, chúng ta có thể thảo luận

rộng rãi khi thuận tiện, nhưng nó không nằm trong các vấn đề chính của sách này.

-Hiện tượng “**lạm dụng**” công tác nhân đạo, thuộc về một ÁC PHÁP *phản văn hóa và đạo đức*. Sự LÝ GIẢI theo nhà Phật có thể một phần do CỘNG NGHIỆP BẤT THIỆN (akusala gaṇībhūta kamma), khá phức tạp và đòi hỏi “đức tính khách quan mới nắm vững vấn đề”.

<>Ví dụ nêu trên đây, chỉ để diễn tả “**tâm sở VÔ THAM**” (alobha cetasika) trong VI DIỆU PHÁP mà thôi. -Nhưng ở đây “không những chỉ liên quan đến “**tâm sở VÔ THAM**”, mà nói chung trong các Thánh nhân A-la-hán (Arahatta) và chư Phật (Buddha), thì 3 căn bất thiện là THAM SÂN SI (lobha-dosa-moha) hoàn toàn không còn nữa, nên TÍNH vô **tham**, (alobha) vô **sân** (adosa), và vô **si** (amoha) đối với các Ngài, không còn được đặt ra nữa, là lẽ đương nhiên.

<>Như vậy, 3 tâm sở THIỆN (kusala cetasika) này, khi được nói đến, tức là ám chỉ “tập khí lành” của phàm nhân (puthujjana), và của những bậc phạm hạnh chưa đắc đạo quả giải thoát A-la-hán (Arahatta).

6/Tâm sở VÔ SÂN (Adosa cetasika)

(Tương đương với “**THIỆN Ý**”, có cảm giác “**THÂN ÁI**”)

<>VÔ SÂN (adosa) vốn có “nghĩa đen” là KHÔNG GIẬN, nhưng **tâm sở** VÔ SÂN (adosa cetasika) trong Vi diệu pháp (Abhidhamma), cũng được xem **tương đương với** THIỆN Ý (kusala manokamma), có cảm giác THÂN ÁI. -Vì **khi nổi giận thì không thể có thiện ý.**

-Mặt khác, SÂN HẬN (dosa) là phản ứng của lòng THAM (lobha) khi không được thỏa mãn. Và ***lúc người phạm bất mãn, thì không bao giờ có cảm giác thân ái được.***

-Một người hành động VÔ SÂN (adosa) thì không làm hại xung quanh. **Đức tính này rất khó tìm thấy ở những người phạm tục,** vì người phạm thường che giấu tật giận hờn, ngoài mặt giả vờ “*bình thản, vui vẻ, rộng lượng*”, nhưng bên trong thì nham hiểm, ÁC Ý (abyāpāda).

-Như vậy, giữa xã hội phạm phu tục tử, phải chăng “**tính VÔ SÂN**” (adosa) là một điều *không bao giờ có*, hay ấy là *tưởng tượng* ? -Xin thưa, tất cả đều tương đối !

<>Nhưng VI DIỆU PHÁP trong nhà Phật, là một “**bản phúc trình những minh sát, những phân tích, và những nhận**

diện...thuộc về trải nghiệm tâm thức”, chứ không phải là một tập hợp “lý thuyết”, có tính cách “qui luật”, ước định.

-Và vi Diệu Pháp (Abhidhamma) phát biểu rằng : Hiện tượng VÔ SÂN (adosa) cũng có thể tìm thấy trong một số người phàm, nhưng đó là “VÔ SÂN hữu hạn vì CỘNG NGHIỆP”, và VÔ SÂN ấy chỉ biểu lộ *trong thời gian ngắn mà thôi*.

-Chẳng hạn như cha mẹ khi sinh con, thì luôn luôn có hiện tượng VÔ SÂN (adosa) hay “ít sân” đối với con cái (do cộng nghiệp), chỉ trong suốt giai đoạn chúng còn thơ ấu.

-Khi con cái lớn dần thì đức tính VÔ SÂN (adosa) đó của cha mẹ, cũng giảm thiểu theo ngày tháng, hay biến mất.

-Muốn chứng kiến tính VÔ SÂN (adosa) của Thánh nhân, thì chúng ta phải đủ phước duyên, và sinh ra khi ***chư Phật còn hiện tiền***, vì các Ngài luôn luôn có ***đức tính*** ấy, nhưng rất hiếm người được may mắn đó.

-Hai tâm sở VÔ THAM (alobha) và VÔ SÂN (adosa) nơi chư Phật (Buddha) được ***biểu lộ*** bằng TỪ (mettā), BI (karuṇā), HỖ (muditā), và XẢ (upekkhā), còn gọi “TỨ VÔ LƯỢNG TÂM” (catu mahāvihāra).

-Kinh Phật thường nhắc rằng “**con cái bất hiếu với cha mẹ thì phạm đại tội, tương đương với sự xúc phạm chư Phật**”. Vì cha mẹ đối với con cái mới sinh ra thường có “TÚ VÔ LƯỢNG TÂM” như Phật.

7/Tâm sở QUÂN BÌNH, hay HÀNH XẢ.

(Tattramajjhataṭṭā cetasika)

<>TÂM SỞ quân bình ở đây là NỀN TẢNG của PHÁP XẢ (upekkhā dhammā), hay hành động **hoàn toàn khách quan, bình đẳng, không thiên vị, chẳng dựa trên tư kiến.....** -Chung qui là TÂM XẢ (Upekkhā cetasika).

-Nó là **tâm sở thiện** (kusala cetasika) nói lên NỘI DUNG của thái độ cao thượng, phát ra từ những bậc, thân tâm **đã thấm nhuần pháp thanh tịnh (Visuddhi dhamma)**.

<>Nói đến đức tính QUÂN BÌNH hay HÀNH XẢ, có 2 từ ngữ Pāḷi viết khác nhau, là “**tattramajjhataṭṭā**” và “**upekkhā**”, nhưng Ý NGHĨA của cả 2, tương đối giống nhau.

*Và xin phép nhắc lại “**thực tế nhị biên**” rằng :

-“TINH THẦN” (maṇo) trong con người hay DANH PHÁP (Nāma dhamma) luôn luôn có 2 mặt. Khi **mặt này** gọi là TÂM VƯƠNG (Citta), thì **mặt kia** gọi là TÂM SỞ (Cetasika). -Tất

nhiên chúng phải luôn luôn “*đồng sanh*”, “*đồng diệt*”, “*đồng cảnh*”, và “*đồng căn*”.

*Và trong sự thật đó, những *tâm sở TIỀN HÓA* (Sobhana cetasikā) đánh số như dưới đây, được trình bày *theo cặp tương quan*, để biểu lộ 2 *phương diện* có QUẢ THIỀN (kusala vipāka) của chúng :

8/AN TĨNH THỂ CHẤT (*kāya passaddhi*),

9/AN TĨNH TINH THẦN (*citta passaddhi*).

<>Cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (sobhana cetasikā) này nói lên 2 sự AN VUI (*pasaddhi*), *một ở thể xác* (SẮC PHÁP=*rūpa dhammā*), và *một ở tinh thần* (DANH PHÁP=*nāma dhammā*).

-Hành giả TU PHẬT mà *không trải nghiệm cặp tâm sở an vui* này, là người *chưa thành tựu*, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh trong pháp tu. Ai hành thiền mà chẳng cảm thấy “*an vui*” (tinh thần và thể xác) là vì lý do “chưa chứng đắc”.

10/KHINH AN THỂ CHẤT (*kāya lahutā*),

11/KHINH AN TINH THẦN (*citta lahutā*).

<>Đây là cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (sobhana cetasikā) tiếp theo, mô tả 2 sự NHẸ NHÀNG (*lahutā*), *một ở thể xác* (SẮC

PHÁP=rūpa dhammā), và **một ở tinh thần** (DANH PHÁP=nāma dhammā).

-Một người TU PHẬT mà **không trải nghiệm cặp tâm sở khinh an** này, là người **chưa thành tựu**, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh trong pháp hành. Ai tu thiền mà cảm thấy “**thân tâm nặng nề**” là bởi lý do ấy.

12/NHU NHUYỄN THỂ CHẤT (*kāya mudutā*),

13/NHU NHUYỄN TINH THẦN (*citta mudutā*).

<>Đây là cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (*sobhana cetasikā*) kế tiếp, cũng mô tả 2 sự MỀM DẸO (*mudutā*), **một ở thể xác** (SẮC PHÁP=rūpa dhammā), và **một ở tinh thần** (DANH PHÁP=nāma dhammā).

-Một người TU PHẬT mà **không trải nghiệm cặp tâm sở nhu nhuyển** này, là người **chưa thành tựu**, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh trong pháp hành. Ai tu thiền mà **thân tâm không mềm dẻo, hay thân tâm dễ bị cứng đơ, tê dại....** là không chứng đắc, phải chịu trở ngại “**nhiệt**”.

14/THÍCH ỨNG THỂ CHẤT (*kāya kammaññatā*),

15/THÍCH ỨNG TINH THẦN (*citta kammaññatā*)

<> Đây là cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (sobhana cetasikā) khác nữa, để mô tả 2 sự THÍCH ỨNG (kammaññatā), **một ở thể xác** (SẮC PHÁP=rūpa dhammā), và **một ở tinh thần** (DANH PHÁP=nāma dhammā).

-Kẻ TU PHẬT mà **không trải nghiệm cặp tâm sở tùy tiện** này, là hành giả **chưa thành tựu**, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh trong pháp hành. Ai tu thiền mà thân tâm **không thích ứng** vào **hoàn cảnh** một cách dễ dàng, là bởi trở ngại “**chưa đắc**” ấy.

16/TINH THỰC THỂ CHẤT (kāya pāguññatā),

17/TINH THỰC TINH THẦN (citta pāguññatā).

<> Đây là một cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (sobhana cetasikā) kế tiếp nữa, mô tả 2 sự TINH THỰC (pāguññatā), **một ở thể xác** (SẮC PHÁP=rūpa dhammā), và **một ở tinh thần** (DANH PHÁP=nāma dhammā).

-Một người TU PHẬT mà **không trải nghiệm được cặp tâm sở tinh thực** này, là người **chưa thành tựu**, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh trong pháp hành (bhāvanā). Ai tu thiền mà thân tâm còn phát ra các **hành vi vụng về, cử chỉ lúng túng** trong 4 oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) là kẻ thiếu thuần thực, chẳng thành công trong pháp hành.

18/CHÁNH TRỰC THỂ CHẤT (*kāya ujukatā*),

19/CHÁNH TRỰC TINH THẦN (*citta ujukatā*).

<> Đây là cặp TÂM SỞ TỊNH QUANG (*sobhana cetasikā*) cuối cùng, để mô tả 2 sự CHÁNH TRỰC (*ujukatā* = thẳng thắn), ***một ở thể xác*** (SẮC PHÁP=*rūpa dhammā*), cũng như ***một ở tinh thần*** (DANH PHÁP=*nāma dhammā*).

-Một người TU PHẬT mà ***không trải nghiệm cặp tâm sở chánh trực*** này, là hành giả ***chưa thành tựu***, chưa thuần thực, chưa thanh tịnh. Ai hành thiền mà phong cách lộ ra bên ngoài, và ý nghĩ thanh tịnh bên trong, ***không nghiêm chỉnh, không tự tin, dễ bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh hay thế lực***, là người chưa đạt 2 tâm sở TIỀN HÓA này.

***Nhóm thứ nhì gồm 3 TÂM SỞ TIẾT CHẾ**

(*TI VIRATIYO*).

<> Đây là 3 tâm sở có khả năng tự động kiên tránh nghiệp ác.

-TÂM SỞ (*cetasika*) biểu lộ CHÁNH-NGŨ (*Sammā vācā*), hay ***lời nói luôn luôn vô hại*** (*ahiṇsa*)

-TÂM SỞ (cetasika) biểu lộ CHÁNH-NGHIỆP (Sammā kammantā), hay *hành động luôn luôn vô hại* (ahiṇsa)

-TÂM SỞ (cetasika) biểu lộ CHÁNH MẠNG (Sammā ājīvā), hay *sự nuôi mạng luôn luôn vô hại* (ahiṇsa).

<>**Ba tâm sở** này cũng là NỘI DUNG của **3 chi pháp quan trọng thứ 3, thứ 4, và thứ 5** trong BÁT CHÁNH ĐẠO (Aṭṭhaṅgika magga), có tiềm lực đưa hành giả đến **THÁNH PHẨM** giải thoát.

-Mời quý vị đọc đoạn chót của bản dịch kinh **CHUYỂN PHÁP LUÂN** (Dhamma-cakkappavatta-sutta). Do Tuệ Lạc dịch ra Việt ngữ, và đã in.

-NGUỒN GỐC TIẾT CHẾ ?

<>Theo “SỞ GIẢI”, thì TIẾT CHẾ (Virati) có “3 nguồn gốc”.

1/Nguồn gốc tự nhiên (SAMPATTA VIRATI). Do *qui ước xã hội* hay *nhu cầu hòa bình* trong đời sống thực tại còn thịnh hành, làm cho con người **tự nhiên biết tiết chế, không làm một số điều ác**.

2/Nguồn gốc kỷ luật (SAMĀDĀNA VIRATI). Do thuần thực trong tôn trọng **phép tắc chung**, làm cho hành giả biết **tiết chế, không làm điều ác**.

3/Nguồn gốc lậu tận (ĀSAVAKKHAYA VIRATI). Do **lậu hoặc** (āsava) hay **phiền não** (tham, sân, si=kilesa) đã tận trừ, thì trong hành động của Thánh nhân, **ba pháp tiết chế phát sinh** một cách tự nhiên và vững chắc.

Kiến giải 3 trường hợp này :

*SỰ TIẾT CHẾ (virati) có thể phát sinh nơi một người phạm **đã thấm nhuần văn hóa hướng thiện** (SAMPATTA). -Đây là sự **tiết chế nhờ giáo dục lành mạnh**, khuynh hướng khai trí, chánh kiến xã hội.

*SỰ TIẾT CHẾ (virati) cũng có thể phát sinh nơi một người đã thuần thực **trì giới** (SAMĀDĀNA). -Còn gọi là sự «**tiết chế nhờ hạnh kiểm**».

*SỰ TIẾT CHẾ (virati) thứ ba, phát sinh nơi Thánh nhân, đã đoạn trừ phiền não (ĀSAVAKKHAYA) là một **nguồn gốc** hăng thật. -«**Tiết chế tự nhiên, vì đã dứt phiền não**».

<>Nhóm **tâm sở đẹp** thứ ba, gồm

2 TÂM SỞ VÔ BIÊN (APPAMAÑÑĀ)

-Hay còn gọi là **2 tâm sở thuộc vô lượng phần**.

<>**BI** (Karunā) và **HỖ** (Muditā) là 2 tâm sở thuộc VÔ LƯỢNG PHẦN (Appamaññā) trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma).

*«BI» (karunā) là «**bi mẫn, sinh lòng trắc ẩn**» trước **mọi đau khổ** của chúng sanh, **1 cách bình đẳng** gồm các nội dung :

-Không phân biệt tình cảm **thuận** hay **nghịch** (thương/ghét),

-Không giới hạn quan hệ **gần** hay **xa** (thân/sơ).

*«HỖ» là «**chia vui**» trước **hạnh phúc** của kẻ khác, một cách bình đẳng, đồng đều, gồm các nội dung :

-Không phân biệt QUYỀN LỰC của đối tượng **mạnh/yếu**,

-Không giới hạn HOÀN CẢNH đối tượng **giàu/ nghèo**.

-Ngoài ra, chúng ta cũng nghe nói đến «**Tứ Vô Lượng Tâm**» (Catu Brahmavihāracitta), có «**bốn**», chứ không phải «**hai**», là **Từ** (mettā), **Bi** (karunā), **Hỷ** (muditā), và **Xả** (upekkhā).

-Đó là **4 phạm trù** «Brahmavihāra», hay **bốn ân đức tuyệt vời của chư Phật**. -«PHẠM TRÙ» này được tượng trưng bằng một **cái đầu có 4 mặt**, trong văn minh điêu khắc của Phật giáo.

-Còn trong THIỀN PHÁP, thì hành giả luôn luôn lấy «**4 ân đức vô biên**» (Brahmavihāra) ấy, để làm «**đề mục**» (Kammatthāna) mà «**quan sát tâm**».

*Một «**câu hỏi**» có thể đặt ra, là :

<>«Tại sao VÔ LƯỢNG PHẦN (appamaññā) trong Vi Diệu Pháp (Abhidhammā) **chỉ gồm có 2**, mà không phải là 4 ?»

KIẾN GIẢI

*Vì hành động của **BI** (Karunā) và **HỖ** (Muditā) **phải luôn luôn** được xây dựng trên «**nền tảng vô lượng**» (appamaññā).

-Nếu không có «NỀN TẢNG VÔ LƯỢNG» thì «**bi**» và «**hỷ**» ấy, chỉ là lòng trắc ẩn và sự hân hoan tầm thường, phàm tục, đầy thiên vị, và nằm trong một số điều kiện thế gian.

-Chẳng hạn như 2 người bạn **thân**, thì bao giờ họ cũng sinh lòng trắc ẩn cho nhau, khi 1 trong 2 người gặp nạn. Và họ vẫn luôn luôn hoan hỷ lẫn nhau, khi 1 trong 2 người gặt hái sự thành công hay hạnh phúc.

*Nhưng một cách khác, các hành động của **TỪ** (Mettā : thân thiện) và của **XÁ** (Upekkhā : trung hòa, vô hại đối với tất cả) trong «**4 PHẠM TRÙ**» (Brahmavihāra) nêu trên, thì «**2 đặc tính ấy**» không LUÔN LUÔN bị «**bất buộc**» phải được phát sinh từ «**nền tảng vô lượng**».

*Nghĩa là :

-Trước ***một số đối tượng***, hay trong ***một số trường hợp***, thì ***TỪ*** (Mettā) và ***XÁ*** (Upekkhā) là ***2 tâm sở*** không bắt buộc phải bắt nguồn từ «NỀN TẢNG VÔ LƯỢNG» (Appamaññā).

-Còn trước ***một số đối tượng*** hay trong ***một số trường hợp*** khác, thì ***2 tâm sở*** ấy (***TỪ***=mettā) và ***XÁ***=pekkhā) bắt buộc phải phát sinh từ «NỀN TẢNG VÔ LƯỢNG» (Appamaññā), vì đó gọi là «***2 tâm sở vô lượng***».

-Ví như một người có thể tỏ ra ***thân thiện*** và ***vui vẻ*** trước cảnh đẹp thiên nhiên, hay trước hình ảnh hiền hòa của đức Phật, mà tâm tư họ không bắt buộc phải có «nội dung vô biên»

*Mặt khác, ***TỪ*** (mettā) và ***BI*** (karuṇā) có thể xem là VÔ SÂN HÂN (Adosa), rồi ***HỖ*** (muditā) và ***XÁ*** (upekkhā) có thể xem là «VUI TƯƠI BÌNH ĐẲNG» (Tattramajjhataṭṭā).

-Từ đó, ***Tứ Vô Lượng Tâm*** hay ***4 phạm trù*** (Brahmavihāra) cũng có thể «cô đọng nội dung» thành ***VÔ SÂN HÂN*** (adosa) và ***VUI TƯƠI BÌNH ĐẲNG*** (upekkhā).

-Như vậy, chúng ta có thể qui nạp rằng : ***Cốt lõi của đức tính từ bi*** (mettā-karuṇā) là ***vô sân hận*** (adosa), tương đương với hoàn toàn chẳng có ác ý.

-Đó mới chính là NỘI DUNG của TỪ-BI (mettā-karuṇā), còn hành động **cứu giúp xã hội** (bên ngoài) chỉ là «biểu lộ hiện tượng» hay HÌNH THỨC tự nhiên.

-Khi chư Phật còn tại tiền, thì các NGÀI hằng tỏa rộng TÚ VÔ LƯỢNG TÂM đến tất cả TAM GIỚI chúng sanh, nhưng các NGÀI **không bao giờ «bị ràng buộc»** (=cầm tù hay chấp thủ) bởi «**bốn tâm sở cao thượng**» ấy. Vì khi «bị ràng buộc», thì không còn «tính vô lượng» nữa.

-Đây chính là PHÁP PHẬT **thậm thâm vi diệu**, mà một phàm nhân không đủ duyên lành, **rất khó hiểu thấu**.

*Từ đó, KIẾN GIẢI (ujjala vivraṇa) về VÔ LƯỢNG TÂM (appamañña citta), không còn được xem là **câu văn** hay **lời diễn giảng** nữa, mà KIẾN GIẢI là «hoa trái» (phala) của sự trải nghiệm (anubhavana) cái tính TUYỆT ĐỐI BÌNH ĐẲNG trên ĐỐI TƯỢNG VÔ BIÊN. (Upekkhā = Tattramajjhataṭā).

<>Nhóm TÂM SỞ (Cetasika) sau cùng, chỉ gồm có MỘT là :

TUỆ CĂN (Paññindriya), hay **tâm sở hoàn toàn sáng suốt**.

***TUỆ CĂN** còn gọi là **TÂM SỞ VÔ SI** (Amoha cetasika).

-Căn cứ vào **TUỆ CĂN** (paññindriya) mà người Phật học có thể nói đến “**Phật tánh**” (Bodhéité), một “**tiềm lực giác ngộ**” hằng có trong mỗi chúng sanh.

-Nhưng TIỀM LỰC ấy phải được **phát triển đầy đủ**, xuyên qua TAM THẬP ĐỘ BA-LA-MẬT (Dasa pāramitā).

<>**TUỆ CĂN** (Paññindriya) và **SI MÊ** (Moha) là 2 tâm sở (Cetasika) **hoàn toàn đối nghịch nhau**, trong thức tánh của mỗi sinh vật. -Khi **TUỆ CĂN** phát triển thì **SI MÊ** phải đương nhiên bị suy sụp, và ngược lại.

-Đặc tính của TUỆ CĂN (paññindriya) là **sáng suốt, bình an, hướng thiện, tích cực, và tự lực**.

-Đặc tính của SI MÊ (moha) là **tối tăm, phá hoại, hướng ác, tiêu cực, và tùy tha lực**.

-SI MÊ (moha) luôn luôn **ở vị trí thấp nhất** trong 52 tâm sở,

-TUỆ CĂN (piññindriya) luôn luôn **ở vị trí cao nhất** trong 52 tâm sở (cetasika).

*TUỆ CĂN không phải là “**sự khôn ngoan phàm tục**” (dakkha, māpita), -xin đừng lầm lẫn. Vì “**người khôn ngoan**” thì vụ lợi (adhilābhagāhī), không thể chứng đắc “**tính hư ảo sâu sắc**” (suññatā) trong vạn vật.

*TUỆ CĂN (paññindriya) cũng không phải là “**óc thông minh**” phàm tình (ñāṇasatti), vì “người thông minh” (dakkha purisa) thường trở thành công cụ cho lòng THAM (lobha).

-Suy gẫm thực tế và quan sát đời sống, chúng ta thấy «**do tham lam mà óc thông minh phát sinh và được đào luyện**».

-ÓC THÔNG MINH (dakkha ñāṇa) và LÒNG THAM (lobha) là **2 thành tố tương tác**, tạo nghiệp thô kệch hay vi tế, hoán vị và dây chuyền, để tiếp tục hỗ trợ luân hồi.

-Nếu ÓC THÔNG MINH thỏa mãn LÒNG THAM, thì LÒNG THAM nuôi dưỡng ÓC THÔNG MINH.

-Nhưng...khi cả 2 “ÓC THÔNG MINH” và “LÒNG THAM” được định hướng tốt (THIỆN=kusala pācīnadesa), thì «chúng» sẽ **trở thành hữu ích trong việc thoát ra các vòng luân hồi**.

-Nhưng coi chừng, nếu **bất tín nhiệm** ÓC THÔNG MINH và **chối bỏ** LÒNG THAM một cách vô điều kiện, thì con người trở nên mù quáng, có thái độ «tu hành» cực đoan...thì đi ngược lại TRUNG ĐẠO (Majjhimapatipadā) trong nhà Phật.

<>CỨU CÁNҺ của TUỆ CĂN.

*CỨU CÁNҺ (antima) của TUỆ CĂN (paññindriya) là “**thấy rõ**» vòng luân hồi (saṃsāra) không là gì cả, mà chỉ là **NHÂN-**

DUYÊN-QUẢ xoay vòng, với 3 thực tế là **VÔ THƯỜNG** (aniccā), **CHỊU ĐỪNG** thuận nghịch **KHỔ VUI** (dukkhā), và **VÔ NGÃ** (anattā).

*CỨU CÁNHN của TUỆ CĂN cũng là KHẢ NĂNG xác minh rằng : “**Sự chứng đắc tứ diệu đế**” (catu ariya saccāni) **không phải là lý thuyết**, mà là **trải nghiệm THỰC TẾ VẬN HÀNH** (anubhavamāṇa) của **VẬN PHÁP** trong **tam giới**, xuyên qua NGŨ UẨN (pañca khandhā), gồm SẮC (rūpa), THỌ (vedanā), TƯỞNG (saññā), HÀNH (saṅkhārā), và THỨC (viññāna), hay gồm **TÂM** (citta), **TÂM SỞ** (cetasika), **SẮC PHÁP** (rūpa), và **NIẾT-BÀN** (nibbāna).

*CỨU CÁNHN (antima) của TUỆ CĂN (paññindriya) còn là “**khả năng tận trừ**” THAM SÂN SI phiền não và **TOÀN XẢ**, hóa giải những THỦ CHẤP (upādāna vimutti).

*Sau cùng, CỨU CÁNHN (antima) của TUỆ CĂN (paññindriya) là **chứng đắc**, và xác minh rằng «Nhập TRUNG ĐẠO, là trở thành **vô chấp**, **GIẢI THOÁT**».

Các TRÌNH ĐỘ của TUỆ CĂN

(Paññindriya avatthā)

<>Trước khi trở thành «**cứu cánh**» VĨ ĐẠI (mahantima), TUỆ CĂN (paññindriya) tối thiểu, có thể ví như «**tia sáng**» (raṇsī) ở *tình trạng nhỏ nhất, nhưng không bao giờ tắt* (dhuvaraṇsī).

<>Theo «A-tỳ-dạt-ma» hay Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), TUỆ CĂN (paññindriya) là một TÂM SỞ (cetasika) vô cùng «kỳ diệu» (savimhaya). -Nó là «**ĐỐI THỦ tuyệt đối**» (paripunṇa viruddha) của VÔ MINH (avijjā).

-Và VÔ MINH cũng chính là «**TÂM SỞ SI**» (moha cetasika), hay «**tâm sở duyên khởi**» bắt đầu vòng luân hồi, trong «*Kinh Tương Tác*» (paṭicca samuppādā sutta).

*Từ đó, TUỆ CĂN lại có một tên nữa, là «**VÔ SI**» (amoha).

<>Vì là «**ĐỐI THỦ Tuyệt đối**» của tối tăm (savimhayena), nên «**sự gia tăng**» (vuddhi) của tâm sở TUỆ CĂN (paññindriya), đương nhiên là «**sự giảm thiểu**» (parihāni) của tâm sở SI MÊ (Moha cetasika).

-Các «**mức biến thiên**» (pariṇāma), từ «**cực tiểu**» (appatamasāṅkhyā) đến «**cực đại**» (paramasāṅkhyā), hay ngược lại của TUỆ CĂN (paññindriya) và SI MÊ (moha), có năng lực nghịch chiều (paṭipakkha bala).

***Quan sát tình trạng ĐỐI NGHỊCH** này, chúng ta thấy rằng :

-Trong 1 bầu không khí ĐEN NGÒM (kaṇha ākāsa), 1 *chấm SÁNG rất nhỏ* (ujjala koṭi) cũng có thể là «*điểm chuẩn*», để đoàn lũ hành định hướng.

-Nhưng ngược lại trong 1 bầu không khí TRONG SÁNG (ujjalākāsa), thì 1 *chấm TỐI* (kaṇha koṭi) sẽ *không ảnh hưởng* gì nhiều, đối với kẻ lũ hành có mục tiêu rõ rệt.

-Và chỉ trong 1 bầu không khí U-MINH (mandappabha ākāsa), hay trong cảnh «*trang tối tranh sáng*» (avijjā), thì 1 *chấm TỐI* (kaṇha koṭi) mới có thể làm cho người ta lầm lẫn.

*Từ đó suy ra :

*Tâm sở «TUỆ CĂN» (paññindriya) dù ở trình độ «CỰC TIỂU» vẫn có *năng lực hữu dụng*.

*Nhưng tâm sở SI MÊ (moha) hay «VÔ MINH» (avijjā) dù chưa giảm đến mức «CỰC THẤP», đã trở nên *vô năng*, và chẳng «hiệu quả» như tâm sở TUỆ CĂN (Paññindriya) trong tình trạng tương đương.

-Theo các ***nguyên cứu*** và ***quan sát khoa học***, chúng ta nhận thấy rằng, «TUỆ CĂN» dù «CỰC TIỂU» (appatamasāṅkhyā paññindriya) như TIA SÁNG, vẫn «hiện hữu» trong tất cả những gì có SỰ SỐNG (Jīvita).

-Và KHOA HỌC cũng chứng minh rằng, có cả SỰ SỐNG, trong *khoáng vật* cũng như trong *thực vật*, nhưng «*tuệ căn của chúng*» (paññindriya) thì quá «sơ khai», hay VI TẾ (cực tiểu).

-Chúng *rất yếu, VI TẾ, cực tiểu*...đến độ mà người ta không thể gọi «chúng» là «TUỆ CĂN» (Paññindriya), mà chỉ gọi là «*hiện tượng hiếu sinh*» hay «*năng tính tìm kiếm dinh dưỡng để tồn tại*» (Jīvitindriya bala).

*Bằng chứng là chúng ta thấy LÁ CÂY luôn luôn *xoay ra phía có ánh sáng mặt trời*, hay RỄ CÂY luôn luôn «*bò đến*» *nơi có đất ẩm ướt*, để...tìm SỰ SỐNG. Chúng hiển nhiên biểu lộ *tính hiếu sinh* (Jīvitindriya bala).

<>Như vậy, TUỆ CĂN có *rất nhiều trình độ biến thiên*, biểu lộ trong những gì có SỰ SỐNG, từ «*cực tiểu*» đến «*cực đại*».

<>Và khi «NĂNG TÍNH HIẾU SINH» ấy phát triển «*đủ mạnh*», lên đến mức «*vận chuyển nội thân mình*» như trong ĐỘNG VẬT, cao nhất là CON NGƯỜI, thì NÓ không những được mệnh danh là «TUỆ CĂN» trong Thánh nhân (theo nhà Phật), mà còn được tam gọi là «*óc thông minh*» hay «*tính khôn ngoan*» trong hạng người phàm phu nữa.

<>Và tuyệt mức của TUỆ CĂN (paramasaṅkhyā paññindriya) là «**ánh sáng giải thoát = NIẾT-BÀN**» (nibbāna), hay TRÍ BÁT-NHÃ (PAÑÑĀ=PRAJÑĀ).

*Người theo đạo Phật thường nói về «**GIÁC TÁNH**» (bodh) trong mỗi chúng sanh, tức là ám chỉ sự **HIỆN DIỆN** của một «**CHÚNG TỬ soi sáng**» trong «động cơ» của sự sống. -**CHÚNG TỬ** ấy (=tuệ căn) khi được **phát triển đầy đủ** (hay tu hành viên dung), thì NÓ biến «chúng sanh» thành PHẬT.

-Điều này có nghĩa là «*tuy sự sống nằm trong vòng vui khổ, sinh tử luân hồi, nhưng TÍNH SOI SÁNG (paññindriyassa ujjala) vẫn có HY VỌNG cải thiện, giúp cho sự sống thoát khỏi tình trạng bế tắc. Sau cùng, nếu TUỆ CĂN (paññindriya) lớn mạnh thì sẽ làm tiêu trừ dần dần THAM SÂN SI*».

<>Một số người lại «hiểu lầm» hiệu lực của TUỆ CĂN, cho rằng, «*trong mỗi chúng sanh, có 1 VỊ PHẬT*», đã làm cho «đạo giải thoát» có nhiều «*giáo lý mâu thuẫn*».

-Nhất là câu nói «*đi đồ tể giác ngộ, buông đao thành Phật....*».

<>Câu này làm cho «người chuộng hợp lý» nghe qua cảm thấy «mù tịt». -«**Mù tịt**» vì...dường như «*Phật vốn ở bên ngoài*»,

Ngài «nhập vào ai» (dù cho đó là phần tử cực ác) thì kẻ ác ấy đều sẽ «*giác ngộ thành Phật*» (?!)

-Còn nếu «*Phật tánh ở bên trong*» nhân sinh, thì làm sao «*Phật tánh*» lại có thể để cho cá nhân kia nghĩ ác và làm ác, đến độ bị người đời gọi tên là «đại đồ tể» ?!

<>Theo Vi diệu Pháp (Abhidhamma), thì HIỆU LỰC của «*giác ngộ*» (hay *thức tỉnh*) là đứt khoát bỏ ác làm thiện, tích tụ đạo đức, giải trừ quả xấu trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trước khi đạt đến TOÀN XẢ (upekkhā) giải thoát, chứ 2 chữ «*giác ngộ*» hoàn toàn không thể «xác nhận», và «bảo đảm» sự «nhận mình có tội» là lập tức thành Phật.

-Câu nói «*đồ tể giác ngộ, buông đao thành Phật*» phải chăng là một «diễn tả méo mó» cố ý xuyên tạc giáo lý nhà Phật. -Nếu chúng ta «*không bình tĩnh kiến giải*», thì tất cả những kẻ CÙNG HUNG CỰC ÁC đều có thể một ngày kia trốn tránh pháp luật, vào chùa «tu hành», rồi tuyên bố rằng «*họ đã buông đao và sắp sửa thành Phật*», để lừa bịp !

<>Những người «*nghiên cứu Phật học*» càng không nên dựa vào câu chuyện «VÔ NÃO», hay đạo sĩ Angulimala đeo xâu chuỗi, kết bằng những ngón tay người, mà «hợp lý hóa» câu nói «*đồ tể giác ngộ, buông đao thành Phật*».

-Câu chuyện «**thanh niên Aṅgulimala** bị ông thầy ác tâm lừa gạt, đã trở thành làm lạc và làm bậy....rồi được đức Phật cứu độ như thế nào», cần phải được tìm hiểu một cách chi tiết lẫn khách quan, không bị đóng khung bởi sách vở...

*Chàng **Aṅgulimala** chỉ có thể đã xuất hiện trong các nghĩa địa, để chặt ngón tay người chết, trước khi đưa lên giàn thiêu. Nhất là Aṅgulimala chạy rất nhanh, quan quân còn không ai đuổi kịp, để tìm ra chỗ ẩn núp của y, nên «*huyền thoại*» càng được «*tô vẽ đậm nét*» cho dân chúng oán ghét đối tượng.

-Cứ thế, câu chuyện được lập lại, thành ra «*tên sát nhân chặt ngón tay người sống*». Và đáng tiếc là trong sách sử Phật giáo xưa nay, đều cũng ghi như thế.



Chương III

SẮC PHÁP (Rūpa dhammā).

<>SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) trong nhà Phật, ám chỉ «**nguồn gốc**» của tất cả «HIỆN TƯỢNG» *vật chất* và *siêu vật chất*, -vừa tùy huộc hay không tùy thuộc **thời gian** (kāla), -vừa tùy thuộc hay không tùy thuộc **không gian** (ākāsa)...

*Nói vẫn nói SẮC PHÁP là *CHÂN NGUYÊN của VỮ TRỤ*.

-Hay «sâu xa hơn nữa», «**SẮC PHÁP** trong **nhà Phật**» vốn ám chỉ «**nguyên lý khởi nguồn** của mọi HIỆN TƯỢNG» *hữu hình* (ditṭhigocara) lẫn *vô hình* (adiṭṭhigocara).

<>Rồi «NGUYÊN LÝ KHỞI NGUỒN» (uppatti, ubbhava) ấy, tự biến thành «**qui luật nền tảng**», phát sinh ra tất cả «**hiện tượng VẬT CHẤT**», từ *cực TIỂU* đến *cực ĐẠI* (hay từ *cực TẾ* đến *cực THÔ*), tương đương với ngôn ngữ khoa học ngày nay, gọi là «**bất định VI MÔ** và **bất định VĨ MÔ**».

<>Nhiều nhà khoa học không gian ngày nay cho rằng, có «**hơn 95% cảnh sắc thiên nhiên, mắt người không thể thấy được là PHI VẬT CHẤT**» (immatériel) hay còn gọi «**VẬT CHẤT ĐEN**» (matière noire). Chúng được tạm gọi là «**PHI HIỆN TƯỢNG**», vì chúng chưa đến giai đoạn để «chuẩn bị NỔ LỚN» (big bang), để tạo ra **CÁI GIAI ĐOẠN tiền khai sinh vũ trụ**, và đồng thời khai sinh muôn triệu **hệ tinh tú** khác.

*Nhưng toàn bộ những điều vừa nói, kinh sách A-tỳ-đạt-ma của nhà Phật, chỉ gọi là «**SẮC PHÁP**» (Rūpa dhammā) !

-Trong thực tế, chúng ta phải «tùy tiện» nắm bắt «**lý tính**» của những điều vừa trình bày, và nhìn vào **sự trải nghiệm giai đoạn** thuộc «văn minh KHÔNG GIAN hiện nay», để mạnh dạn dùng một số từ ngữ, chẳng hạn như «**SIÊU VIỆT**» hay «**VI DIỆU**» (abhibhūta), để có thể «**kiến giải**» được «**SẮC PHÁP**» (rūpa dhamma) một cách tương đối.

-Hai chữ «**SIÊU VIỆT**» (abhibhūta) cũng ám chỉ tình trạng «**bất khả thuyết, bất khả tư nghì**», hay ám chỉ tình trạng «**không thể dùng lời lẽ và trí thông minh thường tình, mà diễn tả chính xác SẮC PHÁP được**».

*Người nghiên cứu kinh Phật, cần áp dụng câu châm ngôn «**GIỮ Ý QUÊN LỜI**», không để «**kiến thức**» của mình bị «**cầm**

tù» bởi văn tự chữ nghĩa, và bởi khuynh thương xã hội, thì may ra họ mới có thể «*tạm thông suốt*» SẮC PHÁP (rūpa dhammā), xuyên qua những «kho» sách vở.

-Hơn nữa, với lòng tích cực có **chừng mực** và TUƠNG ĐỐI đó, chúng ta còn phải «dựa» vào vào NGUỒN KINH ĐIỂN NÀO gần với «nguồn gốc» nhất, thuộc nhà PHẬT, để qui nạp và nêu ra «**4 loại căn nguyên**» phát sinh **SẮC PHÁP**» (rūpadhamma), gọi là «**SÊU VIỆT**».

*Theo nguồn kinh điển Phật học chữ Pālī, tiếng nói mà Đức Phật đã dùng để thuyết Pháp (dhamma) ngày xưa, thì chúng ta có «4 sắc pháp SIÊU VIỆT» (catu mahābhūta rūpadhammā), có thể đặt tên như sau :

Căn nguyên SẮC PHÁP siêu việt thứ nhất* (Paṭhamābhibhūta) theo qui ước cho là loại «A**»,

Căn nguyên SẮC PHÁP siêu việt thứ hai* (Dutiyābhibhūta) theo qui ước cho là loại «B**»,

Căn nguyên siêu SẮC PHÁP việt thứ ba* (Tatīyābhibhūta) theo qui ước cho là loại «C**», và

Căn nguyên SẮC PHÁP siêu việt thứ tư* (Catutthābhibhūta) theo qui ước cho là loại «D**».

-Các cặp chữ «*loại A*», «*loại B*», «*loại C*», và «*loại D*» giả định dùng ở đây, không ám chỉ «thứ tự A-B-C-D», mà vốn chỉ để nói rằng «**chúng là 4 ký hiệu** hoàn toàn **huyền bí** vừa liên hệ vừa khác hẳn nhau».

<>Lại nữa, chúng ta thường đọc thấy trong nhiều kinh sách Phật giáo, nêu ra «**Thuyết TỨ ĐẠI**» (Catu mahābhūtavāda) cũng tương tự gồm có :

1/THỔ ĐẠI (Paṭhavī mahābhūta), tạm dịch là «**CHẤT ĐẤT**»

2/THỦY ĐẠI (Āpo mahābhūta), tạm dịch là «**CHẤT NƯỚC**»

3/HỎA ĐẠI (Tejo mahābhūta), tạm dịch là «**CHẤT LỬA**», và

4/KHÍ ĐẠI (Vāyo mahābhūta), tạm dịch là «**CHẤT KHÔNG**» hay «**GIÓ = PHONG**».

-Chúng ta nhận thấy «**Thuyết TỨ ĐẠI**» tương ứng với «**4 loại căn nguyên SẮC PHÁP siêu việt A-B-C-D**» nêu trên. -Và tất nhiên chữ **ĐẠI** (mahā) cũng «tương quan» với 2 chữ **SIÊU VIỆT** (abhi-bhūta).

<>Từ đó, chúng ta thử hiểu rằng, chữ «**ĐẠI**» (hán việt) hay «**MAHĀ**» (Pāṭi), không có nghĩa duy nhất là «**VÔ CÙNG TO LỚN**», mà còn ám chỉ **một sự thật khác**, đó là **ĐẶC TÍNH VÔ BIÊN** và **CÓ MẶT KHẮP NƠI**.

-Đối với «nội dung» của câu «TỨ ĐẠI vô biên và có mặt khắp cùng», chúng ta chỉ «nắm bắt» được *nghĩa lý* một cách hữu hạn.

<>Ấy là «hữu hạn» đối với «vô biên», hay ấy là «hiện diện tại một điểm» đối với có mặt khắp cùng», -ví như so sánh «một tia sáng» trước toàn thể «sự quang minh» trong vũ trụ.

-Hai chữ «SIÊU VIỆT» (abhi-bhūta) ngầm ám chỉ «TÍNH VÔ BIÊN» hay «CÓ MẶT KHẮP CÙNG» ở đây, là một từ ngữ chuyên chở cái *khái niệm* «KHÔNG RANH GIỚI» (ākāśa paññatti). -Và «SIÊU VIỆT» cũng có nghĩa là «*hiện hữu*», nhưng hoàn toàn «không bị hạn chế» trong «hình thức không gian» cũng như trong «nội dung thời gian».

*Nghĩa là «*hiện hữu để hằng biến*» !

<>Như vậy, «TỨ ĐẠI» (Catu mahā bhūtāni) gồm **thổ** (=đất : Paṭhavī), **thủy** (=nước : Apo), **hỏa** (=lửa : Tejo), và **khí** (=gió hay **phong** : Vāyo), chỉ là 4 từ ngữ triết học đặc biệt, chuyên chở «*khái niệm*» thuộc TÊN GỌI (danh pháp) của «**4 sắc pháp chân nguyên**», tức là «**siêu việt A, B, C, D**».

-«TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT» (catu mahābhūtāni) ấy còn có thể gọi một cách dễ hiểu hơn, là «TỨ ĐẠI CĂN NGUYÊN», vì chúng vốn đã trải qua **sự biến thiên** «HUYỀN DIỆU» bởi chính chúng,

để bước vào giai đoạn «**vật chất hóa**», thành ra «ĐẤT» (paṭhavī), «NƯỚC» (āpo), «LỬA» (tejo), và «KHÍ» (vāyo), để có mặt «**khắp cùng**». Và từ đó, 4 KHÁI NIỆM «tổng quát» về CHÚNG trong tư tưởng con người, được thành lập...

-Chữ Pālī trong Phật học gọi chúng là «SẮC PHÁP HUYỀN NĂNG» ở «**giai đoạn uyên nguyên SIÊU VIỆT**» («MAHĀ BHŪTA» hay «ĐẠI CĂN NGUYÊN CHÂN SẮC».

-Bởi vì «ĐẠI CĂN NGUYÊN CHÂN SẮC» vẫn còn «SIÊU VIỆT», nên cái «**tên khái niệm**» của chúng cũng là một MỆNH DANH (nāma) hoàn toàn «**mông lung, tổng quát, bất khả định nghĩa**» (aniyata).

-Những «**tên khái niệm**» ấy chỉ chuyên chở cái **đặc tính tương đối rõ ràng hơn cả**, là «CÓ MẶT KHẮP CÙNG». -Chẳng nơi nào không có TỨ ĐẠI (catu mahā).

-Và VẬN HÀNH tiếp theo của TỨ ĐẠI CĂN NGUYÊN CHÂN SẮC, là HỢP rồi TAN....TAN rồi HỢP..., biểu lộ 2 tình trạng «**hiện hữu**» rồi «**biến mất**», và «**biến mất**» rồi «**hiện hữu**», XOAY VẤN BÁT TẬN trong VÔ BIÊN VŨ TRỤ.

-Hai tình trạng **hiện ra một thời gian** rồi **biến mất**, và **biến mất một thời gian** rồi **hiện ra** hay SINH (jāti) và TỬ (maraṇa) ấy,

nhà Phật gọi là «TUỔNG HỢP và TÁNH TAN» của vạn vật, tương đương với thực tế vạn vật, và CHỨNG MINH một cách khoa học, với 3 hiện tượng :

*VÔ THƯỜNG (Anicca), thay đổi liên tục, biến dạng không ngừng, hữu hình rồi vô hình.

*KHỔ NÃO, *chịu đựng* 2 tình trạng THUẬN (mānāpa) lẫn NGHỊCH (amānāpa), CÓ rồi MẤT, tức là «**hài lòng** lẫn **bất mãn**» (sukkhapi dukkhapi), hay «**hạnh phúc** lẫn **đau thương**», của TÂM LÝ đối với VẬT LÝ, và...

*VÔ NGÃ (Anattā), ***vạn vật vốn hoàn không, chẳng bao giờ là thực thể = tạm thời trong hợp tan.***

-Chữ Pāḷi gọi TỨ ĐẠI ở giai đoạn «*định hình tạm thời*» này, là «CATU MAHĀ DHĀTU» tức là «TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ».

-Hay «***bốn sắc pháp khởi thủy***».

-«Bốn sắc pháp nguyên tố» ấy ám chỉ những «vi tử» (cực nhỏ) để HỢP rồi TAN, và TAN rồi HỢP xoay vần, đồng thời lưu hành liên tục (niccā).

QUI NẠP :

*«**Tứ Đại Chân Nguyên**» hay «**Tứ Đại ở tình trạng Siêu Việt**» (Catu MAHĀ BHŪTA), thì **không có** «tên gọi», nên **không gây** «khái niệm».

*Nhưng khi CHÚNG trở thành «**Sắc Pháp Nguyên Tố**», thì có tên chế định, như ĐẤT (paṭhavī), NƯỚC (āpo), LỬA (tejo), và KHÍ (vāyo), để ám chỉ một VẬT trong vũ trụ, nhưng VẬT ấy hằng «**mông lung**», «**vô định**»...có mặt khắp nơi.

<>Ví như **ĐẤT** (Paṭhavī : THỔ ĐẠI), thì **có mặt khắp cùng, không ấn định** địa điểm. -Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), chúng ta chỉ có **khái niệm về đất**, chứ chúng ta **không thể thấy** hay định vị được ĐẤT.

*Nhưng xuyên qua *mỗi giây phút*, chúng ta vẫn có cảm giác là đang «thấy đất trước mắt», bởi từ khi ra đời cho đến nay, chúng ta đã quen biết đến mọi vật qua 3 phạm trù giác quan.

-Và theo Phật học thì :

a/NGOẠI TƯỚNG của ĐẤT, gồm các trang thái như *bằng phẳng* hay *lồi lõm*, *cao* hay *thấp*, *tròn* hay *vuông*, *đen* hay *trắng*, *bột* hay *khối*, *hiện hữu* hay *biến mất*...v...v...

b/CẢM NHẬN của ĐẤT, như *cứng* hay *mềm*, *nhẹ* hay *nặng*, *thô* hay *tế*...v...v...

c/Ý TƯỞNG của ĐẤT, như «*diễn tả được*» hay «*không diễn tả được*»...v...v...

-Những «HÌNH TƯỢNG ấy lại *thay đổi không ngừng*, biến dạng mãi mãi theo dòng thời gian. Nghĩa là ĐẤT có *muôn vạn hình tướng khác nhau*.

-Và thói quen CẢM GIÁC vẫn thường xuyên lừa gạt chúng ta. Nó làm cho chúng ta *tưởng lầm*, cho rằng «*mình thấy chân nguyên tứ đại*», mà thật ra thì không. Chúng ta chỉ «*thấy*» hay «*cảm thấy*» *hiện tượng tạm thời* của chúng mà thôi.

-Rồi chúng ta tự cột chặt «KHÁI NIỆM» (paññatti) của chúng ta vào một *hình tướng* hay *cảm giác* TẠM THỜI nào đó, để tưởng tượng cho bản thân mình, chứ chưa chắc là được chấp nhận bởi kẻ khác.

-Từ đó sinh ra *sự thấy lầm* (ditṭhi) của từng cá nhân, làm nguyên nhân của những nỗi KHỔ (sai biệt). -Vì tính tạm thời (VÔ THƯỜNG = ANICCĀ) *vốn không bao giờ làm vừa lòng* «*người thấy đối tượng*».

Quay lại Phật học :

*HÌNH TƯỢNG (lakkhaṇa) của ĐẤT (paṭhavī : THỔ ĐẠI) tuy có *muôn ngàn trạng thái*, nhưng theo Vi Diệu Pháp

(abhidhamma), thì NÓ chỉ có 2 ĐẶC TÍNH (lakkhaṇa), là...CỨNG (thaddha) và MỀM (mudu).

-Cái gì cho chúng ta 2 cảm giác *cứng* và *mềm*, thì Phật học tạm gọi ấy là ĐẤT (Paṭhavī) hay THỔ ĐẠI.

<>Tương tự như thế, NƯỚC (āpo hay THỦY ĐẠI) tuy cũng có *khá nhiều hình tướng*, như «nước sông», «nước hồ», «nước biển», «nước lỵ», «nước chén», «nước giọt», «nước vũng», nước ao, nước giếng...v...v...

-Và NƯỚC cũng chỉ có 2 *đặc tính* là «*kết*» (saṅgameti) và «*phân*» (bheneti), nên nó có thể trượt lên nhau, trôi chảy, luân lưu *từ cao xuống thấp*. -KẾT là làm *dính lại* (kể từ vật nhỏ nhất, như nguyên tử chẳng hạn), -Và PHÂN là làm *tách ra*, hay chia chẻ *tan rã* (chỉ đến đơn vị lớn nhất, để dần dần biến mất).

*Tỷ dụ : Khi chúng ta nhỏ một giọt nước vào đĩa bột, thì những hạt bột li ti được kết dính thành khối. Hay khi chúng ta bỏ một vật gì (*dù thể tích to lớn hay cứng mềm đến đâu*) vào trong nước (tức là chất lỏng), thì vật ấy sẽ dần dần tan ra (dù rất lâu), và sau cùng biến mất....

-NƯỚC luôn luôn làm cho vật chất tan rã, biến mất là điều chắc chắn. Nhanh hay chậm chỉ là vấn đề thời gian, và tùy theo tỷ lệ

rắn chắc (lớn nhỏ) của vật, và *dung lượng* của chất lỏng đủ lớn để làm tan vật ấy mà thôi.

<> Cùng cách ấy, chúng ta có thể nói, LỬA hay HỎA ĐẠI (Tejo mahādhātu) cũng có **khá nhiều hình tướng** (lakkhaṇa), như THỎ ĐẠI và THỦY ĐẠI, nhưng LỬA hay HỎA ĐẠI chỉ có 2 TÁNH, là PHÙ (vitthambana) và TRẦM (opātāna) tức là NÓNG (unhatta) và LẠNH (sīta). -Âm (nisedhatthavācaka) và Dương (ekanta). -«PHÙ» (=NÓNG) thì làm cho nở to, phình ra (vitthambana). -“TRẦM” (=LẠNH) thì làm cho teo lại, xẹp xuống (opātāna).

*NÓNG (unhatta) và LẠNH (sīta) là **2 cảm giác**, phát sinh do **xúc chạm** (phussana) trực tiếp hay gián tiếp, -“GẦN LỬA” thì cảm giác từ nóng đến cực nóng. -“XA LỬA” thì cảm giác từ lạnh đến cực lạnh.

*Ngoài ra, PHÙ (vitthambana) và TRẦM (opātāna) là **2 vận hành**, tạo thành muôn ngàn hình tướng, nên chúng ta qui nạp PHÙ và TRẦM là 2 TÁNH (lakkhaṇa) của HỎA ĐẠI (Tejo mahādhātu), làm ra nhiều biệt dạng.

*Có sách nói “NÓNG” (=dương) và “LẠNH” (=âm) là “2 tánh” của HỎA ĐẠI cũng không sai. -Vì NÓNG và LẠNH cũng có

thể “*đốt cháy vật chất*” (=biến hóa), dưới 2 dạng là “*cháy bùng*” và “*cháy ngầm*”.

-Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), “NÓNG” và “LẠNH” phải được hiểu và biết một cách ***tương quan***, không nên hiểu và biết một cách “*cứng ngắt*”. Nghĩa là chớ nên cho rằng, “trên KHÔNG ĐỘ là NÓNG, và dưới KHÔNG ĐỘ là LẠNH”. -Mà chúng ta cần “minh sát” để ý thức rõ, “*trừ 20 độ thì nóng hơn trừ 50 độ*” hay “*trừ 100 độ thì lạnh hơn trừ 50 độ*”. Nghĩa là, Nên ấn định NÓNG và LẠNH trong sự ***tương quan***.

<>Sau cùng là KHÍ ĐẠI hay KHÔNG GIAN (Vāyo mahādhātu). KHÍ ĐẠI hay KHÔNG GIAN cũng có ***nhiều hình tướng*** (bahuvacana lakṣaṇa).

-Nhưng những HÌNH TƯỚNG (lakṣaṇa) của “***Khí đại***” (vāyo mahādhātu) thì “*luôn luôn tàng ẩn*”, tức là KHÍ ĐẠI chỉ hiện ra sau khi chính NÓ đã vận hành. Và HÌNH TƯỚNG của KHÍ ĐẠI sau pháp hành, cũng “*dựa trên VẬT CỤ THỂ*” tương tác với nó mà thành lập.

*Ví như ***hình tướng*** của KHÍ ĐẠI (=không gian) sẽ hiện ra, sau khi chính NÓ đã ***vận hành***, và trở thành PHONG ĐẠI (=như lá cờ phát phới). Ngoài ra, ***tướng trạng*** (lakṣaṇa) của KHÍ ĐẠI (=không gian) cũng “***nuơng vào ranh giới***” của VẬT

CHẤT (rūpa), do **3 đại kia** kết thành (ti aññamahādhātu), như «không gian trong khung cửa», trong «cái ống»...v...v....

-Hay ví như *tướng trạng của phong đại* (Vāyo=*khí đại*) có thể nhìn thấy xuyên qua *sự rung động của lá cây*, hay nhìn thấy xuyên qua hình ảnh của *sóng nước*, và nhìn thấy xuyên qua *một đám bụi bay tung* trên mặt đường, khi có gió “thổi”.

-Nói chung, *tướng trạng* của *khí đại* (Vāyo = không gian) được «tạo ra» do giới hạn của các vật, như “khung cửa”, như “ống kính”, như “vách tường”, như «miệng giếng»...v...v....

-Tóm lại, “*tướng trạng*” (lakkhaṇa) của KHÍ ĐẠI (hay PHONG ĐẠI=vāyo mahādhātu) *tùy vào vận hành của chính nó*, và tùy theo vật chất “tạo hình dáng” cho nó.

◁Và tương tự như 3 ĐẠI kia (**thổ, thủy, hỏa**), KHÍ ĐẠI tuy cũng có **khá nhiều tướng trạng**, nhưng NÓ chỉ có 2 TÁNH hằng thật, là “ĐỘNG” (gamana) và “TĨNH” (acala, anīja).

-**Động** và **tĩnh** là 2 đặc tánh, hay “2 năng lực tự nhiên” của SỰ VẬN HÀNH trong không gian, tạo ra nhiều TƯỚNG TRẠNG khác nhau, vừa hiển nhiên, vừa kỳ diệu....của KHÍ ĐẠI.

-Rồi sự VẬN HÀNH (Saṅkhata) **liên tiếp lập lại** (javana), làm cho 2 đặc tính ĐỘNG và TĨNH bị “xáo trộn”. -Về phương diện tâm linh thì ấy là **nguồn gốc** của **vọng động**.

-Khi VỌNG ĐỘNG phát sinh, thì AN TĨNH không thể tái lập. Rồi **vọng động liên tiếp** sẽ trở thành “cố tật” và làm cho **tinh thần** yếu ớt, mất hết các khả năng tự tại, đặc biệt của nó.

-Từ đó, động vật nói chung và con người nói riêng, THƯỜNG XUYÊN VỌNG ĐỘNG, tạo dịp cho HÀI LÒNG và BÁT MÃN phát sinh xen kẽ. Ấy là “duyên khởi” của THAM – SÂN – SI. Chúng ta cũng có thể nói, ba thứ “**vọng để tham**”, “**vọng để sân**”, và “**vọng để si**”, không ngừng quấy nhiễu trong tâm thức mỗi chúng ta, từng giây phút....

*Và ấy chính là «**nội dung sâu sắc**» mà «KIẾN GIẢI A-TỠ-ĐẠT-MA» (ujjala vivaraṇa) cố gắng “làm sáng tỏ”. -Sự **hiện hữu** của VỌNG ĐỘNG tuy là một hiện tượng XẤU, nhưng NÓ «chẳng hoàn toàn vô dụng» trong sự sống...

- Tất nhiên, con người không thể nào “nhìn thấy” NÓ bằng con **MẮT THỊT** phàm phu, cố chấp. -Và họ cũng không thể nào “nhìn thấy” NÓ bằng con **MẮT TINH THẦN BÁN LOẠN** (uddhacca cetasika), mắc dính (upādāna).

*Sự VỌNG ĐỘNG chỉ được khám phá bởi **tâm AN TĨNH** (visuddhi), và với con **MẮT TAM THANH TINH**, kiên cố trong THIỀN (appanā).

QUI NẠP :

<>Nói đến SẮC PHÁP là nói đến “4 CHÂN NGUYÊN” của mọi HIỆN TƯỢNG HUYỀN VI, hay nói đến NGUỒN GỐC SIÊU VIỆT, phát sinh “vật chất” trong TOÀN THỂ VŨ TRỤ.

*TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ (Catu mahādhātu), gồm ĐẤT (paṭhavī), NƯỚC (āpo), LỬA (tejo), và KHÍ (vāyo) vốn phát sinh từ **4 Căn nguyên siêu việt** (A-B-C-D), có mặt khắp cùng, “*lung linh*”, lẫn “*huyền diệu*” đã được “**sự vận hành**” của **chính nó**, mà CỤ THỂ HÓA thành VẬT CHẤT (rūpa).

<>SỰ VẬN HÀNH (Saṅkhārā) ấy đi từ “*lung linh* đến *ưu thế*”, rồi đi từ “*trừu tượng* đến *cụ thể*”, và đi từ “*vô định* đến *giả định*”, (-giả định tức là **tạm thời**). -Và sau cùng là đi từ “*chu kỳ này*” đến “*chu kỳ khác*”, xoay vần **tiếp nối** vô tận...

<>Cái mà nhà Phật gọi là “TẬP KHÍ” hay “UẨN” (Khandha) vốn phát sinh và “**tụ tập**”, từ giai đoạn **sơ khai biến thiên** đó.

* “**SẮC UẨN**” hay “**Tập khí hình sắc**” (Rūpa khandha), là MỘT trong “**NĂM UẨN**” (Pañca khandhā). “**ẢY**” là nguyên nhân tạo ra “*thân thể hữu cơ*” của con người nói riêng, và của toàn thể động vật nói chung.

Năm uẩn ấy gồm :

1/SẮC UẨN (Rūpa khandha), 2/THỌ UẨN (Vedanā khandha), 3/TUỞNG UẨN (Sañña khandha), 4/HÀNH UẨN (Saṅkhāra khandha), và 5/THỨC UẨN (Viññāna khandha).

<>Nếu phân tích theo DANH SẮC (Nāma rūpa), thành lập ra con người, thì trong khi DANH hay TINH THẦN (Nāma) cần đến **sự kết hợp** của 4 UẨN (**thọ, tưởng, hành, thức**), thì SẮC (Rūpa) hay THÂN THỂ chỉ đơn giản là UẨN THỨ NHẤT (Paṭhama khandha), trong NGŨ UẨN (Pañca khandhā).

*Nhưng SẮC UẨN (Rūpa khandha) lại là “*thực tại nương tựa*” của **4 uẩn kia**. Nương tựa nơi SẮC UẨN, tức là **4 uẩn kia** không ít thì nhiều phải bị NÓ “kèm hãm”, và “ảnh hưởng” của NÓ trên các UẨN ấy bao giờ cũng “rất ưu thế”.

-SẮC UẨN (rūpa khandha) thường xuyên là “*cái khung vô thường*”, trong đó các UẨN khác tùy duyên hoạt động, nên những gì SẮC UẨN “cung cấp” cho mọi vận hành, -chẳng hạn

như MÔN (Dvāra), XỨ (Āyatana dhammā), hay GIỚI (Dhātu dhammā), cũng phải trở thành VÔ THƯỜNG THEO.

-Khi THỌ UẨN (vedanā khandha), TƯỞNG UẨN (sañña khandha), HÀNH UẨN (saṅkhāra khandha), và THỨC UẨN (viññāna khandhā) “**hết bị cầm tù**” bởi SẮC UẨN (rūpa khandha), thì 4 UẨN ấy sẽ không có “**môi trường**” (vatthu), sẽ không có “**vai trò**” (Kicca), và sẽ không có “**đối tượng**” (ālamhana) để vận hành, biểu lộ ra «sự sinh tử» nữa.

-VÂN HÀNH tức là tạo **nghiệp tốt** (kusala kamma) hay tạo **nghiệp xấu** (akusala kamma), trong DỤC GIỚI (Kāma loka) và trong SẮC GIỚI (Rūpa loka).

*NGHIỆP TỐT (kusala kamma) thì tiến hóa cho THỨC UẨN (viññāna khandha), giúp NÓ “tái trở thành” NGUYÊN TÂM (citta), để được **thanh tịnh yên ổn lâu dài**, hết bị các vòng sinh tử luân hồi lôi cuốn (saṃsāra).

*NGHIỆP XẤU (akusala kamma) thì thoái hóa cho THỨC UẨN (viññāna khandha) kéo THỨC UẨN đi vào sa đọa, không làm sao tránh khỏi 4 giai đoạn **sinh lão bệnh tử** (jarāmaraṇa sokaparidevamanassūpayāsā).

<>Nói tóm lại, THỨC UÂN của một **sinh linh** khi còn «**lăn trôi** trong **tam giới**» gồm “**dục giới**” (kāma loka), “**sắc giới**” (rūpa loka), và “**vô sắc giới**” (arūpa loka) mà được soi sáng, -nhất là *lăn trôi trong CÔI DỤC và CÔI SẮC* với CHÁNH KIẾN (sammā diṭṭhi), thì SẮC UÂN (rūpa khandha) vẫn là một “**một phương tiện** hay **yếu tố cần thiết**”, để sinh linh ấy **cải thiện**, và **tích tụ NGHIỆP LÀNH** (kusala kamma), hầu đạt đến «thoát khổ», Niết-bàn (Nibbāna).

-Ngược lại, nếu sinh linh ấy vì TÀ KIẾN (Miccha diṭṭhi), mà hiểu lầm, rồi **ruồng bỏ** SẮC UÂN (rūpa khandha) một cách thiếu sáng suốt (như *cực đoan hành xác* chẳng hạn), hay mù quáng **tuân theo mọi đòi hỏi của sắc uân** (hưởng thụ, lợi dưỡng), thường xuyên tạo NGHIỆP ÁC (akusala kamma), thì sinh linh ấy sẽ *tự sa đọa vào cảnh khổ vô tận* (saṃsāra dukkha) một cách không thể tránh được.

<>Có một số người QUAN NIỆM cái KHỔ quá giản dị, rồi COI THƯỜNG “**phương tiện vật chất**” (ám chỉ “hiệu lực” của hành động do sắc thân), mà chủ trương dùng pháp trừu tượng phiến diện rằng “**chỉ tu tâm là đủ**”.

-Họ nói rằng “**hành động thể xác không quan trọng**, vì đó chỉ là “**hình thức**” hay **bản năng**” vô thường. “Người trí” không

nên “chấp nhất” vào hành động xác thân, mà cốt yếu là “*giữ cho tâm ngay thẳng*”. (?!)

-Quan niệm này tuy “*không hoàn toàn sai*”, nhưng thiếu cụ thể, thực tế. Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) phát biểu rõ, THÂN (kāya) và TÂM (citta) ví như 2 chân. Nếu chỉ có 1 chân *đứng thẳng*, để nâng đỡ toàn trọng lượng, thì chắc chắn con người sẽ mất thăng bằng, không bao giờ vững vàng được.

-Nghĩa là TINH THẦN (Nāma) và VẬT CHẤT (Rūpa) phải luôn luôn song song với nhau, và cùng vận hành, cùng lành mạnh, hay cùng tiến hóa trong nghiệp thiện (kusala kamma).

-Chọn MỘT trong HAI cái, rồi coi thường hay phủ nhận cái kia là một ***lầm lạc lớn***, -nếu không muốn nói là ***tà kiến*** (miccha diṭṭhi) hay “***cực đoan***”!

*Ở đây, KIẾN GIẢI (samujjala vivaraṇa) muốn nhấn mạnh về TÂM QUAN TRỌNG của SẮC PHÁP (Rūpa dhammā) hay THÂN NGHIỆP (Kāya kamma) vậy.

*Kinh Phật hằng nhắc rằng, trong 10 NGHIỆP của SẮC UẨN (rūpa khandha), thì THÂN tạo 4 NGHIỆP, và KHẨU (miệng) tạo 3 NGHIỆP, -nghĩa là cái khối xương thịt đang sống này, hằng ngày phần nó tạo đến 7 nghiệp, THIÊN-ÁC lẫn lộn...

<>NẾU ẤY LÀ ÁC (Akusala), THÌ 7 NGHIỆP ÁC do THÂN (kāya) và MIỆNG LÀ :

-THÂN *sát sinh, trộm cắp, tà dâm*, và

-KHẨU *nói dối, nói đâm thọc, nói hoan đường, nói thô tục*.

*Đây là 4 nghiệp ác trực tiếp do KHẨU, còn 4 nghiệp ác gián tiếp nữa, cũng do miệng bảo người khác làm, nếu tính chung lại, thì THÂN và KHẨU có tất cả là 12 nghiệp ác do SẮC UẨN (rūpa khandha) mà phát sinh.

<>NẾU ẤY LÀ THIỆN (Kusala) THÌ 7 NGHIỆP THIỆN do THÂN (kāya) và MIỆNG LÀ :

-THÂN *phóng sinh, bố thí, giữ tiết hạnh*, và

-KHẨU *nói thật, nói đoàn kết, nói cụ thể*, và *nói hòa nhã*.

*Đây là 4 nghiệp thiện trực tiếp do KHẨU, còn 4 nghiệp thiện gián tiếp nữa, cũng do miệng bảo người khác làm lành, nếu tính chung THÂN và KHẨU, thì tất cả là 12 nghiệp thiện do SẮC UẨN (rūpa khandha) mà phát sinh.

<>“Kiến giải” (ujjala vivaraṇa) về TÂM QUAN TRỌNG của SẮC PHÁP (rūpa dhamma) còn được xem là “kiến giải” về SỰ CỘNG NGHIỆP (gaṇībhūta kamma) trong DỤC GIỚI (Kāma

loka), và trong SẮC GIỚI (Rūpa loka), 2 *cảnh giới* vừa có nhiều khổ não, vừa có nhiều ***bấp bênh, thăng trầm, bất định***.

*TÂM (citta) tuy là “*nguồn gốc phát sinh*” sự PHÂN BIỆT (visesa) mọi hành động xấu hay tốt, nhưng HIỆU LỰC hay ***ảnh hưởng*** của **THÂN vào TÂM** cũng rất UÙ THỂ. Ví như ***thân đau*** thì ***tâm đau***, ***thân khỏe*** thì ***tâm khỏe***.

-***Ảnh hưởng*** của VẬT CHẤT (rūpa) hay THÂN (kāya) ấy có HIỆU LỰC (vāra) một cách ***vô điều kiện*** đối với **TÂM**, chứ không phải TÙY LÚC. Nghĩa là VẬT CHẤT (rūpa) luôn luôn đủ khả năng “***thay đổi khuynh hướng của tâm***”.

-Và “HẬU QUẢ” sẽ không căn cứ độc nhất vào TÂM, mà căn cứ vào “HÀNH ĐỘNG” của THÂN nói chung nữa, -hay ***đúng hơn*** là căn cứ vào NGHIỆP (Kamma), “***hỗn hợp***” của ***cả hai*** THÂN và TÂM đã bị các NHÂN thiện cũng như ác “***lôi kéo***”.

*Cái “thảm kịch” xưa nay của LUÂN HỒI, trả vay xen kẽ...xoay vần bất tận, vốn nằm một cách “khó hiểu” ở chỗ đó.

-Qui nạp :

-Tuy TÂM THỨC (citta-viññāna) là “khả năng” nhận ra THIÊN ÁC, nhưng NÓ vẫn không thể “vận hành LÀNH

MẠNH một cách cụ thể” trong mọi trường hợp, nếu NÓ không có *phương tiện vật chất* là THÂN.

-Nói cách khác, đa số “*thói quen TỐT*” đã nhiễm vô TÂM, vẫn đến từ “*thói quen TỐT*” của THÂN quen thực hành, -ví như *thân thuần thực giữ năm giới*, thì *tâm hoan hỷ trong năm giới*. Ngược lại *tâm không tự nhiên hoan hỷ*, nếu *thân không thuần thực giữ năm giới*, và *tâm xao lãng, coi thường việc giữ năm giới*, mặc dù “NÓ biết giữ năm giới là TỐT”.

-Riêng TÂM (citta) của người đã đạt *thân khẩu ý THANH TỊNH* (appanā), đặc CHÁNH KIẾN (sammā diṭṭhi) thì khác. Nhưng xét cho cùng, *trước khi* “thân khẩu ý trở thành thanh tịnh”, thì sự “*huấn luyện THỂ XÁC*” (kāya), như bố thí, trì giới, và hành thiền...vẫn là *BUỚC ĐẦU phải có*.

-Không có *BUỚC ĐẦU* với *thân thực hành* này thì “*sự tu tâm*” trở thành vô nghĩa, -đó chỉ là lý thuyết !

-Người “chủ trương” TU TÂM tuy rất nhiều, nhưng cái *khổ* TÂM trong phần đông chúng ta, chẳng những đã không giảm mà tăng, là bởi nguyên nhân gì ?

-*Lý do chính* phải chăng là sự coi thường HIỆU LỰC của THÂN THỂ (kāya rūpa) hay coi thường ẢNH HƯỞNG của

VẬT CHẤT (rūpa), do THÂN NGHIỆP bị sự thúc đẩy của *tham sân* và “*tà kiến*” (miccha ditṭhi) ?!

<>Trong VĂN MINH cận đại của nhân loại, có một KHUYNH HƯỚNG gọi là HIỆN SINH, khởi xướng bởi Triết gia John LOCK, người Anh vào thế kỷ thứ 17. *Khuynh hướng* này lấy VẬT CHẤT và HOÀN CẢNH XÃ HỘI làm “nền tảng”, để ấn định GIÁ TRỊ *tư duy* và *sinh hoạt* của con người, -qui trách nhiệm vào KINH TẾ, CHÍNH TRỊ và VĂN HÓA. Nghĩa là đời sống vật chất (rūpa) «tạo ra» tinh thần con người.

-“HIỆN SINH” là một NẾP SỐNG lấy “*nhu cầu*” XÁC THÂN (=bản năng), tức là SẮC PHÁP làm chủ động !

-Tình trạng “HIỆN SINH” có thể khiến cho con người trở thành DUY VẬT và ĐOẠN KIẾN (uccheditṭhi), quan niệm rằng “*tâm không là gì hết, trách nhiệm hay hậu quả của tất cả hành động không liên quan gì đến giá trị của tâm*”, và chết là hết, vô nhân, vô duyên, vô quả. Con người sống như thế nào là do ảnh hưởng của VẬT CHẤT.

-Đây là một loại tư duy hoàn toàn LẦM LẠC, -nguồn gốc của TỆ ĐOAN *vô trách nhiệm*, của tinh thần chủ trương “*mạnh được yếu thua là lẽ tự nhiên*”!

-Người sống theo ***tinh thần hiện sinh*** luôn luôn đổ lỗi hay xung đột do hoàn cảnh (hay xã hội) và do nhu cầu bản năng, chứ không phải do chính mình".

-Và *khuyňh hướng hiện sinh*, đã được Đức Phật nói đến trong “***Kinh Phạm Võng***” (Brahmacala sutta), mô tả về 62 TÀ KIẾN (=62 trường phái tư duy lầm lạc).

<>Chúng ta nhấn mạnh TẦM QUAN TRỌNG của HIỆU LỰC VẬT CHẤT (Kāya vāra), là làm nổi bật “***tính cứu khổ thực tế***” xuyên qua SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) trong giáo lý Đức Phật, -đặc biệt là đề “***đánh thức***” những ai cực đoan, thiên hẳn về ***khả năng tuyệt đối của tinh thần***, rồi coi thường ***hiệu lực của vật chất lành mạnh*** trong *sự sống*.

-Đây cũng là một ***phương diện sâu sắc khác*** (hay TRUNG ĐẠO) của VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), cần được nêu ra và ***nhấn mạnh*** trong KIẾN GIẢI.

<>Về phương diện “***hình thức***”, thì một người bình thường có thể “hiểu” SẮC PHÁP trong nhà Phật, là ***những biểu lộ của vật lý và tâm lý***, hay của ***hai thứ ấy hợp lại***, xuyên qua các tiến trình lý hóa thân nghiệp.

-Nhưng nếu đào sâu, căn cứ vào KINH ĐIỂN, qui nạp trong **Triết học A-tỳ-đạt-ma** (Abhidhamma), thì chúng ta thấy :

<>Đầu tiên là TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (Catu mahābhūta), tạm gọi là “**4 sắc pháp chân nguyên**” (A-B-C-D), **bất khả thuyết, bất khả tư nghì**, hằng lung linh, bất định, có mặt khắp cùng, vô tiếp cận để gây cảm xúc, không thể nghĩ bàn.

<>Tiếp theo là “**giai đoạn vận hành**”, TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (Catu mahābhūta) **tự nhiên biến thành** TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ (Catu mahādhātu), tạm gọi «A» là **Paṭhavī = đất**, «B» là **Āpo = nước**, «C» là **Tejo = lửa**, và «D» là **Vāyo = khí**, -tức là CHÚNG đã được “**vật chất hóa**”, tiến tới 4 thứ có thể tiếp cận được (=XÚC), nên CHÚNG tự động phát sinh TƯỚNG (lakkaṇa) và TÁNH (sabhāva), như sau :

I-Paṭhavī = ĐẤT thì hiện ra *muôn nghìn* HÌNH TƯỚNG, nhưng chỉ có 2 TÁNH, là **cứng** và **mềm** (đối nghịch).

II-Āpo = NƯỚC thì hiện ra *rất nhiều* TƯỚNG TRẠNG, nhưng chỉ có 2 TÁNH, là **kết** và **phân** (đối nghịch).

III-Tejo = LỬA thì cũng hiện ra *khá nhiều* HÌNH TƯỚNG, nhưng chỉ có 2 TÁNH, là **phù** và **trầm**, tác dụng của nóng và lạnh (đối nghịch).

IV-Vāyo = KHÍ (PHONG=GIÓ) thì cũng hiện ra *khá nhiều* TUỞNG TRẠNG, nhưng chỉ có 2 TÁNH, là **động** và **tĩnh** (đối nghịch nhau).

*Riêng KHÍ ĐẠI (Vāyo bhūta), thì khi nào nó VẬN CHUYỂN (saṅkhāra), mới “biểu lộ” những TUỞNG TRẠNG khác nhau. VẬN CHUYỂN là *pháp hành của 2 tánh TĨNH và ĐỘNG của KHÍ*. (Bhūta => dhātu).

*Sự vận chuyển này của KHÍ (Vāyo), từ TĨNH sang ĐỘNG, rồi từ ĐỘNG trở về TĨNH, quả thật là “1 HUYỀN NĂNG”, với hiệu lực vừa **xung khắc** vừa **tương sinh**, như sau :

*Hễ có VẬN CHUYỂN thì có CƠ DUYÊN (Paccaya), làm phát sinh **một cái gì** để khởi sự....

*Hễ có CƠ DUYÊN thì có PHÁP HÀNH (saṅkhāra kamma), làm phát sinh cái tiếp theo, gọi là **hiếu động dây chuyền**...

*Và hễ có PHÁP HÀNH làm phát sinh **hiếu động dây chuyền**, thì có TÍCH TỤ hay KẾT TẬP (Khandha = thủ ẩm, tồn trữ, chấp cứ), CÁI gọi là VỌNG.

*Sau cùng, hễ có TÍCH TỤ và KẾT TẬP (=thủ ẩm, chấp giữ), thì có VỌNG UÂN hay “hướng đến tình trạng”, tức là có

THÂN và TÂM (Kāya-Citta), tương đương với HỮU (bhava), “hiện ra” DANH và SẮC (Nāma rūpa).

<>THÂN và TÂM, theo Vi diệu pháp (Abhidhamma), là “**2 mặt đồng sanh đồng diệt**” của một KIẾP SỐNG (Bhavaṅga).

-**Hiện hữu** (bhavaṅga) còn được gọi là “TẬP ÁM SINH MẠNG” (Jīvita khandha).

-Và tất nhiên trong SINH MẠNG (Jīvita khandha) đã có SẮC PHÁP (rūpa dhammā) biến thiên không ngừng, để biểu lộ bằng TÂM SỞ VỌNG ĐỘNG (Cetasika).

*Dưới đây xin nêu ra những SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) theo KINH ĐIỂN thuộc Triết học A-tỳ-đạt-ma (Abhidhamma).

Có tất cả **28 sắc pháp** :

-Khởi đầu là **4 SẮC PHÁP SIÊU VIỆT** (***Bhūta rūpa***), bất khả thuyết, bất khả tư nghì, -không thể nghĩ bàn.

-Nhưng 4 SẮC PHÁP SIÊU VIỆT (*catu **mhābhūta** rūpa*) tự biến thiên “linh động trở thành” 4 SẮC GỐC hay 4 NGUYÊN TỐ (*catu **mahādhātu** rūpa*), tạm đặt tên qui ước là 1/ĐẤT (Paṭhavī), 2/NƯỚC (Āpo), 3/LỬA (Tejo) và 4/KHÍ (Vāyo)....

-Rồi 4 SẮC GỐC (catu dhātuyā) ấy “hiện ra” **vô số tướng**, và mỗi CÁI chỉ có **2 tánh đặc biệt** (vừa xung khắc vừa hỗ tương), là “CỨNG-MỀM”, “KẾT-PHÂN”, “PHÙ-TRẦM”, “ĐỘNG-TĨNH”, như đã nói trên đây.

-Tiếp theo, 4 SẮC GỐC hay Tứ Đại Nguyên Tố (*Dhātu rūpa*) tự “phối hợp”, làm phát sinh **24 sắc Y-sinh** (*Upādāya rūpa*), hay “24 HIỆN THÂN” của **sự biến thiên** và **phối hợp** của 4 SẮC GỐC, với **các tướng tam thời** và **các tánh riêng biệt** của chúng, xuyên qua pháp hành.

-24 SẮC Y SINH (*Upādāya rūpa*) cũng là những sắc pháp (*rūpa dhamma*) tạo nên **vạn vật chúng sanh** (*satta*) nói chung, trong đó có **con người** (*manussa*) nói riêng.

<>24 SẮC PHÁP Y SINH, gồm :

-5 SẮC VẬT chứa **đặc tính** có khả năng **tiếp nhận đối tượng**, như MẮT (*cakkhu*), TAI (*sota*), MŨI (*ghāṇa*), LƯỖI (*jīvhā*), và THÂN (*kāya*), -ám chỉ làn da bao toàn thân.

-4 SẮC VẬT chứa **đặc tính** làm đối tượng (*ālambana*=cảnh), của 5 giác quan, để có thể **được tiếp nhận**, khi **chúng** lọt vào

trong *môi trường* và chịu sự *va chạm*, như HÌNH VẬT (rūpa), ÂM THANH (sadda), MÙI BAY (gandha), VỊ NÉM (rasa), và XÚC TÁC (phoṭṭhabba). -**Năm** đối tượng vừa nêu được kê là **bốn**, vì «*hình vật*», và «*xúc tác*» vốn là **một**.

Chú ý mặt khác :

*SẮC VẬT ám chỉ **cặp đặc tính nòng cốt** của “xúc chạm” ở THÂN hay DA là “*cứng và mềm*” do ĐẤT (paṭhavī), cũng tương tự như “**3 cặp đặc tính nòng cốt kia**” (của **3 sắc vật** còn lại), là “*kết và phân*” của NƯỚC (āpo), “*phù và trầm*” (phù=phình vì nóng, trầm=xẹp vì lạnh) của LỬA (tejo), và *động và tĩnh*, của KHÍ (vāyo) gây ra “áp suất”.

*Tuy tất cả là “**cảnh**” (ālambana) của 5 giác quan (pañca dvāra), nhưng con số “5” không được kê vào đây, mà chỉ xem là “4”. - Nghĩa là, *5 đối tượng* của 5 giác quan, khi nói về *hiệu lực tiếp xúc* thì được xem là **4**. -Vì XÚC GIÁC ở LUỖI và ở DA giống nhau, nên cũng kê là **1**.

-2 SẮC VẬT chứa đặc tính “**sinh dục**”, là NAM và NỮ.

-1 SẮC VẬT chứa đặc tính “**động cơ**” là QUẢ TIM.

-1 SẮC VẬT chứa đặc tính “**có tiềm năng sống**”, là SINH MỆNH (jīvita).

-1 SẮC VẬT chứa đặc tính “**thực phẩm**”, là DINH DƯỠNG.

<>Tổng cộng SẮC PHÁP từ đầu đến giờ, gồm **4 sắc siêu việt** + **5 sắc tiếp nhận** + **4 sắc đối tượng** + **2 sắc nam nữ** + **1 sắc cơ tim** + **1 sắc sinh mệnh**, + **1 sắc dinh dưỡng**, có 18 loại.

*18 loại SẮC VẬT (rūpa) này chứa các **trạng thái** lẫn **đặc tính** riêng, và có những **phát khởi khác nhau**, nhưng chúng **thay đổi không ngừng**, gọi là những SẮC Y SINH (upādāya rūpa), thuộc về **biệt nghiệp** và **biệt quả**.

-**Sắc Y sinh** (upādāya rūpa) nằm trong định luật VÔ THƯỜNG (aniccā). Đó là **vật chất phù du**, nguyên nhân của chịu đựng tất cả bất toại nguyên.

<>Tiếp theo, VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) còn cho chúng ta biết 10 loại SẮC PHÁP (rūpa dhamma) khác nữa, là :

-1 **sắc pháp** (hay vật chất) chứa **đặc tính** liên quan đến “**giới hạn**”, hay “không gian” (Ākāsa).

-2 **sắc pháp** (hay vật chất), chứa **đặc tính** liên quan đến “**khả năng diễn tả**” giữa hai hay nhiều người, làm cho đối tượng biết mình muốn gì, lộ ra bằng **thân** hay bằng **miệng**, gọi là THÂN BIỂU TRI (kāya paññatti) và KHẨU BIỂU TRI (vacī paññatti).

-3 **sắc pháp** (hay vật chất), chứa **đặc tính** liên quan đến “**trạng thái**” NHE NHÀNG (lahutā), MỀM DẼO (mudutā), THÍCH ỨNG (kammaññatā).

-4 **sắc pháp** (hay vật chất), chứa **đặc tính** liên quan đến “**sự biến đổi**”, như **lớn lên, tiếp tục, già nua, và chấm dứt**. (=THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG, hay sinh-lão-bệnh-tử).

*Tổng cộng các con số trên đây, chúng ta có “10 SẮC Y SINH” (nhóm thứ 2) với *những đặc tính khác*, thuộc về **cộng nghiệp** (gaṇībhūta kamma) và **cộng quả** (gaṇībhūta vipāka).

-Nhờ những SẮC PHÁP (rūpa dhamma) này, mà những **đặc tính chung** (sādhāraṇa) và **riêng** (puggalika), mới có thể biểu lộ, làm cho SẮC PHÁP (Rūpa dhammā) được diễn tả, và kê khai lên đến con số 28. (-Bài toán cộng : 18 + 10 + 28).

“BẢN TÍNH” (sabhava) của SẮC PHÁP (rūpa dhamma).

<>“BẢN TÍNH” của SẮC PHÁP nêu ra ở đây là “**luôn luôn tạm thời, thay hình, và đổi dạng**”.

-Sự LUÂN HỒI BIẾN THIÊN “không cho phép” bất cứ một cái gì trong **tam giới xoay vần**, gọi là có “**bản chất vĩnh viễn**”.

*Nhắc lại TÍNH TƯƠNG ĐỐI (sambandhavācaka) :

-Tất cả “TỪ NGỮ” chúng tôi sử dụng trong KIẾN GIẢI (samujjala vivaraṇa) vốn chỉ là “phương tiện”. -Xin đừng quên châm ngôn nghiên cứu “*giữ ý quên lời một cách khách quan*” !

*Nghĩa là các SẮC Y SINH (Upādāya rūpa), hiện hữu trong một **chu kỳ thời gian** nào đó, thì cũng có “**bản chất**” (sabhava) hữu hạn (nicchaya-kara), nhưng sau chu kỳ thời gian ấy, **bản chất cũ của sắc y sinh** sẽ không còn nữa.

-Và để *phân biệt* giữa các SẮC Y SINH, người ta đã dùng từ ngữ “*đặc tính*” (lakkhana), cho một cá thể sắc pháp nào đó, nhưng khi “*ám chỉ chung*” thì người ta phải tạm dùng 2 chữ “*bản tính*” (sabhava).

-Các TƯỚNG và TÁNH của SẮC PHÁP (rūpa), hay của «**vật chất**» luôn luôn thay đổi theo luật VÔ THƯỜNG (aniccā).

-Nếu so sánh, chúng ta thấy chúng không có *nội lực kéo dài*, nhưng “*tình trạng đồng tánh*” thì tồn tại **lâu hơn** “*tình trạng đồng tướng*” (tính theo đơn vị “sát-na” = khaṇa), nên những nhà nghiên cứu Phật học, thường nói về “BẢN TÁNH” *nhiều hơn* là nói về “BẢN TƯỚNG”.

*“SÁT-NA” (khaṇa) là đơn vị *thời gian cực vi* trong Phật giáo. Nó chỉ “kéo dài” khoảng chừng 1/3000 giây, -theo khái niệm tương đối. (-Đúng ra phải gọi là «tiểu sát-na»).

<>Và BẢN TÁNH thứ nhất của SẮC Y SINH (hay của VẬT CHẤT nằm trong tình trạng hợp tan) là VÔ NHÂN (Ahetuka). -Nghĩa là cái ***nhân đầu tiên*** của SẮC Y SINH vốn ***không có***.

-VÌ TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (Catu mahā bhūta) không phải là NHÂN (Hetu), mà chỉ là 4 DIỆU PHÁP (Abhidhamma) hay “4 *nguyên tắc huyền bí chân nguyên*” (bhūta) !

-Từ đó suy ra, 28 SẮC PHÁP thì ***không ác, không thiện, không trung tính***. Và chúng luôn phức hợp (misita), vì **4** trong **28 sắc pháp** ấy đã tự nhiên có TÁNH “*tương hợp*” lẫn “*tương khắc*”, vận hành một cách pha trộn, làm phát sinh **24 SẮC Y SINH** (cũng tương ***hợp*** lẫn tương ***khắc***) kia.

PHÂN LOẠI “bản tính” qua KHẢ NĂNG.

****Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân*** (=toàn làn da) là “**5 bản tính**” có khả năng “*tiếp nhận đối tượng*”, nên gọi là SẮC CHỦ QUAN (ajjhattika rūpa).

***Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc**, là “**5 bản tính**” có khả năng “**làm đối tượng**” cho 5 giác quan, nên gọi là SẮC KHÁCH QUAN (bāhira).

***5 sắc pháp cụ thể** là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có “**bản tính hoạt động**” cộng với **sắc pháp thứ sáu** là **quả tim** (haday), điểm tựa của tâm thức, là “**6 sắc nội thân**”, nên gọi là SẮC CÓ CƠ SỞ (vatthu rūpa).

***5 sắc pháp cụ thể khác**, là **sắc, tinh, hương, vị, xúc**, có “**bản tính làm đối tượng cho 5 giác quan hoạt động**” cộng với **sắc pháp thứ sáu** là **ấn tượng** (maṇorañjaka) do **5 đối tượng** ấy lưu lại (=hình ảnh được ghi nơi tâm thức) là “**6 sắc ngoại thân**”, nên gọi là SẮC KHÔNG CƠ SỞ (avatthu rūpa).

***5 sắc pháp cụ thể** có **THÂN** là vật nâng đỡ, gồm **mắt, tai, mũi, lưỡi, da** có “**bản tính sinh hoạt**” cộng với **2 sắc pháp** có bản tính **DIỄN TẢ bằng CỬ CHỈ** (thân=kāya paññatti), hay **bằng LỜI NÓI** (khẩu=vacī paññatti), gọi là **7 sắc hoạt CÓ CĂN MÔN** (dvāra rūpa).

***Những sắc pháp khác**, không có khả năng DIỄN TẢ, không trao đổi ý muốn qua lại, không tiếp nhận được tin tức, giữa **NỘI GIỚI** (ajjhata) và **NGOẠI GIỚI** (bahiddha), thì gọi là **sắc pháp VÔ CĂN MÔN** (ana-dvāra rūpa).

**5 sắc pháp cụ thể có THÂN là vật nâng đỡ, gồm mắt-tai-mũi-lưỡi-da có “bản tính sinh hoạt”, cộng với 2 sắc pháp có bản tính kích dục NAM-NỮ và 1 sắc pháp có bản tính mạng quyền (=năng lực sống), là 8 sắc pháp có thể tạo nghiệp sinh quả, gọi là SẮC HỮU HIỆU (kamma rūpa).*

**Những sắc khác, nằm ngoài các SẮC PHÁP kể trên, không làm “dung cụ cho hành vi”, không dự phần vào việc tạo nghiệp truyền giống, không liên quan đến mạng quyền, và không ảnh hưởng vào tâm thức (citta), nên gọi là các sắc pháp SẮC VÔ HIỆU (ana-rūpa).*

5 sắc pháp cụ thể chứa đặc tính nói trên, cộng với 7 sắc cảnh hay đối tượng (ā lambana), tiếp nhận từ ngoại giới (gồm sắc, thinh, hương, vị, xúc, thân biểu tri và khẩu biểu tri). 12 sắc pháp này là loại **thô kệch, có thể **tiếp cận**, thì gọi là SẮC KHẢ XÚC (phussana rūpa).*

Cũng 5 sắc pháp cụ thể chứa đặc tính nói trên, cộng với 7 sắc cảnh, hay pháp 7 đối tượng, cũng tiếp nhận từ ngoại giới (gồm sắc, thinh, hương, vị, xúc, thân biểu tri và khẩu biểu tri). Khi chúng **vi tế và **cách ly**, thì được gọi là 12 SẮC BẤT KHẢ XÚC (anaphussana rūpa).*

SẮC DO NGHIỆP LỰC.

<>**Sắc** do NGHIỆP LỰC (kammavāra rūpa) là những *sắc pháp* phát sinh theo QUẢ của NGHIỆP TRƯỚC. “**Sắc pháp**” ấy chính là ***nhân duyên***, sẽ trở ra quả sau, nên gọi là SẮC CÓ THU HOẠCH (vipāka rūpa).

<>**Còn các sắc khác**, là những *sắc pháp* không phát sinh do NGHIỆP TRƯỚC, không đóng vai ***nhân duyên*** tạo nghiệp, thì sẽ không có quả về sau. Những ***sắc pháp này*** gọi là SẮC VÔ THU HOẠCH (kiriya rūpa).

KHỐI LƯỢNG và CỤ THỂ.

<>Tất cả ***sắc vật*** có ***khối lượng*** đều mang ***hình dạng***. Chúng có thể được thấy, sờ, ném, và gọi là SẮC CỤ THỂ (saṃhata).

<>Tất cả sắc vật ***không khối lượng***, đều ***vô dạng***, không thể sờ, mó, ném được, thì gọi là SẮC TRỪU TƯỢNG (sāraṇsa).

<>***Nhãn sắc*** và ***nhĩ sắc*** (mắt, tai) “bắt đối tượng” ở khoảng cách, nhưng ***tỷ sắc***, ***thiệt sắc***, và ***thân sắc*** (mũi, lưỡi, da) thì “bắt đối tượng” chỉ khi nào có tiếp xúc.

<>Nói chung 5 **sắc giác quan** này có thể “bắt cảnh” từ ngoại giới, gọi là «SẮC HỮU NĂNG» (gocaraggāhita).

<>**Những sắc pháp** khác không bắt cảnh được như thế, nên gọi là «SẮC VÔ NĂNG» (na-goacaraggāhita rūpa).

<>Màu sắc, Mùi xông, Vị nếm, Hiệu lực dinh dưỡng cộng với “*Tứ Đại Nguyên Tố*”. -**Tám sắc** này có mặt trong **tất cả vật chất**, một cách không tách rời, nên được gọi là “SẮC BẤT LY” (Avibbhoga rūpa).

<>**Những sắc pháp** khác không nằm trong số kể trên thì gọi là SẮC KHẢ LY. Nghĩa là “**sắc chất**” có thể rời rạc (vibbhoga).

*Tóm lại, 28 SẮC PHÁP hay “VẬT CHẤT CÓ ĐẶC THÙ” nêu trên vừa được “sắp xếp” theo “đặc tính” của chúng.

NGUỒN GỐC ĐỒNG SỰ

(Rūpa samuṭṭhāna)

<>Có 4 “**NGUỒN GỐC ĐỒNG SỰ**” (Rūpa samuṭṭhāna), phát sinh ra SẮC PHÁP (Rūpa dhammā) một cách “*trương tác*” và “*liên quan chặt chẽ*” là :

1- NGHIỆP (Kamma),

2- TÂM THỨC (Citta),

3- THỜI TIẾT (Utu),

4- DINH DƯỠNG hay THỰC PHẨM (Āhāra).

<>SỰ SỐNG là *giòng chảy liên tục* của TÂM vận hành với THÂN. “*Giòng chảy*” này (Citta bhavaṅga) trong *mọi động vật* nói chung, và trong *một con người* nói riêng, có thể ví như “*giòng điện luân chiều*” từ máy phát điện.

1/ “SẮC DO NGHIỆP PHÁT SINH” (Kamma samutṭhāna).

-Trường hợp *trong một con người*, thì “*giòng chảy*” (nhân điện) ấy chuyên chở “*cá tính*” của một sinh mạng (jīvita), gồm TÂM THỨC (=Citta-viññāna+cetasika) và THÂN THỂ (Kāya rūpa), đã được “*điều kiện hóa*” bởi NGHIỆP tiền kiếp.

-“*Khởi điểm của giòng chảy mới*” cũng là “*giây phút đầu tiên của một NGHIỆP sống*” (jīvita kamma), hay “*thời khắc đậu thai*” (āvañjhata).

-Nhưng sau thời điểm thụ tinh, thì các “pháp hành” (saṅkhāra dhamma) như...-*cử động của bào thai*, -*các cảm giác và nhận biết*, -*ảnh hưởng nóng lạnh từ bên trong lẫn bên ngoài*, và -*sự tiếp nhận dinh dưỡng từ người mẹ* hay CỘNG NGHIỆP

(gaṇībhūta kamma). Bốn thứ này liên tục vận hành và “*nuôi dưỡng GIÒNG CHÁY sinh mệnh*” (bhavaṅga).

-Bốn “vận hành” ấy là HIỆU LỰC ĐỒNG SỰ của NGHIỆP (Kamma), của TÂM THỨC (Citta), của THỜI TIẾT (Utu), và của THỰC PHẨM (Āhāra), như đã kê khai.

2/ “SẮC DO TÂM PHÁT SINH” (Citta samutthāna), có 2 :

A –TÂM CỘNG NGHIỆP (Gaṇībhūta-citta) là “hiệu lực” của 25 TÂM HÀNH (Kamma citta), gồm 12 *tâm hữu nhân BÁT THIÊN dục giới* (kā māvacara sahetuka AKUSALA citta), cộng với 8 *tâm hữu nhân THIÊN dục giới* (kā māvacara sahetuka KUSALA citta), và cộng với 5 *tâm THIÊN sắc giới* (rūpāvacara KUSALA citta), -mà SẮC PHÁP (rūpa dhamma) hay *vật chất có đặc tính* trong một con người, được liên tục phát sinh, trong từng giây phút, kể từ khi bắt đầu CÔNG NGHIỆP (gaṇībhūta) *kiếp mới bằng chấp tâm tiếp nối* (Paṭisandhi citta).

$$\Rightarrow 12 + 8 + 5 = 25$$

*Chữ “PAṬISANDHI” cũng có thể dịch là “*tâm tái tục*”.

B –TÂM BIỆT NGHIỆP (puggalikatā kamma citta) là “hiệu lực” của 75 TÂM, gồm 12 *tâm hữu nhân BÁT THIÊN* (kā māvacara sahetuka AKUSALA citta), cộng với 8 *tâm quả*

vô nhân **THIỆN** và **BẤT THIÊN** dục giới (Kāmāvacara ahetuka KUSALA CĀKUSALA vipāka citta), cộng với 24 tâm **THIỆN HỮU NHÂN** dục giới **THIỆN** (Kāmāvacara sahetuka KUSALA) cộng với 15 tâm **thiền SẮC GIỚI** (Rūpa jhāna citta), cộng với 8 tâm **thiền VÔ SẮC** (Arūpa jhāna citta : 4 KUSALA + 4 kiriya), cộng với 8 tâm **SIÊU THỂ** (Lokuttara citta).

$$\Rightarrow 12 + 8 + 24 + 15 + 8 + 8 = 75$$

-Nếu tính cách khác, chúng ta có thể lấy **89 tâm** trừ ra 10 tâm **NGŨ SONG THỨC** (Dvi pañca viññāna citta), và trừ 4 tâm **quả VÔ SẮC** (Arūpa jhāna vipāka citta). $\Rightarrow 89 - (10+4) = 75$.

<>Ngoài ra, trong những “TÂM ĐẮC THIÊN” có 1 số “đủ khả năng” tạo ra SẮC PHÁP. Chúng ta phải kể đến TÂM AN TRÚ NHẤT ĐIỂM (ekaggata appanā citta) vào **thiền pháp** (jhāna), tự phát sinh “**thần thông tác ý**” (abhiññā manasikāra), với “**tính xác định vững chắc**” (voṭṭhappana citta), thuộc “**dục giới động tốc**” (kāmāvacara javana citta) khi “**phô diễn phép lạ**”. -Các TÂM này đã làm cho “**thiền giả thuần thực đắc thiền**”, là “**nguồn gốc**” phát sinh SẮC THÂN BIỂU TRI và SẮC KHẨU BIỂU TRI một cách tự nhiên.

<>Tương tự như thế, trạng thái VUI TƯỞI, biểu lộ bởi “**13 mẫu tâm dục giới thọ hỷ**”, gồm 4 tâm **bất thiện** (**A**KUSALA citta),

cộng với 4 tâm thiên (KUSALA citta), cộng với 4 tâm duy tác (kiriya citta), trong 24 tâm HỮU NHÂN (Sahetuka citta), và cộng với “1 tiểu sinh tâm”, trong 18 tâm VÔ NHÂN (Ahetuka citta), tạo ra **SẮC TIỂU** (hasituppāda) hay nụ cười.

*Nghĩa là, *bất cứ trạng thái vật chất nào* BIỂU LỘ RA, cũng đều gọi là SẮC PHÁT SINH (Rūpa samuṭṭhāna) có **nguồn gốc tinh thần** (maṇa). -Và “**nguồn gốc tinh thần**” ấy có thể là TÂM VƯƠNG (Citta) hay TÂM SỞ (Cetasika).

3/ “SẮC DO THỜI TIẾT PHÁT SINH” (Utu samuṭṭhāna).

<>**Sắc pháp** (Rūpa dhammā) hay “*vật chất có trạng thái phù trầm*” (nhỏ rồi lớn, lớn rồi nhỏ), là hiệu lực tự nhiên của 2 TÁNH **nóng** (uṇha) và **lạnh** (sīta) xoay vần , hay của phản ứng “LÝ HÓA”, hằng tiếp tục chuyển biến trong “*thân thể hữu cơ*” lẫn “*thân thể vô cơ*”, khắp quả đất.

*Hai chữ “THỜI TIẾT” (Utu) ám chỉ sự biểu lộ 2 tính NÓNG-LẠNH (âm dương=niseddhatthavācākekaṇṭa), “**thay phiên nhau đóng vai chính**” của TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ (Catu mahādhātu), là ĐẤT (paṭhavī), NƯỚC (āpo), LỬA (tejo), và KHÍ, (vāyo) xuyên qua vô số **chu kỳ vận hành** (saṅkhārā dhammā) thuộc vũ trụ.

-Nếu thu hẹp “kiến giải” (Samujjala vivaraṇa) vào THÂN THỂ một ĐỘNG VẬT, đặc biệt là con người, thì **sắc pháp** từ vô thủy đã phát sinh do 2 **tính đối nghịch**, của tất cả TỨ ĐẠI (Catu mahābhūta), gồm **cứng** và **mềm** của ĐẤT (Paṭhavī), **kết** và **phân** của NƯỚC (Āpo), **phù** và **trầm** của LỬA (Tejo), **tĩnh** và **động** của KHÔNG KHÍ (Vāyo).

-Chính 4 cặp “**đặc tính**” (sabhāva) này là “**nguồn gốc phát sinh**” (mūluppatti) của **sắc pháp địa cầu** và **khí quyển**, vận hành xuyên qua 4 mùa XUÂN (vasanta), HẠ (gimhāna), THU (saradasamaya), và ĐÔNG (hemanta).

-Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) gọi **sắc pháp địa cầu** và **ngoại tầng khí quyển** là DỤC GIỚI (Kāmāvacara bhūmi) và SẮC GỚI (Rūpa bhūmi).

*Thử nhìn vào **tất cả hiện tượng** của **VẬT CHẤT** xung quanh với con mắt vô tư và khách quan, thì chúng ta sẽ thấy.

<>Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), **những hiện tượng** (với **muôn ngàn tướng trạng**) ấy, vốn phát nguồn từ TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ (**đất, nước, lửa, khí** : paṭhavī, āpo, tejo, vāyo). Nhưng nếu TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ (Catu mahādhātu) **không có 4 cặp tánh** nói trên, thì chúng ta chẳng có hiện tượng gì cả. Vì

tứ đại nguyên tố không biểu lộ ra bất cứ cái chi hết. -Nên khi căn cứ vào “***bất khả thuyết, bất khả tư nghì***”, thì bẻ tắc !

<>Nghĩa là, trong các vòng xoay vần của 8 ĐẶC TÁNH kia, nếu ***cặp tánh*** của “***hỏa đại***” đóng ***vai chánh***, thì ***3 cặp tánh*** còn lại của “***thổ đại***”, của “***thủy đại***”, và của “***phong đại***” sẽ tự nhiên giữ ***vai phụ***, -tức là chúng thay phiên vận hành một cách tùy tiện, theo thứ tự CHÍNH hay PHỤ hoán vị nhau, như sau :

*Mùa XUÂN (Vasanta) :

-Biểu lộ “vai chính” là ***Thổ đại*** (Paṭhavī mahādhātu), kế đó là ***Hỏa đại*** (Tejo mahādhātu), rồi tiếp theo là ***Thủy đại*** (Vāyo mahādhātu), và sau cùng là ***Khí đại*** (Vāyo mahābhūta), với tính động tĩnh ôn hòa.

*Mùa HẠ (Gimhāna) :

-Biểu lộ “vai chính” là ***Hỏa đại*** (Tejo mahādhātu), kế đó là ***Thổ đại*** (Paṭhavī mahādhātu), rồi tiếp theo là ***Khí đại*** (Vāyo mahādhātu), và sau cùng là ***Thủy đại*** (Āpo mahādhātu) giảm thiểu khắp cùng.

*Mùa THU (Saradasamaya) :

-Biểu lộ “vai chính” là ***Khí đại*** (Vāyo mahādhātu), kế đó là ***Thổ đại*** (Paṭhavī mahādhātu), rồi tiếp theo là ***Thủy đại*** (Āpo

mahādhātu), và sau cùng là **Hỏa đại** (Tejo mahādhātu) giảm cường độ thiêu đốt.

*Mùa ĐÔNG (Hemanta) :

-Biểu lộ “vai chính” là **Thủy đại** (Āpo mahādhātu), kế đó là **Khí đại** (Vāyo mahādhātu), rồi tiếp theo là **Thổ đại** (Paṭhavī mahādhātu), và sau cùng là **Hỏa đại** (Tejo mahādhātu) vận hành trở thành yếu ớt.

<>Bốn chu kỳ thời tiết (XUÂN, HẠ, THU, ĐÔNG) vừa nêu, của **tứ đại nguyên tố** (ĐẤT, NƯỚC, LỬA, KHÍ = Catu mahādhātu), hằng tương ứng với “**sự thăng bằng và chênh lệch**” của vận hành trong thân thể con người, và ảnh hưởng đến sức khỏe. -Tức là chúng cũng ảnh hưởng đến 4 giai đoạn SINH-LÃO-BỆNH-TỬ trong một kiếp sống động vật.

4/ “SẮC SINH DO DINH DƯỠNG” (Āhāra samuṭṭhāna).

<>Khi nhà Phật nói đến DINH DƯỠNG là nói đến “**tiềm năng**” hay “**tác dụng**”, của HẤP THỤ một cách sâu sắc, bao gồm cả 2 mặt **tốt** và **xấu** (thiện và ác) của ĐỜI SỐNG VĂN HÓA và TIÊU THỤ của con người, trong đó có “**dinh dưỡng thực phẩm**” khi được tiếp nhận mỗi ngày.

-Nhưng quan niệm thông thường của thế gian, thì “DINH DUỠNG” chỉ duy nhất là “***tác dụng của vật thực***”. Vì vậy đi vào Phật học, chúng ta mới nhận thấy “DINH DUỠNG” chuyên chở một ý nghĩa rộng hơn.

-Chữ Pāli “ĀHĀRA” tuy có *nghĩa tự điển* là “***thức ăn***”, nhưng trong “Triết học A-tỳ-đạt-ma” (Abhidhamma), “***āhāra***” ám chỉ tính DINH DUỠNG của SẮC PHÁP (rūpa dhamma), chứa đặc tính văn hóa, cụ thể lẫn trừu tượng, mà thân thể tiếp thu.

-Đó là HIỆU LỰC (***tích cực*** hay ***tiêu cực***) của sự tiêu hóa, để “tô bồi” thân thể này, trong đời sống hiện tại.

*Theo Phật giáo (Buddhasāsana), những “động vật” có đặc điểm “trí não thường xuyên phát triển”, đủ khả năng cảm nhận mỗi “***quan hệ huyết thống***”, nhất là loài người, thì sự DINH DUỠNG phát sinh do 4 “nguồn gốc” :

a/DINH DUỠNG do thức ăn, gọi là ĐOÀN THỰC,

b/DINH DUỠNG do cảm giác, gọi là XÚC THỰC,

c/DINH DUỠNG do suy nghĩ, gọi là TƯ NIỆM THỰC, và

d/DINH DUỠNG do hiểu biết, gọi là THỨC THỰC.

KIẾN GIẢI :

a/*Dinh dưỡng do thức ăn* (hay ĐOÀN THỰC) thì dĩ nhiên khá dễ hiểu. -Tất cả động vật (nhất là loài người) với “bộ óc phát triển đầy đủ” (gọi là trưởng thành), thì *bản năng biết nhận ra* thực phẩm nào tiêu thụ được, có thể ăn vào để cho thân thể phát triển, hay để bồi bổ và duy trì tình trạng sức khỏe hằng ngày.

*Nhưng “pháp NHỊ BIÊN” và “luật TƯƠNG ĐỐI” bao giờ cũng chi phối vạn vật, nên *thức ăn trước mặt* có thể LÀNH, mà cũng có thể DỮ. -Thức ăn LÀNH thì thân thể trở thành cường tráng. -Còn thức ăn DỮ thì thân thể bị tổn hại, suy giảm mất thăng bằng, bệnh hoạn.

b/*Dinh dưỡng do cảm xúc* (=XÚC THỰC) ám chỉ hiệu lực của *tho cảm* (vedanā) trong một số động vật (nhất là loài người), có khả năng “thu nhận tình cảm”, xuyên qua sự “có mặt” và “chăm sóc” của cha mẹ, của thân nhân.

-Ví như một đàn gà con, hay một đứa bé sống với cha mẹ, tuy nghèo nàn và tình trạng vật chất không đầy đủ, nhưng chúng biểu lộ *khỏe mạnh, linh hoạt*, khi so sánh với những gà con nuôi trong công xưởng, hay trẻ em trong viện mồ côi. Một bên thì thân thể bề ngoài tròn trịa, nhưng thần sắc lại “ngu ngơ” (vì sống thiếu thốn “xúc thực”).

-Điều này chứng tỏ “thân tâm chúng không thật sự quân bình”.
(Vì “thiếu tình cảm”).

*Lý do của 2 hiện tượng “đôi nghịch” này là **cảm giác**. Và XÚC THỰC vốn có 2 loại là **tốt** và **xấu**. -XÚC THỰC TỐT thì tâm tánh ổn định, thông thoáng. -XÚC THỰC XẤU thì tâm tánh chênh lệch, đóng khung.

c/Dinh dưỡng do suy nghĩ (=TƯ NIỆM THỰC) ám chỉ trình độ trí óc của một số động vật, nhất là loài người, phải có khả năng vận hành một cách thẳng băng, để hội tởng và để phân biệt các **giá trị của những hành động**, thì THÂN và TÂM mới được quân bình, linh hoạt.

<>Ngược lại khi một động vật, có bộ óc vận hành bất thường, hay một người có trí nhớ rối loạn, thì người ấy sẽ không có hệ tư tưởng để suy nghĩ, sẽ không có tiêu chuẩn tốt xấu để phân biệt. Sức khỏe tinh thần của họ tự nhiên phải suy sụp, và đời sống tâm linh xem như thiếu hẳn một nguồn dinh dưỡng gọi là “**tư niệm thực**”.

-“**Dinh dưỡng do suy nghĩ**” cũng có thể gọi là “DINH DƯỠNG QUA TƯ DUY”. Và sự TƯ DUY cũng không nằm ngoài 2 mặt THIỀN và ÁC. Nghĩa là **tư duy thiện** thì **tinh thần an vui**, tỉnh

táo, ít giận hờn, ít băng khoãng, ít lo sợ. Còn *tư duy ác* thì *tinh thần bất mãn*, tối tăm, bức xúc...

d/*Dinh dưỡng do hiểu biết* (=THỨC THỰC) ám chỉ *kiến thức về đời sống* cần được “bổ sung hằng ngày”.

-Nói chung, KIẾN THỨC thì rất tổng quát và không biên giới nhất định. “Kiến thức” của người bình dân thì giản dị. “Kiến thức” của người có học vị thì gồm nhiều trình độ khác nhau, với bằng cấp thấp hay cao. Kiến thức của một “học giả” thì thâm sâu, uyên bác, phức tạp.

*Nhưng đối với Phật giáo (Buddhasāsana), tất cả những KIẾN THỨC ấy chỉ có 2 loại “tác dụng”, là *củng cố niềm tin* để SOI SÁNG và *củng cố niềm tin* để CỐ CHẤP.

-*Củng cố niềm tin để soi sáng*, thì cởi mở, khai thông, tiến hóa, an vui, thoải mái, tự tại.

-*Củng cố niềm tin để cố chấp*, thì đóng khung, bất mãn, bạo động, bế tắc, thoái hóa...

*Và như trên đã nói, “DINH DƯỠNG DO HIỂU BIẾT” cũng có 2 mặt, *tích cực* và *tiêu cực*.

-Nếu “kiến thức tiếp thu” là “đồ ăn tốt cho tinh thần”, thì THỨC THỰC ấy thuộc loại *lành mạnh* (kusala), TÍCH CỰC.

-Ngược lại nếu “kiến thức tiếp thu” là “đồ ăn xấu cho tinh thần”, thì ấy là THỨC THỰC (āhāra) thuộc loại ***bất thiện*** (akusala) cho tinh thần, hay TIÊU CỰC.

Nghĩa là :

-***Thức thực lành mạnh*** sẽ giúp cho THÂN TÂM phát triển, khỏe mạnh, thăng hoa.

-***Thức thực bất thiện*** sẽ làm cho THÂN TÂM bệnh hoạn, sa đọa, xung đột, bế tắc.

“KHUNG HOẠT ĐỘNG” và 4 NGUỒN GỐC

<>***Qủa tim*** (Hadaya) hay “***sắc pháp sơ khai***” là “***khung hoạt động***” (Saṅkhārā paccaya), của NGHIỆP (Kamma).

<>***Hai cách diễn tả*** (thân biểu tri và khẩu biểu tri) là “***khung hoạt động***” của TÂM (Citta) xuyên qua sắc pháp.

<>***Âm thanh*** (Sadda) là “***khung hoạt động***” của TÂM (Citta) và của THỜI TIẾT (Utu), xuyên qua “***sắc pháp***”. -Thời tiết ám chỉ vai chính của *thổ đại* và *khí đại*.

<>***Ba trạng thái*** NHE NHÀNG (Lahutā), MỀM DẸO (Mudutā), THÍCH ỨNG (kammaññatā) là “***khung hoạt động***”

của cả TÂM (Citta), của THỜI TIẾT (Utu), và của DINH DƯỠNG (Āhāra).

*Những CHẤT VẬT (Rūpa) có đặc tính loại này là “sắc pháp bất ly” (Avinibbhoga rūpa).

<>**Không gian** là “sản phẩm chung” của tất cả “4 nguồn gốc phát sinh sắc pháp” (nghiệp, tâm, thời tiết, dinh dưỡng).

*Không gian ám chỉ “môi trường” CÓ vật chất, và “môi trường” KHÔNG CÓ vật chất.

<>Các SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) có những hiện tượng (lakkhaṇa), như **thành trụ hoại diệt**, thì không do NGUỒN GỐC nào tạo ra cả. Chúng hằng TỰ NHIÊN như thế.

TỔNG KẾT 4 NGUỒN GỐC của sắc pháp.

I-NGHIỆP (Kamma) tạo ra **18 loại sắc pháp** (hay 18 vật chất có đặc tính) (rūpa), gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc không gian**” (ākāsa rūpa), cộng với “**1 sắc nhục tâm**” (hay quả tim = hadaya), và cộng với “**8 sắc căn quyền**” (Indriya rūpa).

II-TÂM THỨC (Cittaviññāna) tạo ra “**15 loại sắc pháp**” (hay 15 vật chất có đặc tính), gồm “**8 sắc bất ly**” cộng với “**1 sắc không gian**”, cộng với “**1 sắc âm thanh**” (sadda rūpa), cộng

với “**3 sắc tùy tiện**” (vikāra rūpa), như “*nhẹ nhàng*” (lahutā), “*mềm dẻo*” (Mudutā), “*thích ứng*” (kammaññatā), và cộng với “**2 sắc biểu tri**”, là “*thân biểu tri*” (kāya viññatti) và “*khẩu biểu tri*” (vacī viññatti).

III-THỜI TIẾT (Utu) tạo ra “**13 loại sắc pháp**” (hay 13 vật chất có đặc tính), gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc không gian**” (ākāsa rūpa), cộng với “**3 sắc tùy tiện**” (vikāra rūpa), cộng với “**1 sắc thanh**” (sadda rūpa).

IV-THỰC PHẨM hay *dinh dưỡng* (Āhāra) tạo ra “**12 loại sắc pháp**” (hay 12 vật chất có đặc tính), gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc không gian**” (ākāsa rūpa), cộng với “**3 sắc tùy tiện**” (vikāra rūpa).

<>Còn các SẮC PHÁP “*sinh trưởng*”, “*tiếp tục*”, “*hư hoại*”, và “*chấm dứt*”, hay ***thành trụ hoại diệt*** là **4 SẮC PHÁP TỰ NHIÊN**”, không do “nguồn gốc” nào tạo ra cả.

KẾT TẬP NGUỒN GỐC SẮC PHÁP.

(Kalāpa yojanā rūpa).

<>“***Thân thể chúng sanh***” (satta) xem ra không gì khác hơn là những “*sắc vật chứa nghiệp tính*”, kết tập bằng nhiều cách, và theo nhiều TỶ LỆ khác nhau. **Thân** và **tâm** của chúng sanh

(nāma-rūpa) luôn luôn thành hình và hiện hữu đồng thời (theo nghiệp lực), suốt các vòng sinh tử luân hồi....

-Những “**thân tâm**” như thế, tiếng Phật nói ngày xưa còn gọi là “Kalāpa yojanā”, tạm dịch là “**tập hợp để cấu kết, vận hành**”.

<>Có “**21 loại kết tập hợp để tích tụ, vận hành**”, trong đó có ;

“**9 loại do NGHIỆP**” (Kamma),

“**6 loại do TÂM THỨC** (Citta viññāna),

“**4 loại do THỜI TIẾT** (Utu),

“**2 loại do THỰC PHẨM** (Āhāra), hay do hiệu lực của sự DINH DƯỠNG.

<>“**21 LOẠI KẾT TẬP**” ấy “sống chung” với **những nghiệp quả chứa tính cách giống nhau**, trong SẮC PHÁP (Rūpa dhamma) hay VẬT CHẤT. Chúng **đồng sanh** và **đồng diệt**.

KẾT TẬP SẮC PHÁP DO NGHIỆP (kiếp trước).

(Atīta kamma kalāpa yojanā rūpa).

<>Sau đây là “**9 kết tập sắc pháp**” (Kalāpa yojanā rūpa) phát sinh do NGHIỆP TIỀN KIẾP (Atīta kamma) :

1-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan thị giác*” (Cakkhu dasaka rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh nhãn thức**” (Cakkhu jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc nhãn môn**” (Cakkhu dvāra rūpa). - Bào thai có con MẮT.

2-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan thính giác*” (Sota dasaka rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh nhĩ thức**” (Sota jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc nhĩ môn**” (Sota dvāra rūpa). -Trong bào thai có lỗ TAI.

3-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan khứu giác*” (Ghāna dasaka rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh tỷ thức**” (Cakkhu jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc tỷ môn**” (Cakkhu dvāra rūpa). -Do đó bào thai có cái MŨI.

4-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan vị giác*” (Jīvhā dasaka rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh thiệt thức**” (Jīvhā jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc thiệt môn**” (Jīvhā dvāra rūpa). -Bào thai sẽ có cái LƯỠI.

5-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan xúc giác*” (Kāya dasaka rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh thân thức**” (Kāya jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc thân môn**” (Cakkhu dvāra rūpa). -Bào thai có làn DA.

6-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan nam tính*” (Dasaka purisa bhāva rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh ý thức**” (Mana jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc nam căn**” (Purisa līṅga rūpa). -Bào thai có DƯƠNG VẬT.

7- Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan nữ tính*” (Dasaka itṭhi bhāva rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh ý thức**” (Mana jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc nữ căn**” (Purisa līṅga rūpa). -Bào thai sẽ có ÂM HỘ, hay cơ quan sinh sản.

8-Nhóm “**10 sắc pháp**” thành lập “*cơ quan hô hấp*” (Dasaka pumbhava rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh mệnh**” (Mana jīvitindriya rūpa), và cộng với “**1 sắc phế căn**” (Pumbhava rūpa). -Trong bào thai phát triển thì có 2 LÁ PHỔI.

9- Nhóm “**9 sắc pháp**” thành lập “**toàn bộ sinh lực**” (Navaka sabba jīvita rūpa), trong đó có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc thân căn**” (Sabba kāyīndriya rūpa). -Bào thai có HOẠT THÂN bao bọc bởi da.

KẾT TẬP SẮC PHÁP DO TÂM.

(Citta kalāpa yojanā rūpa).

<>**6 kết tập sắc pháp** do TÂM (Citta kalāpa yojanā) là :

1-Nhóm **thuần túy** (Suddhatthaka), gồm chỉ có “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa).

2-Nhóm “**9 sắc pháp**” (Navaka rūpa) gồm “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc thân biểu tri**” (Kāya viññatti), -dùng cử chỉ làm cho người khác biết mình muốn gì.

3-Nhóm “**10 sắc pháp**” (Dasaka rūpa) gồm “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc khẩu biểu tri**” (Vacī viññatti), và cộng với “**1 sắc âm thanh**” (Sadda rūpa).

4-Nhóm “**11 sắc pháp**” (Ekadasaka rūpa) gồm “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**3 sắc tùy tiện**” (Ti vikāra rūpa),

gồm “nhẹ nhàng” (lahutā), “nhu nhuyễn” (mudutā), và “thích ứng” (kammaññatā).

5-Nhóm “**12 sắc pháp**” (Dvādasaka rūpa) gồm “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**2 sắc biểu tri**” (Dvi viññatti rūpa), và cộng với “**2 sắc tùy tiện**” (Dvi vikāra rūpa).

6-Nhóm “**13 sắc pháp**” (Dvādasaka rūpa) gồm “**8 sắc bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc khẩu biểu tri**” (Vacī viññatti rūpa), cộng với “**3 sắc tùy tiện**” (Ti vikāra rūpa), và cộng với “**1 sắc âm thanh**” (Sadda rūpa).

KẾT TẬP SẮC PHÁP DO THỜI TIẾT

(Utu kalāpa yojanā rūpa).

<> Bốn nhóm sắc pháp phát sinh do THỜI TIẾT là :

1-Nhóm “**thuần túy**” (Suddhatthaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa).

2-Nhóm “**9 sắc pháp**” (Suddhatthaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc âm thanh**” (Sadda rūpa), -tác dụng của “thổ đại”, “hỏa đại”, và “khí đại”.

3-Nhóm “**11 sắc pháp**” (Eka dasaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**3 sắc pháp tùy tiện**” (Ti vikāra rūpa).

4-Nhóm “**12 sắc pháp**” (Dvāsa dasaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**3 sắc pháp tùy tiện**” (Ti vikāra rūpa), và cộng với “**1 sắc âm thanh**” (Sadda rūpa).

KẾT TẬP SẮC PHÁP DO DINH DƯỠNG.

(Āhāra kalāpa yojanā rūpa).

<> Có 2 nhóm sắc pháp, phát sinh do THỰC PHẨM, là :

1-Nhóm “**thuần túy**” (Suddhatthaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa).

2-Nhóm “**11 sắc pháp**” (Ekadasaka rūpa), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), cộng với “**3 sắc pháp tùy tiện**” (Ti vikāra rūpa).

ĐỒNG SỰ và BẤT ĐỒNG SỰ

<> Trong “**21 kết tập sắc pháp**” (Kalāpa yojana rūpa) nói trên, có 2 nhóm “**đồng sự**” và “**bất đồng sự**”:

1-Nhóm “**đồng sự**” của “**8 sắc pháp bất ly**” (Avinibbhoga rūpa), và “**9 sắc pháp tương tác**” (Navaka rūpa). “**Tương tác**” là tổng

hợp của “8 sắc pháp bất ly” và “1 sắc âm thanh”, thì phát sinh do THỜI TIẾT (Utu). -Chúng có mặt trong ĐỘNG VẬT, và cả trong BẤT ĐỘNG VẬT.

2-Nhóm ***những nhóm sắc pháp khác***, thì chỉ tìm thấy chúng “vận hành” duy nhất trong động vật mà thôi.

TOÁN TẮC CÁC KẾT TẬP SẮC PHÁP.

(Kalāpa yojana saṅkhepa)

<>Nhắc lại tất cả “21 kết tập sắc pháp”, gồm :

- **9 kết tập** (Kalāpa yojana) do NGHIỆP (kamma) tạo ra.
- **6 kết tập** (Kalāpa yojana) do TÂM THỨC (Citta) tạo ra.
- **4 kết tập** (Kalāpa yojana) do THỜI TIẾT (Utu) tạo ra.
- **2 kết tập** (Kalāpa yojana) do THỰC PHẨM (Āhāra) tạo ra.

* Riêng “SẮC KHÔNG GIAN” (Ākāsa rūpa) và “4 TIỀN TRÌNH TỰ NHIÊN” (***sinh thành, tồn tại, hư hỏng, chấm dứt***) của “vạn vật”, không được xem là ĐẶC TÍNH của loại nào cả.

*Và trong thực tại TƯƠNG ĐỐI (hữu hạn), SẮC KHÔNG GIAN (ākāsa rūpa) và “**sắc 4 tiến trình**” (=thành, trụ, hoại, diệt), muôn đời vẫn là như thế.

KHUNG VẬN HÀNH.

(Rūpa pavatti kamo).

a/ Trong DỤC GIỚI (Kāmaloka) :

<>Tất cả SẮC PHÁP (Rūpa dhammā) hay “**vật chất có đặc tính**”, mà “tâm thức” (citta viññāna) có thể “**nhận biết được**” trong DỤC GIỚI (Kāmaloka), là vì chúng **biến hóa** và “hình thành” dưới dạng “cấu kết ra thân thể đa phân tử, của một VẬT có sự sống”.

-Khởi đầu là THẤP SINH (Sansedaja), như “**sơ trùng ký sinh**” (sukhumapāṇī parapuṭṭha) chẳng hạn. Chúng “xuất hiện” do “môi trường ẩm thấp” (addata), nên “sinh thức” của chúng rất yếu kém (atidubbala), xem như **không có**. -“Sinh thức” (jīvita) ở đây ám chỉ “**khả năng tỏ ra có sự sống**”.

-Rồi nhờ NÓNG-LẠNH (của “hỏa đại”=tejo) mà chúng “**phát triển**”, biến thành “sinh vật vi thức” (sukhumasatta), hoàn toàn “**không có tri cảm nhạy bén**”, chỉ có “**phản ứng lý hóa**” mà thôi.

-Riêng “**sinh vật vô thọ cảm**” (avedanā sattā), thì sinh ra một cách “độc lập” (hay “*tự nhiên*”), không cần cha mẹ. -Nếu nhìn với góc cạnh tôn giáo, tình trạng này là một “**hình thức hạ đạo**”, chẳng khác nào “**địa ngục**” (niraya). Đó là loại chúng sanh “vô tri”, và “**vô cảm**”.

<>Sau khi trải qua vô số chu kỳ “**sinh diệt xoay vần và biến hóa**”, thì “**chúng sanh vô tri và vô cảm**” sẽ bắt đầu có “**tế thức**” (atiparitta-sajīvaṃ-viññāna). -Lúc ấy những “**sắc pháp y sinh**” (upādāya rūpa), mới tùy theo vận hành tự nhiên (pavatti kamo) mà hội hợp để hóa thành “**7 tập kết sắc pháp**” (kalāpa yojana rūpa), như sau :

1- Nhóm “**10 sắc pháp tạo con mắt**” (cakkhu dasaka), gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc nhãn môn**” (cakkhudvāra rūpa).

2- Nhóm “**10 sắc pháp tạo lỗ tai**” (sota dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc nhĩ môn**” (sotadvāra rūpa).

3- Nhóm “**10 sắc pháp tạo lỗ mũi**” (ghāna dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc tỷ môn**” (ghānadvāra rūpa).

4- Nhóm “**10 sắc pháp tạo cái lưỡi**” (jīvhā dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc thiệt môn**” (jīvhādvāra rūpa).

5- Nhóm “**10 sắc pháp tạo làn da**” (kāya dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc thân môn**” (kāya rūpa).

6- Nhóm “**10 sắc pháp tạo sinh dục**” (līṅga dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc tính môn**” (līṅga rūpa).

7- Nhóm “**10 sắc pháp quả tim**” (hadaya dasaka), cũng gồm “**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), phối hợp với “**sắc sinh lực**” (jīvitindriya rūpa), và “**sắc tâm nhục**” (hadayavatthu rūpa).

<> Khi nào.....có ít nhất “6 nhóm”, và mỗi nhóm “**10 sắc pháp**” tạo thành **mắt, tai, mũi, lưỡi, da, tim**, như vừa kể trên trong một VẬT, mà “không có sự hiện diện” của nhóm “**10 sắc tạo căn tính**”, hay “**sắc nam nữ**” (līṅga rūpa), thì “TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ” (catu mahādhātu) trong VẬT ấy, xem như *chưa có* “**khung vận hành**” (pavatti kamo), hay “**sắc y sinh**” (upādāya) còn ở tình trạng VÔ CĂN TÍNH (alīṅga).

-Nói cách khác, trong CÔI DỤC (kāmaloka), nhóm “**10 sắc pháp tạo ra giống NAM hay giống NỮ**” là **nòng cốt**.

<>Nhưng trong cõi DỤC (kāma bhūmi), “**3 nhóm sắc pháp sau đây**” có thể có mặt ngay từ lúc “**sinh thức**” (paṭisandhi citta) mới nhập vào lòng mẹ, tạm gọi là “tái sinh”, gồm :

***10 sắc pháp tạo làn da bọc thân** (kāya dasaka rūpa),

***10 sắc pháp tạo nội tạng** (bhāva dasaka rūpa), và

***10 sắc pháp tạo mạch sống** (vatthu), hay “**động cơ sinh hoạt**”. Đó là QUẢ TIM (hadaya rūpa), còn gọi là “**SẮC VẬT sinh mệnh**” (jīvita rūpa), bao gồm “**căn tính**” (nam nữ).

<>Trường hợp vì NGHIỆP ÁC (akusala kamma), mà “**sắc CĂN DỤC**” (liṅga rūpa), tuy có mặt nhưng không phát triển trong một “sinh động vật”, thì ấy gọi là “**chúng sanh khuyết căn tính**” (aliṅga satta).

<>Còn những SẮC VẬT KHÁC (Añña rūpa), thì ngoài các nhóm tạo **mắt, tai, mũi, lưỡi, da, tim** ra... -Sau khi “thức tái sinh” (paṭisandhi citta) đã hội nhập vào phôi thai, chúng sẽ từ từ hiện rõ, phát triển và trưởng thành theo thời gian.

KHI NÀO SẮC PHÁP KIẾP SAU PHÁT SINH ?

<>Tùy theo VẬN HÀNH của “4 NGUỒN GỐC **phát sinh sắc vật**” (4 rūpa samuṭṭhāna), -như đã nêu trên, -mà các “**nhóm sắc pháp**” (hay “vật chất có đặc tính”) *đang hiện hữu, đang suy tàn, và đang dần dần biến mất...sẽ “bắt đầu rồi chấm dứt”* một cách xoay vần như sau :

a/Do NGHIỆP (kamma) mà có các nhóm SẮC PHÁP (rūpa dhammā), phát sinh vào “**chập thứ nhất**” gọi là “TÂM TỤC SINH” (paṭisandhi citta).

b/Do TÂM (citta) mà có các nhóm SẮC PHÁP (rūpa dhamma), phát sinh vào “**chập thứ hai**”, gọi là “TÂM HỘ KIẾP TĨNH” (atīta bhavaṅga citta).

c/Do THỜI TIẾT (utu) mà có các nhóm SẮC PHÁP (rūpa dhammā), phát sinh vào “**chập thứ ba**”, gọi là “TÂM HỘ KIẾP ĐỘNG” (bhavaṅga calana citta).

d/Do THỰC PHẨM (Āhāra) hay dinh dưỡng sinh mạng (jīvitindriya=thần kinh sinh hoạt), mà có các nhóm SẮC PHÁP (rūpa dhammā), phát sinh vào “**chập thứ tư**”, gọi là TÂM HƯỚNG CẢNH (āvajjana citta).

<>Nhưng “SỰ HƯỚNG CẢNH” trong giây phút chấm dứt cuộc đời, thì tâm CĂN TỬ (cuti citta) có “**3 đối tượng**” là :

1/ NGHIỆP lúc sinh tiền (kamma), tức là ***hành động thường làm nhất***, trong suốt cuộc đời, như *ngành nghề* chẳng hạn.

2/ DUYÊN (nimitta), hay ***dụng cụ dùng thường xuyên*** để tạo nghiệp, như....*ngòi bút, con dao, cái búa, khẩu súng...v...v...*

3/ QUẢ BÁO (gati nimitta), hay “***điểm đến***”, tức là “chung kết” của hành động, gồm *hình ảnh xấu lẫn tốt*, mà *kẻ tạo nghiệp phải gặt hái*, như nhà tù, sự dày vò, cảnh bị đòi nợ, nơi được tán dương, các thiên cảnh...v...v...

<> Vào *giờ phút lâm chung*, với “TÂM CẬN TỬ” (cuti citta), thì “tiền trình phát sinh sắc pháp duy trì kiếp hiện tại” bị chấm dứt bởi “***chập tâm thức cuối cùng***” (cuti viññāna khaṇa).

-Đồng thời “THẦN LỰC” (maṇo bāla) và *tính dinh dưỡng của thực phẩm* (āhāra) cũng ngưng hiệu lực.

-Vai trò NÓNG và LẠNH của THỜI TIẾT (utu) ảnh hưởng đến vận hành của mạng sống, liền trở thành vô dụng.

*N như thế, ***sau khi chết*** ở bất cứ nơi nào (không tùy thuộc không gian), một “động vật” sẽ “***tự tái sinh***” (không tùy thuộc thời gian) ***vào cảnh tương ứng với nghiệp*** (kamma nimitta).

-Và SẮC PHÁP (rūpa dhamma), hay “***vật chất có đặc tính***”, tự vận hành trong NÓ, chuyên chở “***tâm thức***” (citta) kể từ giây

phút đầu tiên của sự sống mới. -Nói tiếp....trong **dòng tâm hộ kiếp** (bhavaṅga).

VẬT CHẤT có trong “DỤC GIỚI” nhưng không có trong “SẮC GIỚI” (RŪPA-VIMUTTI).

<>Các SẮC VẬT KHÔNG CÓ ở cõi SẮC (rūpaloka) gồm :

-Nhóm “**10 sắc pháp tạo ra khứu giác**”, tức là MŨI (ghāṇa) và hệ thần kinh (hīnabala paṭipāṭi = indriya).

-Nhóm “**10 sắc pháp tạo ra vị giác**”, tức là LƯỖI (jīvhā) và hệ thần kinh (hīnabala paṭipāṭi = indriya).

-Nhóm “**10 sắc pháp tạo ra xúc giác**”, tức là DA (kāya) và hệ thần kinh (hīnabala paṭipāṭi = indriya).

-Nhóm “**10 sắc pháp tạo ra nam nữ**”, tức là cơ quan SINH DỤC (liṅga) và hệ thần kinh liên quan (hīnabala paṭipāṭi = indriya paccaya).

-Nhóm “**các sắc pháp khác**” được tạo ra, do sự “đồng hóa” hay “dinh dưỡng” của THỰC PHẨM (āhāra).

*Do đó, trong những “*chúng sinh*” thuộc CÔI DỤC (kāma loka), chỉ có “**4 nhóm sắc pháp**” sau đây, phát sinh do NGHIỆP (kamma), vào “*chập tâm thức tiếp nối*” (paṭisandhi citta) :

1- Nhóm “**10 sắc pháp**” tạo ra “**đôi mắt**” (cakkhu dasaka).

2- Nhóm “**10 sắc pháp**” tạo ra “**2 lỗ tai**” (sota dasaka).

3- Nhóm “**10 sắc pháp**” tạo ra “**quả tim**” (hadaya dasaka).

4- Nhóm “**9 sắc pháp**” tạo ra “**sinh lực**” (jīvita navaka).

*Và trải suốt cuộc đời, một “chúng sinh dục giới” (kāma satta) sẽ có **những nhóm sắc pháp khác** (añña rūpa), phát sinh như hiệu lực của “TÂM THỨC” (citta) và của “THỜI TIẾT” (utu).
-Còn sắc pháp phát sinh do THỰC PHẨM (āhāra) thì đã được nói trên đây rồi.

<>Riêng “**những chúng sanh vô tưởng**” (asañña satta), thì đương nhiên không có những nhóm sắc pháp ấy phát sinh. Vì “họ” là những chúng sanh tuy có TÂM (cittaka), nhưng VÔ THỨC (aviññānaka), vào *chập tâm tiếp nối* (paṭisandhi citta).

-Những chúng sanh ấy chỉ có nhóm “**9 sắc pháp thành lập sinh mạng**” (Jīvita navaka), gồm “**8 sắc pháp bất ly**” (avinibbhoga rūpa), cộng với “**1 sắc sinh lực**” (jīvita rūpa).

-Đó là loại chúng sanh “đặc biệt”, thuộc “nhóm **tập kết**” gọi là “**vô thức**” (asañña kalāpa yojana).

-Rồi trong suốt kiếp sống, **CHÚNG SANH VÔ THỨC** (hay **VÔ TUỞNG**) sẽ có **các nhóm sắc pháp khác** (añña rūpa), phát sinh do **THỜI TIẾT** (utu) và do **ÂM THANH** (sadda), để “nâng đỡ” một cách “duy trì” sánh mạng.

<>Riêng cõi **VÔ SẮC** thì tất nhiên **KHÔNG CÓ VẬT CHẤT**.

TÓM TẮC và ĐIỂM CHUNG.

<>N như thế, trong 3 cõi **DỤC GIỚI** (kāma loka), **SẮC GIỚI** (rūpa loka), và **VÔ THỨC GIỚI** (arūpa loka), **sắc pháp** phát sinh bằng **2 cách**, là “**phát sinh với chấp tâm tiếp nối**” (paṭisandhi citta), và “**phát sinh về sau**”, xuyên qua kiếp sống.

<>Nói chung, tất cả **28 SẮC PHÁP** (rūpa dhamma), đều, có mặt trong **CÔI DỤC** (kāma loka).

-Nhưng đối với sinh linh trong cõi **CÔI SẮC** (rūpa loka), thì chỉ có **23 loại SẮC PHÁP TINH VI** (sukhuma rūpa dhammā).

-Vì **chúng sanh trong sắc giới** không có **MŨI** (ghāṇa) để ngửi **MÙI** (gandha), không có **LƯỠI** (jīvhā) để nếm **VỊ** (rasa), và

không có THÂN (kāya) để tiếp nhận CẢM XÚC (phoṭṭhabba), cũng như không có NAM CĂN (pullīga) và NỮ CĂN (itṭhilinga), để phát sinh tình DỤC phạm tục.

-Phước báu của những chúng sanh trong SẮC GIỚI (hay chư thiên) giúp HỌ “an hưởng” nhiều hạnh phúc “*thanh cao hơn*”, không giống *cõi dục*, với mũi, lưỡi, và thân đầy ô trược.

<> Còn *những chúng sanh vô thức* hay “VÔ TƯỞNG” (asañña satta), thì khác. Trong họ chỉ có “**17 sắc pháp**”, là :

-“**8 sắc bất ly**” (avinibbhoga rūpa), cộng với...

-“**1 sắc sinh mạng**” (jīvita rūpa), cộng với...

-“**3 sắc tùy tiện**” (vikāra rūpa), gồm “sắc nhẹ” (lahutā rūpa), “sắc mềm dẻo” (muduta rūpa), và “sắc thích ứng” (kammaññata rūpa), cộng với...

-“**1 sắc không gian**” (ākāsa rūpa), -sau cùng cộng với...

-“**4 sắc tự nhiên**” (thành, trụ, hoại, không). => 8+1+3+1+4= 17.

<> Và dĩ nhiên, những sinh linh (hay *chư thiên*) trong cõi VÔ SẮC (arūpa loka), thì không có SẮC (rūpa). Họ không có THÂN NẶNG, như xương thịt ở cõi dục, hay không SẮC TINH VI (sukhuma rūpa). Họ chỉ có “THÂN NHẹ”, như ánh sáng.

<> Nói về 7 SẮC PHÁP không phát sinh vào “**chập tâm tiếp nối**” (paṭisandhi citta), chúng ta có :

-“**1 sắc âm thanh**” (sadda rūpa), cộng với...

-“**3 sắc tùy tiện**” (vikāra rūpa), gồm “**sắc nhẹ**” (lahutā rūpa), “**sắc mềm dẻo**” (mudutā rūpa), và “**sắc thích ứng**” (kammaññata rūpa), cộng với...

-“**2 sắc biểu tri**” (paññatti rūpa), gồm “**thân biểu tri**” (kāya paññatti) và “**khẩu biểu tri**” (vacī paññatti), cộng với...

-“**1 sắc hoại diệt**” (jarāmarāṇa rūpa), gồm “**sắc già**” (Jarā rūpa), nhập MỘT với “**sắc chết**” (marāṇa rūpa). => 1 + 3 + 2 + 1 = 7

*Nói tổng quát :

-Ngoại trừ “**những sắc pháp căn bản** (upādāya rūpa), “**đóng vai trò móc nối**” (sandhi) **trong sự luân hồi**”, thì “**NHỮNG SẮC PHÁP KHÁC**” (añña rūpa) là “**những vật chất**” (tinh vi hay thô kệch), tuần tự phát sinh trong suốt cuộc đời của một kiếp “**sinh đông vật**”.



Chương IV

Niết-bàn (Nibbāna)

<>NIẾT-BÀN (Nibbāna=Nirvāna) là một “đề tài Phật học” *rất khó diễn giải và rất sâu sắc, vi diệu*. Xưa nay các Cao Tăng có thân tâm thanh tịnh, kiến thức uyên bác, “*nắm vững Phật học*” vẫn thường nói :

“Niết-bàn thì duy nhất, và bất khả thuyết, bất khả tư nghì”.

*Các Ngài cho rằng “nội dung” của NIẾT-BÀN (nibbāna) là “*trạng thái tâm linh hoàn toàn giải thoát*” hay “*phẩm cách tinh thần siêu độ*” (TOÀN XẢ), của ***Thánh nhân***”, tức là của ***Phật***, nên người phàm khó hy vọng “diễn tả đúng”.

-Phàm nhân mà nói về “*Niết-bàn*” thì chỉ là trình bày theo suy luận, với ít nhiều chủ quan, nếu không muốn nói là diễn tả theo “*tính thông minh, tuy có hướng thiện nhưng xuyên qua óc tưởng tượng*” rất nhiều !(?)

<> Và đương nhiên, muốn đề cập một cách học hỏi, đến “**phẩm cách giải thoát**” này, trước tiên chúng ta phải đi vào “NGŨ NGHĨA”, VĂN TỰ, để tìm hiểu “NIẾT-BÀN” (Nibbāna) :

*Theo tự điển Pāḷi-Saṃskrit, “**Phật học Nam truyền**” (theravāda), thì “NIẾT-BÀN” là “**chữ phiên âm**” của “NIBBĀNA” hay của “NIRVĀNA”.

-Sự “thành lập” danh từ này gồm 2 phần là “NI” và “VĀNA”. Cả “Nibbāna” và “Nirvāna” cùng có một “**tiếp đầu ngữ phủ định**” là “NI” hoặc “NIR”. Nó chuyên chở cái **ý nghĩa phủ định căn bản** là “KHÔNG” (suññatā).

-Còn “BĀNA” hay “VĀNA” theo nghĩa tự điển, ám chỉ “**các khoen sắt để còng tay, còng chân, hay còng cổ**”... áp lên người của “tội phạm” hay “nạn nhân” như một hình phạt. Nói chung, “BĀNA” hay “VĀNA” là “**xiềng xích**” hay “**gông cùm**”.

*Mang GÔNG CÙM là **hình thức** của những tội phạm khi làm việc khổ sai ngoài nhà tù. Nhưng về **nội dung**, GÔNG CÙM tương đương với sự “**bao vây tâm linh**” trong giáo lý nhà Phật, do 3 tật THAM (Lobha), SÂN (Dosa), SI (Moha). Ấy là những “**gông cùm, xiềng xích, cột trói tinh thần**”, thuộc về “**nhà tù sinh tử luân hồi**” (saṃsāra).

-Khi ghép 2 thành phần “NI” và «VĀNA» lại với nhau, thì luật Văn Phạm Pāḷi (Veyyākaraṇa) cho phép chúng ta thêm 2 phụ âm (Byañjana) “b” vào, thành ra “NIBBĀNA”. Còn luật Văn Phạm Saṃskṛit thì cho phép thêm 1 phụ âm “r” vào giữa, thành ra “NIRVĀNA”.

-Cả 2 chữ NIBBĀNA và NIRVĀNA đều được thoát dịch là “KHÔNG GÔNG CÙM, CHẴNG XIỀNG XÍCH, tức là **hết THAM** (alobha), **hết SÂN** (adosa), và **hết SI** (amoha), đồng nghĩa với **giải thoát** (nibbāna).

*Loại “gông cùm, xiềng xích vô hình” này, hằng bắt tâm linh con người **chịu đựng liên tục** những chuỗi xung đột (khổ vui), giữa **hài lòng** (mānāpa) và **bất mãn** (amānāpa), giữa THUẬN và NGHỊCH, giữa thương và ghét.

<>Và 2 chữ “NIẾT-BÀN” (Nibbāna) ở đây, tất nhiên chuyên chở cái nghĩa ngược lại, là **chấm dứt khổ**, vĩnh viễn “TỰ DO”, mà chúng tôi thành tâm chia xẻ KIẾN GIẢI đến quý vị.

<>Trở lại câu nói “**NIẾT-BÀN thì bất khả thuyết, bất khả tư nghì**”, thì môn học VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) cũng không đề cho chúng ta bị “bế tắc” trong “tình trạng “*niết-bàn nằm hằn trên tâm hiểu biết của phàm nhân*”. Và “KIẾN GIẢI” nhằm giúp chúng ta thấy rằng “*chúng ta cũng có thể tìm hiểu NIẾT-*

BÀN, trong phạm vi của 1 người chịu HỌC rồi HÀNH lời Phật dạy, với vốn liếng là TRÍ VẤN và TRÍ TU một cách khiêm nhượng bình thường, dù cho Ý THỨC (citta viññāna) chúng ta vẫn nằm trong cái “khung tương đối”.

*-Rồi xuyên qua **pháp hành** (bhāvanā) và CHÁNH NIỆM (sammā sati), chúng ta sẽ “nắm bắt được” NỘI DUNG của NIẾT-BÀN là “**trạng thái tâm linh giải thoát**”, của những bậc đã hoàn toàn thanh tịnh, hay đạt tới CHÂN GIÁC NGỘ.*

*-Chúng tôi viết đậm chữ “**CHÂN**” trên đây để nhấn mạnh rằng, từ ngữ “GIÁC NGỘ NIẾT-BÀN” trong nhà Phật không đơn giản ám chỉ 1 nội dung tâm thường, là “*khám phá ra mặt trái của vấn đề*”, hay “*nhận thức được sự thật hằng ẩn kín*”.*

-Vì “GIÁC NGỘ NIẾT-BÀN” có nghĩa tương đương với “biết được SỰ THẬT sau khi đã triệt tiêu toàn bộ THAM-SÂN-SỢ”.

*-Nghĩa là, khi “GIÁC NGỘ NIẾT-BÀN”, một Thánh nhân A-la-hán giải thoát (Arahatta) hay Phật (Buddha) sẽ không còn cố gắng thực hành “một phạm hạnh” nào nữa. Tất cả **ba-la-mật** (paramatthapāṃī) đã viên dung !*

**Nhưng đối với phàm nhân có đức hạnh (hay các bậc Thánh chưa hoàn toàn giải thoát, chưa đắc A-la-hán), thì “GIÁC*

NGỘ” là “*biết được **sự thật**, về vạn vật VÔ THƯỜNG, về hiện hữu là chịu đựng KHỔ VUI, và về thân phận danh sắc nổi trôi vô định của mỗi cá nhân, trong vòng sinh tử luân hồi là hoàn KHÔNG (hay VÔ NGÃ)*”, rồi họ nhất tâm tinh tấn TU TẬP, để đoạn trừ mọi phiền não dư sót và trở thành TOÀN XÁ (upekkha-paramatthapāramitā).

-Nghĩa là “GIÁC NGỘ SỰ THẬT” và “GIÁC NGỘ NIẾT-BÀN”, là 2 phẩm cách *tuy có một số điểm chung*, nhưng **không hoàn toàn giống nhau**, trong đạo Phật.

-Nói cách khác “GIÁC NGỘ SỰ THẬT” (sacca janāti) thì còn ít hay nhiều THAM-SÂN-SI. Nhưng “GIÁC NGỘ NIẾT-BÀN” thì hoàn toàn giải thoát, TÂM dứt hẳn tham-sân-si.

<> Vì sao ? - Vì trong chiều sâu thì :

*“Muốn tu để giải thoát” vốn cũng là “1 dạng” của lòng THAM, -tham cái “phẩm thanh tịnh” (lobha āsava).

*“Muốn giải trừ cái khổ” vẫn là “1 dạng” của lòng SÂN, sân vì “bất bình trước công bằng xã hội không có” (dosa).

*“Muốn dẹp cái ngã để thành Phật” cũng là “1 dạng” khác, của SI MÊ (moha) hay VÔ MINH, -vô minh vì “chấp vào vô ngã cũng là một loại si mê” (avijjā).

-Tất nhiên, “**trạng thái tâm linh giải thoát**” ở đây phải được hiểu là “**phẩm cách TỰ DO tuyệt đối**” của Thánh nhân, ra khỏi 3 thứ XIỀNG XÍCH (tham sân si), cần phải được *nghiên cứu và thấu đáo một cách khách quan*, dựa theo “kinh điển” nào, *gắn với “Nguồn gốc Phật giáo”* nhất.

<>Nhóm từ “phẩm cách TỰ DO tuyệt đối” vừa nêu, xin tạm “diễn tả”, là cái “**PHONG THÁI THANH TỊNH**” (**thực tại**) của chư Phật, biểu lộ ra bên ngoài một cách tự nhiên, chứ không phải các Ngài biểu lộ với “**dụng ý**”, để được người đời ngưỡng mộ, tôn kính”. -Nhu phàm nhân thường nghĩ và “bắt chước” hành động với lòng THAM (lobha).

-Vã lại, từ ngữ “NIẾT-BÀN” (Nibbāna) được nhắc đến nhiều lần, trong kinh sách Phật học chữ Pāḷi, vốn không phải để cho người phàm “chỉ đọc suông và luận bàn cho vui”.... -Hay suy nghĩ rằng “*người phàm còn tu tập vốn chẳng bao giờ có thể ấn định được TÍNH TÍCH CỰC*” của Niết-bàn, -nhất là phàm nhân không thể nào “**nắm bắt**” được CHÂN THÁI của NIẾT-BÀN một cách “cụ thể”, để khuyến khích con người.

-Và nếu “*nhu thế*” thì hóa ra chư “Tổ sư” trong đạo Phật xưa nay, đã không lưu truyền “từ ngữ NIẾT-BÀN” (nibbāna) như “*một thực dụng*”, mà chỉ lưu truyền như một danh từ “*đầy huyền*

thoại”, có thể được người ta hiểu một cách “mơ hồ”, và chẳng bộc lộ được mục đích rõ rệt !

-Nhưng nhiều “*đoạn kinh*”, diễn tả về “*trạng thái tâm thức giải thoát* của *Thánh nhân*”, ám chỉ “*nội dung siêu thoát* (lokuttara dhamma) của *niết-bàn*”, đã được tìm thấy trong nhiều sách Phật, đề xác nhận cho hậu thế, rằng :

◁“*NIẾT-BÀN là phẩm cách của TÂM THỨC hoàn toàn thanh cao, không bị hạn chế, hay không bị vướng mắc*”, bởi 1 trong các *pháp thể gian*, do THAM-SÂN-SI ảnh hưởng.

-Nghĩa là kinh Phật hằng xác nhận NIẾT-BÀN là *cứu cánh tích cực* đối với bất cứ hiện tượng gì nằm trong tình trạng NHI BIÊN, và mang tính “CHUỖNG NGẠI”.

-Chẳng hạn như :

1/Liên quan đến *văn tự, ngữ nghĩa, hay mỹ ngôn*...v...v...thì “*NIẾT-BÀN*” là “vô văn tự”, “vô ngữ nghĩa”, “vô mỹ ngôn”.

2/Liên quan đến *thành kiến, tập quán, hay cố chấp riêng* cũng như *chung*..., thì “*NIẾT-BÀN*” là đoạn trừ tất cả những thứ vướng mắc và đóng khung ấy.

3/Liên quan đến “*sự giác ngộ ngẫu nhiên*”, hay “*bừng sáng chỉ trong nhất thời*”, thì “**NIẾT-BÀN**” là “***trải nghiệm tự do***” một cách thường trực, -chứ không phải “*lóe lên rồi biến mất*”.

<>Và theo VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), thì NỘI DUNG giải thoát lại rất rõ ràng rằng, “**NIẾT-BÀN** (Nibbāna) là “***phẩm cách siêu thoát, tuyệt tịnh***” (lokuttara visuddhi) của TÂM LINH TOÀN XÃ (sabbupekkhā), phát sinh do THẬP ĐỘ ba-la-mật (Upekkhā paramatṭha pāramī).

-Từ ấy “suy ra”:

-NIẾT-BÀN chắc chắn không phải là “sự tuyệt diệt”, hay “xóa mất tính tròn đầy phước đức”, mà “***niết bàn là phẩm cách hoàn toàn của tâm thức không còn vướng mắc, khi đối diện với bất cứ hạnh phúc hữu vi (=có điều kiện) nào***”.

*Nói một cách sâu sắc hơn, vào Phật học là :

-**Niết-bàn** (Nibbāna) thì DUY NHẤT, và “**NÓ**” không phải là NHÂN (Na hetu), không phải là DUYÊN (Na paccaya), và cũng không phải là QUẢ (Na vipāka) của *tất cả pháp hữu vi* (sabba saṅkhārā dhammā), do “tam độc” THAM-SÂN-SI (lobah-dosa-moha) ảnh hưởng và “sản xuất”.

-**Niết bàn** (Nibbāna) càng không phải là “đối tượng” của “*tâm linh hướng về cảnh giới cực lạc*”, để thụ hưởng thụ “HOA TRÁI trổ ra do vô lượng phước đức” (puñña), một cách vương mắc (upādāna), chấp HỮU DỤC (bhava tanhā) hay chấp VÔ DỤC (vibhava tanhā) trong tam giới (tilokānaṃ).

-Nghĩa là **niết-bàn** (Nibbāna) hằng không bắt buộc phải chứng minh một cách “cụ thể” có sự “*trải nghiệm hạnh phúc theo ý muốn*” ngoài TAM GIỚI, sau khi CHẾT.

<> Như vậy, **niết-bàn** (Nibbāna) chính là “*sự hoàn toàn giải thoát tâm linh*”, trên cả “*2 phương diện*” (thuận lẫn nghịch), và xuyên qua “*3 cặp thực tại*” (hay tập ấm) sau đây :

*Cặp thứ nhất : DANH (Nāma) gọi là Ý NGHIỆP (Mano kamma) và SẮC (Rūpa) gọi là THÂN NGHIỆP (Kāya kamma),

*Cặp thứ hai : SINH (Jāti) gọi là HIỆN TIỀN (paccuppanna), và TỬ (Marāṇa) gọi là BIẾN MẤT (atīta),

*Cặp thứ ba : VUI (sukha) gọi là SIÊU THĂNG (Sugati), KHỔ (dukkha) gọi là SA ĐỌA (Duggati).

<> Sau cùng, **Niết-bàn** là *phẩm cách nằm ngoài* cái KHUNG LIÊN HỆ THỜI GIAN, vốn hữu hạn của những kiếp sống. **Niết-**

bàn không có quá khứ, không có hiện tại, và không có tương lai. -NIẾT-NÀN chỉ là MỘT trong “2 thánh pháp” là :

1/“*HỮU DU NIẾT-BÀN*” (Supādisesa) hay THƯỜNG TRỰC BÌNH AN sau khi đắc quả GIẢI THOÁT mà chưa hết tuổi thọ, sống thánh thiện, sống TOÀN XẢ trong hiện tại. Và...

2/“*VÔ DU NIẾT-BÀN*” (Anupādisesa) hay VĨNH VIỄN BÌNH AN, hết sinh tử luân hồi, không vướng mắc với bất cứ pháp gì thuộc tam giới, sau khi nhắm mắt.

*Trong HỮU DU NIẾT-BÀN (Supādisesa=Sa+upādisesa) chỉ có TỊNH DUYÊN THỰC TẠI (lokuttara visuddhi paccaya) vận hành một cách nối tiếp nhau, không “cơ sở” *XUNG ĐỘT THÂN* và *TÂM* (natthi nāma-rūpa dukkha).

*Trong VÔ DU NIẾT-BÀN (Anupādisesa), vạn pháp (sabbe dhammā) hằng vô biên (natthi sīmā), vô điều kiện (natthi dasā), vô hợp (natthi saṅkalana), vô tan (natthi vyavakalana), vô tập khí (natthi parisā), và vô tuổi tác (natthi kappa).

NIẾT-BÀN LIÊN QUAN đến THỌ UẨN.

(Vedanā khandha).

<> Xin nêu ra “**5 đặc tính** tương hợp lẫn tương khắc” của các CẢM GIÁC (vedanā) trong “*một sinh linh còn lăn trôi giữa những cơn lốc luân hồi*” (saṃsāra), là :

*THỌ HỖ (somanassa saḥagata vedanā) và THỌ UÙ (domanassa saḥagata vedanā), vì *hài lòng và bất mãn*.

*THỌ LẠC (sukhassa saḥagata vedanā) và THỌ KHỔ (dukkhassa saḥagata vedanā), vì *sung sướng và khó chịu*.

*THỌ DỪNG DỪNG, lạnh lùng (upekkhā saḥagata vedanā), vì *không toại nguyện, bất mãn, vô năng lực*.

<> Khi 5 loại THỌ CẢM (vedanā) này làm cho tất cả chúng sanh nói chung, và loài người nói riêng, “chịu đựng” xung đột tinh thần và thể xác, một cách “*liên tục*” quay cuồng, hoán vị..., thì các TÌNH TRẠNG ấy có thể làm cho TÂM TỬ BI VÔ LƯỢNG (appamaññā) của chư Phật hiện tiền, sống trong *hữu dư niết-bàn* (supādisesa nibbāna), “được kích thích”, để các Ngài tùy duyên độ tận một cách DUY TÁC (kiriya) trước khi nhắm mắt, do “**đặc tính tuyệt vời thứ 5**”, là THỌ XẢ (upekkhā saḥagata vedanā) trong PHẬT.

<> Nếu “**Hữu dư niết-bàn**” (supādisesa nibbāna) trong các Thánh Nhân Giải Thoát, đã “**luôn luôn hộ trì**” THÂN và TÂM

của các NGÀI, xuyên qua các cảm thọ (vedanā), thì “**vô dư niết-bàn**” (anupādisesa nibbān) sẽ đoạn trừ mọi thứ “*xung đột vật lý*” trong PHẬT khi các Ngài nhắm mắt, để “**nhập niết-bàn một cách tự tại**”. Điều pháp ấy có “khả năng ba-la-mật” (pāramitā) chuyển hóa “ngũ uẩn kiếp chót (antima khandha), làm cho NÓ nó tự “**giải kết**” (vijojeti) và trở về “**SIÊU VIỆT**” (bhūta).

Lưu ý chữ “UPEKKHĀ”:

*Từ ngữ Pāḷi “UPEKKHĀ” đối với phàm nhân là “*dừng dung, lạnh lùng, bỏ qua*”. Nhưng đối với Thánh nhân chưa hoàn toàn giải thoát, thì ngoài cái “nghĩa thông thường” tạm dịch là “XẢ” (không vướng mắc) còn có “*nội dung ám chỉ sâu sắc hơn*”, là **tuyệt đối bình đẳng, hoàn toàn trung thực, và tự tại vô nhiễm**.

<>Các bậc ĐẮC ĐẠO xưa nay, thường dùng những nhóm chữ sau đây, để diễn tả “cứu cánh NIẾT-BÀN” trong Phật giáo” :

*NIẾT-BÀN là **phẩm cách không sa đoạ** (accuta pada).

*NIẾT-BÀN là **thanh tịnh, vô biên và vô lượng** (accanta).

*NIẾT-BÀN là **tinh khiết, và không điều kiện** (asamuppāda).

*NIẾT-BÀN là **vô thượng** (anuttara).

-Những “phẩm cách siêu thoát” vừa nêu không phải do chúng ta “*lượm lặt trong sách vở và qui nạp kiến thức*”, mà là do phiên dịch từ bản kinh Pālī :

“Padamaccutamaccantaṃ asaṅkhatamanuttaraṃ

Nibbānaṃ ’tī bhāsanti vanamuttā mahe sayo”.

-Xin chép lại để quý độc giả tùy nghi tra cứu.

<> Nhắc lại “2 pháp” NIẾT-BÀN trong đạo Phật, là :

I-HỮU DƯ NIẾT-BÀN (supādisesa nibbānadhātu), và

II-VÔ DƯ NIẾT-BÀN (anupādisesa nibbānadhātu).

I- ***Hữu dư niết-bàn*** là “phẩm cách của tinh thần tinh khiết thánh thiện”, tuy sống với “*thực tại hiện tiền trong cõi phàm tục (dục giới), mà tâm linh không bị vướng mắc bởi bất cứ hiện tượng tâm lý hay vật lý nào*”.

-Như Đức Phật chẳng hạn. Ngài đắc đạo năm 35 tuổi, rồi nhắm mắt ra khỏi tam giới lúc 80 tuổi, tức là Ngài ***đã sống*** trong HỮU DƯ NIẾT-BÀN suốt 45 năm”.

II- ***Vô dư niết-bàn*** là “phẩm cách của tinh thần cực tinh giải thoát”, biểu lộ lúc chấm dứt kiếp chót một cách TOÀN XẢ

(sabbupekkhā), không còn *chủng tử tâm thức tái sinh* (natthi patisandhi), *mắc dính ngũ uẩn* (natthi khandha), hay không còn động cơ sẽ quay vào *bất cứ cõi luân hồi nào*” (natthi jāti jarāmaraṇa), sau khi trả thân các bụi hữu hạn do DUYÊN HỢP THÀNH, trở về với TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (Catu mahābhūta).

-Nghĩa là “**Phật niết-bàn**” thì trở thành *siêu độ vĩnh viễn*, chấm dứt luân hồi, MÃI MÃI **bất sinh bất tử**, thoát khỏi DUYÊN HỢP (hiện hữu) và DUYÊN TAN (biến mất).

-Xin chớ hiểu lầm “**Phật nhập niết-bàn là tuyệt diệt**” !

“NIẾT-BÀN liên quan đến DANH SẮC”: Có 3 loại.

I-“**Phiền não niết-bàn**” đối với TÂM THỨC” (citta).

*Loại NIẾT-BÀN này cũng gọi là *chấm dứt phiền não* (kilesa parinibbāna), trạng thái *tiêu trừ trọn vẹn tham sân si*, xuyên qua tất cả liên quan giữa TÂM (citta) và THỨC (viññāna), giữa TÂM SỞ (cetasika) và SẮC UẨN (rūpa khandha).

-Nghĩa là “**Phật chứng niết-bàn**” (Buddhassa nibbāna) thì TÂM PHẬT không còn vương mắc bởi bất cứ phiền não gì, hay TÂM Phật chẳng còn bị ràng buộc bởi bất cứ lâu hoặc (Āsava) nào, dù thô kệch (olārika) hay vi tế (sukhuma).

II-“**Ngũ uẩn Niết-bàn**” đối với LUÂN HỒI (saṃsāra).

*NIẾT-BÀN là *sự chấm dứt luân hồi ngũ uẩn* (khandha parinibbāna). Đó là khả năng hóa giải tận cùng, xuyên qua *sắc pháp* đến hóa giải tất cả TẬP KHÍ (khandha), và ấy là kiếp chót của Phật trong tam giới (tiloka).

-Nghĩa là khi 3 nhân ác (akusala hetu) *tham sân si* (lobha, dasa, moha) không còn nữa, thì 3 nghiệp ác (akusala kamma) do *thân-khẩu-ý* cũng không còn nữa.

-Hễ 3 nghiệp ác do *thân khẩu ý* (kāya-vacī-maṇo) không còn nữa, thì 5 uẩn tái sinh (pañca khandha patisandhi) là *sắc* (rūpa), *thọ* (vedanā), *tưởng* (saññā), *hành* (saṅkhāra), *thức* (viññāna) phải không còn nữa.

-Và khi 5 uẩn tái sinh *sắc, thọ, tưởng, hành, thức* không còn nữa, thì những vòng sinh tử luân hồi (saṃsāra) sẽ vĩnh viễn chấm dứt (nirodha).

III-“*Xá-lợi Niết-bàn*” (đối với những DI TÍCH=cetiya dhātu).

*NIẾT-BÀN (nibbāna) loại này ám chỉ “*giai đoạn cuối cùng*” của “THÂN PHẬT (Buddha kāya) lưu lại trong tam giới. Theo kinh điển chữ Pāḷi, thì “*THÂN PHẬT*” hay “*THÁNH TÍCH*” sẽ “quay về với” *TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT* (catu mahādhātu), gọi là “*Xá-lợi niết-bàn*” (sāri parinibbāna).

-Nghĩa là sau cùng các “DI THỂ” của Phật (Buddha), chẳng hạn như “XÁ-LỢI” (sārī), đã lưu lại trên cõi trần, khi hết “duyên độ đời” (=không còn ai tin Phật giáo nữa), thì tất cả sẽ “tự động tập trung”, hợp thành “MỘT KHỐI” rồi nhập vào “***vô dư niết-bàn***” (anupādisesa nibbāna), tức là biến mất khỏi thế gian (kāma bhūmi).

-Trình bày như vậy, là chúng tôi dựa theo một đoạn KINH Pālī, tạm dịch Việt rằng, “-*Thời mạt pháp, giáo lý của Phật không còn ai tin kính và sống đạo nữa, đa số chúng sanh sẽ trở thành bất thiện, tham-sân-si tràn ngập trong cuộc sống, nên thánh tích tất nhiên biến mất trong thế gian*”.

<>Ngoài ra, theo kinh “MAHĀ PARINIBBĀNA SUTTA”, hay kinh “ĐẠI NIẾT-BÀN”, và cũng là kinh chứa lời Phật “***Nói về TÂM SIÊU THỂ, sau khi thánh nhân đã dập tắt toàn bộ phiền não***”, thì sự “*ghi chép*” về NIẾT-BÀN là “*những đoạn văn*” diễn tả “*tính vô lậu*”, ngược lại với những gì, gọi là HANH PHÚC có điều kiện trong TAM GIỚI.

Thử nêu ra một phần, để chúng ta suy gẫm :

-Khi PHIỀN NÃO (kilesa) **chưa chấm dứt**, thì ấy là **nguyên nhân căn bản** (hetu) tạo ra NGŨ UÂN (pañca khandhā), hay ấy là “**nguồn gốc chắc chắn**” kết thành DANH và SẮC (nāma-rūpa), tức THÂN và TÂM để tiếp tục **wa thích** (ÁI=tanhā), tiếp tục **nắm giữ** (THỦ=upādāna), và tiếp tục **luân hồi** (SINH TỬ=jātijarā-maraṇa), trong 3 cõi DỤC GIỚI (kāma loka), SẮC GIỚI (rūpa loka), và VÔ SẮC GIỚI (arūpa loka)...

<>Từ đó, THỌ UÂN (vedanā khandha), 1 trong 5 **TẬP KHÍ** (pañca khandhā), sẽ được thường xuyên “bồi bổ” bởi **phiền não** (kilesa) và **lậu hoặc** (āsava) như sau :

*Trong **cõi DỤC** (kāma loka) thì **phiền não** (kilesa) nuôi dưỡng **5 cảm thọ** thuộc **vật chất thô kệch hữu biên**, là 1/**Hỷ** (somanā), 2/**Ưu** (domanā), 3/**Lạc** (sukha), 4/**Khổ** (dukkha), và 5/**Dừng** **dưng** lạnh lùng (upekkhā).

-**Năm cảm thọ** (pañca vedanā) ấy, nếu “tra cứu” theo **thực tại đơn giản** thì gốc chỉ có 3 :

a/THUẬN (mānāpa) hay LẠC (sukha),

b/NGHỊCH (amānāpa) hay KHỔ (dukkha), và

c/VÔ CẢM hay LẠNH LÙNG (upekkhā).

-“**Vô cảm**” hay «**lạnh lùng**» ở đây, vốn là một thói quen (tập khí thụ động), do vô minh (avijjā) nuôi dưỡng triền miên, xuyên qua vô số vòng sinh tử luân hồi (saṃsāra).

*Trong cõi SẮC (rūpa loka) thì **phiền não** nuôi dưỡng 3 cảm thọ thuộc sắc giới vi tế hữu biên, là :

1/**Hỷ** (somanā),

2/**Ưu** (domanā), và

3/**Thản nhiên** (upekkhā).

-“**Vô cảm**” hay «**xả**» (upekkhā) ở đây cũng vốn là thói quen (tập khí tiêu cực), do vô minh (avijjā) nuôi dưỡng triền miên, xuyên qua vô số vòng sinh tử luân hồi (saṃsāra).

*Trong cõi VÔ SẮC (arūpa loka) thì **phiền não** nuôi dưỡng 2 cảm thọ vi tế thuộc cảnh giới vô biên, là :

1/**Hỷ** (somanā) hài lòng, và

2/**Xả** (upekkhā), hay “xem thường, dửng dưng”.

-Nhưng khi “thọ HỖ VI TẾ VÔ BIÊN” trong **cõi vô sắc** (arūpa bhūmi), thì có tình trạng tương đương với các tâm “THIỀN VÔ SẮC”, nên “**2 cảm thọ**” ấy cũng gọi là “cặp cảm thọ” của “**XẢ** và **ĐỊNH**” (upekkhekaggatā).

<>Ngoài ra, chúng ta cần hiểu đúng theo đoạn trên, nói rằng “*Niết-bàn không phải là NHÂN (hetu), không phải là DUYÊN (paccaya), không phải là QUẢ (vipāka)...v...v...*”, thì chữ 3 chữ “NHÂN”, “DUYÊN”, “QUẢ” ở đây nếu dùng để ám chỉ “NIẾT-BÀN” (nibbāna) vốn không phải là nhân-duyên-quả để hưởng thụ, mà là “nhân-duyên-quả” để GIẢI THOÁT (nibbati) khỏi tất cả mong cầu hưởng thụ.

*Do đó, NIẾT-BÀN (Nibbāna) cũng là “đối tượng” (ālambana) hay “đề mục” (kammaṭṭhāna) của các “***pháp thiền vô sắc***” tiến lên **SIÊU THỂ** (lokuttara), hay tiến lên “mục tiêu giải thoát tâm thức” của ***chư Thánh nhân*** (ariya puggala), kể từ bậc Tu-đà-hườn (sotāpanno) trở lên.

<>Nhưng có một số người hiểu lầm rằng :

“*Phàm nhân chúng ta đôi khi cũng có thể trải qua những giây phút niết-bàn ngắn ngủi. Vì lúc đó tâm tư phàm nhân bỗng nhiên không bị vướng mắc bởi bất cứ chuyện gì” (!!).*

<>Rồi họ kết luận :

“*Niết-bàn cũng khả dĩ đạt được một cách tự nhiên, trong cõi phàm trần này, dựa trên tâm trạng vô cảm đặc biệt, xảy ra thỉnh thoảng ấy” (!!). –Rồi nhờ ***óc tưởng tượng***, những kẻ “quan*

niệm” như thế, đã vội vàng “ghi nhớ” cái “*cảm giác niết-bàn chốc lát*” kia, để sau đó có thể “gọi lại”, và “*tự thuyết phục mình*” là đã từng biết thế nào là NIẾT-BÀN !

<<Đây là một lầm lạc, chúng tôi xin thẳng thắn góp ý rằng :

-Xét trên phương diện “***giá trị của bình an thoáng qua trong giây lát***”, thì tình trạng “*niết-bàn trống không ngăn ngủi*” kia, vốn là “một sự vô cảm” trong cuộc sống chẳng ngừng quay cuồng, mà con người đã “mệt mỏi, đuối sức, chai lỳ, tê dai” xuyên qua sự trường kỳ chịu đựng, trước mọi thứ xung đột hoàn cảnh, giữa *thân* và *tâm*, cũng như giữa *thân tâm này* với *thân tâm khác*, cộng nghiệp !

-Đó là tình trạng ***mệt mỏi, chai lỳ*** đến mức “***vô cảm***”, -nếu không muốn nói là trở thành “***phản cảm***”! Rồi “vô cảm” bị hiểu lầm là “bình an” (!?), khác hẳn với “BÌNH AN CHÂN TỊNH” trong “*TÂM THỨC*” của các Thánh và chư PHẬT.

-Tình trạng ấy chỉ là một loại “***niết-bàn tưởng tượng***”, -khoan nói đến chuyện “*bình an trong thực tại tạm thời*” !

-Theo “A-tỳ-đạt-ma” hay ***Vi diệu pháp*** (Abhidhamma), thì ***sự bình an*** do giả niết-bàn chỉ trong ***giây lát đó***, là một “phản ảnh của lòng tham” (lobha-rāga), và cái “cảm giác” (vedanā) sinh

ra từ “bình an mơ hồ” ấy, *không có khả năng cải thiện*, đối với cá nhân nào mắc dính nó, để họ có tự lực đạt tới “*chân niết-bàn*” (nibbāna bhūta) mà họ thèm khát.

-Và vì không đạt được bằng tự lực, nên con người có thể TIN “**ấy là do thần thánh ban cho**”, và “sự cầu xin niết-bàn” là hiện tượng tất nhiên phải xảy ra, để sau đó trở thành MÊ TÍN.

-Nhưng trên thực tế, sau mỗi lần “**cầu xin**” mà không được toại nguyện, thì “đương sự” sẽ oán trách “*Thần linh*”, oán trách “*Phật Trời*”, oán trách tôn giáo...và cuối cùng trở thành *giận hờn, bạo động, “duy vật”*...tinh thần sẽ tự “cầu kết cứng ngắt” theo quan niệm “tử giả biệt luân” “**mạnh được yếu thua**”, xem đó là “*chân lý tuyệt đối*”.

<>Ngoài ra, có 1 số trí thức phạm phu thường “lý luận sắc bén” rằng “*Niết-bàn chỉ là kết quả tương đối của sự so sánh*”. -Nhu luật nhị biên tương đối vậy.

-Chẳng hạn họ nói “*Nếu bóng tối là bế tắc, vướng mắc*”, thì “*ánh sáng là khai thông, là giải thoát=>niết-bàn*”, hay...“*Nếu nghèo đói là thấp hèn, khổ đau*”, thì “*giàu có là thắng hoa, là cao quý=>niết-bàn*», hoặc “*Nếu nóng bức là dày vò, là đày đọa, là địa ngục*”, thì “*mát mẻ là giải khổ, là tiến hóa=>niết-bàn*” (nibbāna)...v...v...

Rồi họ chủ quan qui nạp :

*NIẾT-BÀN là phía «tốt» của HIỆN TƯỢNG «xấu» (?)

<> Sự “KHÔN KHÉO DUY LÝ” này quả thật đã làm cho nhiều người hiểu lầm CỨU CẢNH (antima) trong Phật giáo.

<> Nhưng sự “**khôn khéo duy lý**” ấy dù cho “sắc bén” đến đâu, vẫn không thể làm cho người HỌC và HÀNH, để trải nghiệm giáo lý trong nhà Phật, có thể “hiểu sai” NIẾT BÀN được.

-Vì “DUY LÝ” là “chấp cứng vào lý lẽ”, hay “cố chấp, đóng khung trong qui ước”, vốn chỉ tạm thời, không chính xác, vì *tất cả quan niệm đều do con người tùy tiện đặt ra*.

-Còn NIẾT BÀN (Nibbāna) trong nhà Phật, thì hoàn toàn vô chấp, hay đạt tới “**tánh biết vạn vật hoàn không**” (suññatā), tức là tri kiến tùy theo nhân duyên và TOÀN XẢ (Sabbāpekkhā).

<> Qua lại «A-Tỳ-Đạt-Ma» (Abhidhamma) :

-Có 3 **sự giải thoát** (nibbāna), hay 3 phẩm cách tự do khác, về *niết-bàn* (nibbāna) là :

1/TÂM THỨC niết-bàn (Citta nibbāna), hay giải thoát «Tâm sở» (Cetasika) và «*tâm vương*» (Citta), để trở về MỘT CHÂN NGUYÊN (Bhūta), thanh tịnh, trong sáng, vô biên.

2/PHIỀN NÃO niết-bàn (Kilesa nibbāna), hay giải thoát tinh thần khỏi tất cả *phiền não* (Kilesa), *chấm dứt các vòng vương mắc, hết lôi kéo tâm linh, rơi vào các vòng xung đột, đưa đến sinh tử luân hồi* (Saṃsāra).

3/XÁ-LỢI niết-bàn (Sārī nibbāna), hay giải phóng «xá lợi», và toàn thể «*Di Tích Phật trong bảo tháp*» (Cetiya), để chúng trở về với TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (Catu mahābhūta).

<>Cả 3 phẩm cách GIẢI THOÁT (nibbāna) này đều không do một đấng thần linh nào ban cho cả, mà do “*chính hành giả*” là bậc ĐẠI GIÁC NGỘ, đã tự mình sống TỊNH HẠNH, đạt CỨU CẢNH, *thành tựu ba-la-mật* (paramattha pāramī), xuyên qua nhiều kiếp quá khứ “kết tinh”.

-Và nói chung, “*những hạnh phúc đang thừa hưởng, hay do ngẫu nhiên tiếp nhận, mà “một người” gặt hái trong kiếp này, vốn do chính “người ấy” đã hành động, gieo trồng trong quá khứ, chứ không phải vô duyên cớ*”.

*KHOA HỌC VẬT LÝ cũng xác nhận :

“*Không có gì vô nguyên nhân để được tạo ra. Không có gì vô duyên cớ mà biến mất. Tất cả đang không ngừng thay đổi theo mỗi điều kiện thích hợp. Và trong tiến trình biến hóa ấy, mọi*

vật có thể liên tục trở thành khác trước, một cách xoay vần, và được nhìn thấy lẫn không được nhìn thấy”.

«Rien n’a été créé, rien ne sera perdu, tout est en train de se transformer, et devenu autres tant visible qu’invisible».

-Và nếu VÌ **tham sân si** mà chúng ta hiểu sai cái gọi là «*hạnh phúc*», cho đó là “sự ban phước” của “thần linh”, rồi nhiều người chỉ lo cúng bái mà chẳng tu thân và không thanh lọc ý thức, thì hạnh phúc hiện tại (nếu có), «*do gieo trồng nghiệp lành trong quá khứ*» sẽ sớm cạn.

<>Sách THANH TỊNH ĐẠO (Visuddhimagga), phần THANH TỊNH TUỆ (Pañña visuddhi) cũng nói rằng, «*Khi tri thức (=trí tuệ) đã được thanh lọc tinh khiết, siêu thoát*», thì cả “**3 lậu**” (Āsavā) là “hữu ngã” (Atta), “vô ngã” (Anatta), và “phi ngã” (Vibhava) đều hóa thành “KHÔNG” (suññatā), hay đạt phẩm cách “NIẾT-BÀN” (Nibbāna).

*Chú ý :

«*Chấp vô ngã*» cũng là một loại «*ngã mạn tinh vi*», khó giải thoát hơn là «*chấp ngã*» gấp bội !

*Giáo lý “TÁNH KHÔNG” (Suññatā) ám chỉ rằng, «**sự bền vững trong tam giới vốn chẳng bao giờ có**». Nguồn gốc của tánh không là triết học toàn xả này.

*XẢ hữu ngã (natthi atta) và XẢ cả vô ngã (natthi anatta) !

<>Nghĩa là, “**Tánh không**” (suññatā) chính là *tâm thức chứng đắc NIẾT-BÀN* (nibbāna=giải thoát), do biết *vạn pháp trong tam giới vốn VÔ THƯỜNG* (aniccā), chẳng tồn tại, hằng giả tạm, và luôn luôn “**hư ảo**”, rồi tâm thức trở thành TỊNH XẢ (visuddhi upekkhā), hết vướng mắc.

*Như thế, từ ngữ “**tánh không**” chẳng ám chỉ “*tâm thức cực tịnh rồi tuyệt diệt*”. Nó cũng chẳng ám chỉ «*tâm thức cực tịnh rồi đồng hóa với tình trạng rỗng tuếch của pháp hữu vi*».

*Nói về «**đặc tính**» (lakkhaṇa), thì NIẾT-BÀN (nibbāna) được diễn tả trong kinh sách có «3 khái niệm qui ước», là :

1/«TRỐNG KHÔNG» (Suññatā),

2/«VÔ TƯỚNG» (Animitta), và

3/«VÔ CẦU TRÚC» (Appaṇihita).

-Ai dựa vào các «**đặc tính**» (lakkhaṇa) ấy mà quan niệm NIẾT-BÀN (Nibbāna) tương đương với sự «tuyệt diệt» là người ấy đã

rơi vào «ĐOẠN KIẾN» (uccheda diṭṭhi), hay bị tràn ngập bởi “*tà tư duy*” (Miccha saṅkappa).

<> Tưởng cũng nên nhắc lại rằng, theo «A-Tỳ-Đạt-Ma» hay Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thì TRI KIẾN (Diṭṭhi) trong con mỗi người có 2 loại, là *TÀ KIẾN* và *CHÁNH KIẾN*.

1-TÀ KIẾN (Miccha diṭṭhi) gồm 2 thứ, là «*thường kiến*» (Sassata diṭṭhi) và “*đoạn kiến*” (Uccheda diṭṭhi).

***Thường kiến** (Sassata diṭṭhi) thì tin «*vũ trụ do một đấng toàn năng tạo ra, trong đó linh hồn của con người bất biến và bất diệt*», được «đấng toàn năng» quản lý.

***Đoạn kiến** (Uccheda diṭṭhi) thì tin «*vạn vật (kể cả tinh thần và thể xác) khi tiêu hoại, sẽ vĩnh viễn biến mất*», **KHÔNG CÓ** bất cứ một «quan hệ» nào, từ cuộc sống hiện tại có giá trị «*phát sinh*» bất cứ hiện tượng gì sau khi chết.

-*ĐOẠN KIẾN* (ucchedavāda) còn cho rằng «*sự sống là bộ máy tự nhiên vận hành, nên nó vô nhân, vô quả, vô oan trái, vô duyên hệ, vô cộng nghiệp, vô biệt nghiệp*». -Nói chung là tất cả hành động trong cuộc sống vốn «*chẳng tội, chẳng phúc, chẳng thiện, chẳng ác*».

2-Còn CHÁNH KIẾN (Sammā diṭṭhi), nhất là *chánh kiến* trong *bát chánh đạo* (atthaṅgika magga), thì đối lập hẳn với cả 2 thành kiến lầm lạc nói trên, là «thường kiến» (sassatavāda) và «đoạn kiến» (ucchedavāda).

*Người có CHÁNH KIẾN (Sammā diṭṭhi) thì luôn luôn quan niệm rằng, «*Vũ trụ hay tất cả hiện tượng gì biểu lộ được, đều do những NGUYÊN ỦY VẬN HÀNH của nó. Đó là hiệu lực của nhân (hetu), của quả (vipāka), và của duyên (paccaya).*

-Nói cách khác, đó là hiệu lực của nghiệp (Kamma) do «pháp động» tất cả chúng sanh (Sabbe sattā)» tạo ra.

-Và 6 nguyên nhân là **tham** (lobha), **sân**, (dosa), **si** (moha), VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), và VÔ SI (amoha) trong mỗi chúng sanh, chính là «nguồn gốc» của «*nghiệp dữ*» (akusala kamma) hay «*nghiệp lành*» (kusala kamma), xen kẽ và xoay vần suốt cuộc sống.

*Nhờ học Phật, mà chúng ta còn biết thêm rằng :

-Tất cả 3 nhân quả DỮ (Akusala hetu-vipāka) là **tham** (lobha), **sân** (dosa), **si** (moha), xen kẽ với 3 nhân quả LÀNH (Kusala hetu-vipāka), là VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), VÔ SI (amoha) trong kẻ nào, đều có thể làm phát sinh nơi TƯ DUY

của kẻ ấy, những phẩm cách giả mạo, «đồng dạng» với tâm tánh của thánh nhân, hay của pháp giải thoát niết-bàn..., khi đương sự chỉ căn cứ một cách CỐ CHẤP theo «**thành kiến**» (miccha diṭṭhi) !

-Đó chính là lý do, có một số người bị «tự kỷ ám thị lộng hành» trong tâm thức chưa đắc đạo, mà họ dựa vào một số hiện tượng, tưởng lầm là *mình đắc đạo*.

*Và họ đã si mê «công bố phẩm cách ấy», lôi kéo quần chúng ngưỡng mộ, gây lầm lạc ngu dân (si mê) cho cộng đồng.

*Để tránh tệ đoan này, Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) nêu rõ :

<>**3 tiềm lực sau cùng** (xếp theo các con số 20, 21, và 22), là **3 PHÁP phối hợp** (misaka) của **ngũ căn** (paññindriya) và **ngũ lực** (pañca bāla), trong «TÂM THỨC» (citta) của THÁNH NHÂN (kể từ Tu-đà-hườn đạo trở lên), *phải luôn luôn được vun bồi mạnh mẽ*. Đó là :

-Tiềm lực **thực hiện cho thật đầy đủ những thiện hạnh chưa làm** (số 20).

-Tiềm lực **biết rõ những thiện hạnh chính đã được thực hiện một cách đầy đủ** (số 21)

-Tiềm lực *xác nhận toàn thể thiên hạnh* (chính và phụ), *đều đã được thực hành viên dung* (số 22).

*«THIỆN HẠNH» ở đây ám chỉ «*phẩm cách*» hay «*công phu hành đạo siêu độ ba-la-mật*» (Paramattha pāramitā).

<>Một «*tĩnh giả siêu độ*» trong nhà Phật, chỉ biết tĩnh tấn thực hiện đầy đủ «THẬP ĐỘ BA-LA-MẬT GIẢI THOÁT» (Dasa pāramī nibbāna), chứ không quan tâm đến «*kết quả tu trì, đã tích tụ to lớn như thế nào*».

<>Đến đây xin thưa rằng «*không phải soạn giả đi xa đề tài, mà là cố ý nói thêm về CÔNG PHU một chút*», để nhấn mạnh HIỆU LỰC (vārabala) của «BA-LA-MẬT» (Pāramitā), chính là «NỀN TẢNG» đưa đến VÔ CHẤP, và TOÀN XẢ (upekkhā), hay NIẾT-BÀN (Nibbāna).

-Và HIỆU LỰC (vārabala) của Ba-la-mật (Pāramitā) cũng là «*pháp căn bản*» (pādaka dhamma) chứng minh TÍNH SIÊU THOÁT Niết-bàn (lokuttara nibbāna).

-Nghĩa là, dựa vào HIỆU LỰC (vārabala) của «TÒAN XẢ BA-LA-MẬT» (sabbupekkhā paramattha pāramī), chúng ta có thể

TIN CHẮC vào NIẾT-BÀN (Nibbāna), như một «*cứu cánh đương nhiên*» (nesaggikantima).

Xin kể nhanh THẬP ĐỘ ba-la-mật :

1-**Bố thí ba-la-mật** (Dāna pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

2-**Trì giới ba-la-mật** (Sīla pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN.

3-**Xuất gia ba-la-mật** (Nekkhamma pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

4-**Trí tuệ độ ba-la-mật** (Paññā pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

5-**Tinh tấn ba-la-mật** (Viriya pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

6-**Nhẫn nại ba-la-mật** (Khantī pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

7-**Chân thật ba-la-mật** (Sacca pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

8-**Quyết định ba-la-mật** (Adiṭṭhāna pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

9-**Từ bi ba-la-mật** (Mettā pāramī), đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

10-**Toàn xả ba-la-mật** (Upekkhā pāramī) đề hướng đến NIẾT-BÀN (nibbāna=giải thoát).

*Mỗi tiềm lực BA-LA-MẬT (Pāramībala), đề hướng đến Niết-bàn (Nibbāna=giải thoát) đều có «3 bậc phạm hạnh hùng hậu» (missaka) từ thấp đến cao, là HẠ (pāramī), TRUNG (upapāramī), và THƯỢNG (paramattha).

-Xin phép lược giải :

1/Liên quan đến BỐ THÍ BA-LA-MẬT.

<>Một «*bậc phạm hạnh*» (brahamacariya) vui vẻ bố thí tất cả những gì ngoài thân mình, như tài sản, danh vọng, ngai vàng, giang sơn, vợ con, thân quyến...thì đạt được «*tiềm lực bố thí siêu độ*» bậc HA (Dāna pāramī).

<>Một «*bậc phạm hạnh*» (brahamacariya) vui vẻ bố thí một hay nhiều cơ quan trong thân thể mình, như mắt, tai, mũi, lưỡi, gan, thận...v...v...mà còn sống, thì đạt được «*tiềm lực bố thí siêu độ*» bậc TRUNG (Dāna upapāramī).

<>Một «*bậc phạm hạnh*» (brahamacariya) vui vẻ bố thí quả tim hay sinh mệnh, chấp nhận cái chết, để cho người khác được

khỏe mạnh hay được sống, thì đạt đến «**tiềm lực bố thí siêu độ**»
bậc THƯỢNG (Dāna paramatthapāramī).

2/Liên quan đến TRÌ GIỚI BA-LA-MẬT

<>Một «**bậc phạm hạnh**» (brahmacariya) **sẵn sàng trì giới** mà phải mất tất cả những gì ngoài thân mình, như tài sản, danh vọng, quyền lực, ngai vàng, vợ con, thân nhân, quyền thuộc, bạn bè, giang sơn...thì đạt được «**tiềm lực TRÌ GIỚI ba-la-mật**», siêu độ bậc HA (Sīla pāramī).

<>Một «**bậc phạm hạnh**» (brahmacariya) **vẫn sẵn sàng trì giới** mà phải mất một hoặc nhiều chi thể, hay cơ quan trong thân mình, như tay, chân, mắt, tai, mũi, lưỡi, gan, thận...v...v...mà còn sống, thì đạt được «**tiềm lực TRÌ GIỚI ba-la-mật**», siêu độ bậc TRUNG (Sīla upapāramī).

<>Một «**bậc phạm hạnh**» (brahmacariya) luôn luôn **sẵn sàng trì giới** mà phải mất mạng, chấp nhận cái chết, để người khác được sống có đạo đức, trong kỷ luật lành mạnh, thì đạt đến «**tiềm lực TRÌ GIỚI ba-la-mật**», siêu độ bậc THƯỢNG (Sīla paramatthapāramī).

<>Các **ba-la-mật**, siêu độ GIẢI THOÁT tiếp theo, kể từ thứ 3 (=xuất gia) đến thứ 10 (=xả siêu độ), thì cách trình bày cũng

tương tự như «**bố thí siêu độ**» (dāna pāramī) và «**trì giới siêu độ**» (sīlapāramī) vừa được trình bày vậy.

<>Riêng **ba-la-mật** (pāramī) sau cùng là «XẢ SIÊU ĐỘ» (hay **XẢ giải thoát**), thì khi hành giả đạt đến «bậc THƯỢNG», -tức là cương quyết thực hành «PHÁP XẢ» mà phải mất mạng, nhưng hành giả vẫn làm một cách hoan hỷ, tự tại...thì đó gọi là **TOÀN XẢ** (Sabba upekkhā).

<>Tiềm lực TOÀN XẢ (Sabbupekkhā), hay **sức mạnh đạt đến NIẾT-BÀN** (Nibbāna) trong đạo Phật, vốn được thành lập một cách **hùng hậu** và DUY NHẤT, bởi «**30 hạnh ba-la-mật siêu độ**» (Tidasa pāramī).

<>Vã lại, nếu dựa theo «tâm lý phàm tình», mà đánh giá «**phẩm cách TỰ DO hạnh phúc**» gọi là NIẾT-BÀN (Nibbāna), nhằm «khuyến khích đa số nhân sinh» hướng đến giải khổ, hay «**sống thiện**», thì người học Phật có thể tạm xem như sau :

a/«HẠNH PHÚC THẾ GIAN» là «**hạnh phúc tạm thời và ô nhiễm**», mang đặc tính **vừa còn vừa mất**. «Hạnh phúc» ấy là một «THỰC TẠI» sẽ đưa phàm nhân đến tình trạng **nhàm**

chán, hay ngược lại là **luyến tiếc**....chịu đựng cả VUI, hài lòng (mānāpa) lẫn KHỔ, bất mãn (amānāpa).

b/«HẠNH PHÚC THIÊN CẢNH» là «*hạnh phúc lâu dài và cao sang hơn cõi trần*», nhưng vẫn mang đặc tính «*hữu hạn*», có tuổi thọ. -«Hạnh phúc thiên cảnh» là một «**giai đoạn dài hưởng phước**» (puñña), có thể làm cho chúng sanh mê say, «thức tánh giác ngộ tự ngủ yên», quên mất *tô bồi thiện nghiệp*.

-Nghĩa là loại «*hạnh phúc*» này thì luôn luôn tương đối, và tùy duyên, hay có điều kiện».

c/«HẠNH PHÚC NIẾT-BÀN» là «*hạnh phúc vô tận và thanh khiết*», vượt lên trên tất cả tình trạng thuận nghịch KHỔ VUI. «**Niết-bàn**» (Nibbāna) giải thoát chính là TRẢI NGHIỆM TOÀN XÃ (sabbupekkhā), nên cả 2 phẩm cách (nhị biên), hài lòng và bất mãn **đều đã được hóa giải**.

Qui nạp về NIẾT-BÀN :

***Niết-bàn** phải chăng là một «trạng thái viển vông» ?

<>Không, NIẾT-BÀN (nibbāna) không phải là một trạng thái viển vông, mà là một phẩm cách thuộc về TRẢI NGHIỆM giải thoát tuyệt đối (antimanibbati).

-Cái gì **thuộc về trải nghiệm** thì không thể viên vong được, mà trái lại là một «**thực tế công phu**», một «**chứng đắc lành mạnh**», một «**cảm giác thực**», đối với những AI đã diệt tận tham sân si, đạt tới TOÀN XẢ (sabbupekkhā).

CÔ ĐỘNG SỰ LÝ :

-**Niết-bàn** (Nibbāna) có thể do người phạm «*suy luận rồi nhận thức*», tùy theo «*căn cơ của mỗi cá nhân*». -Đó là một hành vi tốt, nếu người ấy có khuynh hướng hành thiện, để trở thành TỐT HƠN, tiến hóa, hướng thượng.

-Và trong đạo Phật, không ai có thể ngăn cản người phạm hiểu biết về **Niết-bàn** (Nibbāna) theo cách của họ, dù cho «*sự hiểu biết*» ấy vẫn còn *tương đối*, và chỉ là «*lý thuyết*» (dhamma) một cách sáng suốt (ñānasampayutta) và lành mạnh (kusala).

-Nhưng **Niết-bàn** trong người phạm có «*tâm thức sáng suốt, hướng thiện*», vẫn là KHỎI ĐIỂM của «**trải nghiệm TỰ DO, giải thoát**». Về sau, khi phạm nhân ấy chứng đắc THÁNH QUẢ (ariya vipāka), **diệt tận tham sân si**, và trải nghiệm THÁNH XẢ (Ariyupekkhā), không còn vướng mắc vi tế (natthi sukhum'upādāna), thì họ sẽ chứng đắc chính xác hơn.

CHÂN NIẾT-BÀN (Bhūta nibbāna).

<>CHÂN NIẾT-BÀN (Bhūta nibbāna) tuy không phải phát sinh do *suy luận* (saṅkappa) của chúng sanh, còn lăn trôi trong 3 cõi luân hồi, nhưng mà là do **thực nghiệm**, hay **dày công phu sống đạo** của BỒ-TÁT (Bodhisatvā).

<>CHÂN NIẾT-BÀN tự nó cũng là «**đề mục của thiền pháp**», hướng dẫn nếp sống của 4 bậc Thánh nhân, **Tu-đà-hườn** (Sotāpanna), **Tư-đà-hàm** (Sakadāgāma), **A-na-hàm** (Ānāgāma), và **A-la-hán** (Arahatta).

*Và tất cả phước báu của các THÁNH NHÂN đã TOÀN XẢ, đạt tới NIẾT-BÀN đều tương ứng với **hạnh toàn xả** !

*Nhưng không phải vì các Ngài toàn xả, không chấp vào hưởng thụ CỰC LẠC NIẾT-BÀN, mà chúng ta trở thành «đoạn kiến», kết luận rằng KHÔNG CÓ quả TOÀN PHÚC tuyệt vời ấy !

<>Nhắc lại «siêu hạnh phúc» (anuttara sukkha) gọi là **HỮU DU NIẾT-BÀN** (supādisesa nibbāna) hay **CỰC LẠC HIỆN TIỀN** của đức Phật, trong suốt 45 năm «*du thuyết độ đời*», lần của chư thánh **A-la-hán** (Arahatta) chưa hết tuổi thọ, chúng ta thấy rõ, «*đó là một phẩm cách thánh thiện thực tế, chứ không phải là giá trị viễn vong*».

-Một số người không thấu hiểu TÍNH THỰC TẾ cao siêu này, của NIẾT-BÀN trong hiện tại, vội vàng qui nạp phiến diện rằng, «**niết-bàn chỉ vốn ben là hết sinh tử sau khi chết thôi**». Họ là những kẻ «quan niệm» NIẾT-BÀN một cách tưởng tượng, và chưa áp dụng «*học Phật*».

-Vì sợ ĐAU KHỔ trong khoảng thời gian nằm giữa SINH và TỬ, hay sợ sau khi TỬ rồi lại TÁI SINH để chịu ĐAU KHỔ nữa.....nên một số người «*tin tưởng đạo Phật*» một cách mơ hồ rằng, «**kiếp khổ này thì bỏ đi**», chỉ mong sao «**sau khi chết nhập niết-bàn hết sinh tử, tức là hết khổ**».

*Những kẻ suy tư như thế, đã vô tình «*cung cấp lý do*» cho những người duy vật, chống lại luật «**NHÂN-DUYÊN-QUẢ**», để tuyên truyền **không có kiếp sau, không có quả phúc, không có trả báo, không thiện không ác !**

<>Thuyết DUY VẬT chủ trương, giá trị một đời người là «sống hạnh phúc phải đạt tối đa mọi «**thỏa mãn nhục dục**» trong hiện tại bằng bất cứ giá nào».

-Họ cho rằng, «**kỷ luật được đặt ra**» chỉ để giảm bớt «*những CỌ XÁC*» (hay xung đột) trong sự sống, giữa con người tranh giành với nhau mà thôi. Ngoài ra «*kỷ luật không có giá trị nào khác*». Còn «**ĐẠO ĐỨC**» thì hoàn toàn VÔ ÍCH !

*Và kẻ mạnh có quyền thay đổi kỷ luật, có quyền hưởng thụ tham dục như ý muốn. Kẻ yếu «sẽ đối chọi nhau giành phần còn lại», -nếu không hài lòng thì rán chịu ! -Và chết là hết !

*Đối với họ «ĐẠO ĐỨC» vốn là một từ ngữ «vừa đánh lừa», «vừa kích thích», xúi người này «**nhịn**» hay «**chia phần**» của mình cho kẻ khác, để được «**hư danh**».

*Họ kết luận, «ĐẠO ĐỨC» chỉ có nghĩa là «chịu THIỆT THỜI». Và với lý do đó, những kẻ nham hiểm, lừa biếng, đầy thú tánh...có quyền «lạm dụng».

-Đối với họ, «ai xem mình là người tốt, sẵn sàng hy sinh cho xã hội, vốn là kẻ ngốc, chịu trở thành **nạn nhân** một cách vô lý mà không hay», -Hiện tượng ấy cần được họ «khai thác» !



Chương V

CHU TRÌNH TÂM (CITTA VĪTHI).

<>«CHU TRÌNH TÂM» (citta vīthi) là «*Vòng vận hành của TÂM*» (citta). Đó là một danh từ «hán việt» tam dùng, để diễn tả «*hiệu lực của CÁNH lưu lại ấn tượng trong TÂM, do tiến trình tương tác xoay vần, khi VẬT (rūpāmbana) lọt vào trong cái khung tiếp xúc với TÂM*».

-«TÂM» ở đây cần hiểu đầy đủ, là «*tâm thức*» (citta-viññāna).

*Nhưng trước khi đi thẳng vào «CHU TRÌNH TÂM» (Citta vīthi), chúng tôi xin mạn phép nhắc lại «*một số kiến thức Phật học*», để làm «*nền tảng*» cho sự «*nghiên cứu đề tài*» này.

<>Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), mỗi «chúng sanh» (Satta) là «*1 tập hợp*» (khandha) của «DANH» và «SẮC» (Nāma + rūpa), hay mỗi con người là «*1 khối tích tụ*» của «NĂM UẨN» (Pañca khandhā), «*năm kho chứa hậu quả muôn đời của tham sân si*».

*«**DANH**» gọi đầy đủ là «DANH PHÁP» (Nāma dhammā),

*Và «**SẮC**» còn gọi đầy đủ là «SẮC PHÁP» (Rūpa dhammā).

-«**Danh pháp**» có thể hiểu theo ngôn ngữ trừu tượng là «**tinh thần**», «**tâm linh**» hay «**phần hồn**» (maṇo). Và....

-«**Sắc pháp**» có thể hiểu theo ngôn ngữ cụ thể là «**vật chất**», «**thân vật**» hay «**phần xác**» (kāya).

SỰ TƯƠNG QUAN : PACCAYA

A/ DANH PHÁP (Nāma dhammā) thì xem như **4 uẩn hợp thành tinh thần**. Chúng thuộc về «danh nghĩa», gồm 1/THỌ UẨN (Vedanā khandha), 2/TUỞNG UẨN (Saññā khandha), 3/HÀNH UẨN (Saṅkhārā khandha), và 4/THỨC UẨN (Viññāna khandha).

-Nhưng đặc biệt là «**thọ uẩn**» hay «**toàn bộ cảm giác**», vì liên quan đến «hệ thống thần kinh», nên có «sách VI DIỆU PHÁP» (Abhidhamma) lại xếp «**thọ uẩn**» là «**bán vật chất**», tức là 50% thuộc về vật chất, và 50% thuộc về tinh thần.

-Còn từ ngữ «**tinh thần**» (Citta=Mana=Viññāna) trong Phật giáo, cũng ám chỉ «CÁI YẾU TỐ vừa HUYỀN BÍ vừa LINH HOẠT» (Ariya bhūta), hằng có 2 khả năng vận hành một cách **khách quan** lẫn **chủ quan**, như sau :

*«**Khách quan** là «*ting thần*» **BIẾT ĐỐI TƯỢNG**» (ālambana) một cách vô tư, gọi là TÂM VƯƠNG (Citta), và

*«**Chủ quan** là «*ting thần*» (citta) **BIẾT ĐỐI TƯỢNG**» (ālambana), dựa trên thành kiến (diṭṭhi) hay khuynh hướng, gọi là TÂM SỞ (Cetasika).

B/ SẮC PHÁP (Rūpa dhammā) ám chỉ tất cả các tập hợp vật chất (thô kệch cũng như vi tế), tích tụ từ nhiều kiếp gọi là «UẨN» (khandha), biểu lộ ra *sắc thân con người* (kāya rūpa), làm «**đối tượng**» (ālambana) cho TÂM từ bên trong lẫn bên ngoài. Sắc pháp trong thân con người gồm «32 thể trước», hay «lục phủ ngũ tạng». -Nói theo Y học Đông phương.

-Nhưng theo VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), «**SẮC UẨN**» (rūpa khandha) là «*những vật chất y sinh*» (Upādāya rūpa), *phát nguồn* và được *hỗn hợp*, từ «TỨ ĐẠI NGUYÊN TỐ» (Catumahādhātu), gồm 1/ĐẤT (Paṭhavī), 2/NƯỚC (Āpo), 3/LỬA (Tejo), và 4/KHÍ (Vāyo) ở dạng *NGUYÊN SƠ* (samānajātika) và «*hỗn tạp*» (bhinnajātika).

-«**UẨN**» (cũng gọi là «**ÂM**») ở đây có nghĩa là «*«tập hợp», «chồng chất»*, hay TẬP KHÍ (khandha).

Quay lại «CHU TRÌNH TÂM» (Citta vīthi).

<>Như đã nói sơ qua ở đầu chương, **chu trình tâm** (Citta vīthi) trong nhà Phật, là «**sự vận hành tương tác và xoay vần, để tích tụ ấn tượng** (=tập khí), **làm phát sinh TRÍ NHỚ và ĐẶC TÍNH của mỗi người**».

*Sau khi «duyet lại» TÂM VƯƠNG (Citta) và TÂM SỞ (Cetasika), chúng ta biết rằng, **2 loại TÂM** này cùng phát sinh «sát cánh nhau», và có 4 điểm chung, là *đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh, và đồng căn*.

*Mỗi lần có CẢNH (ā lambana) MẠNH (mahanta) hay YẾU (paritta), đập vào «**dòng sinh mệnh**» (jīvita) hay «**hộ kiếp**» (bhavaṅga) xuyên qua «6 căn môn» (cha dvāra) thì MỘT TÂM VƯƠNG (Citta) và nhiều TÂM SỞ (Cetasika) phát sinh.

-Dĩ nhiên, ĐÓ phải là những «TÂM SỞ biến hành (sādhāraṇa) hay biệt cảnh (pakinnaka), THIỆN (kusala) hoặc ÁC (akusala) đối với TÂM VƯƠNG» (citta), chứ không phải là bất cứ tâm sở (cetasika) nào.

***Tâm vương** (citta) và **tâm sở** (cetasika) đóng vai CHÍNH và PHỤ, để tương tác lẫn nhau, dưới dạng «*vây đoàn*» như XÂU CHUỖI vòng tròn, tạm gọi là CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi).

*Và trước những CẢNH hay «*đối tượng*» (Ālambana) khác nhau, TÂM VƯƠNG (citta) và những TÂM SỞ (cetasika) tùy từng, *tự biến ra* những «*chập sát-na tâm*» (khaṇa citta) làm phận sự (kicca) khác nhau, với những «tên riêng» để ám chỉ «**7 chức năng chính**» của chúng, là :

1/HỮU PHẦN (Bhavaṅga), 2/HƯỚNG MÔN (dvāra āvajjana), 3/Tiếp Thâu (Sampaticchana), 4/SUY ĐẠT (Santīraṇa), 5/ĐOÁN ĐỊNH (Voṭṭhappana), 6/ĐỒNG TỐC (Javana), và 7/ĐĂNG KÝ (Tadā lambana).

-*Những chập sát-na* (khaṇa) này làm ĐIỀU KIỆN tương quan (paccayuppanna), để vận hành cho nhau, và *chập sát-na* trước (pure khaṇa) phải **diệt đi**, thì *chập sát-na* sau (pacchā khaṇa) mới **phát sinh** được.

*Nhưng vì HIỆU LỰC (vāra) của CẢNH **mạnh** (mahanta) hay **yếu** (paritta), phối hợp với nhu cầu của «*nền tảng căn môn*» (vatthu), sẽ làm cho **4 chức năng** là 1/«HỮU PHẦN» (bhavaṅga), 2/«HƯỚNG MÔN» (āvajjana), 3/«ĐỒNG TỐC» (javana), và 4/«ĐĂNG KÝ» (tadā lambana) cần nhiều *chập sát-na* hơn nữa, để «vận hành» (kicca) một cách bình thường, nên sách Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) đã nêu đến **17 chập sát-na**

(khaṇa), mới **ĐỦ** (thời gian) cho 1 CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) kết thúc trọn vẹn và có hiệu lực đầy đủ.

17 chấp sát-na đó là :

1/«**Hữu phần trôi qua**» (atīta bhavaṅga) hay «*hữu phần bình lặng*» (= hữu phần tĩnh).

2/«**Hữu phần rung chuyển**» (bhavaṅga calana), do HIỆU LỰC rất mạnh của CẢNH (Ālambana) tác động, chứ nó **không phải** tự nhiên rung chuyển.

3/«**Hữu phần chuyển cách**» (bhavaṅga upaccheda), tức là chấm dứt tình trạng «hữu phần tĩnh» hay «*thụ động*» cũ, và vận hành đồng hóa vào CHU TRÌNH TÂM «*tích cực*».

4/«**Hướng môn**» (dvāra āvajjana) là «*hướng đến một trong sáu cửa*, ví dụ ở đây là «*nhãn môn*» (cửa mắt), hay hướng đến cửa thứ sáu, là «*thức môn*» (viññāna dvāra).

5/«**Tiếp thân**» (sampaṭicchana) là nhận *ấn tượng* từ ngoại CẢNH (bāhira ālmbana)...

6 /«**Suy đạt**» (santīraṇa), xem xét *hình ảnh* ngoại CẢNH ấy....

7/«**Đoán định**» (voṭṭhappana) là qui nạp *những nét chính* của CẢNH, dựa trên *ấn tượng* của nó...

8/«Đổng tốc 1» (=Javana 1) hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ nhất,

9/«Đổng tốc 2» (=Javana 2), hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ hai,

10/«Đổng tốc 3» (=Javana 3), hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ ba,

11/«Đổng tốc 4» (=Javana 4), hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ tư,

12/«Đổng tốc 5» (=Javana 5), hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ năm,

13/«Đổng tốc 6» (=Javana 6), hay *nhiễm cảnh* (ā lambana), trải nghiệm lần thứ sáu,

14/«Đổng tốc 7 » (=Javana 7), hay *nhiễm cảnh* (ā lamban), trải nghiệm lần thứ bảy,

15/«**Đăng ký**» (Tadā lambana), hay *ghi lại ấn tượng* của ngoại CẢNH (bāhīra ā lambana)...

16/«**Chấm dứt**» (Cutī), hay *cuối đà của sự phản chiếu* ngoại CẢNH (bāhīra ā lambana).

17/«**Chuyển tiếp**» hay (Paṭisandhi), hay *nói vào dòng HỮU PHẦN* thụ động (bhavaṅga)...

HIỆU LỰC của CẢNH : ĀLĀMBANA VĀRA.

***Tâm** (Citta) phải luôn luôn cần **cảnh** hay **đối tượng** (ā lambana), mới có thể vận hành và «hiện hữu» được.

-Khi không có «**cảnh**» (natthi ā lambana) thì không có «**tâm thức**» (Citta) biểu lộ ra.

-VI DIỆU PHÁP (abhidhamma) chỉ rõ rằng, «**Tâm thức**» (citta viññāna) *luôn luôn là «**động cơ**»* (hay *tác giả*) của hành vi, mỗi khi *đối diện với CẢNH* (ā lambana).

Ví dụ :

-Trong CẢNH sống hằng ngày, thỉnh thoảng chúng ta «nháy mắt», «ho nhẹ» hay «phát ra âm thanh»...v...v...theo VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), thì phía sau mỗi hành động «nháy mắt» «ho nhẹ» và «phát âm» ấy, luôn luôn có «**TÂM**» (citta) làm «**động cơ**» thúc đẩy và thực hiện. Nhưng chúng ta không thể nào «**tự biết**» một cách dễ dàng.

-«Động cơ» ấy là «**ẨN THỨC**» (Maṇa) hay «**tiềm thức**» (sub-conscience), đã biến thành «**vô thức**» (non-conscience), -nếu nói theo Bác sĩ *Phân Tâm Học* Sigmund FREUD, người Đức.

*«**ẨN THỨC**» (Maṇa) là một **TÂM SỞ** (Cetasika), hằng được **tập khí** (khandha) trong rất nhiều kiếp luân hồi, nuôi dưỡng.

*Còn «**TẬP KHÍ**» (khandha) hay **THÓI QUEN** (Kamma), thì hằng được «tô bồi», bởi những **ẩn tượng** thường xuyên **biến thiên**, do **THAM** (lobha), **SÂN** (dosa), và **SI** (moha).

*Và «**ẨN TƯỢNG**» (maṇnorañjaka) là **HIỆU LỰC** (vāra) của tiến trình **TÂM VỌNG ĐỘNG** (uddhacca), không ngừng tìm kiếm để **tiếp xúc** (phussana) với **CẢNH** (phoṭṭhabbāmbana).

***Tâm phàm** thì *phóng túng* (uddhacca), hết tiếp xúc với cảnh này, liền tiếp xúc với cảnh khác, phân tán liên tục, xoay vần tìm *đối tượng* (āmbana), và không ngừng lập lại «**sự lưu dữu**» (javana)...v...v...do **VÔ MINH** (avijjā) là **căn nhân** (hetu) «tạo hình dáng» liên tục và chồng chất.

<>**KẾT QUẢ** (Vipāka) là **sự hiện hữu** của **CHU TRÌNH TÂM** (Citta vīthi), -Một yếu tố **then chốt** lẫn **huyền bí** của vô số **vòng sinh tử** trong **BỘ MÁY LUÂN HỒI** (Saṃsāra).

<>Và nghiên cứu **CHU TRÌNH TÂM** là một việc làm văn hóa **TỐI CẦN THIẾT** của người học Phật !

«**NHỮNG LIÊN HỆ QUAN TRỌNG**».

*Trước khi đi sâu vào CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi), chúng ta cần nhớ lại «**6 liên hệ quan trọng**» :

I- LIÊN HỆ NGUYÊN KHỞI (hetu), có 6 là :

3 CĂN NHÂN **bất thiện** (akusala hetu) là THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha), và 3 CĂN NHÂN **thiện** (kusala hetu) là VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), VÔ SI (amoha).

II-LIÊN HỆ «ĐỐI TƯỢNG» (Ālambana), có 6 là :

1/**SẮC** (Rūpāmbana), 2/**THINH** (Saddāmbana), 3/**HƯƠNG** (Gandhāmbana), 4/**VỊ** (Rasāmbana), 5/**XÚC** (Phoṭṭhabbāmbana), và 6/**PHÁP** (Dhammāmbana).

III-LIÊN HỆ CẢM GIÁC (Pañca vedanā), có 5 là :

1/**Thọ HỖ** (somanassa vedanā), 2/**Thọ UỪ** (domanassa vedanā), 3/**Thọ LẠC** (sukhassa vedanā), 4/**Thọ KHỔ** (dukkhassa vedanā), và 5/**Thọ VÔ CẢM** (hay lạnh lùng), còn gọi là **Thọ XẢ** (upekkhassa vedanā).

*5 CẢM THỌ này có thể «vấn tắc lại» thành 3 là :

1/Thọ LẠC (Sukha vedanā). 2/Thọ KHỔ (Dukkha vedanā). 3/Thọ XẢ hay thọ DỪNG DỪNG (Upekkhā vedanā).

IV-LIÊN HỆ CĂN MÔN (dvāra), gồm có 6 :

1/**Nhãn môn** hay “cửa MẮT” (cakkhu dvāra),

2/**Nhĩ môn** hay “cửa TAI (sota dvāra),

3/**Tỷ MÔN** hay “cửa MŨI” (ghāṇa dvāra),

4/**Thiệt MÔN** hay “cửa LUỖI” (jīvhā dvāra),

5/**Thân MÔN** hay “cửa THÂN” (kāya dvāra), và

6/**Ý MÔN** hay “cửa THỨC (maṇo dvāra).

V-LIÊN HỆ CHỨC NĂNG (Kicca), thì gồm :

A/ “HỮU PHẦN” hay “HỘ KIẾP” (Bhavaṅga), chia ra :

1a-«**Hữu phần tĩnh**, QUÁ KHỨ» (atīta bhavaṅga),

2a-«**Hữu phần động**, hay *hiện tại chạm cảnh*, bị GỌN SÓNG»
(calana bhavaṅga),

3a-«**Hữu phần biến thiên**, hay *hiện tại đổi dạng*, CHUYỂN CÁCH» (upaccheda bhavaṅga).

*HƯỚNG MÔN (āvajjana), bao gồm cả 2, thuộc về NGŨ MÔN (pañca dvāra) và thuộc về Ý MÔN (maṇo dvāra), để “thông giao” với THỨC, như :

4b-*Hướng* NHÃN THỨC (cakkhu viññāṇa āvajjana),

5b-Hướng NHĨ THỨC (sota viññāna āvajjana),

6b-Hướng TỠ THỨC (ghāṇa viññāna āvajjana),

7b-Hướng THIỆT THỨC (jīvā viññāna āvajjana),

8b-Hướng THÂN THỨC (kāya viññāna āvajjana),

9a-Hướng Ý THỨC (maṇo viññāna āvajjana),

10-TIẾP THẬU (sampaṭicchana), là *nhận hình ảnh* của CẢNH hay đối tượng (āḷambana) vào TÂM (citta)...

*11-SUY ĐẠT (Saṇtīraṇa), là *xem xét*, so sánh sự tương đồng của *cảnh mới* (nava āḷambana) và *cảnh cũ* (naya āḷambana)....

*12-ĐOÁN ĐỊNH (Voṭṭhappana), là *qui nạp các nét chính* của CẢNH (āḷambana) để qui nạp.

*13-ĐỒNG TỐC (Javana), là “*trón lập lại*” hình ảnh của CẢNH mới (navāḷambana), chồng lên CẢNH cũ (nayāḷambana)...

*14-ĐĂNG KÝ (Tadāḷambana), là *ghi nhận ấn tượng* của CẢNH (āḷambana) nói chung vào «ký ức», và...

*15-CHẤM DỨT (Cutī), là *tận đà* hay **sự chạm cảnh** tự kết thúc, khi *đến điểm cuối*...

*16-CHUYỂN TIẾP (Paṭisandhi), là tự động nối vào tình trạng tiêu cực cũ của HỮU PHẦN (bhavaṅga)....

*17-Tái quay lại vai trò đặc biệt của của dòng “hộ kiếp” (bhavaṅga) là “*nền tảng thụ động tự nhiên*” (=trạng thái TĨNH), và xem như cái tĩnh ấy “**nằm ngoài** CHU TRÌNH TÂM” (cittavīthi). Tiếng Pāḷi gọi là “Vīthimutta” hay **Ngoại lộ**.

Chú ý :

<>Cần nhớ rằng, CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) tạo “***hành vi ngầm***” hay “***nội lộ***” (với những phần hành *tích cực*), không bao gồm “2 *chập sát-na tự động* (khaṇa), *như CHUYỂN TIẾP*” (paṭisandhi) và “***TÁI NHẬP VÀO HỮU PHẦN***” (bhavaṅga). Đó là, có cặp chập sát-na «mang đặc tính» không đáng kể. Nhưng chúng ta phải ghi 2 *chập sát-na không đáng kể* (tức là ***chuyển tiếp*** và ***tái nhập vào hữu phần***) ấy vào. Rồi chúng ta lấy :

<>Một *chập sát-na* có phần hành làm cho TÂM *hướng đến cái gì đó trong u minh ký ức*, chẳng rõ ràng, cộng với...

<> Hai *chập sát-na* có phần hành của những “*chập tâm hướng ngũ môn*” (pañca-dvārāvajjana) và có phần hành của “*chập tâm hướng ý môn*” (maṇo-dvārāvajjana), trong CHU TRÌNH TÂM

(Citta vīthi) *được tự nhiên xem như* “làm 1 PHÂN SỰ trong chuỗi vận hành (Kicca).

-Và vì mỗi lần, chỉ có 1 CĂN THỨC (Viññāna) được hướng đến, gọi là «**1 phần hành HƯỚNG MÔN**».

Do đó, chúng ta có công thức : $17 - (1+1+1+1) = 14$.

<> «14 PHẦN HÀNH» (kicca) chính nêu trên, sẽ trở thành 10 PHẦN HÀNH hay THẬP DI, nếu CHU TRÌNH TÂM hoàn toàn không «đi qua» **5 giác quan** (pañca dvāra). NÓ chỉ ở GIÁC QUAN THỨ SÁU (Ý môn) mà thôi. -Nhất là khi chết.

VI-LIÊN HỆ CHỖ DỰA (Vatthu), gồm :

*-Chỗ dựa của TÂM THỨC (Citta viññāna) là những VẬT CHẤT (rūpa) hay «SẮC PHÁP Y SINH» (Upādāya rūpa), ở bên trong và bên ngoài một con người.

<> Xuyên qua NHỮNG LIÊN HỆ QUAN TRỌNG nêu trên, khi chúng ta nghiên cứu SỰ PHÁT KHỞI (Upajjhati) của MỘT TÂM KIẾN (ditṭhi), tức là chúng ta cũng nghiên cứu SỰ BẮT NGUỒN và VẬN HÀNH của MỘT CHU TRÌNH Ý THỨC (Citta vīthi), và chúng ta sẽ «thấy» ở «mỗi **bộ 3 sát-na thời gian**» (Khaṇa), dài khoảng 3/1000 giây, sẽ có :

*Khởi đầu có «chập TÂM» (Citta khana) nào phát sinh...

* Rồi NÓ bắt CẢNH (Ālambana) gì...

*Và đi đôi với cảm THO (Vedana) nào, thuận hay nghịch...

*Nó được thúc đẩy bởi NHÂN (Hetu) chi (*tham, sân, si*, hay ngược lại là *vô tham, vô sân, vô si*)...

*CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) ấy, xảy ra ở căn MÔN (dvāra) nào trong 5 giác quan (pañcadvāra)....

<>Và các «chập sát-na TÂM» (citta khana) theo sau, như ***Tiếp** **thâu** (sampaṭicchana), ***Suy** **đạt** (santīraṇa), ***Ấn** **định** (voṭṭhappana), ***Động** **tốc** (javana), **Đăng** **ký** (tadālabhāna), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) có phát sinh một cách đầy đủ hay không...!

*Rồi với **tiềm lực** TỰ NHIÊN (javana), còn gọi là **Động** **tốc** của **nội giới** (=sức đẩy của tiềm lực) có “hùng hậu” để MẠNH DẠN hành động (Asaṅkhārika), hay cần SỰ THỨC ĐẨY của **ngoại cảnh** (Sasaṅkhārika) mới có thể tạo nghiệp...v...v...

NÓI TÓM LẠI

<>Khi bàn về CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), chúng ta phải tạm dùng «*những từ ngữ chuyên biệt*», nhưng NỘI DUNG của

NÓ phải không thay đổi, hay không thiếu TƯƠNG QUAN giữa TÂM VƯƠNG (citta) và TÂM SỞ (cetasika), cũng như giữa cả 2 (=tâm vương và tâm sở) với SẮC PHÁP (rūpa), từ nội thân lẫn do ngoại thân.

-Ngoài ra, CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) cũng LIÊN HỆ SÂU SẮC với 24 DUYÊN HỆ (paṭṭhāna paccaya).

-Nghĩa là CHU TRÌNH TÂM không thể nằm ngoài sự PHỐI HỢP của «DUYÊN HỆ» (paṭṭhāna paccaya), trên «cả 3 lãnh vực» **tâm** (citta), **tâm sở** (cetasika), và **sắc pháp** (rūpa).

<>Sách khác cũng gọi «CHU TRÌNH TÂM» (citta vīthi) là «LỘ TRÌNH TÂM» hay «TÂM LỘ», do dịch theo chữ Pālī «CITTA VĪTHI» có nghĩa tự điển là «con đường», «hàng lối», hay «chuỗi sát-na vận hành theo chức năng».

*Nhưng chúng tôi chọn từ ngữ «CHU TRÌNH TÂM» (citta vīthi), bởi vì những “**chập tâm** sanh lên và diệt đi...”. -Trong ĐÓ», các thành phần SÁT-NA CÓ CHỨC NĂNG (*Kicca khaṇa*) **vận hành tuần tự** theo đường cong, và điểm cuối cùng «nối liền» với điểm bắt đầu như vòng tròn.

-«ĐIỂM CUỐI CÙNG» gọi là «**chấm dứt**» (cuti), còn «ĐIỂM GẮN LIỀN SAU ĐÓ» gọi là «**chuyển tiếp**» (paṭisandhi), hay “TÁI TỤC”, tương đương với *BẮT ĐẦU TRỞ LẠI*.

-Tất cả biến thành «một dòng chảy» (bhavaṅga) duy trì «mạng sống» (jīvita), gọi là «**hộ kiếp**» (bhavaṅga).

-Mỗi điểm là «một **chập** sát-na tâm» (citta khaṇa) rất ngắn, lâu khoảng chừng 1/1000 giây.

*Ngoài ra, CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) còn ám chỉ sự «*LUÂN HỒI trong từng khoảnh khắc*» của “**tinh thần**” phối hợp với “**vật chất**”, hay CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) mô tả sự «*LẬP LẠI NHỮNG CHU KỲ SỐNG CHẾT*».

CÁC LOẠI CHU TRÌNH TÂM

<>Nếu căn cứ vào “6 CĂN THỨC”, gồm 1/**nhãn thức** (cakkhu viññāna), 2/**nhĩ thức** (sota viññāna), 3/**tỷ thức** (ghāna viññāna), 4/**thiệt thức** (jīvhā viññāna), 5/**thân thức** (kāya viññāna), và 6/**ý thức** (mano viññāna), thì chúng ta có tất cả “6 loại chu trình tâm” (Citta vīthi), vận hành (kicca) xuyên qua “**6 căn môn**” (cha dvārā). -Đối ngoại **năm** và đối nội **một**.

Hãy nêu ra lại :

1/*Chu trình tâm* ở “**NHÃN THỨC**” (cakkhu-viññāna vīthi),

2/*Chu trình tâm* ở “*NHĨ THỨC*” (sota viññāna vīthi),

3/*Chu trình tâm* ở “*TỠ THỨC*” (ghāna viññāna vīthi),

4/*Chu trình tâm* ở “*THIỆT THỨC*” (jīvhā viññāna vīthi),

5/*Chu trình tâm* ở “*THÂN THỨC*” (kāya viññāna vīthi),

6/*Chu trình tâm* ở “*Ý THỨC*” (maṇo viññāna vīthi).

*Riêng CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) ở Ý THỨC (*mano viññāna vīthi*) thì vận hành với tất cả TÂM, -ngoại trừ “NGŨ SONG THỨC” (dvi pañca viññāna citta).

<>Nhưng nếu phân tích theo “CHỖ TỰA” (vatthu), thì có 2 loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), là :

**Chu trình tâm xuyên qua NGŨ MÔN* (pañcadvāra vīthi).

**Chu trình tâm xuyên qua Ý MÔN* (maṇodvāra vīthi).

A-«CHU TRÌNH TÂM xuyên qua NGŨ MÔN (pañcadvāra vīthi), thì nương tựa vào 5 SẮC VẬT (rūpa), là :

*1/*Nhãn vật* hay con mắt (cakkhu vatthu), 2/*Nhĩ vật* hay lỗ tai (sota vatthu), 3/*Tỷ vật* hay lỗ mũi (ghāna vatthu), 4/*Thiệt vật* hay cái lưỡi (jīvhā vatthu), và 5/*Thân vật* hay làn da bao bọc toàn thể (kāya vatthu).

B-Nhưng «CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), thì chỉ nương tựa vào **Tâm vật** hay QUẢ TIM (hadaya vatthu), nằm bên trong lồng ngực.

Nói chung :

<>QUẢ TIM (hadaya) chẳng những là điểm tựa trực tiếp của Ý MÔN (maṇo dvāra), mà NÓ còn là điểm tựa gián tiếp của NGŨ MÔN (pañca dvāra) nữa.

*Về phương diện CẤU TRÚC, thì **quả tim** (hadaya) là một loại SẮC VẬT khác thường (aññarūpa vatthu), không giống như các SẮC VẬT (rūpa) của **mắt** (cakkhu), của **tai** (sota), của **mũi** (ghāna), của **lưỡi** (jīvhā), và của **thân** (kāya).

<>Mô tả này dựa theo sách *VĪTHI SAṄGAHAVIBHĀGA*.
Chương CHU TRÌNH TÂM=cittavīthi).

-Chúng tôi ghi cả tên kinh bằng chữ Pālī trên đây, để quý vị rộng đường tra cứu, khi nào quý vị muốn.

ĐIỀU KIỆN (AVATTHĀ)

<>VI ĐIỀU PHÁP (Abhidhamma) trong Phật học, trình bày rõ những điều kiện cần thiết, cho mỗi loại CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi), như sau :

A-«ĐIỀU KIỆN» xuyên qua «5 CẢM QUAN».

1-Thứ nhất là **cửa thị giác** (cakkhu-dvāra) cần 4 điều kiện :

a/Phải có MẮT» (cakkhu), với thần kinh (indriya) THỊ GIÁC vận hành đầy đủ và bình thường (cakkhu viññāna).

b/Phải có NGOẠI CẢNH (bahīrāmbana), ám chỉ SẮC VẬT (rūpāmbana), hay ngoại cảnh đang hiện diện.

c/Phải có ÁNH SÁNG (āloka), ám chỉ MÔI TRƯỜNG với quang độ thích hợp cho sự thấy.

d/Phải có SỰ CHÚ Ý (maṇasikāra), ám chỉ sự TỈNH THỨC (không ngủ gục) và «sát-na tâm» HƯỚNG ĐẾN (āvajjana).

2-Thứ hai là **cửa thính giác** (Sota-dvāra) cần 4 điều kiện là :

a/Phải có LỖ TAI» (sota), ám chỉ thần kinh (indriya) THÍNH GIÁC vận hành bình thường (sota viññāna).

b/Phải có CẢNH THÍNH (saddāmbana), ám chỉ ÂM THANH bên ngoài đủ mạnh (bahīra sadda) đang loang đi...

c/Phải có KHOẢNG CÁCH TỐT (ākāsa), ám chỉ THÍNH TRƯỜNG thuận tiện và khả thính.

d/Phải có SỰ CHÚ Ý (maṇasikāra), ám chỉ SỰ HƯỚNG ĐẾN âm thanh (āvajjana) của tâm thức (sotaviññāna).

3-Thứ ba là **cửa khứu giác** (Ghāna-dvāra citta), 4 điều kiện là :

a/Phải có 2 LỖ MŨI» (ghāna), ám chỉ thần kinh (indriya) KHUU GIÁC vẫn bình thường (ghāna viññāna).

b/Phải có CẢNH HUƠNG (gandhālambana), ám chỉ MÙI GÌ ĐÓ (gandha) nằm hẵn trong tầm tiếp nhận của lỗ mũi (ghāna).

c/Phải có CHIỀU GIÓ TỐT (ākāsa), ám chỉ sự loang đi của MÙI để chạm vào mũi.

d/Phải có SỰ CHÚ Ý (maṇasikāra), ám chỉ tâm thức (viññāna) HUƠNG ĐẾN (āvajjana) đối tượng đang vận hành.

4-Thứ tư là **cửa vị giác** (jīvhā-dvāra citta vīthi), 4 điều kiện là :

a/Phải có LƯỖI» (jīvhā), ám chỉ thần kinh (indriya) VỊ GIÁC vận hành bình thường (jīvhā viññāna).

b/Phải có CẢNH VỊ (rasālambana), ám chỉ VỊ (rasa) hay **sắc vật** (rūpa) tương ứng với lưỡi (jīvhā) cũng hiện diện.

c/Phải có NƯỚC MIÉNG (āpo), ám chỉ NIÊM DỊCH làm «gạch nối» giữa CẢNH VỊ và LƯỖI trong miệng (vacī).

d/Phải có SỰ CHÚ Ý (maṇasikāra), ám chỉ TÂM THỨC (viññāna) **huớng đến** (āvajjana) tiếp xúc với VỊ (rasa).

5-Thứ năm **cửa xúc giác** (kāya-dvāra citta vīthi) 4 điều kiện là :

a/Phải có LÀN DA bao quanh THÂN (kāya), ám chỉ thần kinh (indriya) XÚC GIÁC vận hành bình thường (kāya viññāna).

b/Phải có CẢNH XÚC (phoṭṭhabbālabhāna), ám chỉ vật được đụng chạm CỨNG hay MỀM của «thổ đại» (Paṭhavī=đất).

c/Phải có TIẾP XÚC (phassa), ám chỉ thần kinh (indriya) CẢM GIÁC (phusana) do CỘ XÁC (phoṭṭhabba) đối tượng.

d/Phải có sự CHÚ Ý (maṇasikāra), ám chỉ TÂM THỨC (viññāna) *hướng đến* (āvajjana) VẬT được đụng chạm (rūpa).

Phụ chú :

*«**Cảnh** (ālabhāna) có «hiệu lực CỘ XÁC» của **thân môn** (kāyadvāra) là sự kết hợp trực tiếp của «3 yếu tố» **đất** (paṭhavī), **lửa** (tejo), và **khí** hay **gió** (vāyo).

B-«ĐIỀU KIỆN» xuyên qua «CỬA Ý» (maṇo-dvāra), hay xuyên qua ***giác quan thứ sáu*** (chatthī dvāra).

<>Theo sách «***Aṭṭhasālinī pakaraṇa***», chú giải «***Pháp tụ***» (Abhidhammasaṅganī) thì «chu trình tâm xuyên qua Ý MÔN» (maṇo dvāra cittavīthi) chỉ cần 3 yếu tố thôi. -Nhưng một số

sách Vi Diệu Pháp khác lại ghi 4 điều kiện như *NGŨ MÔN* vậy.

-Chúng ta nên phối hợp và học hỏi cả 2, thì nhận thấy gồm :

a/ Phải có HỮU PHẦN (bhavaṅga), ám chỉ DÒNG SINH MỆNH (jīvita), còn gọi là «giòng hộ iếp» (bhavaṅga).

b/ Phải có PHÁP CẢNH (dhammāmbana), hay TÂM CẢNH, ám chỉ KHÁI NIỆM (paññatti) của *chúng sanh dục giới*, nhất là loài người. -Ngoại trừ *chúng sanh vô tướng* ở cõi đọa (duggati asaṅṅa satta).

c/ Phải có Ý VẬT (hadaya), ám chỉ NỀN TẢNG (vatthu), hay «*chỗ nương tựa*» của «*ý thức*» (maṇo viññāna). -Tức là QUẢ TIM (hadaya) hằng nâng đỡ DÒNG SINH MỆNH (bhavaṅga).

d/ Phải có CỬA Ý (maṇo dvāra), ám chỉ TRUNG KHU thần kinh (manindriya), hay SỰ HƯỚNG ĐẾN (āvajjana) **giác quan thứ sáu** (chattīdvāra).

-Phụ chú :

****Tinh thần***» (maṇo) luôn luôn bắt đầu và chấm dứt cùng lúc với DÒNG SINH MỆNH hay HỘ KIẾP (bhavaṅga).

-Từ ngữ *hán-việt* «TINH THẦN» cũng ám chỉ «LINH HỒN» hay «TÂM THỨC», chính là «*Ý NGHĨA được phiên dịch*» của

một số từ ngữ Pāḷi, như «Citta», «Viññāna», «Cetasika», «Maṇa», «Ceta», «Maṇasikāra»...

-Xưa nay, người ta thường rất khó phân biệt các tên «**tinh thần**», «**tâm thức**», «**linh hồn**», «**ý thức**», «**tác ý**», «**chủ tâm**»...v...v...viết dưới dạng hán-việt.

«HIỆU LỰC» (Vāra) của CẢNH (Ālambana).

<>«HIỆU LỰC» của CẢNH (ālambana-vāra) ở đây, ám chỉ «**ÁN TƯỢNG**» (maṇorañjaka) do CẢNH (ālambana) in vào tâm (cetasika), **lớn** (mahanta) hay **nhỏ** (paritta), **mạnh** (balavantu) hay **yếu** (dubbala), và **rõ** (pasanna) hay **mờ** (apākata), gồm...

I-Đối với NGŨ MÔN (5 giác quan), thì có 4 :

a/HIỆU LỰC ***rất lớn*** (Atimahanta), ***trần cảnh*** THẬT ĐẬM.

b/HIỆU LỰC ***lớn*** (Mahanta), ***trần cảnh*** ĐẬM.

c/HIỆU LỰC ***nhỏ*** (Paritta), ***trần cảnh*** ÍT ĐẬM.

d/HIỆU LỰC ***rất nhỏ*** (Atiparitta), ***trần cảnh*** KHÔNG ĐẬM.

II-Đối với Ý MÔN, thì tổng quát chỉ có 2 :

a/HIỆU LỰC (Vāra) của tâm cảnh (maṇā lambana) RỒ RỆT (Vibhūta), dễ nhớ và khó quên.

b/HIỆU LỰC (Vāra) của tâm cảnh (maṇā lambana) MỜ ẢO (Ativibhūta), khó nhớ và dễ quên.

<>Nếu cộng 4 *hiệu lực* (vāra) ở ngũ môn và 2 *hiệu lực* ý môn, thì chúng ta có :

-6 loại HIỆU LỰC (vāra) của CẢNH (ā lambana), in dấu vào TÂM, xuyên qua 6 loại ÁN TƯỢNG (maṇorañjaka) trong những CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi). Và...

-6 loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) là «6 tâm lộ CHÍNH», gồm 5 phát sinh ở NGŨ MÔN (pañca dvāra) và 1 phát sinh ở Ý MÔN (maṇo dvāra), như đã nói.

<>Nhưng dù là CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) phát sinh ở NGŨ MÔN (pañca-dvāra) hay phát sinh ở Ý MÔN (maṇo-dvāra), **tất cả** đều nằm trong «dòng chảy» của HỮU PHẦN hay TÂM HỘ KIẾP (bhavaṅga-citta).

<>Ngoài ra, CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) cũng có thể gọi một cách đầy đủ hơn, là «CHU KỲ LUÂN HỒI TÂM THỨC» (citta-viññāna vīthi).

NHẮC BỔ TÚC :

-Hai chữ «LỚN» (mahanta) hay «NHỎ» (paritta) trên đây, không duy nhất ám chỉ kích thước, mà là ám chỉ HIỆU LỰC (vāra) của CẢNH (ā lambana), đã TÁC ĐỘNG vào tâm thức NHIỀU hay ÍT, **mạnh** (balavantu) hay **yếu** (dubbala), **rõ** (pasanna) hay **mờ** (upākata).

Mấy điều cần nhớ :

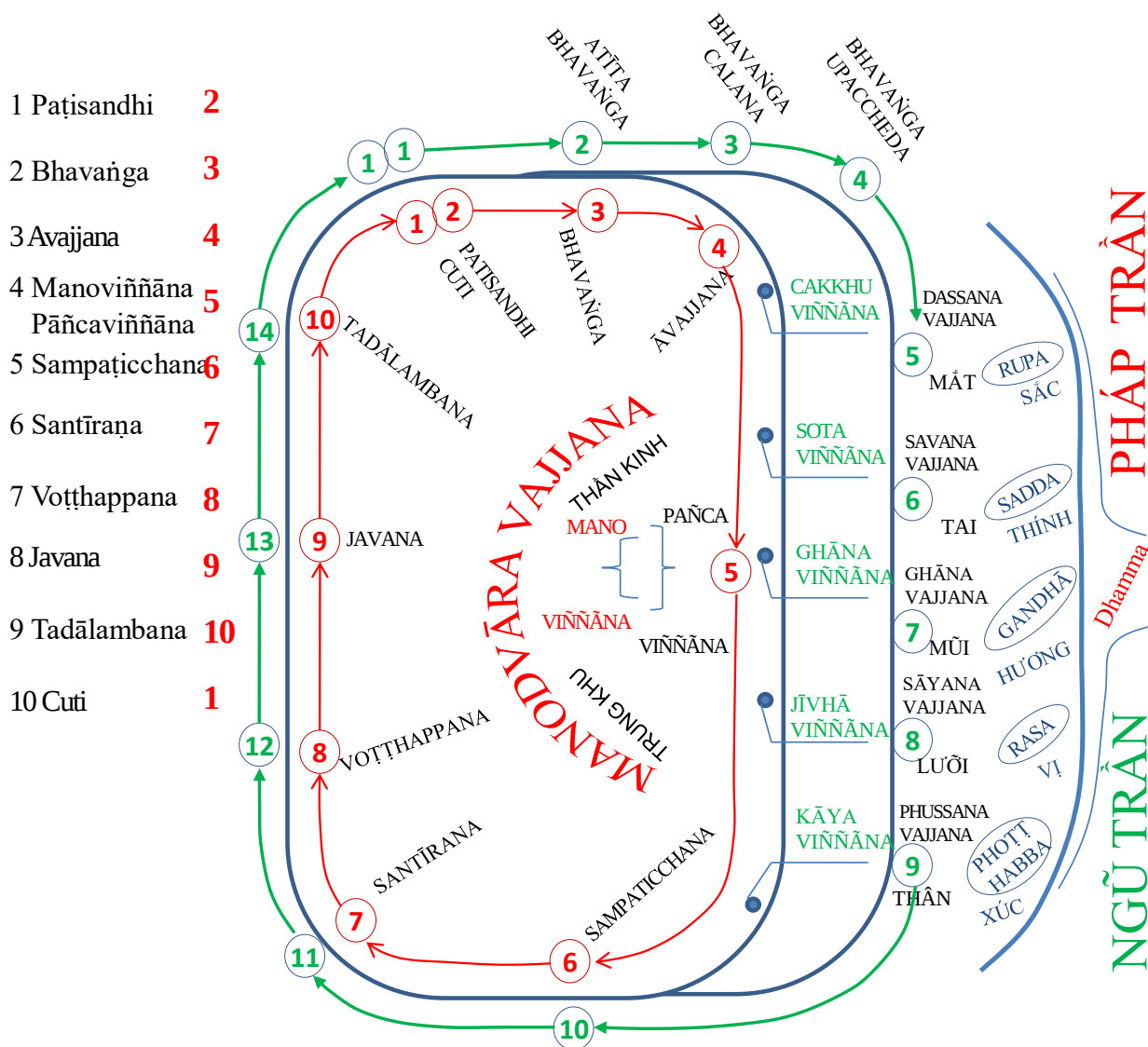
<>Trên nguyên tắc, thì CHU TRÌNH TÂM THỨC (citta vīthi) gồm 17 «chập sát-na» (khaṇa), tính từ «các chập sát-na đầu tiên» tên là «HỮU PHẦN» (bhavaṅga), kế đó là «HUỐNG MÔN» (āvajjana), -gồm ý môn hay ngũ môn, -rồi «TIẾP THẬU» (sampaṭicchana), và theo sau là «SUY ĐẠT» (santīraṇa), «ĐOÁN ĐỊNH» (voṭṭhappana), «ĐỒNG TỐC» (javana)...v...v...cho chí đến *chập sát-na* (khaṇa) «CHẤM DỨT» (cuti) và «CHUYỂN TIẾP» (paṭisandhi)...

-Nhưng để có «hình ảnh» dễ «nhắm bắt hơn», chúng tôi đã mạo muội vẽ ra một «đồ thị» theo dạng CHU KỶ (vīthi=vòng tròn), kính mời quý vị đọc lại nhiều lần bản vẽ CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) trong sau đây.

LƯỢC ĐỒ

Cittavithi

CHU TRÌNH TÂM



CHÚ Ý

Chu trình tâm thức tái sinh

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Chu trình tâm thức đang sống

1 2 3 4 5 6 7
8 9 10 11 12 13 14

PAÑCA DVĀRĀ VAJJANA

- | | | |
|--------------------------|----------|---|
| 1: Cakkhu dvāra vajjana: | Dassana | 5 |
| 2: Sota dvāra vajjana: | Savana | 6 |
| 3: Ghāna dvāra vajjana: | Ghāna | 7 |
| 4: Jivhā dvāra vajjana: | Sāyana | 8 |
| 5: Kāya dvāra vajjana: | Phussana | 9 |
| 6: Mano dvāra vajjana: | Anumana | |

-Về «*kích thước*» (parimāṇa), nhiều khi «CẢNH» hay «ĐỐI TUỢNG» (ālambara) tuy nhỏ về «nhỏ bé», nhưng nếu HÌNH ẢNH (maṇorañjaka) của NÓ, có «hiệu lực» (vāra) **tồn tại** suốt 17 CHẬP SÁT-NA (khaṇa), trong toàn thể CHU TRÌNH TÂM. (Citta vīthi), thì **sức mạnh** của CẢNH loại ấy, nói chung gọi là «RẤT LỚN» (atimahanta), gọi là CẢNH RẤT RÕ RÀNG (pasannālambara).

-Và «CẢNH» (ālambara) nào được xếp hạng «RẤT LỚN» (atimahanta), thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) khởi đầu chỉ cần «1 chập sát-na đã qua» (eka bhavaṅga atīta khaṇa), là CÓ THỂ «*làm rung động*» (calana) và «*chuyển cách*» (upaccheda) dòng HỘI KIẾP hay HỮU PHẦN (bhavaṅga), khiến cho các «CHẬP SÁT-NA TÂM» (citta khaṇa) khác tiếp theo, tuần tự phát sinh và vận hành một cách đều đặn **đầy đủ**.

-Riêng những «CẢNH» (ālambara) không có hiệu lực loại RẤT LỚN (atimahanta), mà đơn giản chỉ được gọi là «LỚN» (mahanta), thì khi «**chạm vào**» dòng HỘI KIẾP (bhavaṅga), nó phải cần đến ít nhất 2 hay 3 «chập sát-na» (khaṇa), hoặc nhiều hơn nữa, mới có thể «*rung động*» (calana) và «*chuyển cách*» (upaccheda) dòng HỮU PHẦN hay HỘI KIẾP (bhavaṅga), để cho các «CHẬP TÂM THỨC» (citta khaṇa) tiếp theo phát sinh, dĩ nhiên lắm khi không đầy đủ.

-Nghĩa là, nếu «**ấn tượng của CẢNH**» (ā lambana) không đủ mạnh, thì 1 CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) có thể sẽ tự dập tắt trước khi tới «CHẬP SÁT-NA ĐĂNG KÝ» (tadā lambanā khaṇa) hay «**chập sát-na tâm**» **thứ 15**, để không có TẬN DÒNG (cuti) và không có CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi). Nó sẽ tự động «rơi sớm vào» giòng HỘ KIẾP (bhavaṅga).

NGOẠI CẢNH và NỘI CẢNH.

I-NGOẠI CẢNH thì xuyên qua 5 GIÁC QUAN, gồm :

1/Trần CẢNH (bahiddha-ā lambana) nào RẤT LỚN (atimahanta), có **ấn tượng** (maṇorañjaka) tồn tại đến cùng, được đăng ký đầy đủ (tadā lambana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì HÌNH ẢNH về sau sẽ **khó quên**, dễ nhớ.

2/Trần CẢNH nào tạm LỚN (mahanta), có **ấn tượng** (maṇorañjaka) tồn tại chỉ một thời gian, chưa tới chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadā lambana), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì HÌNH ẢNH về sau sẽ **đễ quên**, khó nhớ.

3/Trần CẢNH nào RẤT NHỎ (atiparitta), có **hình ảnh** tồn tại rất ngắn, chưa đến **chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH** (voṭṭhappana), trong CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi), thì về sau sẽ không có cả khái niệm mộng lung.

4/Trần CẢNH nào tương đối NHỎ (paritta) có **hình ảnh**, tồn tại ngắn, chưa kết thúc 7 *chập sát-na ĐỒNG TỐC* (Javana) đã tắt, trong CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi), thì về sau sẽ chỉ có khái niệm mơ hồ.

II-NỘI CẢNH thì chỉ xảy ra trong GIÁC QUAN THỨ SÁU :

1/Tâm CẢNH (antoṭhitāmbana) nào có HÌNH ẢNH **rõ ràng** (vibhūta), -tỷ như nhớ chuyện cũ nơi Ý MÔN (maṇo dvāra), với HIỆU LỰC **đậm nét** (balavantu vāra), và tồn tại đến **cuối** CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì sau đó để nhớ (pasanna).

2/Tâm CẢNH (antoṭhitāmbana) nào HÌNH ẢNH **kém rõ ràng** (ativibhūta), -ví như nhớ chuyện cũ một cách **mơ hồ** (meghacchanda) nơi Ý MÔN (maṇo dvāra), với HIỆU LỰC **nhòa nhạt** (upākatta vāra), và chỉ tồn tại đến *một* hay vài CHẬP TÂM SÁT-NA ĐỒNG TỐC (Javana khaṇa), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì sau đó sẽ để quên (mutṭhasati).

*Hầu hết các «*tâm cảnh*» (dhammāmbana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇodvāra), thì PHI THỜI GIAN (akālika), không liên quan đến cả 3 thời, hay không nhất định (aniyata).

*Trên đây là 6 HIỆU LỰC GIẢN DI (saṅkhepa vāra) làm TIÊU CHUẨN mūladhana), cho **4 loại** TRẦN CẢNH (rūpa ālambana), và **2 loại** TÂM CẢNH (dhammālambana), thông thường gọi là «dễ nắm bắt».

Hãy SUY XÉT :

<> *Những hình ảnh QUÁ RÕ RÀNG* (abhibhūta) ghi lại **đầu tiên** trong HỮU PHẦN (bhavaṅga), hay Ý THỨC (maṇo), **đương nhiên phải là** những hình ảnh của NGOẠI CẢNH (bahiddhālambana), đã “đập vào 5 giác quan (NGŨ MÔN) một cách rất lớn” (atimahanta).

-Nói cách khác, *những hình ảnh QUÁ RÕ RÀNG* đó, là HẬU QUẢ (vipāka) của các CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua “NGŨ MÔN” (pañca dvāra), với đầy đủ **17 chập sát-na tâm**. Và chúng ta có thể xem các HẬU QUẢ này, là **5 loại** CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN, có hiệu lực **thật rõ ràng** (abhi-pasanna).

-Đây là **5 loại ấn tượng** (maṇorañjaka) RÕ RÀNG (bhūta), xuyên qua NGŨ MÔN hay 5 giác quan (pañca-dvāra), cộng với **2 loại ấn tượng** RÕ (pasanna) và MỜ (upākata), tự gọi lại trong TÂM THỨC (viññāna), xuyên qua Ý MÔN hay giác quan thứ sáu (maṇodvāra).

-Như vậy, chúng ta có **7 loại** HIỆU LỰC (vāra) của CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi), gồm 5 xuyên qua NGŨ MÔN (pañcadvāra) và 2 xuyên qua Ý MÔN (maṇodvāra), để tạo một “**ký ức**” (saṭi, nussaraṇa).

*Ngoài ra, nếu chúng ta «*lượm lặt tất cả*» từ những sách VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma pakaraṇa), thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) CHỈ xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) có thể có «**từ 2 đến 5 loại**» HIỆU LỰC (vāra) khá PHỨC TẠP.

Xin mạn phép ghi ra :

-Nếu đó là 2 LOẠI, thì chúng ta có «**2 thứ HIỆU LỰC** tâm cảnh» (dhammavāra), gồm 1/RÕ RÀNG (Vibhūta) và 2/MỜ ẢO (Avibhūta).

-Nếu đó là 3 LOẠI, thì chúng ta có «**3 thứ HIỆU LỰC** tâm cảnh» (dhammavāra), gồm 1/RẤT RÕ (Ativibhūta), 2/RÕ (Vibhūta), và 3/MỜ (Avibhūta).

-Nếu đó là 4 LOẠI, thì chúng ta có «**4 thứ HIỆU LỰC** tâm cảnh» (dhammavāra), gồm 1/RẤT RÕ (Ativibhūta), 2/RÕ (Vibhūta), 3/MỜ (Avibhūta), và 4/VÔ DỤNG (Mogha).

-Nếu đó là 5 LOẠI, thì chúng ta có «**5 thứ HIỆU LỰC** tâm cảnh» (dhammavāra), gồm 1/RẤT RÕ (Ativibhūta), 2/RÕ

(Vibhūta), 3/MỜ (Avibhūta), 4/RẤT MỜ (Ati avibhūta), và 5/VÔ DỤNG (Mogha).

*Còn những «*HIỆU LỰC NGOẠI LỆ*» thì nhiều lắm, không thể nêu ra hết được. -Vì chúng không có «qui tắc nhất định».

ĐỪNG QUÊN RẰNG :

<>Các «chập sát-na tâm» (citta khaṇa), như 1/*hướng nhãn thức* (cakkhu viññāna āvajjana), 2/*hướng nhĩ thức* (sota viññāna āvajjana), 3/*hướng tỷ thức* (ghāna viññāna āvajjana), 4/*hướng thiệt thức* (jīvhā viññāna āvajjana), và 5/*hướng thân thức* (kāya viññāna āvajjana) thì đương nhiên chỉ có có mặt trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua 5 giác quan, hay NGŨ MÔN (pañca dvāra).

-Năm «*chập sát-na tâm*» (citta khaṇa) này KHÔNG THỂ có mặt trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) được.

<>Nhưng 2 loại CHU TRÌNH TÂM *rất lớn* (atimahanta) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra vīthi) và *rất rõ* (vibhūta) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra vīthi), lại *có chung* 6 «*chập sát-na tâm*» (citta khaṇa), là :

1-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN hay HỘ KIẾP (bhavaṅga), tức là DÒNG SINH MỆNH, tiếp tục trôi chảy yên lặng...

2-Chập sát-na (khaṇa) ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana) trong CHU TRÌNH TÂM NGŨ MÔN (pañca dvāra citta-vīthi), thì xem như tương đương với chập sát-na HƯỚNG Ý MÔN (maṇo dvārāvajjana) trong CHU TRÌNH TÂM xuyên qua CỬA Ý (maṇo dvāra citta -vīthi).

3-Chập sát-na (khaṇa) ĐỒNG TỐC (javana), hay «tiềm lực» của cái «trón lập lại» HÌNH ẢNH, tôi đã 7 lần.

4-Chập sát-na (khaṇa) ĐĂNG KÝ (tadālabana), ghi nhận ẮN TƯỢNG (maṇorañjaka) của **cảnh** (ālabana).

5-Chập sát-na (khaṇa) CHẤM DỨT (cuti), hay hết đà vận hành của TÂM (citta) và CẢNH (ālabana).

6-Chập sát-na (khaṇa) CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi), rơi vào VÔ CẢNH trong DÒNG SINH MỆNH (bhavaṅga), và trở thành *thụ động*.

Nghĩa là :

<> Mỗi khi ngoại CẢNH RẤT LỚN (atimahantālabana) «đập vào dòng chảy của TÂM» (bhavaṅga), xuyên qua 5 giác quan hay *ngũ môn* (pañca dvāra), chạm đến Ý THỨC (maṇo), thì nội

CẢNH CŨ (dhamma nayālabhāna) **rất mạnh** (atīvibhūta) sẽ tư động «kích thích» để gọi lại, rồi so sánh, hay phản chiếu với «hình ảnh mới» (navālabhāna) và «**chế tác ấn tượng rõ**» (paññatti). -Trường hợp CẢNH CŨ **rất yếu** (avibhūta) thì không thể kích thích hữu hiệu, và chỉ «ghi thêm ấn tượng» (maṇorañjaka) mà thôi.

*Trong SỰ VẬN HÀNH này, chúng ta nhận thấy :

-2 loại TRẦN cảnh RẤT LỚN (atimahanta) và LỚN (mahanta) phối hợp với 3 sát-na hữu phần **đầu tiên** trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), sẽ cho ra 4 hiệu lực :

RẤT MẠNH (atimahanta), **MẠNH** (mahanta)

KÉM MẠNH (paritta), **KHÔNG MẠNH** (atiparitta).

-2 loại ẤN TƯỢNG nhỏ (paritta) và **rất nhỏ** (atiparitta) trong TÂM CẢNH (dhammālabhāna, phối hợp với các chấp sát-na (khaṇa) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), cho ra 2 hiệu lực :

Ấn tượng **RẤT MỜ** (ati-avibhūta) và Ấn tượng **MỜ** (avibhūta).

-Còn 2 loại TÂM cảnh (dhammālabhāna) do si mê VỌNG ĐỘNG (moha) vận hành trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi),

cũng tạo ra 2 hiệu lực (vāra), thuộc loại ***U-MINH*** hay ***HỖN MANG*** (avijjā).

<> Còn 2 loại “***ÁN TUỢNG***” ***rất rõ*** và ***rõ*** trong CHU TRÌNH TÂM (xuyên qua ý môn), tương ứng với CẢNH ***rất lớn*** và ***lớn*** (xuyên qua ngũ môn) thì đã nói rồi, không cần lập lại nữa.

-Tất cả kết quả ***mạnh*** hay ***yếu***, và ***rõ*** hay ***mờ*** này, là ***6 ấn tượng tiêu biểu*** (nidassanabhūta maṇorañjaka) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), hằng liên tục đúc kết thành ***đa dạng TẬP KHÍ nhận cảnh*** (khandha) trong toàn thể sinh linh.

*Và chúng ta có thể nói chung, «CHU TRÌNH TÂM THỨC (citta vīthi) là «BỘ MÁY» ***thu lượm*** (parisā) và ***chế tạo*** (sampādana) NGŨ UẨN (pañca khandha) hay “dựng lên” thân DANH SẮC (nāma-rūpa jīvita).

-Đây cũng chính là NGUỒN GỐC (mūluppatti) của TÂM BẨM SINH (ahetuka citta) hay của TÂM QUẢ (Vipāka citta) khi một con người chào đời vậy.

CHỦ và ***KHÁCH*** “2 loại”:

<> Liên quan đến 2 loại ***chập tâm chủ quan*** (vīthi vimutta) và –***chập tâm khách quan*** (vīthi), thì như sau :

<>Chỉ có 3 chấp tâm (citta khaṇa) thuộc về HỮU PHẦN hay HỘ KIẾP (bhavaṅga), gồm 1/“tĩnh”, 2/“rung động”, và 3/“chuyển cách”, trong mọi CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) mới được gọi là CHỦ QUAN (vīthi vimutta).

<>Còn những chấp tâm khác, trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), như HUỐNG MÔN (āvajjana), TIẾP THẬU (sampaṭicchana), SUY ĐẠT (santīraṇa)...v...v... thì gọi là KHÁCH QUAN (vīthi).

*Nên nhớ, HỮU PHẦN THỤ ĐỘNG (bhavaṅga, hay TĨNH) là một trong NHỮNG TÂM QUẢ (vipāka citta). Nó «khởi sinh» sau chấp tâm (citta khaṇa) CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi citta), và đồng loại với chấp tâm này. Nó cũng là chấp tâm hướng Ý MÔN (maṇo dvāra āvajjana).

*Những chấp tâm HỮU PHẦN (bhavaṅga) thì «**có mặt**» suốt kiếp sống của một con người nói riêng, và của tất cả chúng sanh nói chung. -Nếu không muốn nói là “suốt tất cả vô số vòng luân hồi” (saṃsāra).

<>Các chấp sát-na tâm HỮU PHẦN (bhavaṅga khaṇa) có thể xem như «**VÙNG ĐỆM**», vì NÓ «luôn luôn tự động hiện diện xen kẽ» giữa 2 điểm chấm dứt (cuti) và phát sinh (upajjati) của

những CHẬP SÁT-NA TÂM (citta khaṇa) khác, trong tất cả loại CHU TRÌNH TÂM (sabba citta vīthi).

<>Và “*các điểm đệm*” (sandhi) có tên là “HỮU PHẦN” (bhavaṅga) ấy, thì thường khi khởi đầu bằng ***nhiều hơn*** «*một chập sát-na*» (citta khaṇa), tùy theo tình trạng của «***cảnh chạm vào tâm***» là LỚN (atimahanta = mạnh), NHỎ (mahanta = yếu), RỖ (avibhūta) hay MỜ (bhūta).

<>Từ đó, có những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) với các HIỆU LỰC (vāra) khác nhau, như ***khó quên, dễ quên, khó nhớ, dễ nhớ...v...v....***

<>Trên nguyên tắc, thì «*các chập sát-na hộ kiếp*» hay “*hữu phần*” (bhavaṅga khaṇa) luôn luôn ***tự động*** phát sinh, vào đầu hay vào giữa những CHẬP SÁT-NA TÂM (citta khaṇa) tiếp theo, và vào điểm chót mỗi CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi).

<>«PHẬN SỰ» (kicca) muôn đời của HỮU PHẦN hay HỘ KIẾP (bhavaṅga) là kéo dài DÒNG ***sinh mệnh***, khi nào THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha) còn bám chặt trong TÂM (citta) mỗi chúng sanh, để tự tạo sự ***luân hồi***...bất tận.

<>Hai từ ngữ chế định «**CHỦ QUAN**» (vīthivimutta citta) và «**KHÁCH QUAN**» (vīthi citta) được nêu ra trên đây, ám chỉ 2 trường hợp đặc biệt, là :

*Thứ nhất, “**CHỦ QUAN**” ám chỉ những **chập sát-na** (khaṇa) vốn đã “CÓ SẴN” hay “ĐỘC LẬP”, tự động hiện diện xen kẽ (vimutta), “*một cách thụ động và đương nhiên*”, không tùy thuộc vào trần cảnh. Chúng thuộc về ngoại lộ (vīthivimutta), vì chẳng phát sinh không thông qua NGŨ MÔN (pañca-dvāra).

-Thứ hai, “**KHÁCH QUAN**” (vīthi) ám chỉ các «**chập sát-na TÂM hoạt động**» thuộc BẢN CHẤT TÍCH CỰC, có “phần hành” (kicca) rõ rệt trong pháp hành.

-Nhưng dù là CHỦ QUAN (vīthivimutta) hay KHÁCH QUAN (vīthi), mỗi **CHU TRÌNH TÂM** (citta vīthi) đều phải đầu tiên, trải qua 3 «giai đoạn» (candakalā) là :

1/ĐÃ TRÔI QUA (atīta),

2/BỊ RUNG ĐỘNG (calana), và

3/CHUYỂN CÁCH (upaccheda).

*Rồi những “**chập sát-na tâm** (citta khaṇa) khác tiếp theo, sẽ phải tùy duyên hệ (paṭṭhāna) giữa nhau mà sinh và diệt.

*Những *chập sát-na* (khaṇa) từ HƯỚNG MÔN (āvajjana) về sau, thì đồng thời cũng là những YẾU TỐ *tích cực*, để thành lập CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi). -Vì chúng là các THÀNH PHẦN thuộc nội lộ (vīthi), bởi sự phát sinh của chúng luôn luôn do NGŨ MÔN (pañca dvāra).

◇ Đó là các “chập sát-na” (khaṇa) :

1/«**Hướng môn**», tức là “hướng tới” cái BIẾT tại 1 trong 5 cửa (dvāra viññāna āvajjana), và làm “tiền hành” cho...

2/«**Tiếp thân**» (sampaṭicchana).

3/«**Suy đạt**» (santīraṇa),

4/«**Đoán định**» (voṭṭhappana),

5/«**Đổng tốc 1**» (=javana 1), ấn tượng 1 lần (tối thiểu).

6/«**Đổng tốc 2**» (=javana 2), ấn tượng 2 lần.

7/«**Đổng tốc 3**» (=javana 3), ấn tượng 3 lần.

8/«**Đổng tốc 4**» (=javana 4), ấn tượng 4 lần.

9/«**Đổng tốc 5**» (=javana 5), ấn tượng 5 lần.

10/«**Đổng tốc 6**» (=javana 6), ấn tượng 6 lần.

11/«**Đổng tốc 7**» (=javana 7), ấn tượng 7 lần (tối đa).

12/«**Đăng ký**» (tadālabhāna), hay “ghi chép”.

13/«**Chấm dứt**» (cuti), hay “cuối dòng”.

14/«**Tự động chuyển tiếp**» (paṭisandhi).

-Đây là “**14 chức năng**” của những **chập sát-na tâm** (citta khaṇa), phát sinh có ĐIỀU KIỆN (tức là có “phân hành”), hay còn gọi là “KHÁCH QUAN”.

<>Khi TÂM có “bản chất” **CHỦ QUAN** (vīthivimutta citta) và TÂM có “bản chất KHÁCH QUAN (vīthi citta), cùng vận hành trong 1 CHU TRÌNH (citta vīthi), thì CHÚNG có tất cả 17 HOẠT ĐỘNG, như đã nói trên. -Nhưng chúng chỉ biểu lộ dưới **14 chức năng** (kicca) nòng cốt.

«TUỔI THỌ» của DANH PHÁP và SẮC PHÁP.

<>TUỔI THỌ (āyu=jīvita) của DANH PHÁP (nāma dhammā) là tuổi thọ của TÂM (citta), hay của «**năng lực tồn tại** do “TINH THẦN” (maṇo).

<>TUỔI THỌ của SẮC PHÁP (rūpa dhammā) là tuổi thọ của “**nhục thân**”, -hay nói theo ngôn ngữ của “Triết học A-tỳ-đạt-

ma” (Abhidhamma), là “TUỔI THỌ của **vật chất y sinh**» (upādāya rūpa). -Đó là “**thời hạn sống** của THỂ XÁC” (āyu).

-Đúng hơn, «**TUỔI THỌ của SẮC PHÁP** là **TUỔI THỌ của các phần tử nhỏ nhất trong THÂN THỂ (kāya) sinh động vật**». Gọi là tế bào (kuṭi=khuddakagabbha).

<>Thực ra, TUỔI thọ của TÂM (citta) thì rất ngắn. -«Chiều dài» của NÓ chỉ là 1 «chập sát-na tâm» (citta khaṇa), gồm 3 “tiểu sát-na thời gian”, khoảng 1 phần 1000 của giây.

*Nhưng “tuổi thọ” của “*tâm hành*” thì dài hơn, gồm “17 chập sát-na” (khaṇa) hay “1 chu trình” (vīthi).

-Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) trong nhà Phật, «đơn vị thời gian ngắn nhất của vạn vật» là «**tiểu sát-na**» (cūla khaṇa), tương đương chừng 1/3000 giây.

-Và 1 «**chập sát-na tâm**» (citta khaṇa) thì bằng 3 «**tiểu sát-na thời gian**» (cūla khaṇa kāla). Do đó, chúng ta có thể tạm ước lượng “TUỔI THỌ” (āyu) của mỗi “CHẬP TÂM”, chỉ bằng 1 phần 1000 giây», như đã ghi.

*Trong mỗi «**đơn vị sát-na tâm ngắn ngủi**» ấy, có :

- 1 «tiểu sát-na thời gian» để TÂM SINH (uppāda),

- 1 «tiểu sát-na thời gian» để TÂM TRU (tṛithi), và
- 1 «tiểu sát-na thời gian» để TÂM DIỆT (bhaṅga).

*Cả 3 **tiểu sát-na thời gian** (ticūla khaṇāni) này hợp lại, tạo thành 1 đơn vị sinh tồn trong CHU TRÌNH tâm thức, gọi tắt là «**chập sát-na tâm**» (citta khaṇa).

<>Nhưng **TUỔI THỌ** của **SẮC PHÁP** hay của **VẬT CHẤT** (rūpa) thì **lâu hơn**. Nó kéo dài đến 17 **chập sát-na tâm**. -Theo cách trình bày như sau :

-Một **chập sát-na tâm** thức gồm 1 **tiểu sát-na thời gian** để “SANH”, 1 **tiểu sát-na thời gian** để “TỒN TẠI”, và 1 **tiểu sát-na thời gian** để DIỆT.

*Mà “*tuổi thọ của sắc pháp được biết*” thì kéo dài đến 17 **chập sát-na tâm** (citta khaṇa).-Do đó, mọi **sắc pháp** (rūpa dhamma) sẽ «tồn tại» trong **TÂM**, xuyên qua 49 **tiểu sát-na thời gian** (culla kāla khaṇa).

-Nói cách khác, **TUỔI THỌ** của **SẮC PHÁP**, kéo dài bằng 17 «**chập sát-na tâm**», và mỗi **chập sát-na tâm** gồm “3 điểm” (**SINH** (upāda), **TRỤ** (tṛithi), và **DIỆT** (bhaṅga)). Như vậy, **TUỔI THỌ** của **SẮC PHÁP** là tích số của bài toán 17 x 3, tức là gồm 51 **tiểu sát-na thời gian** trừ ra 2 tiểu sát-na đầu và đuôi, còn 49.

Lược giải CHU TRÌNH TÂM ở NGŨ MÔN

(Pañca dvāra citta vīthi saṅkhepa).

-Lấy NHÂN MÔN (cakkhu dvāra) làm ví dụ :

<>Đầu tiên là “*dòng HỮU PHẦN*” hay “*dòng HỘ KIẾP*” (bhavaṅga), trôi chảy một cách ***yên lặng, đồng tốc độ, bằng phẳng***, không có ngoại hay nội cảnh (ālambaṇa), làm cho rung động (calana), gợn sóng, chuyển cách (upaccheda)... ».

*Nhưng khi một «***cảnh vật bên ngoài***» ngẫu nhiên «rơi vào xúc trường» (phassa) của THỊ GIÁC (cakkhu viññāṇa), hay có «cái gì đó» thuộc ngoại trần, “khuấy động” dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga) xuyên qua THỊ GIÁC, để tiếp theo làm cho Ý MÔN (mano dvāra = bhavaṅga) sẽ «bị kích thích»...thì có “*rung động*” (calana) và “*chuyển cách*” (upaccheda).

-***Thời gian hiện ra*** của đối tượng thì rất ngắn, “chiếm” 1 đơn vị sát-na trong CHU TRÌNH TÂM» (citta khana), gọi là «*chập sát-na hữu phần đã qua*» (atīta bhavaṅga), trước khi DÒNG HỮU PHẦN (hay Ý MÔN trong HỘ KIẾP) bị ảnh hưởng.

-Kế đó, có 2 «chập sát-na tâm» khác (citta khaya), gọi là «sát-na hữu phần **rung động**» (calana bhavaṅga), và «sát-na hữu phần **chuyển cách**» (upaccheda bhavaṅga).

*«**Chuyển cách**» (upaccheda) ám chỉ rằng «dòng HỮU PHẦN chẳng còn như cũ, và cũng không thể tức khắc biến ra cái khác, mà phải nhanh chóng vận hành, để đi vào tình trạng hết còn như trước». -Vì nó đã bị “gợn sóng” (calana) !

-Có sách gọi «chập sát-na hữu phần chuyển cách» (bhavaṅga upaccheda) là «chập sát-na hữu phần dứt tình».

*Ba chập sát-na đầu, gồm đã qua (atīta), rung động (calana), và chuyển cách (upaccheda) chính là «3 **chập sát-na**» CĂN BẢN và TỐI THIỂU của «tâm hữu phần» (bhavaṅga).

*Kế đó là sự phát sinh của «chập sát-na tâm **hướng môn**» (dvāra āvajjana), phóng tới 1 trong 5 căn môn. -Ví dụ ở đây là nhãn môn (cakkhu dvāra).

*Sau «chập sát-na hướng nhãn môn» (cakkhu dvāra āvajjana), thì đến «chập sát-na tâm **tiếp thấu**» (sampaṭicchana khaya) phát sinh và vận hành.

*Sau «**chập sát-na tiếp thân**» (sampaṭicchana) là đến «**chập sát-na tâm suy đạt**» (santīraṇa) phát sinh, để phản chiếu vào TẬP KHÍ (khandha).

*Sau «**chập sát-na suy đạt**» (santīraṇa), là đến «**chập sát-na tâm đoán định**» sinh lên (voṭṭhappana), để qui nạp dựa theo hình ảnh cũ cũ (naya maṇorañjaka).

*Và sau «**chập sát-na đoán định**» (voṭṭhappana), là «**7 chập sát-na tâm đồng tốc**» (javana) lần lượt phát sinh. -«**ĐỒNG TỐC**» ám chỉ «lực của bánh trón», lập lại ẮN TƯỢNG do CẢNH (ālambana) tối đa là 7 lần, tùy HÌNH ẢNH (vāra) của CẢNH (ālambana), **mạnh** (mahanta) hay **yếu** (paritta), sẽ cho KÝ ỨC (anussaraṇa=satī) **rõ** (pasanna) hay **mờ** (upākata).

*Kế đó là «**chập sát-na đăng ký**» (tadālambana khaṇa), ghi chép ấn tượng mới hòa với cũ (maṇorañjaka), vừa trải nghiệm vào tiềm thức (anussaraṇa).

*Sau cùng là 2 «**chập sát-na**», là **kết thúc**» (cuti), và «**chuyển tiếp**» (paṭisandhi), để hoàn tất rồi tự động rơi vào “DÒNG HỮU PHẦN (bhavaṅga).

<>Thử ôn lại «**17 chấp sát-na**» (khaṇa) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua THỊ GIÁC (Cakkhu viññāna) :

1/Chấp sát-na ***hữu phần đã qua*** (bhavaṅga atīta khaṇa),

2/Chấp sát-na ***hữu phần rung động*** (bhavaṅga calana khaṇa),

3/Chấp sát-na ***hữu phần chuyển cách*** (bhavaṅga upaccheda khaṇa),

4/Chấp sát-na ***tâm hướng môn*** (dvāra āvajjana khaṇa),

5/Chấp sát-na ***tâm tiếp thu*** (sampatticchana khaṇa),

6/Chấp sát-na ***tâm suy đạt*** (santīraṇa khaṇa),

7/Chấp sát-na ***tâm đoán định*** (voṭṭhappana khaṇa),

8/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ nhất (javana khaṇa 1),

9/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ hai (javana khaṇa 2),

10/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ ba (javana khaṇa 3),

11/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ tư (javana khaṇa 4),

12/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ năm (javana khaṇa 5),

13/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ sáu (javana khaṇa 6),

14/Chấp sát-na ***tâm đồng tốc*** thứ bảy (javana khaṇa 7),

15/Chập sát-na **tâm đẳng ký** (tadāmbana khāṇa),

16/Chập sát-na **tâm hết đà** hay **chấm dứt** (cuti khāṇa),

17/Chập sát-na **tâm chuyển tiếp** (paṭisandhi khāṇa).

-Có sách nói «chập nát-na tâm ĐẲNG KÝ (tadāmbana khāṇa) phải cần đến 2 sát-na, để kết thúc 1 CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), trước khi chìm vào dòng HỘ KIẾP (bhavacga)», là ám chỉ «2 chập tâm» gồm “1” của chính nó và “1” của chập tâm thứ 16 (=châm dứt) .

<>Rồi «chu trình tâm» (citta vīthi) sau khi hết đà (cuti), sẽ rơi vào dòng HỮU PHẦN thụ động (bhavaṅga) hay «dòng sinh mệnh» như trước, bởi CHẬP SÁT-NA (khāṇa) gọi là CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

*Trên đây là **1 thí dụ** dùng CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NHÃN MÔN (cakkhu dvāra), với ĐẦY ĐỦ 17 chập sát-na tâm (khāṇa), «mô tả» HÌNH ẢNH của ĐỐI TƯỢNG (hay của ngoại cảnh=āmbana), được ghi nhận RẤT LỚN (atimahanta) hay RẤT RÕ RÀNG trong ký ức.

*Tương tự như thế, những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xảy ra ở **4 căn môn** kia, như NHĨ MÔN (sota dvāra), TỶ MÔN (ghāṇa dvāra), THIỆT MÔN (jīvhā dvāra), và THÂN MÔN

(kāya dvāra), với tiến trình ĐẦY ĐỦ 17 chấp sát-na (khaṇa), cũng ghi lại HÌNH ẢNH của ĐỐI TƯỢNG (hay của NGOẠI CẢNH=ā lambana), một cách RẤT RÕ RÀNG (atimahanta) trong trí nhớ.

-Khi trình bày, chúng ta chỉ bỏ nhóm chữ «**chấp sát-na tâm hướng nhãn môn**» (cakkhu dvāra āvajjana), ở vị trí số 4 trong 17 chấp sát-na thuộc CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) ấy, và thay thế vào đó bằng một trong các nhóm chữ, ám chỉ 4 «**chấp sát-na tâm hướng môn**» kia, là :

«.....hướng NHĨ MÔN» (sota dvāra āvajjana),

«.....hướng TỶ MÔN» (ghāna dvāra āvajjana),

«.....hướng THIẾT MÔN (jīvhā dvāra āvajjana), và...

«.....hướng THÂN MÔN (kāya dvāra āvajjana).

<>Trên đây là trường hợp những CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), **bắt đầu** và **chấm dứt** với đầy đủ 17 CHẤP SÁT-NA (khaṇa), có hình ảnh RẤT LỚN (atimahanta), và **hiệu lực đối với tâm rất mạnh**, sẽ được ĐĂNG KÝ vào ký ức một cách RẤT RÕ RÀNG (atipasanna).

*Tiếng Pāḷi gọi “HIỆU LỰC” ấy là «*Tadā lambana vāra*».

<>Còn trường hợp những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra) cũng **bắt đầu** và **chấm dứt** với 17 CHẬP SÁT-NA (khaṇa), nhưng hình ảnh của NGOẠI TRẦN hiện đến xuyên qua 5 giác quan, và đập vào «dòng chảy HỮU PHẦN», chỉ được tạm gọi là «LỚN» (mahanta), hay **ít mạnh mẽ**, rồi được “RƠI RỐT” vào ký ức, một cách KÉM RÕ RÀNG, thì NÓ chỉ “kết thúc” ở *chập sát-na* ĐÔNG TỐC. - Tiếng Pālī gọi là «*javana vāra*».

<>Hay một loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) khác, xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), tuy vẫn “vận hành” trong số «17 CHẬP SÁT-NA» (citta khaṇa), nhưng hình ảnh của NGOẠI TRẦN (ā lambana) đập vào dòng “HỮU PHẦN” hay “HỘ KIẾP” (bhavaṅga) thuộc loại NHỎ (paritta), thì NÓ sẽ tự kết thúc ở *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH, không thể tồn tại đến cùng.

*Tiếng Pālī gọi loại này là «*voṭṭhappana vāra*».

<>Một loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) khác nữa, cũng xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), tuy vẫn “vận hành” trong số “17 CHẬP SÁT-NA” (citta khaṇa), nhưng hình ảnh của NGOẠI TRẦN (ā lambana) đập vào dòng “HỮU PHẦN” hay “HỘ KIẾP” (bhavaṅga) thuộc loại QUÁ NHỎ (atiparitta), thì NÓ sẽ tự kết thúc ở *chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa).

*Tiếng Pāḷi gọi loại này là “*mogha vāra*”, dịch là “*thiếu dụng*”.

<> Lý do, vì những HÌNH ẢNH của NGOẠI TRẦN (āḷambana) thuộc loại «NHỎ» (paritta) hay «QUÁ NHỎ» (atiparitta), «*đối với HỮU PHẦN*» (bhavaṅga), ngay từ đầu đã YẾU hay QUA YẾU, nên NÓ «phải mất» khá nhiều «*chập sát-na tiêu cực hữu phần* TRÔI QUA» (atīta), mới RUNG ĐỘNG nổi (calana), để có thể CHUYỂN CÁCH (upaccheda), trong dòng chảy HỮU PHẦN hay “SINH MỆNH” (bhavaṅga).

-Nghĩa là CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) phải luôn luôn cần đến «3 giai đoạn» gồm ĐÃ QUA (atīta), RUNG ĐỘNG (Ccalana), và CHUYỂN CÁCH (upaccheda) mới có thể đi tới.

*Nếu 1 CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (Pañca dvāra), mà không đủ sức lưu lại ẮN TƯỢNG trong dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), rồi sau đó CHẶNG LẬP LẠI, thì không bao giờ có PHÁP CẢNH (dhammāḷambana) hay TÂM CẢNH (citta āḷambana).

CẦN NHỚ :

<> Phần hành của «*Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH*» (voṭṭhappana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua *NGŨ MÔN* (pañca dvāra), đã được Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) xếp loại

tương đương với **phần hành** (kicca) của «**chập sát-na TÂM**» ở «**Ý THỨC MÔN**» (maṇo viññāna dvāra), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua «**giác quan thứ sáu**».

*Những HÌNH ẢNH mà chúng ta **thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ...** trong cuộc sống hằng ngày, cũng có thể trở thành ẢN TUỢNG (maṇorāñjaka) trong sự SUY TƯỞNG (saṅkappa) hay trong GIÁC MƠ (supina). -Mời quý vị xem lại bản vẽ «**Lược đồ CHU TRÌNH TÂM**» (Citta vīthi).

CHU TRÌNH TÂM NÓI ĐUÔI.

<>Sau NGŨ MÔN (pañcadvāra) là Ý MÔN (maṇodvāra)

“*Chu trình tâm NÓI ĐUÔI*” (sandhi) là “***một liên hành chuỗi tâm lộ***” đi sau những chu trình tâm xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra citta vīthi) có cảnh RẤT LỚN (atimahanta). -Nó có thể xem là “sự hỗn hợp” (missita) của 2 loại **chu trình tâm** (citta vīthi), xuyên qua **ngũ môn** (pañca dvāra), và **chu trình tâm** xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra vīthi).

<>Khi chúng ta nói “**tôi thấy một hoa sen**”, thì trước tiên hình dạng “**nổi bậc nhất**” của hoa sen đó, đã đi vào “vùng nắm bắt” của THỊ GIÁC (cakkhu viññāna), với **CẢNH rất lớn** (atimahanta), tức là **VẬN HÀNH** của **chu trình tâm NHẢN**

MÔN (cakkhu dvāra citta vīthi), phải xảy ra và gồm 17 chấp sát-na đầy đủ (citta khaṇa).

-Nhưng “chu trình tâm nhãn môn” (cakkhudvāra cittavīthi) này kết thúc rất nhanh. Khi nó “diệt đi” (cuti), thì tình trạng qui nạp ở cuối CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) ấy, chúng ta vẫn chưa biết “đó là hoa sen”, mà chúng ta chỉ thấy “một đối tượng” (ālamana) khá rõ ràng. -Nó như cái thành tố đầu tiên trong nhiều thành tố, để được “tập hợp” và “cô đọng”.

-Nghĩa là sau đó, có một loại chu trình tâm thứ nhất xuyên qua Ý MÔN, tức khắc sanh lên, và lấy “đối tượng quá khứ” (atīta) làm CẢNH RÕ (pasannālamana) để vận hành (kicca).

-Rồi nó được **nối đuôi** (sandhi) bởi một hay nhiều SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana khaṇa) của «chu trình tâm» thứ hai, cũng xuyên qua Ý MÔN (mano dvāra), để “gom lại” và lấy cái “tổng thể” (samūha) của chu trình tâm thứ nhất (xuyên qua ý môn) làm cảnh (ālamana).

-Tiếp theo, là «chu trình tâm xuyên qua ý môn thứ ba», phối hợp 2 chu trình tâm trước (xuyên qua ý môn), để cho ra một hình ảnh (độc dạng hay đa dạng) thuộc về **sắc pháp** (Rūpa dhamma) trong “hỗn hợp” đó. -Nhưng **danh pháp** (Nāma dhamma) thì vẫn chưa được “thiết lập”.

-Và *chu trình tâm xuyên qua Ý MÔN thứ tư* tự động phát sinh. Nó dựa vào những trải nghiệm cũ (nơi tiềm thức), để «phối hợp» hội đủ yếu tố *qui nạp*, rồi “*chế tác khái niệm*” (paññatti) và “*xác định tên gọi đã từng dùng*” (voṭṭhappana), thuộc về DANH PHÁP (nāma dhamma) và SẮC PHÁP (rūpa dhamma), làm cho chúng ta thấy và biết “***đó là một hoa sen***”, hay một cảnh vật cụ thể gì đó.

*Nghĩa là, các “*CHU TRÌNH TAM NÓI ĐUÔI*” (sandhi citta vīthi) bắt đầu từ ***nhãn môn*** (cakkhu dvāra) 1 lần, rồi tiếp tục bằng ***ý môn*** (mano dvāra) 4 lần. Và đối với các giác quan còn lại, như ***tai, mũi, lưỡi, thân***, cũng tương tự thế !

-Và câu nói “*Sau chu trình tâm xuyên qua NGŨ MÔN (Pañca dvāra), với cảnh rất lớn (Atimahanta), có ít nhất 4 chu trình tâm xuyên qua Ý MÔN (Manodvāra)*”, vừa được trình bày.

Vấn tắc ở NHÃN MÔN :

<>“Sự thấy hoa sen” là “1 HỖN HỢP” theo “*dạng xâu chuỗi*” của 5 chu trình tâm, gồm 1 CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) xuyên qua ***ngũ môn*** (Pañca dvāra), cộng với «***4 chu trình tâm***»

nổi đuôi (sandhi citta vīthi) xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra), -có thể được ôn lại, như sau :

-Một *chu trình tâm* (citta vīthi) xuyên qua **nhãn môn** (cakkhu dvāra), với *cảnh RẤT LỚN* (atimahanta ālambana), chứa đầy đủ 17 *chập sát-na* (khaṇa), đến giai đoạn ĐĂNG KÝ (tadā lambana) và tận dòng (cuti)...

-Một *chu trình tâm* (citta vīthi) thứ nhất (pathama), xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra) “bắt cảnh nổi bật và tự nhiên là quá khứ” (atīta) thuộc NHÃN MÔN làm “đối tượng” (ālambana). Ấy là **hình ảnh** của SẮC PHÁP.

-Một *chu trình tâm* (citta vīthi) thứ hai (dutiya), xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra) “bắt cảnh tổng thể” (samūha=*nổi bật* hay *kém nổi bậc đã qua*) thuộc NHÃN MÔN (cakkhu-dvāra) làm “đối tượng” (ālambana), -gọi là **sơ khái niệm**.

-Một *chu trình tâm* (citta vīthi) thứ ba (tatiya), xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra) “bắt toàn khối vật chất” hay “sắc pháp đệ nhất đế” (paramattha rūpa) thuộc quá khứ NHÃN MÔN làm “đối tượng” (ālambana), -gọi là **hội tụ khái niệm**.

-Một *chu trình tâm* (citta vīthi) thứ tư (catutthī), xuyên qua **ý môn** (maṇo dvāra) “qui nạp” *sắc pháp* và *danh pháp* (=ký ức),

rồi *án định* cái tên “HOA SEN”, phát sinh và xác định “khái niệm” (paññatti), -gọi là **khái niệm kiên cố**.

*N như vậy, “SỰ THẤY HOA SEN” là là **kết quả** của tổng hợp 5 chuỗi chu trình tâm, gồm 1 CHU TRÌNH TÂM xuyên qua NHÃN MÔN (cakkhu dvāra citta vīthi) cộng với 4 CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (mano dvāra citta vīthi) diễn tiến **nối đuôi nhau** (sandhi).

-Chúng ta có thể “*phân biệt danh sắc*” (nāma-rūpa), theo “đệ nhất nghĩa đế” (paramattha), tức là “tự nhiên” (paramattha = như thị), hay theo “khái niệm” (paññatti = chế định), nhờ **hỗn hợp** 5 chu trình tâm nối đuôi này.

***Đệ nhất nghĩa đế** (paramattha) thì không có thiên kiến (ditṭhi), không bị tham sân si, hay VÔ MINH (avijjā) bao phủ, che áng. Còn **chế định** (paññatti) thì ngược lại.

ĐIỂM QUAN TRỌNG.

<> Vấn đề đáng chú ý tiếp theo, là sự CAN THIỆP của «HIỆN DUYÊN» (paccayuppanna) hay của «TƯƠNG QUAN THỰC TẠI» vào CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi).

-Bởi vì các «CHẬP SÁT-NA ĐỒNG TỐC» (javana khaṇa) có thể bị ảnh hưởng do các CHẬP SÁT-NA đi trước, là «**đoán**

định» (voṭṭhappana), «**suy đạt**» (santīraṇa), và «**tiếp thâm**» (sampaṭicchana), gọi là TIỀN CẬN DUYÊN (pure paccaya).

<>Nhóm từ “TIỀN CẬN DUYÊN” ám chỉ rằng, -tuy cùng nằm trong một CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), cùng vận hành qua 5 GIÁC QUAN (pañca dvāra), nhưng «**đối tượng** liên quan đến **thời gian**» (kāla ālambana) thì **khác** (añña).

*3 CHẬP SÁT-NA (khaṇa) khởi đầu, là 1/«**hữu phần vừa qua**» (atīta bhavaṅga), 2/«**hữu phần rung động**» (bhavaṅga calana), và 3/«**hữu phần chuyển cách**» (bhavaṅga upaccheda), thì luôn luôn “bắt” ĐỐI TƯỢNG quá khứ, như :

-1/CẢNH NGHIỆP (kamma ālambana) đã làm,

-2/CẢNH VẬT DỤNG (kamma nimitta ālambana) đã dùng,

-3/Và CẢNH QUẢ BÁO (gati nimitta ālambana), hậu quả tất nhiên của việc (kamma) đã thực hiện.

*Còn các CHẬP SÁT-NA (khaṇa) “HẬU CẬN DUYÊN” (pacchā paccaya) sau đó, là «**hướng môn**» (āvajjana), «**tiếp thâm**» (sampaṭicchana), «**suy đạt**» (santīraṇa), «**đoán định**» (voṭṭhappana), «**đồng tốc**» (javana), «**đăng ký**» (tadālam-bana), «**chấm dứt**» (cuti), và «**chuyển tiếp**» (paṭisandhi) thì....“bắt” ĐỐI TƯỢNG (ālambana) thuộc thời hiện tại trong cuộc sống.

-Xin nhắc lại câu «**ngạn ngữ quan trọng**» trong văn bản Pālī, thuộc ABHIDHAMMA (Vi Diệu Pháp), là “**yoniso manasikāra**” tạm dịch là “**khéo léo tác ý**”.

*Nhưng «*nội dung tâm thức*» của của nhóm chữ “**yoniso manasikāra**” này, vốn ám chỉ «*khuynh hướng thuận với tâm quả*» (vipāka citta), tức là «thiện» (kusala), hay *thuận với tâm bảm sinh* (ahetuka citta), chứ không hẳn là «*sự chọn tốt một cách hành động*», để chủ quan gọi là «**khéo léo tác ý**».

-Và “**yoniso manasikāra**” cũng có nghĩa là “*thái độ TỐT tất nhiên, đúng theo luật nhân duyên quả thuộc loại THIÊN (kusala) trong Phật giáo*”, KHI TÂM THỨC ĐỐI DIỆN VỚI MỘT CẢNH, -chứ không phải là “*thái độ TỐT ngẫu nhiên*”, do «*khép léo chọn lựa*» theo «*ý*» tham muốn !

<>Thử nêu cả 2 trường hợp :

“**Yoniso manasikāra**” = Có khéo léo, tác ý TỐT (Kusala), và

“**Ayoniso manasikāra**” = Vô khéo léo, tác ý XẤU (Akusala).

-Nếu TÂM QUẢ (vipāka citta) chính là «*tính tự động*» thì trong QUẢ BÁT THIÊN (akusala vipāka) không thể nào có «*khả năng chọn lựa*», gọi là KHÉO LÉO TÁC Ý «*tốt*» được !

*Ngoài ra, “nghĩa lý” của 2 nhóm từ ngữ “**chu trình tâm chủ quan**” (citta-vīthivimutta) và “**chu trình tâm khách quan**” (citta-vīthi) cũng rất có thể bị hiểu nhầm, hay lẫn lộn.

*Theo Phật học :

-CHU TRÌNH TÂM CHỦ QUAN (citta-vīthivimutta), ám chỉ “những pháp có trước, tự nhiên”, **hằng tự phát sinh**, không tùy thuộc vào điều kiện.

-CHU TRÌNH KHÁCH QUAN (citta-vīthi) ám chỉ “những pháp có sau, thụ động”, tùy thuộc vào các điều kiện trong duyên hê «tâm cảnh», thuộc khung cộng nghiệp.

*Như đã nói qua trong một đoạn trước, các CHẬP SÁT-NA TÂM (citta khaṇa), từ **hữu phần** (bhavaṅga), đến **chấm dứt** (cuti), và **chuyển tiếp** (paṭisandhi) là 3 “**chập sát-na chủ quan**” (tự nhiên, ngoại lộ). -Còn những “**chập sát-na**” khác là “**các chập sát-na khách quan**” (nội lộ).

<>Còn «**khuyňh hướng thuận với tâm quả**» (yoniso manasikāra) ở đây tức là QUAN NIỆM sẵn có, hay «**tập khí tư tưởng**» (=thành kiến tốt hay xấu) trong mỗi người, đối với NGOẠI CẢNH hay NỘI CẢNH, khi chúng đập vào “dòng

HỮU PHẦN” (bhavaṅga), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), suốt thời hiện tại (paccuppanna citta vīthi).

<> Khi một CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) trôi chảy liên tục, nơi thân TỨ ĐẠI (catu mahādhātu kāya) của một động vật (nhất là con người), trong DỤC GIỚI (kāma loka), thì 5 **TRẦN CẢNH** (pañca kāmāmbanāni), là SẮC (rūpa), THÍNH (sadda), HƯƠNG (gandha), VỊ (rasa), và XÚC (phoṭṭhappa), - đồng thời với 1 **TÂM CẢNH TU DUY** (saṅkappāmbana), cấu kết với 3 nhân bất thiện THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha), hay cấu kết với 3 nhân thiện VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa, và VÔ SI (amoha)...phải có «*khuyñh hướng thuận với chúng*», tức là THUẬN với TÂM QUẢ (vipāka citta), hay tâm “bẩm sinh» (=ahetuka citta) xấu hay tốt nào đó.

*Nếu “THÁI ĐỘ TẮT NHIÊN” phát sinh từ “nhân duyên quả là THIÊN”, thì CÓ “**khéo léo (hay thuận với) tác ý**” (yoniso maṇasikāra), và ĐỒNG TỐC (javana) cũng sẽ là lành mạnh, THIÊN (kusala).

*Nếu “THÁI ĐỘ TẮT NHIÊN” phát sinh từ “nhân duyên quả là BẤT THIÊN” (akusala), thì KHÔNG CÓ “**khéo léo (hay nghịch với) tác ý**” (ayoniso maṇasikāra), và ĐỒNG TỐC (javana) cũng sẽ là BẤT THIÊN (akusala).

<>THÁI ĐỘ TẤT NHIÊN ở đây, được hiểu là do tâm quả (vipāka citta), có thể được “**biểu lộ rõ rệt**”, bởi 1 trong 3 *chập sát-na* (khaṇa), là HUỐNG MÔN (āvajjana), TIẾP THẬU (sampaṭicchana), và SUY ĐẠT (santīraṇa).

-Tóm lại, “*YONISO MAÑASIKĀRA*” tạm dịch là «**khéo léo tác ý**» cần được «kiến giải» như thế ! Chúng ta chỉ cần học và nhớ kỹ Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), thì biết !

<>Ngoài ra, xin nhắc lại rằng VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) đã nêu ra 3 **khuyñh hướng cố hữu** của một người phàm tục (puthujjana), trong suốt đời sống cũng như khi chết, là :

1/**Khuyñh hướng** nghĩ đến và nhìn thấy, những việc ĐÃ LÀM (**tốt hay xấu**), HẰNG NGÀY (kamma=ngiệp), như sinh nhai, chuyên môn, buôn bán, giết chóc, công thợ, cho vay, phụ tá, cứu giúp, sống thiện, tu hành...v...v...gọi tắt là KHUYNH HUỐNG bắt cảnh nghiệp đã từng quen thuộc (kamma ālambanāvajjana).

2/**Khuyñh hướng** nghĩ đến và nhìn thấy dụng cụ hay vật liệu Đã thường xử dùng (kamma nimitta), trong hành động **tốt và xấu** HẰNG NGÀY, như cái cày, cây cuốc, con dao, lưỡi búa, thú vật, cỗ xe, xấp tiền, ngòi bút, văn phòng, miếu thần, tượng thánh, cảnh hoa, cuốn kinh...v...v...gọi tắt là KHUYNH

HƯỚNG bắt **cảnh vật dụng đã từng quá quen thuộc** (kamma nimitta ālambanāvajjana).

3/***Khuynh hướng*** nghĩ đến và nhìn thấy cái CHUNG KẾT hay ĐIỂM ĐẾN (gati-nimittāvajjana), của những việc ĐÃ làm (tốt hay xấu), như ***-tâm trạng chịu khổ*** của 1 sinh vật, đã và đang bị giết chết (= cô sát), ***-tâm trạng chịu khổ*** của 1 đối tượng, đã và đang bị tước đoạt vật sở hữu (trộm cướp), ***-tâm trạng chịu khổ*** của 1 sinh vật khác phái, đã và đang bị cưỡng bức tình dục (tà dâm), ***-tâm trạng chịu khổ*** của 1 đồng loại đã bị lời lẽ lừa gạt (nói dối), hay ***-tâm trạng chịu khổ*** của 1 kẻ uống rượu say sưa, đã và đang trở thành ngu muội (say rượu)...v...v... gọi tắt là bắt **cảnh dẫn đến hậu quả đã do mình làm** (gati nimitta ālambana), không thể nào tránh được.

-Đó là những CẢNH OAN TRÁI, hay CẢNH TRẢ NỢ, hoặc gọi là ***những cảnh chịu trừng phạt***, như ***bị hành hung, bị trả thù, bị ngồi tù, hay bị quăng vào địa ngục***...v...v...

*Từ đó, «***KHUYNH HƯỚNG THUẬN VỚI TÂM QUẢ***», nói theo «tu từ học» là «**thuận với tác ý**» hay “***khéo léo tác ý đương nhiên***” (Yoṇiso manasikāra) trong mỗi PHẠM NHÂN, vốn «***bất định***» (niyata), hay...vốn ***lành ít và dữ nhiều***, dựa trên 3 khuynh hướng vừa nêu.

Diễn tả một cách khác là :

1/Tâm thức «bám chắc vào SỰ VIỆC», nhận HÀNH ĐỘNG (Kamma) làm ĐỐI TƯỢNG (ā lambana), hay **khuy nh hướng** bắt CẢNH NGHIỆP (kamma ā lambana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), *suốt đời SỐNG và ngay khi CHẾT*.

2/Tâm thức «bám chắc vào VẬT LIỆU» (kamma nimitta), nhận DỤNG CỤ để hành động làm ĐỐI TƯỢNG (ā lambana), hay **khuy nh hướng** bắt CẢNH VẬT DỤNG (rūpa nimitta ā lambana), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), *suốt đời SỐNG và ngay khi CHẾT*.

3/Tâm thức «bám chắc vào KẾT CỤC tức là NƠI ĐẾN», nhận HẬU QUẢ (Vipāka) của HÀNH ĐỘNG (gati nimitta), làm ĐỐI TƯỢNG (ā lambana), hay **khuy nh hướng** bắt CẢNH QUẢ (Gati nimitta=Vipāka nimitta), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), *suốt đời SỐNG và ngay khi CHẾT*.

<>Người phàm sắp chết thì 5 CĂN MÔN hay 5 GIÁC QUAN (pañca dvārā) đã bị tê liệt, chỉ có Ý MÔN (mano dvārā) hay GIÁC QUAN THỨ SÁU thì có thể “**tỉnh**” hay “**mê**”, vận hành trong một trạng thái bấp bênh.

-Và CẢNH đã qua (atītā lambana) “đập vào” dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga) không gì khác hơn là :

1/NGHIỆP đã tạo (Kamma),

2/NGHIỆP CỤ đã dùng (Kamma nimitta), và

3/NGHIỆP BÁO (Gati nimitta) đã gây ra.

Trường hợp ngoại lệ :

<>Nhưng đối với PHẬT và chư THÁNH NHÂN (ariya puggalā), đã diệt tận THAM SÂN SI phiền não, -hay đối với những bậc CHÂN TU (dhammika), hằng ngày sống theo PHẠM HẠNH (brahmacariya), tâm tánh “*lành nhiều dữ ít*” (puggala), thì hoàn toàn khác.

«**KHUYNH HƯỚNG THUẬN VỚI TÂM SỞ**» (cetasika), hay «**khéo léo tác ý**» (yoniso manasikāra), của những bậc thiện hạnh ấy, chính là HIỆU QUẢ DUY TÁC (kiriya vipāka) của «toàn bộ HÀNH ĐỘNG THIỆN với tâm XẢ» (upekkhā sahagata kusala kamma), còn gọi một cách thanh tịnh hơn, là CÔNG ĐỨC của BA-LA-MẬT tối thượng (paramattha pāramitā). “Ba-la-mật” nghĩa là “*đến bờ giải thoát*”.

-Những **công đức** ấy sẽ là “CẢNH” hay “ĐỐI TƯỢNG” (ālambana), để được nắm bắt trong CHU TRÌNH TÂM (citta

vīthi), lúc họ lâm chung. Ấy chính là **LÝ DO** họ được **GIẢI THOÁT** hay **KHÔNG ĐOẠ** (sugati).

<>Chúng tôi dài dòng «phân tích» nhóm từ «KHÉO LÉO TÁC Ý» (yoniso manasikāra), hay «**KHUYNH HƯỚNG THUẬN VỚI TÂM QUẢ**» (vipāka-citta), ra thành 2 trường hợp “**thiện**” (kusala) và “**bất thiện**” (akusala) như thế, cốt để qui nạp «**phẩm tính**» của «5 hay 7 CHẬP SÁT-NA ĐÔNG TỐC» (javana khaṇa), trong CHU TRÌNH xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra).

-Vì CHÚNG quyết định HIỆU LỰC **lành mạnh** (mānāpa, kusala), hay **không lành mạnh** (amānāpa, akusala), **tiến hóa** (sugati) hay **thoái hóa** (duggati) của HÀNH ĐỘNG (kamma).

SỰ THÍCH HỢP.

<>Có «19 MÃU TÂM» (citta) thích hợp, để đóng **3 vai trò** (kicca), là 1/“HỮU PHẦN” hay “HỘ KIẾP” (bhavaṅga), 2/“CHẤM DỨT” hay “TỬ” (cuti), và 3/“CHUYỂN TIẾP” hay “TÁI TỤC” (paṭisandhi), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra) thuộc TAM GIỚI, là :

“2 tâm quan sát thọ **XÁ**” (upekkhā sahaḡata kāmāvacara santīraṇa citta),

“8 tâm quả DỤC GIỚI hữu nhân” (kāṃāvacara sahetuka vipāka citta),

“5 tâm quả SẮC GIỚI” (rūpāvacara vipāka citta), và

“4 tâm quả VÔ SẮC” (arūpa vipāka citta).

$$2 + 8 + 5 + 4 = 19$$

*Nhưng chư PHẠM THIÊN (brahmā) trong cõi VÔ SẮC (arūpa loka) thì không có «ngũ quan» (thô kệch và ô trược), như chúng ta ở cõi DỤC (Kāma), hay như SINH LINH (vi tế) ở cõi SẮC (rūpa bhūmi).

-Do đó, chúng ta phải loại bỏ «4 TÂM QUẢ trong cõi VÔ SẮC» (arūpāvacara vipāka citta). Số còn lại là 15.

<>Kết quả, «3 CHẤP SÁT-NA đầu» thuộc CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), như vừa nêu trên, có thể là VAI TRÒ của 1 trong 15 mẫu tâm (citta) thuộc DỤC GIỚI (kāṃā loka) và thuộc SẮC GIỚI (rūpa loka).

15 MẪU TÂM ấy là :

-2 tâm suy đạt vô nhân thọ XẢ (ahetuka santīraṇa upekkhā sahaḡata citta), cộng với 8 tâm hữu nhân dục giới (kāṃāvacara

sahetuka citta), cộng với 5 **tâm quả sắc giới** (rūpāvacara vipāka citta). (2+8+5=15).

-Tiếp theo là :

<>Chập sát-na tâm (citta khaṇa) **thứ 4** trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), là «HUỐNG NHÃN MÔN» (cakkhu dvāra āvajjana). -Hay hướng đến một căn môn nào đó.

<>Nhưng đối với chập sát-na (khaṇa) **thứ 5** là «TIẾP THẬU» (sampticchana) thì :

-Nếu CẢNH SẮC (rūpa ālambana) là vật ĐÁNG ĐƯỢC ưa thích (mānāpa), hay «mắt muốn thấy», thì đó là kết quả (vipāka) của NGHIỆP THIỆN (kusala kamma).

-Nếu CẢNH SẮC (rūpa ālambana) là đối tượng KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC ưa thích (amānāpa rūpa), hay «mắt không muốn thấy» thì đó là kết quả (vipāka) của NGHIỆP BẤT THIỆN (akusala kamma).

<>Đối với chập sát-na tâm (citta khaṇa) **thứ 6** là «SUY ĐẠT» (santīraṇa), có sách gọi là «chập sát-na quan sát», thì CŨNG TƯƠNG TỰ, nhưng với sự PHÂN BIỆT giữa 2 trường hợp riêng của QUẢ THIỆN (kusala vipāka), gồm :

* «Cảnh **rất được** khao khát» (atimānāpa) và «cảnh **chỉ được** khao khát một cách trung bình» (mānāpa).

- Khi cảnh **rất được** khao khát, thì có thọ HỖ (somanassa saḥagata), và khi cảnh **chỉ được** khao khát một cách trung bình, thì có thọ XẢ (upekkhā saḥagata).

-Ngược lại, nếu CẢNH SẮC (rūpa) hay ĐỐI TƯỢNG (ālambana) KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC khao khát (amānāpa), thì ấy là “*chấp sát-na SUY ĐẠT quả BÁT THIÊN*” (akusala vipāka santīraṇa) sẽ phát sanh, kèm theo thọ XẢ (upekkhā saḥagatā), vì nó vốn thuộc về MẪU TÂM QUẢ (vipāka citta) hay VÔ NHÂN (ahetuka citta).

<>Đối với chấp sát-na tâm (citta khaṇa) **thứ 7** là ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), thì ở đây vai trò ĐOÁN ĐỊNH «tương đương» với vai trò «HUỚNG NỘI» trong «CHU TRÌNH Ý MÔN» (manodvāra āvajjana).

-Vì “đặc tính” của NÓ là làm 2 việc, bao gồm “ĐOÁN ĐỊNH” (voṭṭhappana) và “NHẬP VÀO NỘI TÂM”, hay “HUỚNG Ý MÔN” (maṇodvāra āvajjana), nên NÓ không liên quan đến “ngũ song thức” (dvipaṇca viññāna).

<> Và *chập sát-na tâm* (citta khaṇa) **thứ 8** là “ĐỒNG TỐC” (javana), sẽ gồm tối đa «**7 lần lập lại**» (tạm gọi là *trải nghiệm*), như đã ghi trong đoạn trước.

-Nếu chúng ta tính tới, thì «***đồng tốc thứ nhất***» là “***chập sát-na thứ tám***”, “***đồng tốc thứ hai***” là “***chập sát-na thứ 9***”...v...v...và “***đồng tốc thứ bảy***” là «***chập sát-na thứ 14***», trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra citta-vīthi).

-Các ***chập sát-na*** (citta khaṇa) tiếp theo là “ĐĂNG KÝ” (tadā lambana), “CHẤM DỨT” (cuti), và “CHUYỂN TIẾP” (paṭisandhi) sẽ được đếm tới.

*Và 29 «**MẪU TÂM DỤC GIỚI**» (kāma vacara loka) «có mặt» trong 7 CHẬP SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana) này, là :

12 tâm bất thiện (akusala citta), cộng với...

8 tâm thiện dục giới (kāma vacara kusala citta), cộng với...

8 tâm duy tác dục giới hữu nhân (kāma vacara sahetuka kiriya citta), và cộng với...

1 tiểu sinh tâm (hasituppāda citta). (12+8+8+1=29).

-Nghĩa là, **MỘT** trong 29 TÂM này, sẽ phát sanh tại 7 CHẬP SÁT-NA **đồng tốc** (javana) nói trên.

*Đồng thời **phẩm cách** của những CHẬP SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana khaṇa), sẽ được «nghiêm đúng» tùy theo «**khuyňh hướng**» hay «**tính chú ý khôn khéo** do NHÂN DUYÊN QUẢ» (yoṇiso manasikāra) của «tác nhân».

*Xin nhắc lại :

- Nếu ấy là một THÁNH NHÂN (ariya puggala), thì các SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana khaṇa) phát sinh HÀNH ĐỘNG sẽ luôn luôn là DUY TÁC (kiriya).

- Nếu ấy là một PHÀM NHÂN (manussa) nhiều ĐỨC HẠNH (brahmacariya), thì casv SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana khaṇa) phát sinh HÀNH ĐỘNG sẽ thường xuyên là THIỆN (kusala).

- Nếu ấy là một phàm nhân VÔ HẠNH KIỀM (puthujjana), thì các SÁT-NA ĐỒNG TỐC (javana khaṇa) phát sinh HÀNH ĐỘNG (kamma) sẽ phần nhiều là BẤT THIỆN (akusala).

<>Chập sát-na tâm (citta khaṇa) **thứ 15** tiếp theo, gọi là ĐĂNG KÝ (tadālamhana), với **11 TÂM** (citta) làm chức năng (kicca) “**ghi số**”, gồm :

- 3 tâm vô nhân SUY ĐẠT (ahetuka santīraṇa citta) gồm 2 QUẢ THIÊN (kusala), với 1 thọ HỖ (somanassa sahaḡata) và 1 thọ XẢ (upekkhā shagata), cộng thêm 1 QUẢ BẤT THIÊN (akusala vipāka) thọ XẢ (upekkhā sahaḡata), và...

- 8 tâm QUẢ DỤC GIỚI HỮU NHÂN THIÊN (Kāmāvacara sahetuka kusala vipāka).

- **Một** trong **mười một** TÂM (Citta) này sẽ xuất hiện tại CHẬP SÁT-NA TÂM (Khaṇa) ĐĂNG KÝ (Tadālabana).

CHỨC NĂNG xuyên qua NGŨ MÔN

(Kiccāni – Pañca dvāra)

***3 chập sát-na** (khaṇa) đầu tiên của DÒNG HỮU PHẦN hay HỘ KIẾP (Bhavaṅga), là «**vừa qua**» (atīta), «**rung động**» (calana), và «**chuyển cách**» (upaccheda), làm CHỨC NĂNG (kicca) «**mở đường**», trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra).

***1 chập sát-na** (khaṇa) tiếp theo, gọi là HƯỚNG MÔN (dvārāvajjana) được “thực hiện”, và được “lôi kéo” bởi HIỆU LỰC (vāra) của CẢNH (ālabana), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra).

1 *chập sát-na (khaṇa) sau đó, gọi là TIẾP THẬU (sampaṭicchana), cũng được thực hiện bởi “*hiệu lực in vào*” của CẢNH (āḷambana), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra).

Xin lưu ý :

*Sự “TIẾP THẬU” (sampaṭicchana), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), có thể xảy ra ở 5 địa điểm khác nhau (tức là 5 giác quan), và NÓ phát sinh bởi 5 thức (viññāna) riêng biệt.

- 5 địa điểm khác nhau ấy là *mắt* (cakkhu), *tai* (sota), *mũi* (ghāna), *lưỡi* (jīvhā), *thân* (kāya). Và...

- 5 thức riêng biệt là *nhãn thức* (cakkhu viññāna), *nhĩ thức* (sota viññāna), *tỷ thức* (ghāna viññāna), *thiệt thức* (jīvhā viññāna), và *thân thức* (kāya viññāna). Đó là những thức “gắn liền” với ý môn (maṇo dvāra).

1 *chập sát-na (khaṇa) tiếp nối gọi là SUY ĐẠT (santīraṇa), được thực hiện bởi «sự phản chiếu» của CẢNH (āḷambana), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), liên hệ với ý môn (maṇo dvāra).

1 *chập sát-na (khaṇa) sau đó nữa, gọi là ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), đương nhiên phải được thực hiện bởi “sự qui nạp hình ảnh”, trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), nhưng căn cứ trên “tiềm thức” trong ý môn (maṇo dvāra).

7 *chập sát-na ĐÔNG TỐC (javana khaṇa) tiếp theo, được thực hiện bởi tối đa “7 lần lập lại ấn tượng” (hay *trải nghiệm*), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), là “lưu dấu tập khí” trong ý môn (maṇo dvāra).

3 *chập sát-na (khaṇa) chót, gọi là ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), CHÁM DỨT (cuti) và CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi), được thực hiện sau cùng, bởi “sự ghi lại” trước lúc “*cuối đờ*” (cuti) và “*chuyển tiếp*” (paṭisandhi), để rơi vào dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), mở đầu cho những “*chu trình tâm nối đuôi*” (sandhi citta-vīthi) thuộc ý môn (maṇo dvāra).

<> Nếu 3 SÁT-NA đầu được xem là **1 chức năng**, và 3 SÁT-NA cuối cũng được xem là **1 chức năng**, thì chúng ta thấy đơn giản chỉ có **14 chức năng** mà thôi.

-Vài sách VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) đã nêu như thế.

NƠI NUỜNG TỰA (VATTHU)

<>Theo A-Tỳ-Đạt-Ma hay Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), chỗ NUỜNG TỰA (vatthu) của TÂM (citta), trong cõi DỤC (kāma loka) là QUẢ TIM (hadaya), chứ không phải “não bộ”, -và trong cõi SẮC (rūpa loka) là «Ý VẬT» (maṇahadaya).

*QUẢ TIM (hadaya) chính là *nơi nương tựa* (vatthu) của những «*chập sát-na*» (khaṇa) HỮU PHẦN hay HỘ KIẾP (bhavaṅga) trong dục giới (kāma-bhūmi).

*QUẢ TIM cũng là *chỗ nương tựa* (vatthu) của “*chập 14 sát-na*” (khaṇa) như :

-1 «chập sát-na» (khaṇa) HUỚNG NGŨ MÔN (pañca dvāra āvajjana).

-1 «chập sát-na» (khaṇa) TIẾP THÂU (sampaṭicchana).

-1 «chập sát-na» (khaṇa) SUY ĐẠT (santīraṇa), “*quan sát*”.

-1 «chập sát-na» (khaṇa) ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), hay “*phản chiếu, qui nạp*”.

-7 «chập sát-na» (khaṇa) ĐỒNG TỐC (javana), hay “*trải nghiệm*”, “*trón lực lập lại*”.

-1 «chập sát-na» (khaṇa) ĐĂNG KÝ (tadālabana), hay “*ghi vào sổ hữu phần*”.

-1 «chập sát-na» (khaṇa) CHẤM DỨT (cuti), hay “*tận dòng*”.

-1 «chập sát-na» (khaṇa) CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi), hay tự “*trở thành thụ động, và nối vào dòng hộ kiếp*” (bhavaṅga).

<>Mặt khác :

* ĐÔI MẮT hay «NHÃN VẬT» (cakkhu vatthu) chính là «**chỗ nương tựa**» (vatthu) của «**chập sát-na**», gọi là NHÃN THỨC (cakkhu viññāna).

- ĐÔI TAI hay «NHĨ VẬT» (sota vatthu) chính là «**chỗ nương tựa**» của «**chập sát-na**» (khaṇa), gọi là NHĨ THỨC (sota viññāna).

- LỖ MŨI hay «KHỨU VẬT» (ghāna vatthu), chính là «**chỗ nương tựa**» của «**chập sát-na**» (khaṇa), gọi là TỠ THỨC (ghāna viññāna).

- CÁI LƯỖI hay «VỊ VẬT» (jīvhā vatthu), chính là «**chỗ nương tựa**» của «**chập sát-na**» (khaṇa), gọi là THIỆT THỨC (jīvhā viññāna). Và...

- LÀN DA hay «XÚC VẬT» (kāya rūpa) chính là «**chỗ nương tựa**» (vatthu) của «**chập sát-na**» (khaṇa), gọi là THÂN THỨC (kāya viññāna).

-Nhưng nói chung :

*Tất cả 54 MẪU TÂM LUÂN HỒI DỤC GIỚI (kāma vacara citta) đều «nương tựa» vào «DỤC GIỚI Ý VẬT» hay QUẢ TIM (hadaya vatthu).

*Và 54 MẪU TÂM DỤC GIỚI này do các NHÂN (hetu) gồm **3 thiện** (tikusalā) 1/VÔ THAM (alobha), 2/VÔ SÂN (adosa), 3/VÔ SI (amoha), và **3 bất thiện** (ti-akusala) 1/THAM (lobha), 2/SÂN (dosa), 3/SI (moha)...**thúc đẩy**, mà phát sinh “**pháp hành**” (saṅkhārā dhammā) dưới dạng 17 CHẬP SÁT-NA (khaṇa) trong 5 CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN, hay xuyên qua 5 giác quan (pañca dvāra).

HIỆU LỰC và PHÂN PHỐI :

*Như đã nói trong một vài đoạn trước, đa số CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua 5 GIÁC QUAN (pañca dvāra), đều có CẢNH RẤT LỚN» (atimahanta ālambana), vận hành đầy đủ «**17 chập sát-na**».

*Nhưng cũng có những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) với NGOẠI CẢNH không thuộc loại rất lớn. Nó chỉ được tạm gọi là LỚN (mahanta), nên HIỆU LỰC (vāra) “tác động” **chậm hơn**, cần đến 2 hay 3 chập sát-na hữu phần trôi qua, mới có thể “kích thích rung động”, và sự tồn tại của nó trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) phải **ngắn** hay **rất ngắn**.

*Nó được chia làm 2 trường hợp “a” và “b” như sau :

<>Trường hợp thứ nhất, được gọi là cảnh «**LỚN a**» (**mahanta** «a») tuy có HIỆU LỰC (vāra) duy trì hình ảnh đến «7 chập sát-na ĐÔNG TỐC» (Javana vāra), và *các chập sát-na* trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), nhưng NÓ **tồn đến** “2 chập sát-na HỮU PHẦN *vừa qua*”, và có thể được «phân phối» theo thứ tự từ 1 đến 17, như sau :

1-Chập sát-na HỮU PHẦN vừa qua thứ nhất (atīta 1),

2-Chập sát-na HỮU HỮU vừa qua thứ hai (atīta 2),

3-Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động** (calana),

4-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda),

5-Chập sát-na HƯỚNG MÔN (āvajjana), 1 trong 5 cửa,

6-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaticchana),

- 7-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa),
- 8-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhapana),
- 9-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ nhất (javana 1),
- 10-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ hai (javana 2),
- 11-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ ba (javana 3),
- 12-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ tư (javana 4),
- 13-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ năm (javana 5),
- 14-Chập sát-na ĐỒNG TỐC thứ sáu (javana 6),
- 15-Chập sát-na **ĐỒNG TỐC thứ bảy** (javana 7),
- 16-Chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), ghi lại...
- 17-Chập sát-na TẬN DÒNG (cuti khaṇa), trở thành “tiếp nối” (paṭisandhi) và rơi vào *hữu phần* (bhavaṅga)...
- <> Trường hợp thứ hai, vẫn gọi là cảnh «**lớn b**» (***mahanta*** «b») tuy cũng có HIỆU LỰC (vāra) kéo dài hình ảnh đến «chập sát-na tâm **ĐOÁN ĐỊNH** (voṭṭhappana vāra), nhưng NÓ “***phải tồn***” đến “3 *chập sát-na HỮU PHẦN vừa qua*”, trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), và có thể được “viết theo thứ tự” từ 1 đến 17, như sau :

- 1-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN vừa qua thứ nhất (atīta 1),
- 2-Chập sát-na (khaṇa) HỮU HỮU vừa qua thứ hai (atīta 2),
- 3-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN vừa qua thứ ba (atīta 3),
- 4-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng.
- 5-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng.
- 6-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng.
- 7-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng.
- 8-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng
- 9-“Hữu phần đệm”..... Vô dụng.
- 10-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN **rung động** (calana),
- 11-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN **chuyển cách** (bhavaṅga-upaccheda),
- 12-Chập sát-na (khaṇa) HUỚNG MÔN (āvajjana) -1 trong 5.
- 13-Chập sát-na (khaṇa) TIẾP THẬU (sampaṭicchana),
- 14-Chập sát-na (khaṇa) SUY ĐẠT (santīraṇa),
- 15-Chập sát-na (khaṇa) **ĐOÁN ĐỊNH** (voṭṭhappana).
- 16-Chập sát-na (khaṇa) CHẤM DỨT (cuti),

17-Chập sát-na (khaṇa) CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi), -nói và chìm vào HỮU PHẦN (bhavaṅga).

<>Xem bảng “PHÂN PHỐI” thứ hai trên đây, chúng ta thấy có “6 CHẬP SÁT-NA” (từ 4 đến 9), tạm gọi là “hữu phần đệm” (hay vô dụng), KHÔNG CÓ *chức năng* gì cả, vì chúng “choán chỗ”, tức là sau đó không còn thời gian để “*đồng tốc vận hành*”, trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), với cảnh “**LỚN b**” (*mahanta* “b”).

<>Và xét kỹ, chúng ta vẫn thấy “6 SÁT-NA” (khaṇa) ấy, vẫn là “*những sát-na thụ động*”, thuộc loại ngoại lộ (vīthimutta) của CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), có thể gọi tên chúng là :

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,

-Chập sát-na (khaṇa) HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,

*Nghĩa là, khi HÌNH ẢNH của NGOẠI TRẦN (āḷambana) thuộc loại **CẢNH LỚN b** (*mahanta* “b”), “*chỉ chạm vào dòng*

*chảy SINH MỆNH” một cách “không mạnh”, thì các *chập sát-na* HỮU PHẦN (bhavaṅga khaṇa) phải để trôi qua đến “6 chập sát-na vô ích”, rồi NGOẠI CẢNH mới có thể RUNG ĐỘNG (calana) và làm CHUYỂN CÁCH (upaccheda), để phát sinh 1 CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) vô dụng xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra).*

-Bằng chứng là chúng ta vẫn có 3 *chập sát-na tâm* (khaṇa), là HỮU PHẦN đã qua thứ nhất, HỮU PHẦN đã qua thứ hai, và HỮU PHẦN đã qua thứ ba, xảy ra trước khi các *chập sát-na tâm vô ích* tiếp theo “choán chỗ”, làm cho những “chập sát-na” còn lại, như RUNG ĐỘNG (calana), CHUYỂN CÁCH (upaccheda), HƯỚNG MÔN (āvajjana), TIẾP THÂU (sampaticchana), SUY ĐẠT (santīraṇa), ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), CHẤM DỨT (cuti), và CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi)...trở thành “thừa thãi”, không có dịp vận hành.

HIỆU LỰC của CẢNH nhỏ (paritta) và

CẢNH rất nhỏ (atiparitta), trong CHU TRÌNH TÂM.

<>Nhưng HIỆU LỰC (vāra) của **CẢNH nhỏ** (paritta ālambana) và **CẢNH rất nhỏ** (atiparitta ālambana) trong CHU TRÌNH

TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra) thì rất khác, gồm có :

-CẢNH **nhỏ** (paritta) có 6 LOẠI, với HÌNH ẢNH **yếu** (dubbala), phải để trôi qua từ “**4** đến **9**” *chập sát-na HỮU PHẦN* vô dụng, và

-CẢNH **rất nhỏ** (atiparitta) cũng có 6 LOẠI, với HÌNH ẢNH **quá yếu** (atidubbala), phải để trôi qua từ “**10** đến **15**” *chập sát-na vô dụng*”.

Xin trình bày “từng loại” như sau :

<>CẢNH **nhỏ 1** (paritta ālambana), qua NGŨ MÔN :

1-*Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua* vô ích thứ nhất,

2-*Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua* vô ích thứ hai,

3-*Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua* vô ích thứ ba,

4-*Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua* vô ích thứ tư,

5-*Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động*** (calana), yếu.

6-*Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách*** (upaccheda), yếu.

7-*Chập sát-na HƯỞNG MÔN* (āvajjana), yếu.

8-*Chập sát-na TIẾP THẬU* (sampaṭicchana), yếu.

9-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.

10-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (votṭhappana), yếu.

11- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 1 (javana), yếu.

12- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 2 (javana), yếu.

13- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 3 (javana), yếu.

14- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 4 (javana), yếu.

15-Chập sát-na ĐẮNG KÝ (tadālabana), yếu.

16-Chập sát-na CHẤM DỨT (cuti). Và...

17- Chập sát-na CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH **nhỏ 2** (paritta ālabana), qua NGŨ MÔN :

1-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

2-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,

6-Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động** (calana), yếu.

7-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), yếu

8-Chập sát-na HUỚNG MÔN (āvajjana), yếu.

9-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana), yếu.

10-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.

11-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), yếu.

12- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 1 (javana), yếu.

13- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 2 (javana), yếu.

14- Chập sát-na ĐỒNG TỐC 3 (javana), yếu.

15-Chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), yếu.

16-Chập sát-na CHẤM DỨT (cuti). Và...

17- Chập sát-na CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH **nhỏ 3** (paritta ālabhāna) xuyên qua NGŨ MÔN :

1-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

2-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

- 5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
- 6-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
- 7-Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động** (calana), yếu.
- 8-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), yếu.
- 9-Chập sát-na HUỞNG MÔN (āvajjana), yếu.
- 10-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana), yếu.
- 11-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.
- 12-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), yếu.
- 13-Chập sát-na ĐỒNG TỐC 1 (javana), yếu.
- 14-Chập sát-na ĐỒNG TỐC 2 (javana), yếu.
- 15-Chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), yếu.
- 16-Chập sát-na CHẤM DỨT (cuti).
- 17-Chập sát-na CHUYỂN TIẾP (paṭiandhi).

<>CẢNH **nhỏ 4** (paritta ālabhāna) xuyên qua NGŨ MÔN :

- 1-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,
- 2-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

- 3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,
- 4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,
- 5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
- 6-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
- 7-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,
- 8-Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động** (calana), yếu.
- 9-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), yếu.
- 10-Chập sát-na HƯỚNG MÔN (āvajjana), yếu.
- 11-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana), yếu.
- 12-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.
- 13-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), yếu.
- 14-Chập sát-na ĐỒNG TỐC 1 (javana), yếu.
- 15-Chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), yếu.
- 16-Chập sát-na CHẤM DỨT (cuti).
- 17-Chập sát-na CHUYỂN TIẾP (paṭiandhi).
- <>CẢNH **nhỏ 5** (paritta ālabhāna) xuyên qua NGŨ MÔN :

- 1-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,
- 2-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,
- 3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,
- 4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,
- 5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
- 6-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
- 7-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,
- 8-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,
- 9-Chập sát-na HỮU PHẦN **rung động** (calana), yếu.
- 10-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), yếu.
- 11-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana), yếu.
- 12-Chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.
- 13-Chập sát-na ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), yếu.
- 14-Chập sát-na ĐỒNG TỐC (javana), không thành.
- 15-Chập sát-na ĐĂNG KÝ (tadālabhāna), không thành.
- 16-Chập sát-na CHẤM DỨT (cuti).

17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH **nhỏ 6** (paritta ālambana) xuyên qua NGŨ MÔN :

1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

3-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

4-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

5-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,

6-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,

7-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,

8-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,

9-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,

16-*Chập sát-na* HỮU PHẦN **rung động** (calana), yếu.

10-*Chập sát-na* HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), yếu.

11-*Chập sát-na* TIẾP THÂU (sampaticchana), yếu.

12-*Chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa), yếu.

13-*Chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), yếu.

14-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC 0 (javana), không thành.

15-*Chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabana), không thành.

16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).

17-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti), và CHUYỂN TIẾP.

-CẢNH *rất nhỏ* (atiparitta) cũng có 6 LOẠI, với HÌNH ẢNH *quá yếu* (atidubbala), phải để trôi qua từ “**10** đến **15**” *chập sát-na vô ích*”.

<>CẢNH *rất nhỏ* 1 (paritta ālabana) qua NGŨ MÔN :

1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

3-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

4-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

5-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,

6-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,

7-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,

8-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,

- 9-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,
- 10-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,
- 11-*Chập sát-na* RUNG ĐỘNG (calana), quá yếu.
- 12-*Chập sát-na* HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), -nt-.
- 13-*Chập sát-na* TIẾP THẬU (sampaṭicchana), rất yếu.
- 14-*Chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa), rất yếu.
- 15-*Chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), rất yếu.
- <>Không có *chập sát-na* ĐỒNG TỐC 1 (javana).
- <>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).
- 16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).
- 17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).
- <>CẢNH **rất nhỏ** 2 (paritta ālabhāna) qua NGŨ MÔN :
- 1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,
- 2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,
- 3-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,
- 4-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

- 5-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
- 6-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
- 7-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,
- 8-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,
- 9-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,
- 10-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,
- 11-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười một,
- 12-*Chập sát-na* RUNG ĐỘNG (calana), quá yếu.
- 13-*Chập sát-na* HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), -nt-.
- 14-*Chập sát-na* TIẾP THẬU (sampaṭicchana), rất yếu.
- 15-*Chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa), rất yếu.
- <>Không có *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana).
- <>Không có *chập sát-na* ĐÔNG TỐC (javana).
- <>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).
- 16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).
- 17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH **rất nhỏ 3** (paritta ālambana) qua NGŨ MÔN :

- 1-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,
- 2-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,
- 3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,
- 4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,
- 5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
- 6-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
- 7-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,
- 8-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,
- 9-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,
- 10-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,
- 11-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười một,
- 12-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười hai,
- 13-Chập sát-na RUNG ĐỘNG (calana), quá yếu.
- 14-Chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), -nt-.
- 15-Chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana), rất yếu.

<>Không có *chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa), rất yếu.

<>Không có *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana).

<>Không có *chập sát-na* ĐỒNG TỐC (javana).

<>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).

16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).

17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH ***rất nhỏ*** 4 (paritta ālabhāna) qua NGŨ MÔN :

1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ nhất,

2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ hai,

3-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ ba,

4-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ tư,

5-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ năm,

6-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ sáu,

7-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ bảy,

8-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ tám,

9-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *đã qua* vô ích thứ chín,

- 10-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,
- 11-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười một,
- 12- *Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười hai,
- 13-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười ba,
- 14-*Chập sát-na* RUNG ĐỘNG (calana), quá yếu.
- 15-*Chập sát-na* HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda), -nt-.
- <>Không có *chập sát-na* TIẾP THẬU (sampaṭicchana).
- <>Không có *chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa).
- <>Không có *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana).
- <>Không có *chập sát-na* ĐỒNG TỐC (javana).
- <>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).
- 16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).
- 17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).
- <>CẢNH **rất nhỏ** 5 (paritta ālabhāna) qua NGŨ MÔN :
- 1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,
- 2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

- 3-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,
4-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,
5-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,
6-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,
7-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,
8-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,
9-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,
10-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,
11-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười một,
12-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười hai,
13-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười ba,
14-Chập sát-na HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười bốn,
15-Chập sát-na RUNG ĐỘNG (calana), quá yếu.

<>Không có chập sát-na HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda).

<>Không có chập sát-na TIẾP THẬU (sampaṭicchana).

<>Không có chập sát-na SUY ĐẠT (santīraṇa).

<>Không có *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (votṭhappana).

<>Không có *chập sát-na* ĐỒNG TỐC (javana).

<>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).

16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).

17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>CẢNH **rất nhỏ** 6 (paritta ālabhāna) qua NGŨ MÔN :

1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ nhất,

2-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ hai,

3-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ ba,

4-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tư,

5-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ năm,

6-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ sáu,

7-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ bảy,

8-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ tám,

9-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ chín,

10-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười,

11-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười một,

12-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười hai,

13-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười ba,

14-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười bốn,

15-*Chập sát-na* HỮU PHẦN đã qua vô ích thứ mười lăm,

<>Không có *chập sát-na* RUNG ĐỘNG (calana).

<>Không *chập sát-na* HỮU PHẦN **chuyển cách** (upaccheda).

<>Không có *chập sát-na* TIẾP THÂU (sampaṭicchana).

<>Không có *chập sát-na* SUY ĐẠT (santīraṇa).

<>Không có *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana).

<>Không có *chập sát-na* ĐỒNG TỐC (javana).

<>Không có *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna).

16-*Chập sát-na* CHẤM DỨT (cuti).

17-*Chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

<>Đến đây, chúng ta thấy HIỆU LỰC (vāra) của CẢNH **rất nhỏ** (atiparitta) hay **quá yếu** (atidubbala) từ số 2 trở đi đã không

đủ sức RUNG ĐỘNG (Calana) một cách hiệu quả, nói chi đến các “chức năng” khác ?!

-Chúng ta có thể “kết luận” rằng, những CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) thuộc loại **rất nhỏ** (atiparitta) hay **quá yếu** (atidubbala) này, thì “RẤT MUỘI LỢC”, và là “chu trình tâm của những chúng sanh quá thấp”, như thấp sinh, côn trùng, hay sâu bọ chẳng hạn....

<>Trên đây là sự “PHÂN PHỐI HIỆU LỰC (vāra) của *những CHU TRÌNH TÂM xuyên qua “1 CĂN MÔN”*. (-Tăng cường các đoạn trong khoảng các trang đã nói trước).

-Nếu chúng ta muốn biết “có bao nhiêu CHU TRÌNH TÂM xuyên qua “5 CĂN MÔN” (pañca-dvāra), thì chúng ta phải :

*Trước tiên, cộng tất cả các CHU TRÌNH TÂM xuyên qua 1 CĂN MÔN (gồm **rất lớn** (atimahanta) có **1**, rồi **lớn** (mahanta) có **2** (**a** và **b**), rồi **nhỏ** (paritta) có **6**, rồi **quá nhỏ** (atiparitta) cũng có **6**. Sau đó chúng ta nhân cho 5 GIÁC QUAN (pañca-dvāra), chúng ta sẽ có tổng số là **75 CHU TRÌNH TÂM xuyên qua 5 CĂN MÔN**, như sau :

$$1 + 2 + 6 + 6 = 15 \Rightarrow 15 \times 5 = 75.$$

*Tuy nhiên, trong số 75 CHU TRÌNH TÂM ấy :

-Chỉ có 3 CHU TRÌNH TÂM (citta-vīthi) thuộc loại **1 rất lớn** (atimahanta) và **2 lớn** (mahanta), thì tất nhiên “chúng” liên quan đến nhiều vấn đề.

-Còn 6 CHU TRÌNH TÂM “nhỏ” (paritta) thì “**muội lược**”, yếu (dubbala), thấp thỏi.

-Riêng 6 CHU TRÌNH TÂM “**quá nhỏ**” (atiparitta) thì rõ ràng là “**cực kỳ muội lược**”, có thể xem là “vô thức”, “**vô hiệu**”.

<>Tiếng Pālī gọi chu trình tâm VÔ HIỆU ấy là “Mogha vāra”.

<>Cảnh NHỎ hay cảnh RẤT NHỎ, tiếng Pālī gọi là “**paritta ālambana**”, THIẾU DỤNG, hay “**atiparitta ālambana**”, VÔ DỤNG. Chúng ta có thể xem những CHU TRÌNH TÂM (citta-vīthi) loại này là “**giả định**”.

*=>Gọi là “**giả định**”, vì CHÚNG yếu (paritta) hay **quá yếu** (atiparitta), **thụ động** hay **quá thụ động**, đến nỗi VÔ DỤNG (mogha), thì làm sao thực hiện nổi các **chức năng** (kicca), để được gọi là “**THẬT**”!?

<>Chúng tôi nêu ra đầy đủ như vậy, là chỉ để cẩn thận BAO GỒM tất cả những “**ĐIỀU CÓ THỂ**” liên quan đến CHU TRÌNH TÂM (citta-vīthi), nhưng trên thực tế thì “**HÌNH ẢNH**” nào của TRẦN CẢNH (kā mā lambana), một khi đã **yếu**

(dubbala) hay **quá yếu** (atidubbala), và nếu sau đó KHÔNG tái xuất hiện (hay không được lập lại), thì CHẴNG BAO GIỜ CÓ chu trình tâm (Citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (Pañca dvāra), hay xuyên qua Ý MÔN (maṇo-dvāra), bởi chúng cả.

Lược giải CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN

(Mano dvāra citta vīthi saṅkhepa).

<>ĐỐI TƯỢNG hay CẢNH (ā lambana) của CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) luôn luôn là «**nội cảnh**» hay KHÁI NIỆM (paññatti), tức là **cảnh ký ức** nằm trong TRÍ NHỎ (saṭi, maṇorañjaka).

-Các «**pháp cảnh**» ấy trong Ý MÔN (maṇo dvāra) là «**sự ghi lại**» của CẢNH THỰC và MẠNH (atimahantā lambana), từ những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), đã xảy ra trong QUÁ KHỨ gần hay xa.

-Nghĩa là, sau CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) nào, xuyên qua NGŨ MÔN (5 giác quan) với cảnh RẤT LỚN (atimahanta), thì sẽ có ÍT NHẤT là **4 chu trình tâm** xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), xin tóm tắt như sau :

1/Một CHU TRÌNH TÂM (cittavīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), lấy CẢNH **quá khứ mạnh** (do NGŨ MÔN vừa lưu lại) làm «đối tượng» (atītāmbana).

2/Một CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), tiếp theo lấy CẢNH **tổng thể** từ NGŨ MÔN (pañca-dvāra), do vô số lần trước lưu lại, lập thành KHÁI NIỆM chung (paññatti), làm «đối tượng» (āmbana).

3/Một CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) tiếp theo nữa, lấy CẢNH là **kết quả của phân biệt** (người hay vật) trong «tiềm thức», làm «đối tượng» (āmbana).

4/Một CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) sau cùng, lấy CẢNH là **qui nạp danh sắc** (người hay vật với tên gọi=nāma) trong «tiềm thức» (bhavaṅga), làm «đối tượng» (āmbana).

Ví dụ :

*Chúng ta THẤY qua nhãn môn (cakkhu dvāra), và BIẾT qua ý môn (maṇo dvāra) một CẢNH VẬT, hay một ĐỐI TƯỢNG (āmbana) bên ngoài, mệnh danh là «QUYỂN KINH»...

-Vì chúng ta ĐÃ **thấy** và **biết** nhiều «tờ giấy», mà trên ấy có những «*nét vẽ*» ngắn hay dài, thẳng hay cong (ráp lại gọi là CHỮ), với các màu sắc, như **đen**, **vàng**, hoặc **đỏ**...v...v...

-Các thứ đó, được chế tác theo thứ tự thời gian, rồi «QUI NẠP» thành một CÁI, trước tiên được gọi tên là những «XẤP GIẤY có CHỮ», khổ lớn hay nhỏ...

-Rồi những «XẤP GIẤY có CHỮ» đồng cỡ ấy, được những «CÁC SỢI CHỈ», qua công phu kết dính của nghệ nhân, đóng lại với nhau thành «quyển sách».

-Tiếp theo, QUYỂN SÁCH còn làm cho người ta biết rằng, trong đó có NỘI DUNG chuyên chở ý nghĩa được ghi lại, và diễn tả một cách mạch lạc nhiều TƯ TƯỞNG nhân văn, ĐẠO ĐỨC tôn giáo hay LUÂN LÝ...v...v...

-Và kết quả, «QUYỂN KINH» là cái TÊN được **CHẾ ĐỊNH** (trong tương đối), và do xã hội nhìn nhận, để ám chỉ toàn bộ các vật chất vừa trình bày, phối hợp lại.

*Nghĩa là «QUYỂN KINH» trước mặt, tuy là CỤ THỂ, nhưng Nó là TỔNG HỢP của nhiều **thành tố hoàn toàn trừu tượng**, mà *hiện tại không thể lộ ra một cách tách rời*.

<>Nói chung, toàn thể TU' TUỞNG trong lúc *tỉnh thức*, hay những gì hiện ra trong GIÁC MỞ, thuộc về ***quá khứ*** (atīta) ***hiện tại*** (paccuppanna), hay ***vị lai*** (anāgata) cũng đều là CẢNH (āḷambana) của Ý MÔN maṇo dvāra).

-Các cảnh ấy RẤT PHỨC TẠP. Và cái ***cảnh sau cùng*** của Ý MÔN (maṇo dvāra) bao giờ cũng là sự ***qui nạp của*** vô số CẢNH (āḷambana) từ Ý MÔN (maṇo-dvāra) và NGŨ MÔN (pañca-dvāra) trước đó.

*Tóm lược :

<>«CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra vīthi)» là ***một vận hành trừu tượng*** tuy VÔ CÙNG PHỨC TẠP nhưng vẫn dễ hiểu.

-Xem ra, một con người có *bao nhiêu ý nghĩ* thì có *chừng ấy* ***CHU TRÌNH TÂM*** (citta vīthi), ***xuyên qua ý môn*** (maṇo dvāra), trong TÂM THỨC (citta viññāna), chứ không phải chỉ có một số được hạn định.

-Ngoại trừ các Thánh Nhân hay chư Phật. Phàm nhân chúng ta (puthujjhana), không phải chỉ có MỘT, mà là có HÀNG NGÀN Ý NGHĨ «*tồn tại một cách bí mật và ngấm ngấm hoạt động*» trong ***tiềm thức***, mà rất ít ai biết.

-«***Sự nắm vững***» tất cả CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) hay trong TINH THẦN (maṇo), đối với một phàm nhân (dù «thông minh» đến đâu), là một điều «BẤT KHẢ THI». Chúng ta chỉ học hỏi một số «*kiểu mẫu qui ước*», đề từ đó SUY RA mà «*tìm hiểu chính chúng mình*», hầu ***tu hành***.

-Và trên thực tế, chúng ta chỉ có thể nghiên cứu ***một số*** CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thông thường xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvātra) mà thôi.

-Nhưng ***sự hiểu biết*** về CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) trong lãnh vực ***thiền học*** (Jhāna sikkhā) vẫn là một điều ***rất cần thiết***, nên chúng ta phải cố gắng tìm hiểu, càng nhiều càng tốt.

*Nói là «***rất cần thiết***» bởi vì trong đời sống hằng ngày, chúng ta muốn duy trì CHÁNH NIỆM (sammā saṭi) hay TỈNH THỨC (saṭi paṭṭhāna) theo THIỀN HỌC (jhāna sekḥā), thì dĩ nhiên ***trước tiên*** chúng ta phải GIỮ 5 GIỚI (sīla), rồi nếu chúng ta không có ***sự hiểu biết*** phần nào về CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì chúng ta khó hành thiền một cách ***có định hướng***.

-Tức là, ***không có kiến thức*** về CHU TRÌNH TÂM, nhất là CHU TRÌNH TÂM theo THIỀN HỌC, là một điều thiếu sót.

LIÊN QUAN với Ý MÔN (Maṇo dvāra).

<>Giống như CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra=5 giác quan), sự LIÊN QUAN giữa CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) và các PHƯƠNG DIỆN khác, thì như sau :

A/CẢM THỌ (Vedanā) :

-Khi đối tượng thuộc loại THUẬN CHIỀU thì người ta hài lòng (mānāpa), có cảm thọ VUI (somaṇa), và **chú ý** hay “mắc dính” (upādāna) RẤT NHIỀU.

-Khi đối tượng thuộc loại NGHỊCH CHIỀU thì người ta bất mãn (amānāpa) bức xúc, có cảm thọ BUỒN (domaṇa), rồi cũng **chú ý** hay “mắc dính” (upādāna) RẤT NHIỀU.

-Khi đối tượng **ÍT liên hệ** thì người ta có cảm thọ TRUNG BÌNH, **chú ý** một cách LẤY LẼ, lơ đãng (abyākata)...

-Khi đối tượng **KHÔNG liên hệ** gì cả, thì người ta có cảm thọ DỪNG DỪNG, lạnh lùng, chẳng CHÚ Ý (upekkhā)...

B/TÂM CẢNH (cittassa ālambana) :

-Khi **KÝ ỨC** có **ÁN TUỢNG RẤT LỚN** (atimahanta maṇorañjaka) thì **HIỆU LỰC** (vāra) phải **rất mạnh**. Các **chập sát-na** (khaṇa) trong **CHU TRÌNH TÂM** (citta vīthi) xuyên qua **Ý MÔN** (maṇo dvāra) có «**cảnh rất rõ ràng**» (vibhūtālm̐bana), phát sinh đầy đủ.

-Khi **KÝ ỨC** có **ÁN TUỢNG** tạm **LỚN** (mahanta maṇorañjaka) thì **HIỆU LỰC** (vāra) **không mạnh, kém rõ ràng**. Và một số **chập sát-na** với **chức năng chính** ở cuối dòng (bhavaṅga) trong **CHU TRÌNH TÂM** không thể phát sinh.

-Khi **KÝ ỨC** có **án tượng** **NHỎ** (paritta maṇorañjaka), thì **HIỆU LỰC** **yếu ớt, lờ mờ**. Chưa kể một ít **chập sát-na** với **chức năng chính** trong **CHU TRÌNH TÂM** (Citta vīthi) xuyên qua **Ý MÔN**, cũng không thể phát sinh...

-Khi **KÝ ỨC** có **án tượng** **QUÁ NHỎ** (atiparitta maṇorañjaka), thì **HIỆU LỰC** (vāra) **quá yếu, nhạt hẫ**. Ngay cả các **chập sát-na** với **chức năng kém quan trọng**, hay **VÔ DỤNG** (mogha) trong **CHU TRÌNH TÂM** (citta vīthi) xuyên qua **Ý MÔN** (maṇo dvāra), càng không thể phát sinh.

<>Nói vắn tắt :

*HIỆU LỰC (vāra) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo), đối với «TÂM CẢNH» (citāmbana) có thể «cô đọng» hoặc thành 2 LOẠI giản dị, hoặc thành 4 LOẠI phức tạp.

*Nếu là **2 LOẠI giản dị** thì gồm :

a-CHU TRÌNH TÂM (citta) vīthi), xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), có *cảnh* RÕ RÀNG (vibhūta).

b-CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), có *cảnh* KHÔNG RÕ RÀNG (avibhūta).

*Cả 2 loại CHU TRÌNH TÂM **giản dị**, xuyên qua Ý MÔN này, đều không cần chúng ta bận tâm với *các chấp sát-na* (khaṇa) HỮU PHẦN (bhavaṅga), vì «Ý MÔN» (maṇo dvāra) chính là HỮU PHẦN (bhavaṅga).

-Và chúng cũng không cần chứa đủ «17 chấp sát-na» (khaṇa), vì hầu hết những «đối tượng» của Ý MÔN (maṇo dvāra) thuộc về quá khứ (atīta) hay tương lai (anāgata), không nặng tính thời gian. Nghĩa là chúng ta chỉ *chú trọng* 7 chấp sát-na ĐỒNG LỰC (javana) với 2 sát-na ĐĂNG KÝ (tadāmbana), có *cảnh* RÕ RÀNG (vibhūta āmbana) mà thôi.

*Đối với CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) có *cảnh KHÔNG RÕ RÀNG* (avibhūta ālambana), chúng ta tuy không cần quan tâm đến *chập sát-na HỮU PHẦN vừa qua* (atīta bhavaṅga), nhưng chúng ta phải chú ý đến các *chập sát-na* (khaṇa), như HỮU PHẦN rung động (calana) HỮU PHẦN chuyển cách (upaccheda), HƯỚNG Ý MÔN (maṇo dvāra āvajjana), và 7 *chập sát-na* (khaṇa) ĐỒNG LỰC (javana).

-Và dĩ nhiên sau đó luôn luôn có những *chập sát-na HỮU PHẦN* làm «*vùng đệm*». Nhưng trong *CẢNH mờ nhạt* thì không có *chập sát-na* (khaṇa) ĐĂNG KÝ (tadā lambana).

*2 ĐIỂM CẦN NHỚ :

1-CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) có HIỆU LỰC **rõ ràng** (vibhūta), thì tồn tại đến *chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadā lambana khaṇa).

2-CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) có HIỆU LỰC (vāra) **không rõ ràng** (avibhūta), thì tồn tại đến *chập sát-na* ĐỒNG TỐC (javana).

<>Nếu trình bày lại **2 loại** CHU TRÌNH TÂM giản dị, xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) kể trên, dưới dạng **4 loại phức tạp**, thì ta chỉ cần thêm phần dưới đây :

1-CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), có CẢNH *lờ mờ* (dubbala vāra), thì chỉ tồn tại đến *chập sát-na* ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana), và :

2-CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) có CẢNH *quá mờ* với hiệu lực vô dụng (mogha vāra), thì *không có ngay cả các chập sát-na bình thường*.

*Các *chập sát-na* có *chức năng* (kicca), như TIẾP THẬU (sampaticchana), SUY ĐẠT (santīraṇa), và ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana) thì không cần thiết, trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra). Bởi vì CHU TRÌNH TÂM ở Ý MÔN (maṇo dvāra) là chính nó là *ký ức*, đã tự nhiên có các *chức năng* ấy.

C/CHỨC NĂNG trong Ý MÔN.

<>So sánh với CHỨC NĂNG (kicca) của CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), thì CHỨC NĂNG (kicca) của CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) chỉ gồm 11 thứ.

-Ở đây, có «5 CHẬP SÁT-NA» (khana) do «5 giác quan» phải được trừ ra. Chúng ta chỉ còn những «CHẬP SÁT-NA» trong

CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) mà thôi, như sau :

1-*Chập sát-na* HỮU PHẦN *rung động* (bhavaṅga calana), đi liền với *chập sát-na* (khaṇa) HỮU PHẦN *chuyển cách* (bhavaṅga upaccheda),

2-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ nhất (javana 1)

3-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ hai (javana 2),

4-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ ba (javana 3),

5-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ tư (javana 4),

6-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ năm (javana 5)

7-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ năm (javana 6)

8-*Chập sát-na* ĐỒNG TỐC thứ năm (javana 7)

9-*Chập sát-na* ĐĂNG KÝ (tadālabhāna),

10-*Chập sát-na* DỨT DÒNG (cuti), đi liền với *chập sát-na* CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi).

*Lưu ý :

*Trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), với vai trò ĐỒNG TỐC (javana) phải cần đến “7

chập sát-na”, mới cho “tâm cảnh” rõ ràng. Nhưng trong “**đắc thiền**” thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) loại ấy, chỉ cần “5 *chập sát-na*” (khana) ĐỒNG TỐC (javana) là đủ.

TỔNG KẾT :

<>Như vậy, tất cả CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) trong đời sống TINH THẦN (danh=nāma) và VẬT CHẤT (sắc=rūpa) của *con người* nói riêng, và của *chúng sanh hữu tình* nói chung có thể kê khai tổng cộng là :

$$75 + 2 = 77 \text{ hay } 75 + 4 = 79.$$

<>Nhưng trước khi chuyển qua chương sau, soạn giả xin bỏ túc vài điều, xem ra cũng quan trọng :

1-Vai trò (kicca) của HỮU PHẦN (bhavaṅga) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), cần *nhiều chập sát-na* (khana), -ít nhất là một vài “đơn vị”, như **đã qua** (atīta), **rung động** (calana), và **chuyển cách** (upaccheda).

2-Vai trò (kicca) của TIẾP THẬU (sampaṭicchana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca-dvāra), có thể cần *nhiều chập sát-na* (khana). Đó là “sư thu vô từ từ”, tức là thời gian “thu nhận” kéo dài.

3-Vai trò (kicca) của SUY ĐẠT (santīraṇa) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca-dvāra), cũng có thể cần *nhiều chấp sát-na* (khaṇa). Nó có thể suy đạt “chậm chấp”, và lâu hơn.

4-Vai trò (kicca) của ĐOÁN ĐỊNH (voṭṭhappana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca-dvāra), càng có thể cần *nhiều chấp sát-na* (khaṇa), -nghĩa là “sự đoán định chậm chấp”.

5-Riêng vai trò (kicca) của ĐỒNG TỐC (javana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) bình thường, thì đương nhiên cần đến tối đa là 7 *chấp sát-na* (khaṇa). Nó như cái “bánh trón” quay chưa dừng, thì vai trò tiếp theo không vận hành được.

6-Vai trò ĐĂNG KÝ (tadālabhāna) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) nói chung, thì luôn luôn cần đến 2 *chấp sát-na* (khaṇa), mới cho phép “sự tận dòng” xảy ra.

7-Vai trò (kicca) của SỰ TẬN DÒNG cũng vậy, luôn luôn cần 2 *chấp sát-na* (khaṇa) mới CHẤM DỨT (cuti) và CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi). Nó được xem như một loại “*hậu đăng ký*”.

*Hầu hết những TÂM (citta) sinh lên trong 89 CHU TRÌNH (vīthi) là 54 tâm DỤC GIỚI (Kāmvacara).

<>Ngoài ra, các **vai trò** từ số 1 đến số 5 (ghi trên đây), thì «hiệu lực» (vāra) có ngay ở *chập sát-na thứ nhất* (paṭhama khana).

-Nhưng ĐĂNG KÝ (tadāmbana), thì phải có 2 *chập sát-na*, mới “*đủ hiệu lực*”. Nếu chỉ có 1 *chập sát-na* thì **chức năng** (kicca) ĐĂNG KÝ (tadāmbana) không phát sinh được.

-Và “*SỰ ĐĂNG KÝ*” (tadāmbana) chỉ vận hành ở DỤC GIỚI (kāma-bhūmi), không có mặt ở SẮC GIỚI (rūpa bhūmi).

Ý MÔN và DỤC GIỚI.

<>Trong những CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) thuộc về DỤC GIỚI (kāma-bhūmi), chúng ta nhận thấy có “3 loại tâm khách quan”. “**Ba loại tâm khách quan**” ấy gồm “**10 chập sát-na sinh khởi**”.

Ba loại tâm KHÁCH QUAN là :

1/“**Tâm hướng ý môn**” (maṇo dvāra āvajjana), hay «tâm có cảnh LỚN (mahanta) khi nối với căn thức». 2/“**Tâm đồng lực**” (javana) hay «tâm có sức mạnh lập lại của bánh trón». 3/“**Tâm đăng ký**” (tadāmbana) hay “tâm ghi chép”.

10 chập sát-na (khana) SINH KHỞI là :

-“1 *chập sát-na tâm*” cần cho *HƯỚNG Ý MÔN* phát sinh.

-“7 *chập sát-na tâm*” cần cho *ĐỒNG LỰC* sinh khởi đến cuối.

-“2 *chập sát-na tâm*” cần cho *ĐẰNG KÝ* phát sinh và hoàn tất.

AN CHỈ = APPANĀ

<>Có một loại *chu trình tâm* (citta vīthi) xuyên qua *ý môn* (maṇo dvāra), gọi là *chu trình AN CHỈ* (Appanā vīthi). -Có sách gọi đó là «*chu trình tâm kiên cố*».

-Đây là *chu trình tâm đặc biệt*, chỉ có trong «*THIỀN PHÁP*» (jhāna dhammā) mà thôi.

-«*AN CHỈ*» hay «*KIÊN CỐ*» là 2 từ ngữ được dịch ra, của 1 chữ Pāḷi «*appanā*». Và «*APPANĀ*» trong cổ ngữ Pāḷi, có nghĩa tương đương với «*VITAKKA*», tức là «*truy tâm*» (=vitakka), hay *tìm đến*, để ở yên tại mục tiêu nào đó.

-Nhưng chữ «*APPANĀ*» còn chứa đựng «*tính tích cực khác*» của *TÂM* là *theo sát mục tiêu*», hơn là nghĩa tư điển của chữ «*VITAKKA*» (=tâm), nên chữ «*APPANĀ*» cũng ám chỉ một cách tổng quát các hiệu lực (vāra), của 3 lãnh vực *thiền*, gồm *định* (samādhi), *đạo* (magga), và *quả* (phala).

-Do đó, trong **chu trình AN CHỈ** (appanā citta vīthi) bao giờ cũng có «**tâm cảnh**» (dhamma ālambana) là «**đề mục**» (kammaṭṭhāna) rất RÕ RÀNG (Vibhūta). Chúng ta khỏi mất thì giờ đặt vấn đề «**ấn chứng**» (nimitta=kasiṇa) trong tâm hành giả (yogāvacara) là **manh** (balavantu) hay **yếu** (dubbala).

-Tương tự như thế, “CHU TRÌNH TÂM **an chỉ**” (appanā citta vīthi), cũng không cần có đủ «17 chấp sát-na tâm» (khaṇa). Vì NÓ là CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), chứ không phải xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra).

-Và chúng ta cũng không chú ý đến sự sanh lên của 2 chấp sát-na tâm **đăng ký** (tadālabhāna citta).

-Lý do ?

<>Vì AN CHỈ (appanā) là hiệu lực của THIỀN ĐỊNH, nó luôn luôn tách rời tâm hành giả (yogāvacara citta) ra khỏi **cảnh tượng** DỤC GIỚI (kāma bhūmi).

-Còn CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) bình thường, thì luôn luôn cần 2 chấp sát-na «**đăng ký**» (tadālabhāna), vì đó là *chu trình tâm* của người còn vương **cảnh dục** (kāma bhūmi).

<>Thử nêu ra «các chấp sát-na» (khaṇa) trong 1 CHU TRÌNH TÂM **an chỉ** (appanā citta vīthi), như sau :

-1 *chập sát-na tâm HỮU PHẦN **rung động*** (bhavaṅga calana).

-1 *chập sát-na tâm HỮU PHẦN **chuyển cách*** (bhavaṅga upaccheda), hay «dứt tình trạng cũ».

-1 *chập sát-na tâm **Hướng Ý MÔN*** (mano dvāra āvajjana).

-4 *chập sát-na tâm **Động lực DỤC GIỚI*** (kāmaṅgavacara javana).

*Cac sát-na TÂM gọi là «**động lực DỤC GIỚI**» (kāma javana khaṇa) trong AN CHỈ (appanā), dĩ nhiên là **thiện** (kusala) hay **duy tác** (kiriya), và luôn luôn **hợp trí** (ñāna sampayutta), -vì TÂM một hành giả (yogāvacara) không thể «**đắc thiền**» hay «**chứng đạo**» mà **ly trí** được (ñāna vippayutta).

*«**Bốn động lực DỤC GIỚI hợp trí**» này từ đâu ra ?

-Hãy nhắc lại, chúng ta có «8 tâm tiến hóa DỤC GIỚI» (sobhaṇa citta), gồm 4 thuộc nhóm **thiện** DỤC GIỚI (kāmaṅgavacara kusala citta) và 4 thuộc nhóm **duy tác** DỤC GIỚI (kāmaṅgavacara kiriya citta).

-Trong số đó, có 2 tâm thiện DỤC GIỚI hợp trí (kāmaṅgavacara kusala-ñāna sampayutta) và 2 tâm duy tác DỤC GIỚI hợp trí (kāmaṅgavacara kiriya ñāna sampayutta). Chúng có thể biến thành **4 động lực** (javana).

-Một trong **4 đồng lực** ấy sẽ làm phát sinh 4 *chập sát-na* (khaṇa) «*đồng tốc đặc biệt*», trong *chu trình tâm AN CHỈ* (appanā citta-vīthi). -Đây là loại hành giả đặc AN CHỈ (appanā), mà chưa phải là Thánh nhân A-la-hán (arahatta).

<>Và **4 ĐỒNG TỐC ĐẶC BIỆT** (javana) này, trong *chu trình tâm AN CHỈ* (appanā citta vīthi), được gọi tên theo thứ tự, là :

**Đồng tốc* (javana) *thứ nhất* là CHUẨN PHÁP (parikamma),

**Đồng tốc* (javana) *thứ hai* là CẬN HÀNH (upacāra),

**Đồng tốc* (javana) *thứ ba* là THUẬN THỨ (anuloma),

**Đồng tốc* (javana) *thứ tư* là CHUYỂN TÁNH (gotrabhū).

<>Về phía Thánh nhân A-la-hán (arahatta), thì **một trong bốn** tâm DUY TÁC *duc giới*, sẽ tự nhiên là **đồng tốc** (javana).

-Sau đó thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) sẽ có một hay nhiều *chập sát-na tâm* «**đắc đệ nhất thiền**» (pathamajjhāna), nhờ có «**năng lực đồng tốc**» của *tâm sở TÂM* (vitakka). -Đây là ám chỉ «*lần đắc thiền đầu tiên*» của một hành giả.

-Tiếp theo thì **chu trình tâm AN CHỈ** (appanā citta vīthi) sẽ «*hòa tan*» trong dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), để bắt đầu CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) mới.

<>Quá trình **chứng đắc AN CHỈ THIỀN** có thể trình bày :

-Trước hết là trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) của người tinh tấn hành đạo (không thôi chuyển), có «đề mục thiền» biến thành «án chứng», gọi là «**thủ tướng**» (uggaha nimitta).

-Ở «giai đoạn» này, hành giả tuy không nhìn «**đề mục cụ thể**» (kammaṭṭhāna) trước mặt, nhưng vẫn thấy hình ảnh của đề mục nơi tâm, gọi là «**khái niệm**» (paññatti).

-Và hành giả cứ bình tĩnh, tự tin chăm chú một cách khách quan trên «**thủ tướng**» (uggaha nimitta) qua một thời gian, thì «thủ tướng» tự biến thành «**quang tướng**» (paṭibhāga nimitta).

-Rồi hành giả tiếp tục chăm chú một cách khách quan trên «**quang tướng**» (paṭibhāga nimitta), qua một thời gian nữa, thì «quang tướng sẽ biến mất»...và đó là lúc tâm hành giả đạt tới «**an chỉ**» (appanā), tức là BÌNH YÊN trong tình trạng «NHẬP ĐỊNH» (samādhi), hay «**nhất tâm bất loạn**» (ekaggatā).

-«NHẬP ĐỊNH» (samādhi), hay «**nhất tâm bất loạn**» (ekaggatā), có nghĩa là «tâm sở» (cetasika) của hành giả đã buông bỏ các cảnh, để qui nguyên làm MỘT với «**tâm vương**» (citta). -Và «nền tảng THIỀN tâm» (Jhāna citta) của hành giả cũng «được xây dựng» từ đây.

<>«**7 chấp sát-na**» của «CHU TRÌNH TÂM *an chỉ*» là :

1-Dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga) bị «**quang tướng**» (paṭibhāga nimitta) của «**đề mục thiền**» (kammaṭṭhāna) làm cho **rung động** (bhavaṅga calana).

2-Dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga) bị «**quang tướng**» (paṭibhāga nimitta) của «**đề mục thiền**» (kammaṭṭhāna) làm cho **chuyển cách** (bhavaṅga upaccheda).

3-**Chấp sát-na** (khana) HƯỚNG Ý MÔN (maṇo dvāra āvajjana), tự động nhận «**quang tướng**» (paṭibhāga nimitta) «là cảnh duy nhất» ở Ý MÔN (maṇodvāra).

4-**Chấp sát-na** ĐỒNG TỐC *thiện thứ nhất* (paṭhama kusala javana) đẩy TÂM (citta) hành giả hướng đến «ĐỀ MỤC THIỀN» (kammaṭṭhāna), gọi là «**chuẩn pháp**» (parikamma).

5-**Chấp sát-na** ĐỒNG TỐC *thứ hai* (dutiya kusala javana), đẩy TÂM THỨC (citta-viññāna) hành giả tiến gần ĐỀ MỤC THIỀN (kammaṭṭhāna), gọi là «**cận hành**» (upacāra).

6-**Chấp sát-na** ĐỒNG TỐC *thứ ba* (tatiya kusala javana), đẩy TÂM THỨC (citta-viññāna) hành giả hợp vào ĐỀ MỤC THIỀN (kammaṭṭhāna), gọi là «**thuận thứ**», hay *thích ứng dễ dàng* giữa tâm đi trước và tâm đi sau.

7-Chập sát-na ĐỒNG TỐC *thứ tư* (catutthī kusala javana), đẩy TÂM THỨC (citta-viññāna) hành giả vào phẩm **chuyển tánh** (gotrabhū), hay đưa nó vào «**nằm giữa**» 2 vận hành **động** và **tĩnh**, tức là «**dòng đáo đại**» (mahaggatā). -Chữ «BHŪ» có nghĩa tự điển là «2 giá trị chân thực».

<>Sau khi CHUYỂN TÁNH (gotrabhū) thì hành giả «**đắc đệ nhất thiền**», gồm 5 chi là **tâm** (vitakka), **tứ** (vicāra), **hỷ** (pīti), **lạc** (sukha), và **định** (ekaggatā) lần đầu tiên.

*Bốn vận hành trên đây, gồm 1/**chuẩn pháp** (parikamma), 2/**cận hành** (upacāra), 3/**thuận thứ** (anuloma), và 4/**chuyển tánh** (gotrabhū) vốn nằm trong DỤC GIỚI (kāma), nên chức năng CHUYỂN TÁNH (gotrabhū) của chúng ám sẽ chỉ là «**vượt qua DỤC GIỚI**» (kāmaṇvacara bhīmi).

<>Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), CHU TRÌNH TÂM an chỉ (appanā citta vīthi) của «**phàm nhân**» (puthujjana), đưa đến đắc THIỀN (jhāna) vận hành như thế nào, thì CHU TRÌNH TÂM an chỉ của «**bậc phạm hạnh**» (brahmacariya), đưa đến đắc ĐẠO (Magga) cũng vận hành như thế.

*Ngoài ra, theo một số «**Sớ giải**» (Aṭṭhakathā), thì có 2 loại «**hành giả**» (yogāvacara) trong THIỀN PHÁP (jhāna dhamma), gọi là «**độn căn**» và «**lợi căn**».

<>**Độn căn** ám chỉ hạng người có *trí thức kém bén nhạy*. Khi tinh tấn hành THIỀN thì «bước vào AN TỊNH chậm chạp», nên họ phải trải qua đủ «**4 giai đoạn**», là chuẩn pháp (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma), và chuyển tánh (gotrabhū), để «**đắc thiền**».

<>**Lợi căn** ám chỉ hạng người có *trí thức nhiều bén nhạy*. Khi tinh tấn hành THIỀN (jhāna) thì «bước vào AN TỊNH (appanā) nhanh chóng», nên họ chỉ cần trải qua «**3 giai đoạn**», là cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma), và chuyển tánh (gotrabhī), là có thể «**đắc thiền**» (jhāna), -không cần giai đoạn «chuẩn pháp» (parikamma).

HIỆU LỰC của “CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ”

(Appanā citta vīthi).

<>CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ (Appanā citta vīthi) là “**dụng cụ căn bản**” hay “**phương tiện tối cần thiết**” để thanh tịnh hóa THÂN TÂM, chứ «đó» không phải là CỨU CÁNHNH của hành giả (yogāvacara), còn luân hồi trong TAM GIỚI (ti-bhūmi).

“**Cứu cánh**” ở đây ám chỉ MỤC TIÊU CUỐI CÙNG.

*Nếu hằng ngày, hành giả sống tròn đủ GIỚI HẠNH (sīla sampanno brahmacariyā) và tròn đủ TU THIỀN (bhāvanā sampanna), mà họ cứ xem “sự đắc thiền cao nhất” là CỨU CẢNH (antima), thì “ĐỆ TỨ THIỀN VÔ SẮC” (nevasaññā nāsaññā āyatana jhāna), là MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG, hay «**Đại Nguyện**» của họ (mahā adiṭṭhāna).

*Nhưng nếu hằng ngày, hành giả sống tròn đủ GIỚI HẠNH (sīla sampanna) và tròn đủ TU THIỀN (bhāvanā sampanna), mà họ luôn luôn xem “NIẾT-BÀN” (nibbāna) là CỨU CẢNH (antima), thì «A-LA-HÁN QUẢ» (arahatta phala) và “PHẨM PHẬT TOÀN GIÁC” (sammā sambuddha), hay «BÍCH CHI PHẬT» (pacceka buddha) mới là MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG, hay «**Đại Nguyện**» (mahā adiṭṭhāna) của họ.

<>Và «**26 tâm động tốc**» (javana) gọi là «**có tiềm lực thiện**» (kusalabala), làm “**nội lực tiến hóa thường trực**” trong CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ (appanā citta vīthi), sẽ phát sinh những “**nội lực động tốc THIÊN khác**” (añña kusala javana), đủ khả năng “đẩy” TÂM THIỀN (jhāna citta) của các **phạm hạnh còn phạm** lên đến bậc CAO NHẤT, đúng theo “hiệu lực” của THIỀN ĐỊNH” (samādhi bhāvanā).

<> Và cũng «**26 tâm đồng tốc**» gọi là «**có bản chất duy tác**» (kiriya), làm “***nội lực tiến hóa thường trực***” cho CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ (appanā citta vīthi), sẽ phát sinh những “***nội lực đồng tốc DUY TÁC khác***” (añña kiriya javana), đầy đủ khả năng “đẩy” TÂM THIỀN của các bậc ***đã nhập Thánh lưu***, chứng đắc quả PHẬT (Buddha) hay A-LA-HÁN (arahatta), giải thoát khỏi SINH TỬ LUÂN HỒI, theo “hiệu lực” (vipāka) của **THIỀN MINH SÁT**” (vipassanā bhāvanā).

*Từ đó suy ra, chúng ta thấy :

-“2 CÁI KHUNG AN CHỈ” của CHU TRÌNH TÂM là «***thiền định***» (samādhi) và «***thiền minh sát***» (vipassanā), đã chứa sẵn những «***sát-na đồng tốc*** (javana khana) khẩn khít với ***cảnh thiền***», chứ không phải của những tâm cảnh thuộc về trần tục.

-«**2 cái khung CHU TRÌNH TÂM**» (cittavīthi) này, vừa “***không nhất thiết phải liên quan***” (do lòng tham), vừa “***vô cùng quan hệ với nhau***” (do pháp XẢ).

-Vả lại, lãnh vực THIỀN ĐỊNH (samādhi) thì đã được khá nhiều tôn giáo trên thế gian nói đến, và áp dụng, dưới nhiều hình thức khác nhau, chứ không phải chỉ có riêng Phật giáo.

-Nhưng THIỀN MINH SÁT (vipassanā), và nhất là “MINH SÁT TỨ NIỆM XÚ” (catu patṭhāna anupassanā), thì duy nhất chỉ do Đức Phật THÍCH CA MÂU-NI (Sakya Muni Buddha) đã tìm ra, và được áp dụng «*một cách nòng cốt*», trong Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravāda Buddhasāsanā).

*VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) còn nói rõ :

<>Về «*tiềm lực*», thì “2 loại CHU TRÌNH TÂM AN TRÚ” hay TOÀN ĐỊNH (appanā citta vīthi), chỉ cần «**4 hay 5 chap sát-na đồng tốc**» (javana), thay vì “7 chap sát-na” như thường lệ. -Và những **chap sát-na đồng tốc** (javana khaṇa) ấy, được gọi một cách *đặc biệt*, là “**ĐỒNG TỐC AN CHỈ**” (appanā javana).

<>Gọi là “**đặc biệt**”, bởi vì CHÚNG có khả năng tự lập lại thành VÔ SỐ “**chuỗi 5 sát-na đồng tốc nối tiếp**”, không cho CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ (appanā cittavīthi) đến điểm “tận đà”, rồi rơi vào dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), nhờ “*nội lực*” trong chiều dài tinh tấn (hay **đại nguyện**) của hành giả.

<>Đây chính là LÝ DO, “*vì sao một hành giả thuần thục trong thiền pháp (bhāvanā), có thể nhập định trong một thời gian dài, nhiều khi lên đến 7 ngày”.*

<>Và trong suốt thời gian nhập định ấy, **4 tâm sở lành mạnh**, là HỖ (pīti), LẠC (sukha), THẮNG GIẢI (adhimokkha) và QUÂN BÌNH (tattamajjhataṭā), *đã phát sinh một cách hùng hậu*, để hộ trì hành giả được tự tại, không chịu các trở ngại ở **thân** (kāya) lẫn ở **tâm** (citta).

<>Trường hợp một hành giả chưa đắc quả Thánh, thì những chấp “sát-na thiền” (jhāna khaṇa) sẽ được phát sinh do **1 trong 9 tâm**, gồm 5 **THIỆN hữu sắc** (rūpa kusala citta), và 4 **THỆN vô sắc** (arūpa kusala citta) hộ trì.

<>Nếu đó là một Thánh nhân, thì những chấp “sát-na thiền” (jhāna khaṇa) sẽ được phát sinh do **1 trong 9 tâm**, gồm 5 **DUY TÁC hữu sắc** (rūpa kīriya citta), và 4 **DUY TÁC vô sắc** (arūpa kītiya citta) hộ trì.

CẢNH của **CHU TRÌNH TÂM AN CHỈ**.

*Xin nhắc lại “*chu trình tâm an chỉ*” (appanā cittavīthi), còn gọi là “*chu trình tâm kiên cố*”, chính là “*chu trình tâm THIỀN*” (jhāna citta vīthi) thăng hoa.

*“Cảnh (ālambana) của *chu trình tâm THIỀN an chỉ*” (appanā jhāna cittavīthi) dĩ nhiên luôn luôn thuộc về “**khái niệm**”

(paññatti), và “NÓ” lấy 1 trong 26 “đối tượng” sau đây, làm “**cảnh kiên cố**” (appanā jhānāmbana) :

-10 khái niệm “*hình tròn*” (kasina),

-10 khái niệm “*không sạch*” (asubha lakkhana),

-1 khái niệm “*thể trước trong thân*” (kāya),

-1 khái niệm “*hơi thở ra vào*” (ānāpāna),

- 1 khái niệm “*tâm từ*” (karuṇā),

-1 khái niệm “*tâm bi*” (mettā),

-1 khái niệm “*tâm hỷ*” (muditā), và

-1 khái niệm “*tâm xả*” (upekkhā) hay “***tâm hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt***”.

<> Một hành giả muốn “nhập định bao lâu”, thì trước tiên vị ấy phải sống với “*chu trình tâm an chỉ*” (appanā-vīthi), nghĩa là thuần thực trong pháp hành và “*đã đắc thiền*” (adhikammika).

-Tiếp theo, hành giả “*xả thiền*”, để ***phát nguyện thực hiện*** “*khoảng thời gian nhập định*”, rồi họ “tái nhập thiền”, làm cho các “***chập sát-na động tác***” phát sinh liên tục (sammāpajjana), dưới dạng nhiều chuỗi “***5 sát-na***” (pañca khana vagga). Và sau cùng là NHẬP ĐỊNH (ekaggatā) theo sở cầu.

<>Nói qua “***Chu trình tâm AN CHỈ***” (appanā citta vīthi) “hằng giúp” chư hành giả, đạt đến **mục tiêu** như thế nào, thì sách VI DIỆU PHÁP CÂU-XÁ (Abhidhamma kosha) đã ghi :

*Nếu MỤC TIÊU đó là “ĐẮC THIỀN CAO NHẤT”, thì trên đây chúng ta đã đề cập rồi.

*Nếu MỤC TIÊU đó là “NIẾT-BÀN” (nibbāna), thì chúng ta phải thứ tự nhắc đến “**2 hiệu lực đặc biệt**” là “DIỆT PHIỀN NÃO” (nirodha kilesa), và “CHUYỂN TÁNH” (gotrabhū).

-Đây là “2 CHU TRÌNH TÂM” (citta-vīthi) dẫn đến sự ĐẮC ĐẠO (magga) và ĐẮC QUẢ (phala). -Nghĩa là “*tiến hóa lên bậc thiền cao nhất tam giới là vô sắc*” (=arūpa jhāna), và “*nhập vào đạo lộ thoát ra ngoài tam giới*” (lokuttara jhāna).

<>Đó là HIỆU LỰC (Vāra) của THIỀN MINH SÁT (vipassanā bhāvanā), do ***năng lực*** từ các sát-na ĐỒNG TỐC (javana khaṇa) của TÂM DUY TÁC (kiriya citta).

CHU TRÌNH TÂM “ĐẮC ĐẠO” (Magga citta vīthi)

Nhắc lại PHÁP QUẢ (dhamma vipāka) :

<>Nếu **chu trình tâm** «AN CHỈ» hay «KIÊN CỐ» (appanā cittavīthi), lấy «**nhất tâm bất loạn**» (ekaggatā sahita) trong thời gian hành đạo, thuộc về THIỀN ĐỊNH (samādhi), làm «**pháp quả**» (vipāka dhammā), thì **chu trình tâm** «MINH SÁT» (vipassanā citta vīthi), lấy «**chánh niệm tỉnh giác**» (sati paṭṭhāna sahita) một cách thường xuyên, thuộc về THIỀN MINH SÁT (vipassanā bhāvanā), làm «**pháp quả**».

-Vì **PHÁP QUẢ an trụ** (appanā dhamma vipāka) của THIỀN ĐỊNH (samādhi bhāvanā), vốn **có tính thời gian** (kālika), nên trong khi “hành giả nhập thiền” thì có thể cách ly (vippayutta) được VỌNG ĐỘNG (uddhacca) do THAM (lobha), do SÂN (dosa), và do SI (moha) gây ra. Nhưng lúc hành giả ngưng hành thiền một thời gian dài, thì VỌNG ĐỘNG (uddhacca) lại có thể tái phát. Đó chỉ là “**THỜI ĐỊNH**” (kālika ekaggatā).

*Ngược lại, **PHÁP QUẢ** của **CHÁNH NIỆM** (sammā sati) thì thuộc về THIỀN MINH SÁT (vipassanā bhāvanā). -NÓ nhờ đặc tính “**vô thời gian**” (akālika), nên **có năng lực loại trừ** VỌNG ĐỘNG một cách thường trực, xuyên qua mọi hành vi trong đời sống hằng ngày. Đó chính là “**THƯỜNG ĐỊNH**” (akālika ekaggatā).

<> Khi hành giả sống với *CHÁNH NIỆM* (sammā sati) thì “không có chuyện quên mình” (hay vô ý phóng đăng=uddhacca), dù cho trong khi họ “*làm việc khác*”. -Nghĩa là sống trong *THIỀN MINH SÁT* (vipassanā bhāvanā), thì mọi hành động đều có *CHÁNH NIỆM* (sammā sati). **Tham** (lobha), **sân** (dosa), **si** (moha) luôn luôn bị *CHÁNH NIỆM* (sati) “*nhận diện*” và “*khử trừ*” một cách hiệu quả.

-Hành giả lúc nào cũng ***định tĩnh*** một cách hùng hậu, và họ luôn luôn ý thức rằng, THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha), là “**3 nguồn gốc**” của tất cả ÁC PHÁP (akusala dhamma). Và nhóm chữ “*một cách hùng hậu*” ở đây ám chỉ “*THIỀN ĐỊNH khi thuần thục thì biến thành **dụng cụ tốt nhất** của THIỀN MINH SÁT*” (vipassanā bhāvanā).

<> Hay *thiền định* (samādhi) và *thiền minh sát* (vipassanā) tuy ***khác nhau về hiệu lực*** (vāra), nhưng có thể xem là “**2 pháp tương tác và bất ly**” (avinibbhoga dhammā).

-Như trên vừa nói, 2 loại *PHÁP QUẢ* (dhamma vipāka) của 2 loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) một thuộc về “**thiền định**” (samādhi) và một thuộc về “**thiền minh sát**” (vipassanā), mới nghe qua dường như có vẻ “tương đồng”. Nhưng VẬN HÀNH

(kicca) của chúng đối với CẢNH (āḷambana), lại dẫn đến 2 “**hiệu lực**” (vāra) khác nhau.

-Và một điều chắc chắn là “*không ĐỊNH thì dẫu có TỈNH THỨC thì ấy chỉ là **tỉnh táo phạm tục**, không thể quan sát TỐT được*”. -Mà quan sát không tốt, thì nhận diện sai vạn pháp, và tạo dịp cho VÔ MINH (avijjā) phát triển..., lừa gạt...tung khỏi mù đánh lạc hướng tâm thức.

<>Như vậy, sự phân biệt giữa “2 pháp quả” (dhamma vipāka), là «định tâm» (ekaggatā) và «chánh niệm» (satipaṭṭhāna) khác nhau như thế nào ?

-«ĐỊNH TÂM» (ekaggatā) chính là «tinh thần ở một điểm, không bị chi phối bởi một hay nhiều cảnh tượng khác». Đó là «tâm ổn định (samādhi) tại một ĐỀ MỤC» (kammaṭṭhāna), trong khi hành thiền.

-Còn “CHÁNH NIỆM” là «tâm không phóng khỏi đối tượng trước mắt, và tỉnh thức hừng hâu, **thấy rõ thực trạng** của mọi pháp cảnh liên hệ, một cách hoàn toàn khách quan», ngay cả trong khi không hành thiền định.

<>Nghĩa là khi «quan sát bất cứ đối tượng gì, TÂM cũng biết chắc vật ấy đang nằm trong tình trạng VÔ THƯỜNG (aniccā),

đang gây ra sự xung đột, chịu đựng KHỔ NẪO (Dukkha), và đang dần dần tiến đến sự “hoàn không” hay kết cuộc là VÔ NGÃ (Anattā), -nghĩa là ở cuối CHU KỲ, mọi hình thức đều tan rã, biến mất.

*Nói cách khác, «CHÁNH NIỆM» hay “TỈNH GIÁC» (sammā sati) là «**hiệu lực thường trực**» của chu trình tâm «MINH SÁT». -Nó làm cho hành giả GIÁC NGỘ, **dứt khoát buông bỏ** tất cả những gì nằm trong **qui trình** của VÔ THƯỜNG (aniccā), của chịu đựng KHỔ NẪO (dukkhā), và của VÔ NGÃ (anattā), -dù cho thực tại trong QUI TRÌNH ấy rục rở đến đâu.

-Khi hành giả “**chứng đắc**” THIỀN MINH SÁT (vipassanā jhāna), thì “tư trải nghiệm” **sanh-lão-bệnh-tử** ngay bên trong chính thân tâm họ, chứ không phải chỉ “suy luận” các hiện tượng VÔ THƯỜNG (aniccā), chịu đựng KHỔ NẪO (dukkha), và VÔ NGÃ (anattā) bên ngoài, theo kiểu quan sát của TƯỚNG UẨN vọng động (saññakhandha).

-Nhất là sự GIÁC NGỘ hăng làm cho bác phạm hạnh **dứt khoát buông bỏ** những KIẾN CHẤP (dīṭṭhi), chẳng hạn như vướng mắc rằng, “*thân tâm hiện tại là TA*”, “*sáu giác quan này là CỦA TA*”, hay “*sau khi chết LINH HỒN TA sẽ BẤT DIỆT, HƯỞNG PHƯỚC*”. -Và “*ta có thể cầu xin ĐÁNG toàn năng cứu độ*”.

***Hậu quả** của quan niệm hoang đường ấy, là tiếp tục sống trong THÂN KIẾN (sakkāya diṭṭhi), luôn luôn *bất mãn* -do THAM (lobha),muốn mãi không đầy, - do SÂN (dosa), chịu đựng *vui buồn xen kẽ*, và do SI (moha), *phiêu lưu, tùy thuộc vào “tha lực”* một cách VÔ MINH (avijjā), -rồi chắc chắn sa đọa, và không biết tự thân tiến hóa.

-Nhưng HIỆU LỰC (vipāka) của CHU TRÌNH TÂM MINH SÁT (vipassanā citta vīthi) thì hằng giúp cho hành giả thường xuyên TỈNH THỨC (sati), thấy rõ **chân tướng** (bhūta lakkaṇa) của vạn pháp, là VÔ THƯỜNG (aniccā), KHỔ NẪO (dukkhā), và VÔ NGÃ (anattā) để phát sinh **trí tuệ thoát ly** (prajña).

-Một đàng, “**kết quả**” của CHU TRÌNH **tâm định** (Ekaggatā citta vīthi) thì làm cho hành giả “*thu hoạch*” một số “*quyền năng độc đáo*” của thần lực nhất điểm (ekaggatā bala), chẳng hạn như “*có thần thông*” hay “*an trú nơi cảnh giới siêu phàm nào đó*” trong thời gian nhập thiền. Nhưng khi “*xả thiền*” thì không thể kéo dài “*tình trạng đặc biệt*” ấy. -Rồi không khéo sau đó, vì được thế gian “*tôn trọng*”, mà hành giả (yogāvacara) có thể vướng mắc danh lợi (THAM=Lobha), và NGÃ MẠN (māṇa), vướng chặc trong lưới sinh tử luân hồi (saṃsāra).

-Đàng kia, “**hiệu lực**” của CHU TRÌNH **chánh niệm tỉnh giác** (Sati patṭhāna citta vīthi) thì làm cho hành giả “thường xuyên định tâm nhận diện thực tại”, trong đó 3 nghiệp lành do THÂN (kāya), do KHẨU (vacī), và do Ý (maṇo), không cho phép THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha) lôi kéo, để **kết quả hành giả trở thành thanh tịnh** và bình đẳng tư tại (upekkhā), thuận tiện cho tiến trình “chuyển tánh” (gotrabhū), nhập vào “THÁNH LƯU Tu-đà-hườn” (sotāpanna).

Về phương diện “CẤU TRÚC” xuyên qua Ý MÔN thì :

*Nếu trong THIỀN ĐỊNH (samādhi bhāvanā), “chu trình tâm AN CHỈ” (appanā citta vīthi), cần có “4 chập sát-na ĐỒNG TỐC” (javana khaṇa), thuộc về “**quả thiện hợp trí**” (kusala vipāka ñānasampayutta), thì...trong THIỀN MINH SÁT (vipassanā bhāvanā) “**chu trình tâm ĐẮC ĐẠO**” (magga vīthi citta), cũng cần “4 chập sát-na ĐỒNG TỐC” (javana khaṇa), lại thuộc về “**duy tác hợp trí**” (kiriya ñānasampayutta).

*Riêng **chu trình tâm ĐẮC QUẢ** (phala citta vīthi), thì tên của “**các chập sát-na ĐỒNG TỐC duy tác hợp trí**” (kiriya ñānasampayutta javana) ấy có khả năng **chuyển tánh**, là :

1/Chập sát-na duy-tát (kiriya-khaṇa) **chuyển tánh** chuẩn hành (Parikamma gotrabhū),

2/Chập sát-na duy-tát (kiriya-khaṇa) **chuyển tánh** cân hành (Upacāra gotrabhū),

3/Chập sát-na duy-tát (kiriya-khaṇa) **chuyển tánh** thuận thứ (Anuloma gotrabhū),

4/Chập sát-na duy-tát (kiriya-khaṇa) **chuyển tánh** nhập vào đạo và quả (Magga-phala gotrabhū).

CẦN NHỚ RẰNG :

*Trong “**7 ân đức PHÁP**” (dhamma guṇa) có một ÂN ĐỨC là “**phi thời gian**” (akālika). Nghĩa là khi hành giả ĐẮC ĐẠO (magga) thì phẩm cách ĐẮC QUẢ (phala) chắc chắn phải xảy ra tiếp theo, *không có thời gian vô ích xen vào*.

-Vì vậy, sau chập SÁT-NA đắc ĐẠO (magga khaṇa) cũng có thể xem là “tiềm trạm” của chập SÁT-NA đắc QUẢ (phala khaṇa), chẳng có khoảng cách chờ đợi (akālika) hay chậm trễ.

*Nghĩa là, “chập SÁT-NA đắc ĐẠO (magga khaṇa) chỉ phát sinh DUY NHẤT một lần”. Còn “chập SÁT-NA đắc QUẢ”, nếu chư Thánh nhân phát nguyện “*trải nghiệm nhiều lần*”, thì có thể thực hiện được.

-Khi các Ngài “nhập” THIỀN MINH SÁT (Vipassanā bhāvanā), thì THIỀN ấy có khả năng lập lại những “chập SÁT-

NA đắC QUẢ” (phala khana), một cách “dây chuyền” (paticca samuppāda) và tự động...

<>Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), trong số “**10 sợi dây cột dính chúng sanh vào vô số vòng sinh tử luân hồi**” (Dasa saṃyojanāni), thì *thánh Tu-đà-hườn* hay *thánh Thất lai* (sotāpanna), đã chặt đứt được **2** hay **3** sợi dây đầu tiên, là :

1/THÂN KIẾN (Sakkāya diṭṭhi), ngã chấp thân này,

2/HOÀI NGHI (Vicikicchā), thắc mắc về nhân duyên quả, và

3/GIỚI CẤM THỦ (Sīlabbataparāmāso), tin tưởng tuyệt đối vào năng lực nghi lễ.

<>Từ đó suy ra, **7** hay **8 sợi dây** còn lại sẽ do 3 BẬC THÁNH cao hơn, là *Tu-đà-hàm* (Sakadāgāmi=Nhất lai), *A-na-hàm* (Ānāgāmi=Bất lai), và *Đứt sinh tử* (Arahatta=**A-la-hán**) có khả năng triệt tiêu, đoạn trừ.

*Nhưng kể từ bậc Thánh TU-ĐÀ-HÀM (Sakadāgāmi) trở lên, thì *chập sát-na duy tác* (kiriya khana) của **TÂM ĐỒNG TỐC chuyển tánh thứ tư** (catutthī javana gotrabhū), được gọi là **DŨ TỊNH** (vodāna), tức là tiến đến tinh khiết (suddhi), chứ không phải đơn giản chỉ là *chuyển tánh bình thường* (gotrabhū). -Còn

3 *chập SÁT-NA đồng tốc đi trước*, đều có HIỆU LỰC của *chập sát-na THUẬN THỨ* (anuloma khaṇa).

-Đó là các *đặc điểm* riêng (nava lakkhaṇāni), qui cho “4 CHẬP TÂM SÁT-NA” (catu ariya khaṇāni) chứng đắc, của các bậc THÁNH cao hơn Tu-đà-hườn (Sotāpanna).

<>Ngoài ra, soạn giả cũng xin thưa ở đây, một cách *khiêm nhượng, chân thành và thận trọng* rằng, “Những gì liên quan đến *tâm linh* của THÁNH NHÂN (ariya puggala), phàm phu chúng ta, dù có nghiên cứu sâu xa đến đâu, cũng không thể nào “*biết rõ*”, hay “*trình bày chính xác*” được. -Ngôn ngữ chỉ là phương tiện tương đối, mong quý độc giả thông cảm !

CÔ ĐỘNG CÁC ĐIỂM CHÍNH.

<>Nói về “*chỗ dựa*” (vatthu) của CHU TRÌNH TÂM, thì có “2 NƠI” để *sự vận hành*, “*nuơng vào và diễn ra*” là :

-*Năm giác quan* hay xuyên qua NGŨ MÔN (Pañca dvāra), và

-*Giác quan thứ sáu* hay xuyên qua Ý MÔN (Mano dvāra).

A/ Tại bất cứ MÔN nào trong *năm giác quan* (pañca dvāra), thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) có CẢNH hay ĐỐI TƯỢNG

(āḷambana), thuộc về DỤC GIỚI (kāṃavacara), cũng như có CẢNH hay ĐỐI TƯỢNG (āḷambana) thuộc về SẮC GIỚI (rūpavacara), đều gồm **4 loại** là :

1/ RẤT LỚN (atimahanta),

2/ LỚN (mahanta),

3/ NHỎ (paritta), và

4/ RẤT NHỎ (atiparitta).

B/ Tại “Ý MÔN” hay giác quan thứ sáu (maṇo dvāra), thì CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi), nếu cũng thuộc DỤC GIỚI (kāṃa bhūmi) hay SẮC GIỚI (rūpa bhūmi), luôn luôn có **tâm CẢNH** (āḷambana) nằm trong “2 tình trạng hiệu lực” (vāra), là :

1/VỌNG ĐỘNG (Kāma vacara) hay

2/AN CHỈ (appanā). -An chỉ còn gọi là “*kiên cố*”.

Nhắc lại :

1/ Trong những chu trình tâm vọng động (kāṃāvacara citta vīthi), xuyên qua ngũ môn (pañca dvāra) và ý môn (maṇo dvāra) thuộc DỤC GIỚI (Kāṃavacara), thì có 4 “kích cỡ”, là **cảnh rất lớn** (ati-mahanta āḷambana), **cảnh lớn** (mahanta), **cảnh rất nhỏ** (ati-paritta āḷambana), và **cảnh nhỏ** (paritta).

-Bốn ***cảnh tượng*** chính này *lưu lại* HIỆU LỰC (vāra) nơi TÂM (citta) hay TIỀM THỨC (bhavaṅga-citta) dưới 2 tình trạng là **KÝ ỨC RÕ** (vibhūta) và **KÝ ỨC MỜ** (avibhūta).

2/ Nhưng...-cũng trong ý môn DỤC GIỚI (kāma maṇo dvāra) ấy, nếu đó là CHU TRÌNH TÂM an chỉ hay “kiên cố” (appanā), thì NÓ có 2 *mục đích để phóng tới* (āvajjana), là :

a/“*Hướng thượng*” hay “*hướng đạo đại*” (mahaggatā) và

b/“*Hướng siêu thế*” hay “*hướng giải thoát*” (lokuttara).

Chú ý :

<>Chu trình tâm AN CHỈ (appanā citta vīthi) cũng chính là chu trình tâm ĐẮC THIỀN (jhāna citta vīthi).

-Khi thuần thục trong pháp hành, NÓ luôn luôn vận chuyển dưới “2 dạng”, là “**dập tắt phiền não**” (kilesa-nirodha) và “**chuyển tánh**” (gotrabhū), -tức là có “**hiệu quả tiến hóa**” từ thấp đến cao, từ phàm lên THÁNH (puthujjhana=>ariya).

a-Nếu thành công trong việc **dập tắt phiền não** (kilesa-nirodha), nhất là giải trừ THÂN KIẾN (sakkāya diṭṭhi), chấm dứt HOÀI NGHI (vicikicchā), và đoan tâm GIỚI CẤM THỦ (sīlabbata parāmāso), thì ấy là chứng đắc “*Tâm Tu-đà-hườn ĐẠO*” (Sotāpatti magga-citta).

b-Nếu thành tựu **chuyển tánh** (gotrabhū), nhất là “*thường xuyên an trú*” trong **chánh niệm** (saṭipatṭhāna bhāvanā), cũng có THÁNH TÂM (ariya citta), thì ấy là chứng đắc “*Tu đà hườn QUẢ*” (sotāpatti phala-citta), để vững chắc tiến lên 3 bậc THÁNH cao hơn, như đã nói trong đoạn trước.

<> Lý do để **Thánh nhân** luôn luôn tiến hóa cao hơn, là vì TÂM các NGÀI đã trở thành thanh tịnh, nhưng THÂN thì chưa hết tuổi thọ, còn phải sống thêm một thời gian *trong cõi phàm*, nên **đồng lực** (javana) trong các CHU TRÌNH TÂM thiền MINH SÁT (vipassanā bhāvanā citta-vīthi) của các Ngài, vẫn thường xuyên “**cách ly**” với mọi đối tượng Ô TRƯỚC gây VỌNG ĐỘNG. Từ đó, “**tiềm lực hướng THIỆT**” (vipassanā bāla) hằng túc trực trong thân tâm THÁNH NHÂN, để “hóa giải” các ác pháp (akusala dhamma).

Tổng qui nạp :

<> “**CHU TRÌNH TÂM**” (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), và xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra) của phàm nhân, cứ thế được **kết nối liên tục**, tùy theo tình trạng (*thanh* hay *trược*) của TÂM (citta) và CẢNH (ā lambana), với ĐỒNG LỰC (javana) chứa trong “**HỮU PHẦN**” (bhavaṅga), sẽ không

bao giờ gián đoạn...chùng nào mà THÂN TÂM (hay ngũ uẩn) này, vẫn còn **tiềm lực** của THAM - SÂN - SI.

<>Nghĩa là “**CHU TRÌNH TÂM**” (citta-vīthi) sẽ tiếp diễn mãi, từ đời trước qua đời sau, xen kẽ bởi những “**CHẤP sát-na HỮU PHẦN**” (Bhavaṅga khaṇa), như một sự TỰ NHIÊN, không cần phải có một **CÁI** mà người ta gọi là «*linh hồn bất biến*», do một *đáng toàn năng* nào đó “thôi vào” cả.

<>Nhưng...các CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) dù cho “đồng loại” cũng không tuyệt đối “*đi san sát*” nhau, hoàn toàn không có “khoảng cách”. -Mà chúng luôn luôn có những «*sát-na HỮU PHẦN ĐỆM*» (sandhi bhavaṅga khaṇa) rất tinh vi xen vào.

-Ví dụ «CHU TRÌNH TÂM **nhĩ thức**» (sota viññāna citta vīthi) không thể “tức khắc đi sau” «CHU TRÌNH TÂM **nhãn thức**» (cakkhu viññāna citta vīthi). -Dù cho cả 2 đều thuộc “một loại” gọi là NGŨ MÔN (pañca dvāra).

Thử phân tích :

<>Trước hết là những «*sát-na HỮU PHẦN trôi chảy*» (bhavaṅga khaṇa), rồi «CHU TRÌNH TÂM **nhãn thức**» (cakkhu viññāna citta vīthi) xảy ra, với những «CHẤP sát-na» tích cực nối đuôi nhau, một cách **MẠNH** (mahanta, vibhūta) hay

YẾU (paritta, avibhūta). Khi chúng *hết hiệu lực*, thì có những «*sát-na HỮU PHẦN ĐỆM*» (bhavaṅga khaṇa) liền xen vào, như «*các phần kết nối*».

<>Chúng ta có thể «chứng thật» các «*CHẬP sát-na tích cực*» (như *hướng môn, tiếp thâm, suy đạt...v...v...*) xảy ra như thế nào, nhưng chúng ta không thể “đoán định” có bao nhiêu «*sát-na HỮU PHẦN*» xen kẽ hay “*ĐỆM*”, vì chúng có *VÔ SỐ*, «*sẵn sàng và tự nhiên*» chen vào giữa những CHU TRÌNH TÂM *ngũ môn* (pañca dvāra) hay *ý môn* (maṇo dvāra), và vào giữa những «*CHẬP sát-na tích cực*», trong mỗi CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) riêng biệt.

<>Tưởng cũng nên nhắc lại rằng, CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) có thể «xảy ra» trong 3 trường hợp, là :

1- CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) của *người phàm* (puthujjhana) **không có THIỀN**, với tâm tánh nhiều THAM-SÂN-SI. -Đây là loại người *tái sinh bằng tâm* SUY ĐẠT VÔ NHÂN “thọ xả” (ahetuka santīraṇa upekkhā sahagata citta), hay bằng tâm SUY ĐẠT NHỊ NHÂN “thọ xả” (duhetuka santīraṇa upekkhā sahagata citta).

-“**Thọ xả**” (upekkhā-sahagata citta) tái sinh làm phàm nhân (puthujjana) ở đây ám chỉ “*sự dửng dưng do vô minh, và mặc nhiên hướng tới, không có chọn lựa cảnh giới*” tốt hay xấu.

*Xin đừng lầm lẫn “thọ xả” ấy với “VÔ LƯỢNG XẢ” (upekkhā=appamaññā) của Thánh nhân.

2- CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) của **người phàm** (puthujjana) **có tu THIỀN**, với tâm tánh ít THAM-SÂN-SI hay đã THANH TỊNH. Đây là loại người tái sinh bằng tâm SUY ĐẠT TAM NHÂN “thọ hỷ” (tīhetuka santīraṇa somanassa sahagata citta).

3- Liên quan đến CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) của **Thánh nhân hữu học** (ariya sekha puggala), **đã đắc THIỀN** và có tâm THANH TỊNH (visuddhika), từ *Tu-đà-hườn đạo* (sotāpanna magga) đến *A-na-hàm quả* (ānāgāmi phala), thì đây là 6 HẠNG NGƯỜI **có tiềm lực siêu thế** (lokuttara bala), chỉ tái sinh tối đa là 7 lần nữa, bằng tâm SUY ĐẠT QUẢ THIỀN **ly tà** (ditṭhi vippayutta) và **hợp trí** (kusala vipāka santīraṇa ñāna sampayuttam).

Chương VI

Tính BẤT ĐỊNH (Aniyata).

<>Sau khi đã trình bày “KIẾN GIẢI” (Ujjala vivaraṇa), dựa theo CHUÔNG PHẦN (pakaraṇa), một cách khiêm nhượng và **chủ ý** “xoáy vào” các điểm phức tạp, -trong TÂM VƯƠNG (Citta), -trong TÂM SỞ (Cetasika), -trong SẮC PHÁP (Rūpa), và -trong CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi)...thuộc sách “***Vi Diệu Pháp Thống Kê Tâm thức***” (Abhidhammasaṅgaha).

<>Bây giờ chúng tôi xin trình bày “KIẾN GIẢI” (Ujjala vivaraṇa) liên quan đến những **TÍNH BẤT ĐỊNH** (Aniyata) trong *TỪ NGỮ QUI ƯỚC* (vacanamālā) nói chung, và trong “A-Tỳ-Đạt-Ma” hay “***VI Diệu Pháp***” (Abhidhamma) nói riêng.

*Vì **TÍNH BẤT-ĐỊNH** (Aniyata), lắm khi có thể làm cho những **PHÁP** quá sâu sắc (abhiḅgaṃbhīra dhammā), *chưa được trình bày một cách rõ ràng*, có thể trở thành “vô lý” hay “hoang đường”, gây hiểu lầm cho người học Phật !

<> Và mục đích của sự “**hiểu biết**” về TÍNH BẤT ĐỊNH (Aniyata), là tránh được các tư tưởng bế tắc, trở thành “bấp bênh”...cho rằng “cái gì hoàn toàn trừu tượng, không hóa thân vật chất, không luôn luôn hiện hữu, không vĩnh viễn, hay tạm thời.... thì cái ấy không thật” !(?)

-Chúng ta nào biết rằng “*có những cái chúng ta không bao giờ nhìn thấy, nhưng NÓ rất THẬT*”. -Nhiều khi các CÁI ấy còn THẬT hơn cả những hiện tượng, được nhìn thấy !

-Nhưng đáng tiếc thay, TÍNH BẤT ĐỊNH (Aniyata) và SỰ VÔ THƯỜNG (Aniccā) trong đời sống hằng ngày, vẫn có một số điểm chung, đã làm cho nhiều người hiểu lệch, từ cái này sang cái kia, và suy tưởng lầm rằng, “TRỪU TƯỢNG”, “HU ẢO” và “THƯỜNG BIẾN” là “**không thật**” !

<>Hãy dựa vào Triết học “A-tỳ-đạt-ma” (Abhidhmma), để suy gẫm một cách tỉnh táo, khách quan, cẩn thận và thấu đáo, thì chúng ta sẽ nhìn nhận rằng, “những gì *hu ảo* hay *biến hóa liên tục* là *biểu tượng* của CÁI *có thật*”. Vì nếu “KHÔNG THẬT”, thì chẳng những NÓ không có “**khả năng biến hóa**” mà NÓ còn không là “đôi tượng” để cho chúng ta “bận tâm” bảo rằng “*nó không thật*”. -Chưa kể “**sự biến hóa liên tục**” càng chứng

minh “**tính huyền diệu**” của NÓ, đến độ chúng ta phải dùng cách nói “-*bất khả thuyết, -bất khả tư nghì*”.

*Và dĩ nhiên, bỏ công nghiên cứu để “**xác nhận**” hay “**phủ nhận**” những gì vốn KHÔNG THẬT là một điều hoàn toàn vô ích ! -Tuy biết thế, nhưng con người vẫn không ngừng “tìm tòi” những chuyện rắc rối để phải đứng giữa “ngã ba đường”, không biết phải “đi về” lối nào. Và khi tìm tòi chưa ra “đáp án”, thì người ta *phải tạm thời “phủ nhận”*.

-Nhưng người “học Phật” thì khác. Chúng ta may mắn biết VI DIỆU PHÁP hay **A-tỳ-đạt-ma** (Abhidhamma) trong nhà Phật, nên chúng ta chỉ *nhìn nhận* ở thực tại những gì đang TRẢI NGHIỆM, và chúng ta vui vẻ “không phủ nhận” những gì chưa trải nghiệm được.

-Hóa ra, CÁI gọi là HẰNG BIẾN hay “**HU ẢO**” ấy, chẳng những ĐÃ CÓ THẬT, mà NÓ còn rất KỲ DIỆU là đẳng khác, vì NÓ có “*đủ khả năng*” biến hóa ra *muôn hình vạn trạng*, lắm khi dường như “**hoàn toàn biến mất**”, nhưng sau đó lại “**xuất hiện đầy đủ...sờ sờ...**”.

<>Chắc quý vị còn nhớ, trong hầu hết những “bài phát biểu về Phật Pháp” chúng tôi đều đã luôn luôn đề nghị, “*Khi nghiên cứu đạo giải thoát, xuyên qua sách vở Phật giáo, chúng ta hãy dùng*

phương pháp “**nắm bắt ý chính**”, hay **giữ ý quên lời**” bằng tâm tư khách quan, cởi mở, chứ không nên chấp cứng, “mắc kẹt” vào chữ nghĩa, “tư duy”.

-Nghĩa là, nếu **cô chấp từ ngữ** hay **văn tự**, thì chúng ta sẽ gặp phải rất nhiều trở ngại trong sự “**khai thông tri kiến**” (diệt thi), nhất là “**khai thông kiến thức**” để GIÁC NGỘ. -Bởi vì “**từ ngữ**” hay “**văn tự**” chỉ là những “**phương tiện**”. Nếu chúng ta “mắc dính”, thì CHÚNG dễ trở thành những “**dụng cụ cạnh tranh**” của “**tự ngã**”, tăng cường “**rắc rối**”, lắm khi dẫn đến “**ba phải**” (phía nào cũng có lý), và sau cùng sẽ “**bế tắc**” trong biện luận.

*Ngay cả tiếng Pālī, một “**cổ ngữ phổ thông trong mọi giai cấp xã hội**” thời xưa, mà Đức Phật đã dùng, để thuyết giảng giáo lý giải khổ đến đại khối quần chúng ngày xưa cũng vậy.

-Tuy ngày nay, chữ “Pālī” có thể xem là “**thánh tự của ĐẠO PHẬT**”, nhưng theo kinh “**Kālāma Sutta**”, thì chúng ta cũng phải “**HỌC Pālī**” một cách khách quan, nghiêm túc, và “**học cổ ngữ ấy**” để “**hiểu Phật ngôn rồi áp dụng**”, -trải nghiệm vào đời sống của mình, -chứ không nhắm mắt tin càng. Nghĩa là, chúng ta không thể **y cứ** 100% theo “**bản dịch**” từ kinh “Pālī” của bất kỳ ai, dù cho “**dịch giả**” là một nhân vật “**nổi tiếng**” (-Tăng sĩ hay cư sĩ). -Vì trong khi chuyển ngữ, “**dịch giả**” dù “**khách**

quan” đến đâu, cũng khó tránh khỏi *phổ cập thiên kiến* của mình vào dịch phẩm, một cách “*không hay*” !

-Nói cách khác, là chúng ta không nên vì *hoang mang trước những đoạn kinh văn Pālī tối nghĩa*, mà dừng lại sự nghiên cứu PHẬT HỌC (Buddhasāsana sikkhā). Thay vào đó, chúng ta cần *tỉnh táo và hỷ xả*, tháo gỡ ***những điều*** «*không rõ*» trong ***quan hệ*** (paccaya) giữa các *chương phần* (Pakaraṇa) Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) đã từng học qua.

-Ngoài ra, khi công hiến KIẾN GIẢI, chúng tôi càng không phải trình bày lại “*toàn bộ những chương mục đã được đề cập*”. Tức là KIẾN GIẢI cũng nên tiết kiệm thì giờ của bạn đọc, không nên làm cho họ “*mất thì giờ với chuyên đã biết rồi*” !

<> ***Bất định thứ nhất***

Liên quan tới TÂM VƯƠNG và TÂM SỞ.

*Từ ngữ “Pālī” duy nhất được dùng chung, trong việc “đặt tên” cho “**89**” hay “**121**” loại “*TÂM VƯƠNG*”, là “**CITTA**”.

-Nghĩa là cái tên “*TÂM VƯƠNG*” (CITTA) cũng có thể ám chỉ “**89**” hay “**121**” hiện tượng biểu lộ tinh thần của con người, xuyên qua “PHÁP GIỚI” (dhamma dhātu).

*“Pháp giới” ở đây gọi là “***danh sắc giới***” (nāma-rūpa bhūmi).

-Chữ “VUÔNG” (Hán-Việt) gián tiếp nói rằng, ấy là “VUA, là vai trò **chủ động**”.

-Nhưng trong «CHU TRÌNH TÂM» (citta vīthi), thì “**TÂM VUÔNG**” (CITTA) lại đóng một số vai trò khác (añña kicca), nhiều khi là “**thụ động**”, mà “hình thức” lẫn “ý nghĩa” trong tên “Pālī”, của “một số vai trò thụ động” ấy, lại rất “*xa lạ*” hay có vẻ “*mâu thuẫn*” với ý nghĩa thông thường của “TÂM VUÔNG” từng được biết...là đàng khác !

-Chẳng hạn như “**TÂM VUÔNG**” (citta) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra) hay xuyên qua Ý MÔN (mano dvāra), thì đóng vai trò (kicca) của “**hữu phần**” hoặc của “**hộ kiếp**” (bhavaṅga), có “bản chất” rất “**thụ động**”, hoàn toàn “**tiêu cực**”, như giòng chảy bằng phẳng, không gợn sóng.

-Và “**dạng viết**” của chữ Pālī giữ vai trò “**HỮU PHẦN**” hoặc “**HỘ KIẾP**” ấy, là “**bhavaṅga**”, thì NÓ cũng “*vừa bất đồng dạng*” lẫn “*vừa khác nghĩa*” với chữ “**citta**”.

*Theo “**CÂU-XÁ LUẬN**” (Abhidharma Kosha), thì “TÂM VUÔNG” (citta) và “TÂM SỞ” (cetasika) phải chịu “**ảnh**

hưởng” của “*thời gian*” (kāla), và xuyên qua những chuỗi “*vận hành*” (saṅkhārā=kicca), để mang các “tên” khác nhau.

-Chẳng hạn như :

<>Khi “*tâm vương*” (citta) trực tiếp thấy HIỆN CẢNH (vijjamāna ālambana) thì được gọi là “**TÂM THỨC**” (citta viññāna), tức là TÂM BIẾT cái CẢNH TƯỢNG (ālambana) *đang có*, thuộc về HIỆN TẠI (paccuppanna kāla).

<>Nhưng khi “*tâm vương*” (citta) gián tiếp nhớ lại CẢNH CŨ (naya ālambana), thì được gọi là **Ý THỨC** (maṇo), tức là TÂM BIẾT cái *đã qua*, thuộc về QUÁ KHỨ (atīta kāla).

<>Rồi khi “*tâm vương*” (citta) “phát hoa ra” CẢNH SẮP CÓ (asanta ālambana), thì gọi là **HÀNH THỨC**, tức là TÂM BIẾT cái chưa đến (dựa trên những yếu tố tích lũy hiện tại), thuộc về TƯƠNG LAI (anāgata).

Và TÂM SỞ (cetasika) cũng vậy.

“TÂM SỞ” luôn luôn được THỜI GIAN (kāla) giúp “tạo thành tích”, để *gia tăng* hay *giảm bớt* “năng lực” của NGHIỆP (kamma). -Nghĩa là đối với TÂM SỞ (cetasika), *hiệu quả* của *thời gian* (kāla) là tình trạng “**CHẤT CHỨA ÁN TƯỢNG**” thuận hay nghịch, mà nhà Phật gọi là **tập ấm**. (khandha).

-Chẳng hạn như :

<>**Tâm sở** (Cetasika) phát khởi (hay gợi cảm) cho một hành động gì (kamma), có thể thực hiện sau đó, thì “**nó**” được gọi là TƯ DUY (saṅkappa) hay TÁC Ý (cetanā).

<>**Tâm sở** (cetasika) khi phát khởi liên tục, để chuyển thành một “tạo nghiệp” thì NÓ là TÁC Ý (saṅtāna cetanā). “**Độ mạnh**” (bala) của sự phát khởi liên tục ấy, chính là “năng lượng” của “**đồng lực**” (Javana) trong CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi). -Và TÁC Ý (saṅtāna cetanā) liên tục là “nguồn gốc” của “**sự lập lại**” hay của “đồng lực” (javana).

<>**Tâm sở** (cetasika) được củng cố không ngừng, thì “**nó**” là THẮNG Ý (cetanā viśesa), và thực hiện ra hành động (cetanā manasikāra). “**Đó**” là “phát khởi” **tâm nghiệp** (kamma) trong Ý MÔN (maṇo dvāra).

<>**Tâm sở** (cetasika) dưới dạng “thắng ý” (viśesa), và nếu có đủ 7 chập sát-na đồng lực (javana khaṇa), thì “xác nhận ấn tượng của cảnh” đến điểm “**đăng ký**” (tadālabhāna). Từ đó, “NÓ” là **tập ý** (cetanā bhāvanā) có đặc tính “**tồn trữ**”, để thành lập các “THỦ UÂN” (upādāna khandha).

*Nhắc lại TÊN “Pālī” chung của “52 tâm sở”, còn gọi là “52 sở hữu tâm” là...“CETASIKA”. -Khi “52 tâm sở” hay “52 sở hữu tâm” này “góp mặt” trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì chúng lại đóng “các vai trò đặc biệt” dưới “nhiều dạng khác”, mà ý nghĩa của những chữ “Pālī”, ám chỉ những “vai trò khác đó”, lại có “tính cách chủ động” (tức với chức năng cầm đầu=vương), chứ không phải chỉ là “phụ tá” như “vị trí tùy tùng” của “tâm sở” (cetasika) mà chúng ta được biết. -Chưa kể hình thức của chữ viết cũng khác (!)

-Ví như các “TÂM SỞ” (cetasika) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), thì được “tương trưng” bằng những “chập sát-na” (khaṇa), mà chữ “Pālī” của những “chập sát-na” ấy, lại có các “ý nghĩa CHỦ ĐỘNG” (uyyutta), như “hướng môn” (āvajjana), “tiếp thân” (sampaṭicchana), “suy đạt” (santīrana), “đoán định” (voṭṭhappana), “đồng tốc” (javana), “đăng ký” (tadālabhāna), “chấm dứt” (cuti), và “chuyển tiếp” (paṭisandhi=tục sinh)...hơn là chúng có các “ý nghĩa THỤ ĐỘNG thông thường” (udāsīna).

-Đó rõ ràng là sự vận hành ngầm ngấm và “chủ động” của TÂM SỞ (cetasika), và dường như chúng cũng phát sinh từ dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga = tương đương với TÂM VƯƠNG = citta), nhưng nguồn gốc và năng lực của chúng, lại đến từ

NGOẠI cảnh (bahiddhā lambana), xuyên qua 5 GIÁC QUAN (pañca dvāra), đập vào dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), rồi được xem như “xuất xứ” từ NỘI cảnh (bahīra ā lambana) trong Ý MÔN (maṇo dvāra), -chứ TÂM SỞ (cetasika) không phải tuyệt đối là “sản phẩm” của “**tứ đồng**” với TÂM VƯƠNG (citta), là “*đồng sanh*”, “*đồng diệt*”, “*đồng cảnh*”, và “*đồng căn*”. Chưa kể TỨ ĐỒNG ấy còn cho chúng ta cái cảm giác “tâm sở là **bề mặt** của tâm vương” (=luôn luôn che khuất bề trong), hay “tâm vương là sở là “**nội diện**” của tâm sở”.

-Nhưng BẤT ĐỊNH (aniyata) đáng chú ý là ở chỗ tên gọi các “TÂM SỞ” (cetasika), qui cho những *CHẬP SÁT-NA tích cực* (khaṇa karika) kia, lại ám chỉ vai trò chính của *TÂM VƯƠNG* (Citta), một cách không “mập mờ” ?!

-Và hầu hết các “giáo thọ” dạy Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) đều gọi những “chập sát-na” (khaṇa) ấy, bằng các “tên kép” có chữ “TÂM”, như “**tâm hướng môn**” (āvajjana citta), “**tâm tiếp thu**” (sampaṭicchana citta), “**tâm suy đạt**” (santīraṇa citta), “**tâm đoán định**” (voṭṭhappana citta), “**tâm đồng tốc**” (javana citta), “**tâm đăng ký**” (tadā lambana citta), “**tâm tử**” (cuti citta), “**tâm tục sinh**” (paṭisandhi citta), “**tâm hữu phần**” (bhavaṅga citta), mà không nói rõ ấy là “TÂM VƯƠNG” (citta) hay “TÂM SỞ” (cetasika) !

-Tình trạng này khiến chúng ta không thể “**án định**” và “**đo lường**” các “**vai trò**”, như “**hướng môn**” (āvajjana), “**tiếp thu**” (sampaṭicchana), “**suy đạt**” (santīraṇa), “**án định**” (voṭṭhappana), “**đồng tốc**” (javana), “**đăng ký**” (tadālabhāna), “**chấm dứt**” (Cutī), và “**chuyển tiếp**” (Paṭisandhi) hay “**tục sinh**”...là “**chủ đông**” từ TÂM VƯƠNG (citta) hay “**chủ đông**” từ TÂM SỞ (cetasika) ?!

-Chỉ khi nào chúng ta không cố chấp vào “**danh xưng**” hay “**định nghĩa**” của “**từ ngữ**”, và sẵn sàng “**khách quan nắm bắt**” các “**KIẾN GIẢI**” (Samujjala vivaraṇa), do *trải nghiệm* hay do sự *bình sáng trong tâm thức* (=đứng ngoài các thứ “**thành kiến**”), tức là chúng ta “**giữ ý quên lời**”....thì “**vấn đề bất định**” (aniyata) mới chẳng còn nữa !

*Rồi một BẤT ĐỊNH (aniyata) khác, là “**tổng số 52 TÂM SỞ**” (cetasika). Khi đem **so lại** một cách biệt lập, bằng cách kê khai CHÚNG ngoài «**CHU TRÌNH TÂM**» (citta vīthi), thì chúng ta cũng “**thấy**” có thêm một số tâm sở, *không tương đương* với các *tên đã biết*. -Và nếu chúng ta “**cộng tất cả lại**”, thì tổng số TÂM SỞ (cetasika) có thể cao hơn con số **52**.

*Chưa kể có những tên “**TÂM SỞ**” (cetasika), -vừa không đại diện cho các “**từ ngữ**” *chuyên chở* “**thọ cảm của ấn tượng**”, do

“CẢNH” (ā lambana) đập vào, -vừa không thuộc về CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), -mà là những “*từ ngữ*” ám chỉ các “TÂM SỞ” phát sinh một cách độc lập trong Ý MÔN (maṇo dvāra), với NGHĨA LÝ nói lên nhiều “*đặc tính phi danh sắc*”.

*Vài đoạn kinh trong sách “A-Tỳ-Đạt-Ma” hay VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) còn gọi CHÚNG bằng một tên khác, là “tâm sở THUẦN KHIẾT” (*suddha manodvāra vīthi cetasika*), và xác nhận CHÚNG cũng thuộc về CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), chứ không thuộc về loại CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) nào khác.

-Tương tự như thế, những TÂM SỞ *bình thường* (sābhāvika cetasika) chuyên chờ “*một tình trạng của tinh thần*” (maṇo) thuộc CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), thì được “bỏ tức” bởi một tính từ khá đặc biệt là “DI ẢNH” (=tadānuvattikā), trong “BẤT ĐỊNH” (aniyata).

<>“Sự kiện” này làm cho ý nghĩa khởi đầu phải khác đi đôi chút. Rồi phải chăng “*di ảnh*” (tadānuvattika) ở đây ám chỉ “*tâm cảnh*”, một loại “tâm sở không có tên” ?!

-Thay vì gọi là CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN, có *cảnh rất lớn* (atimahanta), thì NÓ được gọi là “CHU

TRÌNH TÂM tồn trữ **DI ẢNH**” (tadānuvattikā), một “*dạng CHU TRÌNH TÂM xuyên qua ý môn*” khác (añña maṇo dvāra citta-vīthi) ?

-Cái BẤT ĐỊNH (aniyata) ở đây là “**sự khác biệt**”, trong “CHU TRÌNH TÂM (citta) vīthi), tuy cũng xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra), nhưng với các “**tâm sở THUẦN KHIẾT ý môn**” (suddha manodvāra vīthi), chứ **KHÔNG PHẢI** những tâm sở thuộc “**ý môn thông thường**”.

-Nghĩa là CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) khi có một số “TÂM” (citta) và “TÂM SỞ” (cetasika) phát sinh hoàn toàn độc lập với những “**thực tại đặc biệt bên trong lẫn bên ngoài**” NGŨ UẨN (pañca khandha), thì NÓ không nằm trong “**hợp lý** của **tâm vật**”, không nằm trong “hợp lý danh sắc” (nāmarūpa).

-Và phải chăng các “TÂM” (citta) và “TÂM SỞ” (cetasika) loại này có thể nằm ngoài các *pháp hành* của NGŨ UẨN (pañca khandhā), mà **SẮC PHÁP** (rūpa dhammā) là MỘT trong NĂM vai trò chính ?!

-Nếu như thế, thì ở đây “**sắc pháp**” (rūpa dhammā) trong “NGŨ UẨN” (pañca khandhā) đã trở thành “bất lực về mặt VẬT LÝ” (tikicchā) ! -**SẮC PHÁP** (rūpa) ấy trong trường hợp này, chỉ là “KHÁI NIỆM” (paññatti), hay “**phi thực tế**”, không nằm trong

“vận hành” của “**thực tế**” ! -Và phải chăng chúng ta có thể gọi CHÚNG là **sắc pháp siêu việt** (bhūta) trong THIỀN (jhāna) ?

*Tức là ngoài những TỪ NGỮ (vacanamālā) thuộc về TỤC ĐỀ (paññatti) hay CHÂN ĐỀ (paramattha), chúng ta còn tìm thấy một số TỪ NGỮ không thuộc về “ĐỀ” (sacca) nào cả !

Cũng nên biết rằng :

<>Nói đến SẮC (rūpa) là nói đến GIỚI HẠN (dhātu), và nói đến HÌNH THỨC (rūpa, saṅghāna) là nói đến THAY ĐỔI (aniccā=vô thường)...gồm có SẮC THÔ KỆCH (olārika rūpa) và SẮC VI TẾ (sukhuma rūpa).

-SẮC THÔ (olārika rūpa) thì thay đổi rõ rệt, nhìn thấy được.

-SẮC TẾ (sukhuma rūpa) thì thay đổi tinh vi, khó nhận ra.

*SẮC TẾ (sukhuma rūpa) vốn “nằm trong” trình độ cao nhất của THIỀN “**hữu sắc**” (rūpa jhāna), dưới “*dạng*” KHÁI NIỆM (paññatti) về ĐỀ MỤC (kammaṭṭhāna) và TÍNH XẢ (upekkhā) là pháp HÓA GIẢI.

-Nhưng “**sắc tế**” (sukuma rūpa) cũng “nằm trong” THIỀN “**vô sắc**” (arūpa jhāna), dưới dạng “**SIÊU VIỆT**” (Bhūta), hay VÔ BIÊN...thì phải chăng “sắc tế” nằm ngoài qui ước vật lý ?

*Nghĩa là SIÊU SẮC (abhitūpa) thì “**bất khả thuyết, bất khả tư nghì**”, chẳng khác nào như :

1/CẢNH GIỚI của THIỀN (Jhāna bhūmi),

2/CẢNH GIỚI của THÁNH TÂM (ariya citta bhūmi), và

3/CẢNH GIỚI của PHÁP (dhamma bhūmi), -bao trùm mọi cái vô biên không gian, và chẳng thuộc thuộc thời gian.

Và nói chung :

-Các SẮC TỐ (rūpa-dhāu) vốn là “chỗ dựa” (vatthu) của “TÂM” (citta) lẫn của “TÂM SỞ” (cetasika), thuộc DỤC GIỚI (Kāma bhūmi) và SẮC GIỚI (Rūpa bhūmi)...

-Nhưng các “SẮC SIÊU VIỆT” (bhūtarūpa) cũng là “chỗ dựa” của cả “**vô biên sắc giới**” (ākāsānñcāyatana), trong “**VÔ BIÊN ĐỀ MỤC THIỀN**” (arūpa kammaṭṭhāna).

*Ba tình trạng này nếu không gọi là BẤT ĐỊNH (aniyata), thì chúng ta có thể gọi là gì khác ?!.

<>Rồi sự “**thuần khiết**” (suddha) bao gồm 5 pháp, tạm viết trong ngoặc kép để gọi sự chú ý, là :

*“**THIỀN thuần khiết**” (suddha jhāna),

*“**ÁN CHÚNG thuần khiết**” (suddha nimitta),

*“*AN TRÚ thuần khiết*” (suddha appanā),

*“*THẦN THÔNG thuần khiết*” (suddha abhiññā), và

*“*NIẾT-NÀN thuần khiết*” (suddha nibbāna)...

*Đây chính là LÝ DO tại sao, soạn giả của tập “KIẾN GIẢI” khiêm nhượng này, trong một đoạn trước đã “**đặt nặng**” việc nghiên cứu một cách cẩn thận, và càng sâu sắc càng tốt, các CHU TRÌNH TÂM xuyên qua Ý MÔN (maṇo dvāra citta vīthi), nhất là trên 3 lãnh vực :

1/THIỀN HỌC (jhāna sekkhā) gồm a/thực hành trên nền tảng của **thuần thực giữ giới** (Sīla parikamma), b/thực hành trên nền tảng hướng đến sự **định tâm** (Samādhi), và c/thực hành trên nền tảng luôn luôn “hòa tan” với “đề mục” (kammaṭṭhāna) hay **cận hành** (upacāra).

2/NHẬP ĐẠO (magga), bao gồm hiệu lực của **thuận thứ** (anuloma), hay **thích ứng** với phẩm cách thăng hoa.

3/ĐẮC QUẢ (phala), bao gồm sự **chuyển tánh** (gotrabhū), và viên dung **hạnh toàn xả** (upekkhā sampanna).

<>Ngoài ra, theo các *chuyên gia* THẦN HỌC (Théologie), thì Ý MÔN (maṇo dvāra) hay *giác quan THỨ SÁU* còn được xem là cái “*MÔI TRƯỜNG*” (catalyseur) vừa “*VI DIỆU*” vừa “*ĐỘC*”

LẬP”, để cho những NĂNG LỰC SIÊU THOÁT (Énergie transcendente) có thể “**giao thoa**” (interferer), và “**biểu lộ ra**” các “tiềm năng huyền bí” (pouvoir exotérique), mà **toàn bộ định luật vật lý** không thể nào khám phá, hay giải thích một cách rõ ràng nổi.

Chẳng hạn như :

-*Một số điều báo trước trong giấc mơ, đã được ỨNG NGHIỆM xác thực, không bị phản biện bởi lý lẽ ngẫu nhiên.*

-*Các hiện tượng thần linh, đã từng CỨU GIÚP nhiều kẻ khốn cùng một cách “cụ thể”, mà không thể bị bác bỏ bởi “**luận cứ chống mê tín**”.*

*Các chứng đắc thần khai nhiệm mầu (abhiññā), đã biến một số cá nhân phàm phu trở thành những bậc SIÊU THOÁT (=Thánh Nhân) một cách độc đáo, mà **không khoa học vật lý nào có thể phân tích**, hay nêu ra lý lẽ có thể soi sáng...

<>Đó là sự BẤT ĐỊNH (aniyata) của TÂM VUA (citta) và TÂM SỞ (cetasika), nằm trong tình trạng “ràng buộc” hay “không ràng buộc” với SẮC PHÁP SIÊU VIỆT (bhūta rūpa dhamma), một cách kỳ lạ.

-Nói cách khác :

<>Đó cũng là pháp BẤT ĐỊNH (aniyata dhamma) nằm trong hỗn hợp NGŨ UẨN (pañca khandha), gồm 1/SẮC (rūpa), 2/THỌ (vedanā), 3/TUỞNG (saññā), 4/HÀNH (saṅkhāra), và 5/THỨC (viññāna).

*Triết học A-TỀ-ĐẠT-MA (Abhidhamma) còn gọi *Ngũ uẩn* là “DANH SẮC” (nāma rūpa), một “HỖN HỢP” (khandha) của *tinh thần* hay “DANH” (nāma dhamma), cấu kết với *thể xác* hay “SẮC” (rūpa).

<>Nếu “DANH SẮC” (nāma-rūpa) thuộc về DỤC GIỚI (kāma bhūmi), thoát tiên lấy DỤC VỌNG (taṇhā) hay THAM-SÂN-SI (lobha-dosa-moha) làm “*nhân khởi động*” (paccaya), và sau thuộc về SẮC GIỚI (rūpa bhūmi), lấy TÚ ĐẠI làm “chỗ dựa” (vatthu)...để TÂM (citta) cũng như TÂM SỞ (cetasika) có đủ “nền tảng” (paṭṭhāna) hay “pháp giới” (dhammadhātu) mà vận hành...thì “VÔ DANH SẮC” (suññātā) thuộc về “Thánh giới” cũng lấy “sắc pháp” ở dạng *siêu thể* (bhūta) làm cảnh (kammṭṭhāna) cho các tầng Thánh.

<>*Bất định thứ hai*

Liên quan đến CHU TRÌNH TÂM (Citta vīthi).

-Đối với 2 loại người :

* Theo ***Vi Diệu Pháp*** (Abhidhamma), nói một cách dễ hiểu và chung chung, thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) là VẬN HÀNH của “*dòng năng lượng chảy ngầm*”, từ SỰ SỐNG (jīvita), để “*duy trì chính nó*” (bhavaṅga), tương ứng với “QUẢ của NGHIỆP”, đã thực hiện trong quá khứ, hay TIỀN DUYÊN.

-CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), khi có ***ngoại cảnh RẤT LỚN*** (atimahanta ālambana) đập vào dòng HỮU PHẦN (bhavaṅga), sẽ “*kéo dài*” 17 *chập sát-na TÂM* (citta khaṇa), và sau cùng có ẢN TƯỢNG “***đăng ký đầy đủ***” (tadālabana sampanna), trước khi NÓ chạm vào “*điểm cuối đờ*” (cuti) để rơi vào HỮU PHẦN (paṭisandhi-bhavaṅga), bắt đầu một “*chu kỳ mới*”, trong cõi DỤC (kāma).

-Nếu CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) ấy mới xảy ra lần thứ nhất, và đối với một người “***độn căn***” còn gọi là “***độn trí***” (=tinh thần kém linh hoạt), thì cái *ngoại cảnh dù RẤT LỚN* (ati mahanta), đã trải qua 17 *chập sát-na TÂM* (Citta khaba), vẫn không thể “đăng ký ấn tượng” một cách “***sâu đậm***” vào TÂM THỨC (citta-viññāna), như CHU TRÌNH TÂM *tương tự* đối với một người thuộc loại “***lợi căn***” hay “***lợi trí***” (tinh thần bén nhạy).

-Lý do ?

-Vì tuy đó là lần đầu tiên, nên trong “tiềm thức” hay “HỮU PHẦN” (bhavaṅga) của “một người độn căn” (hay “*độn trí*”), “*độ si-mê trong kiếp hiện tại vẫn còn dày*”, -không giống như “người lợi căn, lợi trí”, *si mê đã giảm*, hình ảnh của CẢNH để tồn tại trong CHU TRÌNH TÂM (citta-vīthi).

-Chưa kể khi có “dấu tích cũ làm tiêu chuẩn”, để cho “**đồng lực**” (javana) trong CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) “*căn cứ vào mẫu sẵn*”, mà ghi nhận **một cách mạnh mẽ** CẢNH TƯỢNG (āḷambana) vừa được tiếp thu, trong 2 loại người “*lợi căn và độn căn*” cũng chênh lệch khác nhau.

*Để làm “KIỂU MẪU” ở đây, chúng tôi xin nêu một ví dụ “CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NHÃN MÔN (cakkhu dvāra), với *ngoại cảnh RẤT LỚN (atimahanta)*” như đã từng trình bày trong đoạn trước.

-Nếu quý vị “suy nghiệm”, và “**nắm bắt**” được nội dung ví dụ trên, thì các CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua “4 cửa” kia, gồm NHĨ MÔN (sota dvāra : **cửa tai**), TỶ MÔN (ghāṇa dvāra : **cửa mũi**), THIỆT MÔN (jīvhā dvāra : **cửa lưỡi**), và THÂN MÔN (kāya dvāra : **cửa thân, làn da**) cũng sẽ được hiểu một cách tương tự.

-Xin nhắc lại, nếu ấy là Thánh nhân (ariya puggala), TÂM (citta) không chứa “THỦ UẨN” (khandha upādāna), thì các CHU TRÌNH TÂM của các Ngài rất khác, không kể vào đây !

BỐN CĂN CƠ CỦA PHÀM NHÂN :

-**Thứ nhất**, hạng *phàm phu* “ĐỘN CĂN” hay “đôn trī”, có tinh thần kém linh hoạt, ám chỉ loại người **ít trí nhớ**, dễ quên.

-**Thứ hai**, hạng *phàm phu* “LỢI CĂN” hay “lợi trī”, có tinh thần điềm tĩnh, sáng suốt, ám chỉ loại người thông minh, hay các “hành giả” đã đắc THIỀN (Jhāna bhāvanā),

-**Thứ ba**, các *Thánh nhân* đã “NHẬP LƯU” (Ariya panna), như Tu-đà-huờn đạo lần quả (Sotāpanna), Tu-đà-hàm đạo lần quả (Sakadāgāmi), và A-na-hàm đạo lần quả (Ānāgāmi), có tinh thần thường xuyên thanh tịnh... Các Ngài luôn luôn là các bậc “*lợi căn*” hay “*lợi trī*”

-Thứ tư, 2 bậc *Thánh* đạt *A-la-hán đạo* (Arahatta magga) và *A-la-hán quả* (Arahatta phala), vì đã tận diệt *tham sân si, phiền não*, nên tinh thần luôn luôn trong suốt, tự tại, hoàn toàn không giống như 3 căn cơ kể trước. Chữ Pālī gọi bậc THÁNH này là

“*Arahanta*”, tạm dịch là “*ỨNG CÚNG*”) hay “*HOÀN TOÀN ANH MINH*” (Vijjā udapādi).

12 LOẠI NGƯỜI

(Puggala bheda)

◁Ngoài “*bốn căn cơ*” nêu trên, VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) trong nhà Phật còn dựa trên *lực đẩy ngầm* hay “*ĐỒNG TỐC*” (javana) của “*tâm tục sinh*” (paṭisandhi citta) thuộc CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi), nêu ra “*12 loại người*”, được tạm xếp thành “*3 hạng*” là :

*=>HANG A có *tâm si* và *năng tính* rất THOÁI HÓA. Đó là *KẾT QUẢ CỰC XẤU* của *3 nhân bất thiện* THAM-SÂN-SI tạo nghiệp ÁC trong *quá khứ* (atīta vipāka akusala citta).

-Đây là loại *tâm thức* có “đồng lực bất lành” đẩy cho “*TỤC SINH*” (paṭisandhi kicca) vào *hạng A*, tên là “*SUY ĐẠT thọ xả*” (santīraṇa upekkhā sahagata).

-Đối với *kiếp hiện tại*, “*SUY ĐẠT thọ xả*” (santīraṇa upekkhā sahagata) nằm trong nhóm “*VÔ NHÂN BẤT THIỆN*” (ahetuka akusala citta). *Hạng A* này gồm *2 loại* đầu thai XẤU, là 1/“*đọa ít*” (culladuggati) và 2/“*đọa nhiều*” (mahāduggati) :

-Riêng loại *đầu thai* **đọa nhiều** thì có thể “tượng trưng” bằng 4 cõi hoàn toàn bất hạnh”, là 1/“**địa ngục**” (niraya=thường xuyên vô phúc), 2/“**bàng sanh**” (tiracchāna yoni=di chuyển xuong sống nằm ngang), 3/“**ngạ quỷ**” (petivisaya=luôn luôn bị đói khát), và 4/“**a-tu-la trần gian**” (asurakāya=hằng ngày thêm khát, muốn thụ hưởng như “người” mà không được). Cả 4 *cảnh khổ đọa* ấy kéo dài rất lâu, tương ứng với quả báo của NGHIỆP ÁC hay HÀNH ĐỘNG XẤU đã tạo.

-Còn loại *đầu thai* **đọa ít** (culladuggati) được “tượng trưng” bằng 4 *kiếp sống trên thế gian*”. Nếu so sánh thì có thể tương đương với 4 tình trạng bất hạnh sau đây :

<>Cảnh *toàn thời* **VÔ PHÚC** như ở địa ngục (niraya),

<>Cảnh *bán thời* **ĐÓI KHỔ**, như làm thú vật (tiracchāna yoni),

<>Cảnh *đa thời* **THÊM KHÁT**, như làm ngạ quỷ (peta), và

<>Cảnh *thường thời* **ĐÓI KHỔ**, *thêm khát* do “đọa sinh” với *si mê* và *sân hận* tự tạo ra, cho chính bản thân. -Ví như **KHỔ CẢNH** của “ma trời”, “ma rừng”, “ma xó”, “ma đói”, “ma núi”, “ma sông”, “ma rạch”, “ma giếng”, “ma hang”, “ma động”, “ma biển”...v...v...còn gọi chung là “*a-tu-la địa cầu*” (kāmāsura).

-Sách “*Handbook of ABHIDHAMMA STUDIES*” của Cố Đại Lão Hòa thượng Sayādaw U. SĪLANANDA, một học giả Miến Điện, thông bác Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), gọi “loại **tâm thức** hạng A”, đầu thai vào 4 **CẢNH XẤU** này, bằng nhóm chữ Pālī “DUGGATI AHETUKA”, khi dịch Việt, thì ám chỉ 2 nhóm sinh linh “**VÔ NHÂN đại đạo**” và “**VÔ NHÂN trung đạo**”.

*=>HANG B có **tâm tánh** phần nào **TIẾN HÓA**, nhưng thiện căn còn **YẾU** (*paritta*). Đó là **KẾT QUẢ** của các hành động với **2 nhân thiện ly trí**, (*ñāna vippayutta*) gọi là **VÔ THAM** (*alobha*) và **VÔ SÂN** (*adosa*) trong **DỤC GIỚI** (*kāmavacara*). - **QUẢ BÁO** của chúng sanh **nhị nhân** này được gọi là **nhược thiện** (*duhetuka paritta kusala citta*).

-“**Tâm thức** làm cho **TỤC SINH** (*paṭisandhi*) của HANG B này cũng có tên là “**SUY ĐẠT thọ XẤ**” (*santīraṇa upekkhā sahaḡata*). Nhưng đối với kiếp *hiện tại*, nó được gọi là “**TÂM QUẢ TÁI SINH** thuộc loại **VÔ NHÂN NHUỘC THIỆN**” (*ahetuka paritta kusala citta*).

<>**VÔ NHÂN NHUỘC THIỆN**” (*ahetuka paritta kusala citta*), vì “*tâm quá khứ*” ấy tuy *vô tham* và *vô sân* nhưng lại *hữu SI*, nên biến thành “**tâm bảm sinh**” hay “**tâm quả**” (*vipāka citta*) và

“rất yếu”. Đây cũng là lý do gọi nó là “VÔ NHÂN” (ahtuka), tức là các nhân không ảnh hưởng được.

-Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) còn gọi tên “*TÂM TỰC SINH*” loại ấy một cách “đặc biệt” hơn, là “tâm VÔ NHÂN ly trí” (ahetuka ñānavippayutta citta).

<>HẠNG B là loại TÁI SINH không đầy đủ ngũ quan, làm người bị khuyết tật, do tương ứng “**quả báo**” của hành động TỐT không trọn vẹn (thiếu sáng suốt) trong kiếp trước. Ấy là “*hành động thiện không hiểu biết*”, hay **ly trí**, SI MÊ (kusala vipāka ñānavippayutta citta).

<>Ngoài ra, cũng theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), hạng người này tuy có quả lành do hành động THIỆN vô hiểu biết trong kiếp trước, nhưng khi sinh ra làm người, thì kém nhan sắc, ít thông minh, khó tập trung tinh thần, **không thể hành thiện**, và chẳng bao giờ đạt được pháp “**an trụ**” (appanā).

*Nhìn chung, HẠNG B được tượng trưng bằng “*toàn bộ*” những người “**không trọn vẹn**” (=khuyết tật) trên thế gian. -Nói về *thân thể*, thì hạng này gồm các giai cấp từ hạ tiện cho đến giàu sang hay vua chúa. -Nói về *trí óc* thì gồm từ kẻ mù chữ như thú vật cho đến các học giả uyên thâm. -Hay nói về *tinh*

thần, thì bao gồm những kẻ hung dữ như thú vật hoang dã, cho đến những người “quá hiền” như “kẻ ngốc”.

-Sách “*Handbook of ABHIDHAMMA STUDIES*” cũng gọi “loại tâm thức TÁI SINH hạng B” (Paṭisandhi citta), đầu thai vào tình trạng “ít tiến hóa” này, bằng nhóm từ Pāḷi “SUGATI AHETUKA” (=kusala vipāka), -chúng tôi xin tạm dịch là “VÔ NHÂN QUẢ THIỆN *tiểu đạo*” hay “VÔ NHÂN QUẢ THIỆN *tiến hóa ly trí*”.

*=>HẠNG C có *tâm tái sinh* làm *người TIẾN HÓA MẠNH*, đủ tiềm lực “thăng hoa” lên 2 cõi *vô sắc* (arūpa) và *siêu thế* (lokuttara). Đó là *QUẢ LÀNH* (sobhana vipāka) của cả **3 nhân thiện** (tikusala hetu), là VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), và VÔ SI (amoha).

*Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thì “**HẠNG C**” được mệnh danh là sự “*TÁI SINH*” (paṭisandhi) do “TAM NHÂN DỤC GIỚI THIỆN hợp trí” (tihetuka kāmāvacara kusala citta ñānasampayutta).

-HẠNG C “biểu lộ” ra “sự thoát sanh” **9 loại** người toàn vẹn, có thể hành thiện thành tựu, bao gồm cả 2 trường hợp đạt AN CHỈ nhANH và đạt AN CHỈ chẬM, gọi là *lợi căn* hay *lợi trí* và *độn căn* hay *độn trí*, như đã nói qua trên đây.

<>Trong **9 loại sinh linh** (satta) **toàn vẹn này**, chúng ta có thể kể ra, **1 loại là tịnh hạnh nhân** (brahmacariya) cộng với **8 bậc Thánh**, thuộc 4 ĐẠO (catu maggāni) và 4 QUẢ (catu phalāni).

-Sách “*Handbook of ABHIDHAMMA STUDIES*” còn gọi loại “tâm thức TÁI SINH hạng C”, là “năng lực” đầu thai vào tình trạng TIẾN HÓA, bằng nhóm chữ Pāḷi “**sugati sahetuka**”, tạm dịch là “TAM NHÂN QUẢ THIỆN BẨM SINH” (ti kusala vipāka SAHETUKA citta).

QUI NẠP :

=§= Hạng “VÔ NHÂN” **bất thiện** (ahetuka akusala), với THAM, SÂN, SI (lobha, dosa, moha), khi “đầu thai” (paṭisandhi) thì nằm trong **2 loại** sinh linh nói chung, là ĐẠO ÍT (culladuggati) gồm nhiều tình trạng, và ĐẠO NHIỀU (mahāduggati), tức là 4 ÁC ĐẠO.

=§§= Hạng “NHỊ NHÂN **nhược thiện**” (duhetuka paritta kusala), kiếp trước hành động tốt, trong một chừng mực nào đó, với VÔ THAM (alobha), và VÔ SÂN (adosa), nhưng “**ly trí**” (ñānavippayutta), tức là *không hiểu biết việc mình làm*, vì vẫn còn **quá nhiều** SI MÊ (moha).

-Hạng “NHỊ NHÂN” này, khi “tái sinh” (paṭisandhi), thì trở thành **1 loại** chúng sinh không trọn vẹn, chẳng hạn như làm *thú vật khuyết thể*, hay làm *người tàn tật*, do **hiệu lực** của hành động **quá khứ**, tuy có chủng tử thiện (vô tham, vô sân, nhưng vẫn còn **SI MÊ**=moha), thiếu hiểu biết, tức là **hoàn toàn ly trí** (ñānavippayutta), nên nhận quả NHỊ NHÂN (duhetuka) tương ứng, trong kiếp kế tiếp.

=§§§= Hạng “TAM NHÂN” **đại thiện** hay **túc thiện** (tihetuka kusala sampanna), sống hằng ngày bằng hành động thiện với VÔ THAM, VÔ SÂN, và VÔ SI (alobha, adosa, amoha), nên khi mãn kiếp thì TÂM (citta) “thoát sinh” nằm trong **9 loại** tịnh hảo, gồm “1 phạm hạnh” và “8 bậc Thánh”.

Tổng cộng : 2 + 1 + 9 = 12.

Tóm lược CĂN DUYÊN TÁI SINH

của 12 loại người, như sau :

1-Loại VÔ NHÂN quả ác **MANH** (AHETUKA akusala vipāka paṭisandhi), tái sinh vào cảnh đọa nhiều (mahā duggati), như địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, và “*a-tu-la trần gian hạng thấp*”. Hạng sinh linh này rất khó tiếp cận với hạnh phúc.

Chú ý 1 :

“*Loại tâm vô nhân thọ quả ác cực mạnh*” (ahetuka akusala atimahanta vipāka citta) sinh ra ở kiếp này bị *đọa nhiều*, là bởi ở kiếp trước NÓ là “*tâm hữu nhân toàn ác*” (akusala sahetuka), chứa đầy đủ 3 chủng tử ***bất thiện*** (akusala hetu), là THAM (lobha), SÂN (dosa), và SI (moha).

2-Loại VÔ NHÂN *quả thiện YẾU* (AHETUKA paritta kusala vipāka paṭisandhi), tái sinh vào cảnh *đọa ít* (cūla-duggati), như địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, và “*a-tu-la trần gian hạng trung bình*”, thì thỉnh thoảng được thọ lãnh chút ít quả phước, do thân nhân hay người lành hữu duyên chia sót.

Chú ý 2 :

“*Tâm loại vô nhân nhược quả ác*” (ahetuka akusala paritta vipāka citta), sinh ra ở kiếp này bị *khổ đọa tương đối ít*, là bởi ở kiếp trước NÓ vốn cũng là “*tâm hữu nhân ác*” (akusala sahetuka), chứa đầy đủ 3 nhân THAM-SÂN-SI (lobha-dosa-moha), nhưng với cường độ *không mạnh*.

3-Loại NHỊ NHÂN *quả thiện YẾU* (Duhetuka kusala vipāka paṭisandhi), có thể ***không*** sinh ra trong 4 đường ác đạo (=địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, a-tu-la). Và ***tuy được sinh làm người***,

nhưng có thân xác KHÔNG trọn vẹn, phải chịu tàn tật trên cả 2 mặt *sinh lý* và *tâm lý*.

-Hạng người này cũng có đầu óc đần độn, không thể học hành bình thường, và chẳng thể hành thiện, hay không thể thọ “tỳ kheo giới” (bhikkhu sīla) được.

-Đây là “kết quả” (vipāka), của hành động trong quá khứ, với 2 NHÂN LÀNH là “vô tham” (alobha) và “vô sân” (adosa), nhưng khi tạo nghiệp là người KHÔNG HIỂU BIẾT gì cả (thiếu sáng suốt), -nghĩa là việc thiện được làm, một cách hoàn toàn *ly trí* (ñāna vippayutta), hay VÔ MINH (avijjā).

4-Loại TAM NHÂN *quả thiện MẠNH* (Tihetuka kusala mahanta vipāka paṭisandhi), thì luôn luôn “tái sinh” làm người một cách đẹp đẽ (sobhana kaya), *thân tâm trọn vẹn* (không khuyết tật dù nhỏ hay lớn).

-Đây là hạng TÁI SINH của *phàm nhân nhiều phúc đức*, có thể trở thành *mẫu người cao quý*, bậc *phạm hạnh*, hay nhà *lãnh đạo tốt* (được muôn dân kính mến). Bồ-tát (bodhisatta), THÁNH NHÂN (ariya purisa) hay PHẬT (buddha) là các “*anh hoa hiếm thấy*” trong hạng này.

-Đây không những là “***kết quả thiện mạnh***” (mahaggata kusala vipāka), do kiếp trước sống tỉnh thức (satipatṭhāna), biết hành động với VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), VÔ SI (amoha), và không những luôn luôn hợp trí (ñānasampayutta), mà còn là TÂM gieo “***phúc quả căn bản***”, chuẩn bị cho sự chứng đắc Thánh tâm giải thoát về sau.

5-Loại TAM NHÂN *quả thiện cực mạnh* (Sahetuka kusala atimahanta vipāka). Tức là “hạng sinh linh tinh khiết” (visuddhi satta) sẽ TÁI SINH làm người tối đa chỉ 7 lần nữa, sau khi đã chứng đắc NHẬP LƯU ĐẠO (sotāpatti magga tihetuka vipāka kusala paṭisandhi).

<>Các bậc NHẬP LƯU ĐẠO (sotāpatti magga) tái sinh làm người chỉ để hành đạo và “vun tròn BA-LA-MẬT” (pāramitā sampanno), để chắc chắn sẽ giải thoát. Đó là các THÁNH NHÂN *Tu-đà-hườn* (sotāpanno) và *Tư-đà-hàm* (sakadāgāmi).

-Riêng Thánh nhân A-NA-HÀM (ānāgāmi) thì vĩnh viễn không tái sinh làm người. Các Ngài chỉ tái sinh làm TRỜI duy nhất một lần chót, rồi sẽ chứng đắc GIẢI THOÁT (nibbāna), dứt khoát hết luân hồi.

<>Còn Thánh nhân A-La-Hán (arahatta) hay Phật (sambuddha) thì khi thân hoại mạng chung, các Ngài sẽ nhập diệt (niết-

bàn=nibbāna) ngay cuối kiếp hiện tại trên thế gian, và không “tái sinh” vào bất cứ cảnh nào về sau này, trong TAM GIỚI.

<>**Bất định thứ ba.**

<>Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), tiêu biểu nhất là liên quan đến CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañca dvāra), khi có *cảnh* RẤT LỚN (atimahanta ālambana), với đầy đủ 17 *CHẬP sát-na tâm* (citta vīthi khaṇa), thì CHU TRÌNH TÂM (citta vīthi) sẽ kéo dài đến cùng, nghĩa là qua khỏi điểm “ĐĂNG KÝ” (tadālambana), để CHẤM DỨT (cuti), và CHUYỂN TIẾP (paṭisandhi), tức là “tân dòng”, rơi vào HỮU PHẦN (bhavaṅga).

-“*Chu trình tâm tiêu biểu*” này phải luôn luôn có 7 *CHẬP sát-na ĐỒNG LỰC* (javana khaṇa). -Nhưng gọi là “BẤT ĐỊNH” ở đây, vì CŨNG theo VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), “số lượng *chập sát-na*” của ĐỒNG LỰC (javana khaṇa) ấy, trong những CHU TRÌNH TÂM lại thỉnh thoảng biến đổi, ***không luôn luôn đồng nhất*** hay chẳng cùng NĂNG LỰC.

-Rồi có những “*chu trình tâm*” (citta vīthi) xuyên qua NGŨ MÔN (pañcadvāra) với các *hình ảnh* LỚN (mahanta) hay NHỎ (paritta) cụ thể khác nhau, lại vận hành bất bình thường.

-Và cũng có những “*chu trình tâm*” (citta vīthi) thuộc về Ý MÔN (maṇodvāra) với các *ký ức* (=ấn tượng=maṇorañjaka) RÕ (vibhāga) hay MỜ (avibhāga) khác nhau, lại vận hành bất bình thường nữa, không như sách vở đã ghi.

-Nghĩa là số *CHẬP sát-na tâm* của ĐỒNG LỰC (javana khaṇa) vẫn “***bất định***”, vì luôn luôn biến đổi tùy “trường hợp”, dù cho “đối tượng” hay CẢNH (āḷambana) không thay đổi.

Chẳng hạn như :

* Số *CHẬP sát-na tâm* của đồng lực (javana khaṇa) “lập thành” AN CHỈ hay KIÊN CỐ (appanā khaṇa) trong thiền pháp thì chỉ là ***5 lần***. (-Thay vì 7 lần).

* Rồi số *CHẬP sát-na* của đồng lực (javana khaṇa) cho những hành động thuộc loại DUY TÁC (kiriya) thì lại ***ít hơn 5 lần***. (Thay vì phải là 5 lần).

*Ngoài ra, đặc biệt hơn nữa là *thiền tâm đạt AN CHỈ* hay KIÊN CỐ (appanā citta) là “*nền tảng*” (paṭṭhāna) của sự “*biểu lộ phép lạ*” (abhiññā), nên khi thực hiện “*thần thông*”, các “*bậc cao nhân*”, nhất là đức Phật chỉ dùng ***4 sát-na ĐỒNG LỰC*** (catu javana khaṇa) mà thôi. (-4 lần mà không có lý giải).

-Nhưng các đệ tử ưu tú của Ngài muốn làm chuyện phi thường tương tự (abhiññā), thì họ phải cần đến **5 sát-na**. (5 lần).

*Riêng số *sát-na* của **ĐỒNG LỰC** (javana khana) để đắc THIỀN (Jhāna) hay để đắc ĐẠO (magga), thì chỉ có MỘT. -Vì **ĐỒNG LỰC** (javana) ấy không xảy ra lần **thứ hai**. (1 lần).

-Mặt khác, một **CHẬP sát-na** (khana) sanh lên, do **QUẢ đắc thiền** (jhāna vipāka), hay do **đắc Thánh QUẢ** (phala), thì lại có **thể được tái lập lại rất nhiều lần**, tùy theo “**sự vững chắc**” hay “**kiên cố**” của **CHU TRÌNH TÂM an chỉ** (appanā citta vīthi), hay tùy theo “**cường độ**” **CẢM THỌ** (vedanābala) do “**năng lượng an vui**” của “**thiền quả**” (jhāna vipāka).

* “**Năng lượng AN VUI**” nói ở đây là **TIỀM LỰC** của **thọ Hỷ** và **thọ Lạc** (somanassa sahagata, sukha sahagata) trong **CHU TRÌNH TÂM** (citta vīthi) đắc THIỀN (jhāna bhāvanā), hay ngay cả trong **CHU TRÌNH TÂM** đắc QUẢ (phala sampatti).

-Nghĩa là các **CHẬP sát-na tâm thuộc ĐỒNG TỐC** (javana khana) do **AN CHỈ** (đắc THIỀN) (appanā javana khana) hay do ĐẮC ĐẠO (phala javana khana) trước tiên phải vững chắc xảy ra 1 LẦN. Rồi sau đó, **CHÚNG** sẽ *lập đi lập lại* “nhiều lần” (do năng lượng **HỖ LẠC**), để không cho **CHU TRÌNH TÂM** (citta

vīthi) “chạm điểm” *CUỐI DÒNG* (cuti), rồi rơi vào *HỮU PHẦN* (bhavaṅga).

-Tất nhiên, trong trường hợp này, sẽ **KHÔNG CÓ** “sự bắt đầu” **CHU TRÌNH THIỀN TÂM** (citta vīthi) tiếp theo. -Và cứ thế, hành giả sẽ “***kéo dài an vui***” hay “***duy trì sự trải nghiệm***” trong tình trạng “***nhất tâm bất loạn***” (=AN CHỈ), -mà chính **HỌ không biết**. -Và người khác chứng kiến, thì bảo là “***họ nhập đại định***” (mahā bhavanā).

<>Như vậy, số **CHẬP sát-na ĐỒNG TỐC** (javana khaṇa) là ***nhieu*** hay ***ít***, tùy thuộc vào **SỨC MẠNH** (bala) của **THỌ CẢM** (vedanā) trong “Quả THIỀN” (jhāna vipāka) hay “Quả ĐẠO” (magga sampanno), chứ không tùy thuộc và thực tại của **CẢNH** hay “đối tượng (nội hay ngoại).

-Cần phân biệt “**CƯỜNG ĐỘ**” của 4 loại “**năng lượng CẢM NHẬN**” (vedanā) qua **THÂN TÂM** (citta-kāya), là **Thọ hỷ** (somanassa vedanā), **Thọ ưu** (domanassa vedanā), **Thọ lạc** (sukha vedanā), và **Thọ khổ** (dukkha vedanā)....với **CÁI “thứ nắm”**, mà chúng ta tạm gọi là “**HIỆU LỰC KÉO DÀI**” của **Thọ XẢ** (upekkhā).

-“**CHÚNG**” hoàn toàn khác nhau, vì “**CƯỜNG ĐỘ**” (bala) của ***thọ hỷ, thọ ưu, thọ lạc***, và ***thọ khổ*** là một trạng thái “**đậm đặc**”,

“súc tích” để “tiếp tục”. Trong khi đó, thì HIỆU LỰC KÉO DÀI của **THỌ XÃ** (upekkhā) thì *tự do, nhẹ nhàng, thanh thoi, không căng thẳng, tháo gỡ, vô biên giới, như KHÔNG*, chẳng có chiều dài lẫn chiều sâu...!

-Nghĩa là KHÔNG CÓ cái gì đó để “hạn chế” hay “thay thế” cảm giác THỌ XÃ (upekkhā vedanā) về sau này. Trái lại, một bậc PHẠM HẠNH (brahmacariya) hay THÁNH NHÂN (ariya puggala) khi đã tròn đủ XÃ **ba-la-mật** (upekkhā paramitā), thì vị ấy trong tâm luôn luôn có *THÁNH THOI, TỰ DO*.

Chú ý :

*Trạng thái TÂM XÃ (upekkhā) là một “**pháp giải thoát**”, gọi là THUẦN THỰC **giải trừ** MỌI THỨ PHIỀN NÃO, chứ trạng thái ấy không phải là một loại “sung sướng” (kāma sukha) để ôm ấp, hay thèm khát !

-Còn CUỒNG ĐỘ (bala) của **đồng tốc DUY TÁC** (kiriya javana) là một phương diện khác. Nó đơn giản chỉ là “tiềm lực” của HÀNH ĐỘNG VÔ KÝ (kiriya), vô LẬU (byākata), **có hành động mà không có trở quả**. Xin đừng làm lộn NÓ với TÂM XÃ (upekkhā sahagata citta).

MỘT CHÚT BỔ TÚC :

<>“**Cường độ**” (bala) của thọ **UÙ** (domana saḥagata) và của thọ **KHỔ** (dukkha saḥagata) vốn thuộc về “**CẢM THỌ** trong **ĐOÀ CẢNH**” (duggati vedanā), thì chúng tùy vào CĂN RỄ của “**3 nhân bất thiện**” (akusala hetu) là THAM (lobha), SÂN (dosa), và SI (moha), đã ăn sâu vào tâm khảm như thế nào. Điều này dĩ nhiên không khó hiểu !

Số TÂM liên quan đến CẢM THỌ (vedanā) :

* Trong 54 mẫu tâm **DỤC GIỚI** (kāmaṇvacara citta), có 12 tâm bất thiện HỮU NHÂN (saḥetuka akusala citta), với **4 cảm giác thọ hỷ** (somanassa saḥagata), **6 cảm giác thọ xả** (upekkhā saḥagata), và **2 cảm giác thọ ưu** (domanassa saḥagata).

* Cũng trong 54 mẫu tâm **DỤC GIỚI** (kāmaṇvacara citta) ấy, có 18 TÂM VÔ NHÂN (ahetuka), gồm 7 tâm quả bất thiện (akusala vipāka-citta), 8 tâm quả thiện (kusala vipāka-citta), và 3 tâm quả duy tác (kiriya vipāka-citta).

- Trong 18 tâm quả **VÔ NHÂN** (ahetuka vipāka citta) đó, chúng ta có **2 cảm giác thọ hỷ** (somanassa saḥagata vedanā), **14 cảm giác thọ xả** (upekkhā saḥagata vedanā), **1 cảm giác thọ khổ** (dukkha saḥagata vedanā), và **1 cảm giác thọ lạc** (sukha saḥagata vedanā).

- Và trong 24 tâm tinh hảo DỤC GIỚI (kāṃāvacara sobhaṇa citta), chúng ta có **12 cảm giác thọ hỷ** (somanassa saḥagata vedanā), và **12 cảm giác thọ xả** (upekkhā saḥagata vedanā).

- Rồi trong 15 tâm thiền SẮC GIỚI (rūpaloka jhānacitta), có **12 cảm giác đi kèm với thọ hỷ** (somanassa saḥagata vedanā), và **3 cảm giác đi kèm với thọ xả** (upekkhā saḥagata vedanā).

* Cao hơn một bậc, là 12 tâm thiền VÔ SẮC (arūpa jhānacitta), **không có tâm nào đi kèm với thọ hỷ cả**. Tất cả tâm đều là tho XẢ (upekkhāsaḥagata vedanā).

* Và khi đắc Thánh “**nhập lưu**” Tu-đà-hườn (sotāpanna=thất lai), để thoát dần ra tam giới (lokuttara), thì trong **20 tâm Thánh Đạo** (magga ariya citta), có **16 tâm đi kèm với thọ hỷ** (somanassa saḥagata vedanā citta), và **4 tâm đi kèm với thọ xả** (upekkhā saḥagata vedanā citta).

* Tương tự như thế, trong **20 tâm Thánh Quả** (phala ariya citta), cũng có **16 tâm đi kèm với thọ hỷ** (somanassa saḥagata vedanā citta), và **4 tâm đi kèm với thọ xả** (upekkhā saḥagata vedanā citta).

Lược kê **CẢM THỌ** trong **121 TÂM** :

-Có **62 tâm đi kèm với thọ HỖ** (somanassa saḥagata vedanā),

- Có **55 tâm đi kèm với thọ XẢ** (upekkhā saḥagata vedanā),
- Có **2 tâm đi kèm với thọ UU** (Domanassa saḥagata vedanā),
- Có **1 tâm đi kèm với thọ KHỔ** (Dukkha saḥagata vedanā), và
- Có **1 tâm đi kèm với thọ LẠC** (Upekkhā saḥagata vedanā).

BẤT ĐỊNH - ĐỒNG LỰC - TÁI SINH

(Aniyata- Javana - Paṭisandhi)

<>Xét qua “3 cấu tố” LUÂN HỒI (Saṃsāra), “Ý” (maṇo), **DUYÊN** (paccaya), và **KHỞI** (paticca samuppāda).

*Đầu tiên là **sự tái sinh** (thấp nhất) vào “4 CÔI SA ĐỌA” :

1/“**Địa ngục**” (niraya),

2/“**Ngạ quỷ**” (peta),

3/“**Bàng sinh**” (tiracchāna) hay «súc sinh», và

4/“**A-tu-la trần gian**” (kāma asura).

-“**Đồng lực tái sinh**” (paṭisandhi javana) vào 4 cảnh đọa này là “kết quả” (vipāka) tất nhiên, của những *hành động bất thiện* (akusala), xuyên qua THÂN (kāya), KHẨU (vacī), và Ý

(maṇo), do **3 nhân xấu** THAM-SÂN-SI (lobha-dosa-moha), thúc đẩy mạnh mẽ trong quá khứ.

-Khi bàn sâu vào chi tiết, thì tuy có những “*căn nhân*” (hetu) và “*duyên hệ*” (paṭṭhāna) phụ thuộc khác, chẳng hạn như CỘNG NGHIỆP (gaṇībhūta kamma), cũng góp nhân vào «*đồng lực*» (javana) «*đẩy tâm đi TÁI SINH XẤU*» (duggati paṭisandhi), nhưng nói chung thì có «**4 đồng lực**» đưa đến “**4 cảnh đạo**” nêu trên là quả ác (akusala-vipāka).

<>Cao hơn 4 cảnh đạo (duggati bhūmi) là “**CỖI NGƯỜI**” (manussaloka), được xếp vào cảnh thứ 5, thì gồm tất cả nhân loại (manussa), kể từ hạng có **cá tính như thú vật**, đến kẻ **bình thường nhưng bị tàn tật**, rồi đến hạng sinh ra với **thân thể phàm tục trọn vẹn** (puthujjana), và sau cùng gọi là hạng **người xuất sắc, cao thượng** (puggala), có thể trở thành **BẠC PHẠM HẠNH** (brahamcariya) hay **THÁNH NHÂN** (ariya-puggala).

<>Phía trên CỖI NGƯỜI (manussa loka), thì có “**6 CỖI TRỜI DỤC GIỚI**” (kāma deva loka), là :

* Thứ nhất là “**TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG**” (cātummahārājikā deva), gồm “**Đông Thiên Vương**” (dhataratṭha), “**Tây Thiên Vương**” (virūpakkha), “**Nam Thiên Vương**” (virūhaka), và “**Bắc Thiên Vương**” (vessavaṇa).

-Không gian ở giữa 4 “**Cõi Thiên Vương**” là không gian (ākāsa) rộng mênh mông, với tâm điểm là “**Đỉnh núi**” (thần thoại), tên gọi chữ Pāli là *MERU* hay *SINERU*.

<>“**Chư thiên**” hay «dân cư» của các cõi TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG (cātummahārājikādevā), có 4 loại khá đặc biệt :

a/“**Thiên nhạc công**” hay “Càn-thát-bà” (gandhabba),

b/“**Thiên chúng**” hay “Bảo thân” (kumbhaṇḍa),

c/“**Thiên long**” hay “Rồng trời” (nāga), và

d/“**Đa diện tinh**” hay “Dạ-xoa” (yakkha).

Lược chú :

* “THIÊN NHẠC CÔNG” hay “**càn-thát-bà**”, là cái tên được dịch từ phiên âm Hán tự của chữ Pāli «***gandhabba***», là những “***tinh tú âm nhạc***”. «Càn-thát-bà» đứng đầu trong việc làm say mê thính giác, của tất cả chúng sanh trong dục giới (rūpa loka) và sắc giới (arūpa loka), bằng âm thanh kỳ diệu.

* “THIÊN CHÚNG” hay “bảo hộ thân” (kumbhaṇḍa) là những “***Thiên sinh có thân vi tế*** (giống như ánh sáng), *tánh linh tự nhiên* của “họ” là ***thích người lành***, và ***chống kẻ dữ***”.

* “THIÊN LONG” hay “Rồng trời” (nāga), là loại «*linh năng*» có thân dài, tượng trưng cho sự “kết nối” TRỜI và ĐẤT. “Thiên long” là “nguồn gốc” làm “thoát thai” ra ÂM (nisedha) và DƯƠNG (yathābhūta), 2 *nguyên tắc* vừa “*tương hợp*” vừa “*tương khắc*”, khiến cho TỨ ĐẠI SIÊU VIỆT (catu mahābhūta), hay bốn “NGUYÊN ỦY” của vũ trụ, tự động vận hành, phát sinh ra mọi tình trạng, như :

-*cứng* biến thành *mềm*, -*mềm* biến thành *cứng*,

-*hợp* biến thành *tan*, -*tan* biến thành *hợp*,

-*phù* biến thành *trầm*, -*trầm* biến thành *phù*,

-*động* biến thành *tĩnh*, -*tĩnh* biến thành *động*,

-*lạnh* biến thành *nóng*, -*nóng* biến thành *lạnh*,

-*đặc* biến thành *lỏng*, *lỏng* biến thành *đặc*,

-*nước* biến thành *hơi*, -*hơi* biến thành *nước*,

-*nặng* biến thành *nhẹ*, -*nhẹ* biến thành *nặng*,

-*có* biến thành *không*, -*không* biến thành *có*,

-*hữu hình* biến thành *vô hình*, -*vô hình* biến thành *hữu hình*.

<> Và sau cùng TẤT CẢ biến thành ***năng lượng vô biên*** “biểu lộ ra” toàn thể tình trạng *u- minh* hay *hỗn mang*....nằm trong “tính vùng vầy” của “THIÊN LONG” (nāga).

* “ĐA DIỆN TINH” hay “Dạ-xoa” (yakkha) là một loại “***phi nhân***” rất thông minh và giàu mưu trí biện luận.

-“***Phi nhân***” (yakkha) này có thể “*hiện ra*” muôn ngàn hình dạng khác nhau (=đa diện), và luôn luôn thay đổi «bản tánh» hết hiện rồi dữ, hết đẹp rồi xấu, hết nhỏ rồi lớn, hết hữu hình rồi vô hình...hay ngược lại.

-Và chỉ có đức Phật (Buddha) mới hàng phục được *Đa diện tinh* (“Dạ-xoa”=yakkha) mà thôi.

* Thứ hai là “***ĐẠO LỢI THIÊN***” hay cõi «***tập hợp tâm linh đầy hạnh lành, tràn trề phúc đức***», hậu thân của “***TAM THẬP TAM NHÂN PHẠM HẠNH***” (brahmacariya), có ghi trong «*Túc sinh truyện*» (Jātaka) là “điển hình” của thiên chúng cõi này.

-Tiếng Pālī của «ĐẠO LỢI THIÊN» là «*tāvatisa deva*», có nghĩa là cõi trời của “*33 đại phạm hạnh*”. Và vị “*Thiên vương*” (devarājā) đứng đầu là vua “***ĐẾ THÍCH***” (Sakka).

-Đây cũng là NƠI mà đức Phật đã thuyết ***VI DIỆU PHÁP*** (Abhidhamma) cho “*hương linh*” của “Phật Mẫu” (Māyā devī)

và thiên chúng hữu duyên, từ các cõi trời khác đến nghe, suốt 3 tháng trong *mùa an cư kiết hạ thứ bảy*, sau khi thành đạo, -tính theo lịch thế gian.

-Cái tên “*ĐẠO LỢI THIÊN*” hay “*TAM THẬP TAM THIÊN*” (tāvatimsadeva) cũng có nghĩa là “***phúc lớn của 33 vị tạo thiện nghiệp cứu nhân độ thế***”. -Mời đọc TÚC SANH TRUYỆN để biết chi tiết.

* Thứ ba là “***DẠ-MA THIÊN***” (yāmadeva), hay «*CỖI AN VUI BẤT NGHÌ*» (=hạnh phúc không lo). Vị “Thiên vương” đứng đầu cõi trời này tên là “Suyāma”.

-“*DẠ-MA THIÊN*” ám chỉ cõi trời, mà thiên chúng ***hưởng sự an vui một cách trọn vẹn***, nhờ kiếp trước TẠO NHIỀU THIỆN NGHIỆP (kusala kamma) một cách hiểu biết, với “***lòng tin sắc đá, không một gợn nghi ngờ***”.

-Nghĩa là kiếp trước, “*thiên linh*” nào đã may mắn hội đủ duyên lành, được sống gần các bậc THIỆN TRÍ THỨC (kusala paṇḍita). Các “pháp học” hay “pháp hành” của họ thường được soi sáng, và trình bày minh bạch, để áp dụng một cách sáng suốt (có TRI có HÀNH), chứ chẳng phải nhắm mắt hành động, không xuyên qua *chánh kiến* (sammā diṭṭhi).

* Thứ tư là “**ĐÁU-XUẤT-ĐÀ THIÊN**” (Tusitadeva) còn gọi là cõi “**CẢNH CẬN GIẢ THOÁT**”, là thiên cảnh hội đủ thiện duyên, để vào kiếp chót sau đó, thực hiện “*viên tròn công phu ba-la-mật*” (pāramitā).

-Đây chính là “**cõi trời thích hợp nhất**”, để **MỘT ĐẠI BỒ-TÁT** (Mahābodhisatta) “**an trú**”, trước khi giáng trần, trở thành **PHẬT TOÀN GIÁC** (Sammā sambuddha).

-Đặc điểm của cõi “**ĐÁU-XUẤT-ĐÀ THIÊN**” (tusita deva), là NƠI này, chư thiên và *hiền thánh* suốt kiếp không ngừng thuyết pháp (dhamma), nhất là nói **PHÁP VÔ LẬU** (abyākata asaṅkhata dhammā) cho nhau nghe.

-Chính “*huơng linh*” của cố hoàng hậu “Ma-Da” (Māyā), mẹ thái tử Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm (Siddhatta Gotama), sau khi sinh con 7 ngày đã qua đời, siêu sinh lên cõi này, trước khi “**con trần gian**” của bà thành Phật. Và Phật Cồ-đàm (Gotama Buddha) đã lên đây thuyết Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), báo ơn thân mẫu.

* Thứ năm là “**HÓA LẠC THIÊN**” (Nimmānaratī) hay cõi trời “**TỰ SINH PHÚC**”. Đây là NƠI mà tất cả thiên chúng đều có khả năng tự biến hóa ra toàn thể những gì mình cần.

-Nghĩa là HẠNH PHÚC hay cảm thọ HỖ LẠC của họ phát sinh từ “*linh năng*” của MÔI CHƯ THIÊN cõi HÓA LẠC (Nimmānaratī), vì trong “linh năng” của họ chứa đầy đủ *thiên quả* (deva vipāka) lẫn *thiên đức* (deva guṇa).

-Chúng ta có thể gọi “*cõi trời thứ năm*” này là “TỰ HỖ LẠC THIÊN”. Một vị trời sinh lên ở HÓA LẠC THIÊN thì có đầy đủ tất cả mọi thứ hạnh phúc, không cần ai hỗ trợ. Họ không biết “*thiếu thốn vật gì*”.

* Thứ sáu là cõi “THA HÓA TỰ TẠI THIÊN” (Paranimmitavasavatti) hay cảnh trời “THA SINH NHƯ Ý PHÚC”, vì ở đó TẤT CẢ nhu cầu của một thiên linh đều luôn luôn được “cung cấp” tròn đầy theo “linh ý”, không thiếu bất cứ món gì. Và “*phúc vật*” cần đến, chỉ được dùng một lần rồi biến mất, để hiện ra những cái mới, vô cùng tinh khiết.

-Khi một “*thiên linh*” được sinh lên cõi THA HÓA TỰ TẠI (Paranimmitavasavatti), thì tất cả những “*cung cấp*” cho vị ấy, đã được “chuẩn bị” sẵn sàng “theo nhu cầu”, bởi chư thiên ở tầng trời “HÓA LẠC” (Nimmānaratī) bên dưới, để làm tròn công đức “hộ trì” và “đôi lại” là được “NGHE PHÁP”.

-Sự “HUỠNG PHƯỚC” (puñña) ở cảnh trời THA HÓA TỰ TẠI (paranimmitavasavatti) thì rất hoàn hảo, đúng với ý nghĩa

của nhóm chữ “*tha hóa tự tại*” (do chư thiên khác làm cho). Đặc biệt là những “*chư thiên phục vụ*” luôn luôn biết trước “ĐỐI TƯỢNG” của họ muốn gì, để không bao giờ “cung cấp” sai lệch. Trong 6 cõi trời DỤC GIỚI (Kāma bhūmi), thì THA HÓA TỰ TẠI THIÊN là cõi cao nhất.

*Tưởng cũng nên nói thêm, chư thiên trong cõi *THA HÓA TỰ TẠI* (Paranimmitavasavatti) dĩ nhiên là có tuổi thọ rất dài. Và suốt kiếp sống, họ “*dành hết thời gian*” cho việc “***giữ tâm thanh tịnh***” và ***nói PHÁP***.

-Hai tạt *lười biếng* và *thèm hưởng thụ* các hạnh phúc trên thiên cảnh không bao giờ phát sinh trong *CHƯ THIÊN THA HÓA TỰ TẠI* (Paranimmitavasavatti).

*Sự ***nói pháp không ngừng***, chính là “***sinh hoạt chính***” của tất cả sinh linh cõi trời này.

-Nghĩa là, giữa 2 cõi “HÓA LẠC THIÊN” (Nimmitaratī) và “*THA HÓA TỰ TẠI THIÊN*” (Paranimmitavasavattī), luôn luôn có ***sự hỗ trì và hỗ tương đặc biệt cho nhau***, là HỘ TRÌ SỰ NÓI PHÁP (Dhammapāla) và TINH TÂN THUYẾT PHÁP (Dhammabhāsanaviriya).

<>6 CÔI TRỜI vừa nêu cộng với **cõi người** (manussa), và 4 **cõi khổ** (duggati) thì sách VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) gọi là **11 cõi dục giới** (Kāma bhūmi). -Xin ghi lại vắn tắt :

=>3 cõi ĐOẠ NHIỀU hay “**ác báo hạ sanh**” (duggati) là 1/“**địa ngục**” (niraya), 2/“**ngạ quỷ**” (peta), và 3/“**bành sinh**” (tiracchāna yoni),

=>2 cõi ĐOẠ ÍT hay “**thiếu phước chúng sanh**” (sugati), là 1/“**nhân loại**” (manussa), 2/“**thiên a-tu-la**” (ākāsa asura) và “**địa a-tu-la trần gian**” (bhumā asura), cộng với

=>6 **cõi trời dục giới** vừa kể là 1/Tứ đại thiên vương (Cātummahā-rājikādeva), 2/Đạo-Lợi (Tāvatisadeva), 3/Dạ-ma (Yāmādeva), 4/Đâu-xuất-đà (Tusitādeva), 5/Hóa lạc (Nimmānaratī), và 6/Tha hóa tự tại (Paranimmitavasavatti).

*Tổng cộng : 3 + 2 + 6 + 11 CÔI DỤC GIỚI (Kāma bhūmi).

ĐỒNG LỰC đẩy TÂM “**tái sinh**” VÀO SẮC GIỚI.

<>Phía trên 11 cảnh Dục Giới (Kāmāvacara) là 16 cõi trời khác. Đó là SẮC GIỚI THIÊN (Rūpācaradeva). ĐÂY là “điểm đến” của những PHẠM HẠNH NHÂN (visuddhi purisa) đã đắc thiền hữu sắc (rūpa jhāna bhāvanā).

-Nếu ở *DỤC GIỚI* (kāma bhūmi), **tâm** (citta) của chúng sanh luôn luôn bị “*trần cảnh*” (kāma lambana) và THAM-SÂN-SI, làm cho *vọng động* phân tán không ngừng...thì ở cõi *SẮC GIỚI*, **tâm** ấy đã được “*đề mục thiền*” (kamaṭṭhāna) “đào tạo”, làm cho thăng hoa và AN TRÚ (appanā) trong TỨ ĐẠI, từ *ĐỆ NHẤT THIỀN* đến *ĐỆ TỨ THIỀN* (ekaggatā=nhất điểm), và *ĐỆ NGŨ THIỀN* (upekkhā=XẢ), phá biên giới vật chất.

*Nên nhớ rằng “SỰ TÁI SINH” nào (Paṭisandhi bhava) sau khi chết, cũng là một “*PHÁP HÀNH*” (Saṅkhāra). Và mỗi “*PHÁP HÀNH*” đều có “*động lực*” hay *tiềm năng vận chuyển* (javana), “*đẩy*” cho đi tới sự hiện hữu tiếp theo.

-Nói cách khác, đó là “*động tốc tái sinh*” (paṭisandhi javana) hay “*bánh trón chủ lực*” của NGHIỆP (kamma) trong những vòng *LUÂN HỒP*” (Saṃsāra) quay mãi.

<>Xi nêu 16 cõi trời *SẮC GIỚI* (Rūpa bhūmi), cũng gọi **16 đối tượng** để *tâm thiền sắc giới* (rūpa jhāna citta), có thể TÁI SINH (paṭsandhi), mà “cõi thấp nhất” là “*PHẠM CHÚNG THIÊN*” (Brahmaparisajja), và “cõi cao nhất” là “*SẮC CỨU CÁN THIỆN*” (Akaniṭṭha), như sau :

§ -Trước tiên là 3 cõi *PHẠM THIÊN* (Brahma), nằm trên cùng một “tầng trời” (devaloka) gồm :

1/**Phạm chúng thiên** (Brahmaparisajja). -Nhóm chữ “*Phạm chúng thiên*”, đến từ Pāḷi ngữ “*Pārisajjha*” có nghĩa là “cộng đồng” hay “*thiên chúng*”, ám chỉ “*tất cả thiên linh phạm hạnh*” đã sinh vào đây.

2/**Phạm phụ thiên** (Brahmapurohita). -Nhóm từ “*Phạm phụ thiên*”, đến từ Pāḷi ngữ “*Purohita*” có nghĩa là “*phụ trợ*” hay “*thiên linh có chức phận*”, làm việc cho “*cấp trên*”.

3/**Đại phạm thiên** (Mahābrahmā). -Nhóm từ “*Đại phạm thiên*” cũng đến từ Pāḷi ngữ “*Mahābrahamā*” ám chỉ VỊ TRỜI lớn nhất, quán xuyên ở cõi này.

-Chữ “*Mahā*” có nghĩa là LỚN hay ĐẠI, và chữ “*Brahmā*” là PHẠM THIÊN, hay “*thiên linh*” đầy đủ “*thiện hạnh*”.

*Người Ấn-độ theo đạo Bà-la-môn (Brahmanisme) xưa nay vẫn xem vị ĐẠI PHẠM THIÊN (Mahābrahmā) là “*Chúa tể*” của “*vạn vật hữu tình*” trên quả đất. -Có tôn giáo còn xem ĐẠI PHẠM THIÊN là “*tạo hóa*”.

§§ -Tiếp theo là 3 cõi SẮC GIỚI khác (Rūpa bhūmi), gồm :

1/**Thiếu quang thiên** (Parittābhā). -Nhóm chữ “*Thiếu quang thiên*”, đến từ Pāḷi ngữ “*Parittābhā*”, được thành lập bởi 2 phần

“*Paritta*” và “*Ābhā*”. -***Paritta*** có nghĩa là “*trẻ trung*”, “*ngoan đồng*”, hay “*luôn luôn tươi trẻ*”, tạm dịch là “**THIẾU**”. -***Ābhā*** là “*tỏa sáng*” hay “*chiếu rọi*”, tạm dịch là “**PHÁT QUANG**”. “***Thiếu quang thiên***” là cõi “*chư thiên luôn luôn sống đầy hào quang, trong tình trạng trẻ trung.*”

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $3 + \underline{1} = 4$

2/***Vô lượng quang thiên*** (*Appamāṇābhā*). -Nhóm chữ “*Vô lượng quang thiên*” đến từ Pāḷi ngữ “*Appamāṇābhā*”, được thành lập bởi “*appamāṇā*” và “*Ābhā*”.

-***Appamāṇā*** có nghĩa là “*vô lượng*”, không giới hạn, và ***Ābhā*** là *tỏa sáng* hay “*phát hào quang*”.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $4 + \underline{1} = 5$

3/***Quang âm thiên*** (*Ābhassara*). Tên “*Quang âm thiên*” là danh từ Hán-Việt được “*thoát dịch*” từ chữ Pāḷi “*Ābhassara*” có nghĩa là “*soi sáng thấu đến các cõi thấp*”. -Ba cõi vừa nêu cùng nằm trên một tầng trời.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $5 + \underline{1} = 6$.

§§§ -Và tiếp theo là 3 cõi **SẮC** (*Rūpa loka*) cao hơn nữa, là :

1/**Thiểu tịnh thiên** (Parittasubha). -Nhóm chữ “**Thiểu tịnh thiên**” đến từ “hợp ngữ” Pāḷi “Paritta+subha”. **Paritta** nghĩa là “còn ít”, hay “chưa hoàn toàn đầy đủ”, và **Subha** nghĩa là THANH TỊNH. -Tức là cõi mà sự THANH TỊNH của chư thiên chưa viên dung tuyệt đối.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $6 + 1 = 7$.

2/**Vô lượng tịnh thiên** (Appamāṇasubha). -Nhóm chữ “**Vô lượng tịnh thiên**” đến từ “hợp ngữ” Pāḷi “Appamāṇā+Subha”. **Appamāṇā** có nghĩa là “vô lượng”, “không biên giới”, “vô hạn định”. Và **subha** nghĩa là THANH TỊNH. Tức là “**VÔ BIÊN THANH TỊNH**”, tinh khiết.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $7 + 1 = 8$.

3/**Bất biến tịnh thiên** (Subhakiṇha). -Nhóm chữ “**Bất biến tịnh thiên**” cũng đến từ “hợp ngữ” Pāḷi “Subha+Akiṇha”. **Subha** nghĩa là thanh tịnh. **Akiṇha** nghĩa là “vững chắc”, “cố định”, “không thay đổi”.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $8 + 1 = 9$.

*Đến đây, chúng ta đã nêu ra 9 cõi PHẠM THIÊN, hay **SẮC GIỚI** (Rūpa loka), gồm 3 TẦNG trời (Tiloka deva) :

=>1 tầng lấy PHẠM HẠNH (Brahmacariya) làm “tiêu chuẩn”,

=>1 tầng lấy HÀO QUANG (Ābhā) làm “tiêu chuẩn”,

=>1 tầng lấy THANH TỊNH (Subhā) làm “tiêu chuẩn”).

§§§§ -Phía trên 9 *thiên cảnh* ấy là 2 SẮC GIỚI đặc biệt, gồm :

1/*Quảng quả thiên* (Vehapphala). -Nhóm chữ “*Quảng quả thiên*” đến từ “hợp ngữ” Pāḷi “Veha+Phala”. “**Veha**” có nghĩa là VĨ ĐẠI hay TO LỚN, và “**Phala**” nghĩa là QUẢ (hoa trái). Tức là cảnh trời có QUẢ PHÚC “*rất sâu rộng*”.

-SẮC GIỚI kê khai tiếp : $9 + 1 = 10$

2/*Vô tưởng thiên* (Asañña-satta). -Nhóm chữ “*Vô tưởng thiên*” vốn cũng đến từ “hợp ngữ” (Paṭisandhi) Pāḷi “Asañña+Satta”. “**Asañña**” có nghĩa là *VÔ TƯỞNG* hay KHÔNG CĂN THỨC, và “**Satta**” nghĩa là CHỨNG SANH.

-SẮC GIỚI kê khai tiếp : $10 + 1 = 11$

Lưu ý :

*Xin chú ý hiểu lầm rằng “CHƯ THIÊN VÔ TƯỞNG” (asañña deva) là “*những chúng sanh KHÔNG CÓ HỮU PHẦN*” (abhavaṅga), và cũng không nên xem VÔ TƯỞNG THIÊN (asañña-devā) là “*cảnh trời TUYỆT DIỆT*” (pariccheda satta),

hay “sinh linh là con số không”. -Vì **tâm hữu phần** của chư thiên loại này, không vận hành dưới “dang” **CĂN** và **THỨC**, như những chúng sanh các cõi thấp.

-Ấy là kết quả của nhiều kiếp trước, “họ” đã cho rằng “**TINH THẦN** (maṇo) hay **TUỞNG UẨN** (viññāna khandha) là nguyên nhân của tất cả chịu đựng sự **LUÂN HỒI**” nên “họ” đã “lập nguyên” sẽ **HÀNH THIỆN TỐI ĐA** để làm “bóp chết” **TÂM THỨC**, hay dập tắt mọi nhân duyên tạo ra **TUỞNG UẨN**, bao gồm *căn và thức*.

§§§§§ -Tiếp theo, *bên trên 11 cõi* này là 5 CÔI TRỜI, được gọi là “**Tịnh cư thiên**”. -Nhóm chữ “**Tịnh cư thiên**” đến từ “hợp ngữ” Pāḷi “Suddha+ Āvāsa”. “**Suddhā**” có nghĩa là trong sạch, thanh tịnh. Và “**Āvāsa**” nghĩa là **NOI AN TRÚ**. Những “**thiên linh**” ở **TINH CƯ THIÊN** (Suddhāvāsa) đều là những Thánh **BÁT LAI** (Ānāgāmi).

*Tên 5 cõi “**TINH CƯ THIÊN**” (Suddhāvāsa) như sau :

1/**Vô phiền thiên** (Aviha). -Chữ Pāḷi “**Aviha**” có 2 phần là “**A**” và “**Viha**”. «**A**» là tiếp đầu ngữ phủ định, nghĩa là «**không**».

Còn “**Viha**” ám chỉ sự “*xa lìa phiền não, thường xuyên thanh tịnh*”. -“**AVIHA**” tạm dịch là “**vô phiền não một cách lâu dài**”.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $11 + 1 = 12$.

2/**Vô nhiệt thiên** (Atappā). Chữ Pālī “**ATAPPĀ**” cũng có tiếp đầu ngữ **phủ định** như trên. Còn chữ “**TAPPĀ**” có nghĩa triết học là “*ngắm ngâm soi sục*”. -“**ĀTAPPĀ**” tạm dịch là “**không soi sục**”, “**không cọ xát**”, “**không phát nhiệt**”, “**không bị đốt cháy**”, **không nóng nảy** (=Vô SÂN HẬN).

-**Sắc giới** kê khai tiếp : $12 + 1 = 13$.

3/**Thiện hiện thiên** (Sudassā). Chữ Pālī “**SUDASSĀ**” với tiếp đầu ngữ “**SU**” có nghĩa là TỐT, ĐẸP, THIỆN, LÀNH. Và “**DASSĀ**” có nghĩa là “*hoan hỷ qua nhãn quan*”. “**SUDASSĀ**” được tạm dịch là “*ngoại hình hoàn hảo*”, hay cõi THIỆN HIỆN.

-**SẮC GIỚI** kê khai tiếp : $13 + 1 = 14$.

4/**Thiện kiến thiên** (Sudassī). Chữ “**SUDASSĪ**” cũng có tiếp đầu ngữ “**SU**” (tốt) như trên, nhưng chữ “**DASSĪ**” ám chỉ “*thấy rõ phẩm tính thiện bên trong*”. “**SUDASSĪ DEVA**” tạm dịch là “*cõi trời để sống và thấy rõ CHÁNH THIỆN (sampa kusala) đưa đến giải thoát*”.

-**Sắc giới** kê khai tiếp : $14 + 1 = 15$.

5/**Sắc cứu cánh thiên** (Akaniṭṭha). Chữ Pāḷi “AKANIṬṬHA” với tiếp đầu ngữ phủ định “A”, có nghĩa là “tuyệt đối không còn gì cao hơn nữa”. Và “**Kaniṭṭha**” có nghĩa là “CỨU CẢNH” hay “mức độ siêu thoát lý tưởng cuối cùng”.

-“AKANIṬṬHA DEVA” tạm dịch là “**SẮC CỨU CẢNH THIÊN**”, hay cõi trời cao nhất trong *thiền tâm* SẮC GIỚI (Rūpacitta jhāna).

-Sắc giới kê khai tiếp : $15 + 1 = 16$.

*Trên đây vừa nêu 5 CÔI SẮC GỚI (Rūpa loka), “nơi” chỉ có những Thánh Bất Lai (Ānāgāmi) mới “tái sinh” vào.

Như vậy :

-Chúng ta có **16 cõi SẮC GIỚI** (Rūpavacara) có liên quan đến “QUẢ THIỀN” (Jhāna vipāka), có thể tóm lược như sau :

* Ba cõi đầu tiên tương ứng với những định tâm bậc SƠ THIỀN (Paṭhamajjhāna).

* Ba cõi tiếp theo tương ứng với những định tâm bậc NHỊ THIỀN (Dutiyajjhāna).

* Ba cõi kế tiếp tương ứng với những định tâm bậc TAM THIỀN (Tatiyajjhāna).

* Hai cõi “*Quảng quả thiên*” (Vehapphala), “*Vô tưởng thiên*” (Asañña satta), và năm cõi “*TINH CU THIÊN*” (Suddhāvāsa), tương ứng với những định tâm bậc TÚ THIÊN (Catutthajjhāna).

<> 16 cõi trời SẮC GIỚI (3+3+3+2+5) này được chia “*một cách tổng quát*”, dựa theo Tạng Kinh (Sutta pitaka) như thế, xem ra không có gì “*mâu thuẫn*” với “*5 tầng thiên*” trong Vi Diệu Tạng (Abhidhamma piṭaka).

* Lý do, vì số “*chi thiên*” giữa 2 bên giống nhau, chỉ khác ở chỗ là Vi Diệu Tạng (Abhidhamma) nêu chi thiên một cách chi tiết, còn trong Tạng KINH thì chúng được phối hợp một cách giản dị hơn mà thôi.

ĐỒNG LỰC (Javana) và **SỰ TÁI SINH** (Paṭisandhi).

vào cõi VÔ SẮC (Arūpavacara).

* Nói đến “*tái sinh*” (Paṭisandhi) vào cõi VÔ SẮC (arūpa loka) là nói đến “*cảnh sẽ đến*” sau khi lâm chung của những hành giả (yogāvacara), đã đắc “*thiên vô sắc*” (arūpavacana jhānacitta).

<> Có 4 tầng trời ở cõi **Vô sắc** (arūpa loka), xếp theo thứ tự, từ thấp đến cao, là :

1-KHÔNG VÔ BIÊN XÚ' (Ākāsānañcāyatana),

2-THỨC VÔ BIÊN XÚ' (Viññānañcāyatana),

3-VÔ SỞ HỮU XÚ' (Ākiñcaññāyatana), và

4-PHI TUỞNG PHI PHI TUỞNG XÚ' (Neva saññā nāsaññāyatana).

*Nhưng trước khi đề cập đến “VÔ SẮC” (arūpa) hay “*không vật chất*” (immaterial), chúng ta cần “liên tưởng” rằng, “vô sắc” (arūpa) là cảnh gây cho chúng ta cái khái niệm “đổi nghịch” với “hữu sắc” (rūpa).

-Nếu “HỮU SẮC” (rūpa) luôn luôn lấy **giới hạn** (niyata) làm **trạng thái** (lakkhaṇa) để **phân biệt** (viññatti), thì “VÔ SẮC” (arūpa) luôn luôn lấy **vô hạn** hay **chẳng biên giới** (ākāsānañca) làm **nhận thức** (viññāna).

-“VÔ HẠN” ở đây vốn không thực sự chuyên chở cái ý nghĩa “**phủ định**” (=chẳng vật chất), hay cái ý nghĩa “**xác định**” (=có vật chất), mà VÔ BIÊN (anañcāyatana) ở đây chính là QUẢ THIỀN (Jhānavipāka), “đưa” ý thức hành giả “thể nhập” vào “ĐỀ MỤC” hay “TÂM CẢNH” **không còn bị hạn chế bởi sắc pháp vô thường** (-ám chỉ vật chất thô kệch hay tinh vi), -tức là khi hành giả đắc được “TÂM THIỀN” vô sắc, thì “*các lần mức*

tạo ra tướng trạng” (lakkhaṇa) đều trở thành VÔ HIỆU=KHÔNG.

-Nói một cách khác “tuyệt tịnh”, dễ hiểu hơn, đó là TÂM XẢ (Upekkhā citta).

Chúng ta tuân tự đi vào “vấn đề” :

I/ Cõi THIỀN VÔ SẮC **thứ nhất** được mệnh danh là “KHÔNG VÔ BIÊN XỨ” (ākāsānañcāyatana) ám chỉ rằng, ở đó “không gian” (ākāsa) thì “tuyệt đối trống rỗng”, chẳng chứa bất cứ “vật gì” (Nañcāyatana), dù cho ấy là “vật vi tế” (sukhuma rūpa), tức là “CHẲNG BIÊN GIỚI”. Nhóm chữ “**không vô biên xứ**” viết đầy đủ là “**không gian vô biên**”.

-Nói cách khác, “*đối tượng*” hay TÂM CẢNH (cittā lambana) của “sinh linh” trong cõi VÔ SẮC (arūpaloka), hoàn toàn không bị ảnh hưởng hay hạn chế bởi SẮC PHÁP (rūpa dhammā) hay *vật chất* (rūpa), như trong 2 cõi *dục giới* (kāma vacara loka) và *sắc giới* (rūpa vacara loka).

-Tất nhiên “KHÔNG GIAN VÔ BIÊN” này trong cõi VÔ SẮC (arūpa loka) cũng tương ứng với “*tâm thiền thứ nhất*” qua “*đặc tính*” TRIỆT TIÊU GIỚI HẠN (ākāsānañcāyatana).

-Ngược lại, trong cõi DỤC (Kāma) hay trong cõi SẮC (Rūpa), thì sinh linh (nhất là con người) luôn luôn lấy “*không gian hữu hạn*” THÔ (olārika) hay TÊ (sukhuma) làm “*tiêu chuẩn*” (mūlikasacca), để TÂM THỨC (Citta) có “*nền tảng*” (patiṭṭhāna), thành lập “*khái niệm*” (saṅkappa) hay “*ấn tượng*” (maṇorañjaka), đồng thời với đa chiều biên giới (bahuvidha pariccheda), gọi là “*cấu tố*” (dhātu) của “*kiến thức*” (=diṭṭhi, vijñāna, saṅkappa).

-Vì rằng, trong ý thức (viññāna) của một “*hành giả phàm phu*” (puthujjana yogāvacara), chưa hoàn toàn thanh tịnh, sự *TUÔNG ĐỐI* rất “*cần thiết*”. Do đó họ phải luôn luôn “*dựa vào*” tính *TUÔNG ĐỐI* (bandhu, ñāti), để “*vận hành*”.

-Nhưng trong một “*hành giả*” (yogāvacara) đặc *THIỆN VÔ SẮC* (arūpajhāna), thì phẩm cách *TUYỆT ĐỐI* (paripunna, paramattha) hay “*siêu việt*” (lokuttara) không đặt “*nền tảng*” trên tính *TUÔNG ĐỐI* của “*hữu sắc*”.

-Và con người luôn luôn sống trong “*môi trường*” *TUÔNG ĐỐI* ñāti), nên chỉ có thể “*hiểu*” (bujjhati) và “*tin*” (saddahati, vissasati) trạng thái *SIÊU THOÁT* (lokuttara) qua “*trưởng tượng*” (maññanā, saṅkappa), -trái hẳn với *tâm SIÊU THOÁT*

(lokuttaracitta) là biết (sakkhita) SỰ SIÊU THOÁT qua **trải nghiệm** (vīmaṃsā, uparikkhā) !

*Tất nhiên, TƯỢNG TƯỢNG tức là ẢO, không phải THẬT !

-Ngoài ra, nếu tính *TƯƠNG ĐỐI* (bandhu) luôn luôn bị cầm tù bởi “**2 tình trạng đối lập** (viruddha) **của giác quan**” (dvāra), là *CỤ THỂ* (saṃhata) và *TRỪU TƯỢNG* (sāraṃsa), thì tính *TUYỆT ĐỐI* trong *VÔ SẮC THIỀN* (arūpajjhāna) hoàn toàn không bị ảnh hưởng, bởi *những điều kiện tương phản* (vipakkha-paccaya) như thế.

-Khi nói về “*đệ nhất THIỀN VÔ SẮC*”, (arūpa paṭhamajjhāna) mà *TÂM THỨC* (viññāna) vẫn còn bị ảnh hưởng bởi “*2 nguyên tắc song đối*” (=CỤ THỂ và TRỪU TƯỢNG), thì ấy không phải là “**không vô biên xứ**” (ākāsā nañcāyatna), hay chẳng phải là “*CHÂN KHÔNG*” (suññatā) thật sự, trong *VÔ SẮC PHÁP* (arūpa dhammā).

*Một “hành giả” (gogāvacara) đã và đang sống *THUẦN THỰC* trong pháp *THIỀN* (jhānadhammā), hữu sắc (rūpa) hay vô sắc (arūpa), thì *TÂM THỨC* của họ tất nhiên “*chứa đầy đủ ĐỒNG LỰC*” (vuddhigāmī javana) để “thăng hoa”...

-Khi mãn kiếp thì “**đồng lực**” (javana) ấy có thể đẩy TÂM THỨC (citta viññāna) của “hành giả” tái sinh vào cõi trời HỮU SẮC (rūpaloka) hay cõi trời VÔ SẮC (arūpa loka), bất cứ lúc nào họ nhắm mắt....như là một *TIẾN HÓA tự nhiên* (abhigamana kiriya).

-Mặt khác, **hành giả** (yogāvacara) ấy vốn đã hoàn toàn thành tựu TÂM THIỀN hữu sắc (Rūpajjhāna citta) cao nhất, gọi là “**đệ ngũ thiền**” (pañcamajjhāna vipāka), với 2 *chi pháp KIÊN CỐ* (appanā), là NHẤT ĐỊNH (ekaggatā) và XẢ (upekkhā sahaḡata), thì họ “chuyển tánh” (gotrabhū) thành “vô sắc” (arūpa) là *một điều đương nhiên* (pakati).

-Nghĩa là “**đề mục tu thiền**” (kammaṭṭhāna) thuộc về “**tứ đại**” (rūpa) của họ, đã được hoàn toàn “*thăng hoa*” (gotrabhū), biến thành “*khái niệm*” (paññatti) đồng hóa vào “**KHÔNG GIAN VÔ BIÊN**” (ākāśānañcāyatana), không còn “hình dạng” (saṇṭhāna, rūpa) hay “giới hạn” vật chất nữa (rūpassa sīmā).

-Đó là sự CHUYỂN TÁNH *tự nhiên* và *thanh tịnh* (visuddhi gotrabhū nesaggika) của THIỀN pháp (jhāna dhamma).

II- Cõi THIÊN VÔ SẮC **thứ hai** có tên là “**THỨC VÔ BIÊN XÚ**” (viññānañcāyatana) ám chỉ rằng, ở đó “**tâm thức**” (citta) KHÔNG CÓ “**đối tượng bị hạn chế**”. Và TÂM THỨC của hành giả cũng “**nhận thấy**” CÁI BIẾT của chính NÓ, không “**nằm trong**” bất cứ lần mức nào cả.

-Nghĩa là TÂM THỨC và ĐỐI TƯỢNG (=cảnh trí của *nội tâm* lẫn *ngoại trần*) đều trở thành “**MỘT**” (hay đồng nhất). “**Cảnh trí vô biên thì Tâm thức cũng vô biên**”, như 1 **hiệu quả** “**siêu việt tự nhiên**”, chứ không phải như 1 “**thành tựu**”, thông qua những “**vận hành hữu vi**”, hay “**cũng không phải**” thông qua 1 NHÂN DUYÊN (paccya) “**hội đủ các điều kiện sắc pháp**” !

*THỨC VÔ BIÊN XÚ (viññānañcāyatana) là “**dạng khai thị**” (vimhayākula) của **nền tảng giải thoát tâm linh**, xóa bỏ (apamajjati) tất cả hạn chế (paricchindana) bởi “**TỨ ĐẠI TƯƠNG ĐỐI**”, là vật chất trong DỤC giới và SẮC giới, hóa giải (dubbalaṃ karoti) “**đối tượng hữu hạn**” của tâm thức.

III- Cõi THIÊN VÔ SẮC **thứ ba** được mệnh danh là “**VÔ SỞ HỮU XÚ**” (ākiñcaññāyatana) ám chỉ rằng, ở đó “**vấn đề NGUỒN GỐC** (mūluppati) của vạn vật”, không được “**đặt ra**” nữa, vì CÁI gọi là “**CĂN CUỐC THẬT**” (bhūta abhisañjānana)

của một sinh linh từ vô thỉ KHÔNG BAO GIỜ CÓ". -Đó chỉ là kết quả (vipāka) của PHÁP HÀNH (saṅkhārā) do vọng động (uddhacca) và chiêu cảm (maṇorañjaka).

-Nghĩa là NGŨ UẨN (pañca khandha) lập thành một “sinh linh” (-tiêu biểu tạm thời ở đây là một con người), vốn đến từ các pháp “HỢP-TAN”, -hay “KHÔNG NGUỒN GỐC” và “bất tĩnh” thì biến thành “CÓ”, -để rồi từ “CÓ” và câu hữu với tham-sân-si, thì sẽ hoàn lại là “KHÔNG” (ākiñcaññā).

-Và nhất là “NGŨ UẨN (pañca khandhā) chẳng bao giờ là sản phẩm thật” của một “quyền năng tuyệt đối” nào cả.

-Dù cho theo Phật giáo, NGŨ UẨN (pañca khandha) có thể xem là “kết quả” của THAM, SÂN, SI (lobha, dosa, moha) “**huân tập**” trong dạng vật chất, nhưng cũng theo Phật giáo, NGŨ UẨN lại chính là “dụng cụ duy nhất” hay “**đối tác nòng cốt**”, có khả năng “HÓA GIẢI” (dubbalaṃ karoti) **tham, sân, si**.

<>Chưa kể “*Triết học A-TỠ-ĐẠT-MA*” (Abhidhamma) còn nêu rõ, *TUỞNG UẨN* (saññā khandha), *HÀNH UẨN* (saṅkhārā khandha) và *THỨC UẨN* (viññāna khandha) trong NGŨ UẨN “có” 89 hay 121 “tâm vương” (Citta) để làm “dụng cụ”.

*Trong số đó, chỉ có 12 *tâm bất thiện* (akusala citta), “là dụng cụ XẤU”, và 18 *tâm vô nhân* (ahetuka citta) là “dụng cụ BẤT ĐỊNH” (sẽ nói sau). Nhưng con người lại có đến đến hay 59 hay 91 *tâm thiện* (kusala citta), có thể gọi là “dụng cụ TỐT”, để “hóa giải” những nguồn gốc “gây ra” 2 tình trạng THUẬN (mānāpa) hay vui sướng, và NGHỊCH (amānāpa) hay đau khổ (dukkha) trong sự luân hồi. Đó là những *tâm tiến hóa* (sobhana citta) để “đối trị” các ác pháp (akusala dhammā).

* $24+15+12+8=59 \Rightarrow$ 59 dụng cụ tốt, hay

* $24+15+12+40=91 \Rightarrow$ 91 dụng cụ tốt.

-Riêng 18 *tâm VÔ NHÂN* (ahetuka citta) vốn là những *tâm quả* (vipāka citta), hay còn gọi là “*tâm bầm sinh*”. Tuy cũng “được kể” là những “*tâm vương*” (citta), nhưng hiện tại chúng vốn KHÔNG CÓ “*nội lực ưu thế*” để TIẾN HÓA hay THOÁI HÓA. Chúng thuộc về “THỤ ĐỘNG” (gồm “7 nghịch”, “8 thuận”, và “3 duy tác” (=dừng đọng).

*Đồng thời THỨC UẨN (Viññāna khandha) trong NGŨ UẨN (pañca khandhā) cũng chứa 52 *tâm sở* (cetasika), với chỉ có 14 *tâm sở bất thiện* (akusala cetasika), và “13 *tâm sở đồng bất đồng*” (sādhāraṇa). -Nhưng để “đối trị” các ác pháp (akusala

dhamma), trong mỗi con người lại có đến **25 tâm sở thiện** (kusala cetasika), với **nội lực tiến hóa** (sobhana cetasika).

-Còn “**13 tâm sở kia**” (añña cetasikā), gồm **7 tâm sở biến hành** (sabba sādhāraṇa), và **6 tâm sở biệt cảnh** (pakinnaka) thì thuộc loại **do duyên** và **bất định** (aniyata). Chúng “vận hành” tùy theo sự kết hợp với tâm vương nào, có NHÂN **tốt** hoặc **xấu**, hay có PHÁP HÀNH **thấp** hoặc **cao**.

-Còn nói về NHÂN hay KHUYNH HƯỚNG (hetu), thì trên nguyên tắc vẫn có 6 là “**3 NHÂN bất thiện**” (akusala) và “**3 NHÂN thiện**” (kusala), như sau :

=>BẤT THIỆN (akusala) là **Tham, Sân, Si** và...

=>THIỆN (kusala) là **Vô tham, Vô sân, Vô si**.

*Nếu trong cõi DỤC (kāmaloka), 3 NHÂN **bất thiện** (akusala) có “**nhiều ưu thế**” để “lấn lướt”, trong thân tâm con người, xuyên qua “**ngũ uẩn vọng động**”, thì chúng lại trở thành “**yếu thế**” để «lôi kéo tâm linh» trong cõi SẮC (rūpa loka). -Nhất là đối với «**thân tâm hành giả đã đắc thiền**», đạt “**an chỉ**” (appanā).

-Và dĩ nhiên 3 NHÂN **bất thiện** ấy hoàn toàn «**sẽ lép vế**» trong VÔ SẮC GIỚI (arūpa loka) với “**tứ uẩn an chỉ chánh thiền**”, thanh tịnh và siêu việt.

<> Ngược lại nếu 3 NHÂN **thiện** (kusala) có “ít thuận lợi” (-chứ không phải không có), để “vận hành” trong DỤC GIỚI (kāma loka), xuyên qua “*ngũ uẩn vọng động*”, thì chúng lại “*rất thắng thế*” trong SẮC GIỚI AN CHỈ (rūpa appanā loka) với “*ngũ uẩn thanh cao*” (visuddhi), và trong VÔ SẮC GIỚI (arūpa loka), với “*tứ uẩn siêu việt*” (bhūta).

Chú thích :

*NGŨ UẨN VỌNG ĐỘNG (pañca khandha taṇhā) gồm 1/sắc uẩn ô-nhiễm, 2/thọ uẩn phàm tục, 3/tưởng uẩn phàm phu, 4/hành uẩn phàm tât, và 5/thức uẩn phàm tính.

*NGŨ UẨN THANH CAO (pañca khandha visuddhi) gồm 1/sắc uẩn hữu thuần, 2/thọ uẩn hữu tịnh, 3/tưởng uẩn hữu khinh, 4/hành uẩn hữu tán, và 5/thức uẩn hữu niệm.

*TỨ UẨN SIÊU VIỆT (pañca yathābhūta) gồm 1/siêu THỌ thì đắc xả, 2/siêu TƯỞNG thì chân tính, 3/siêu HÀNH thì chân vị, và 4/siêu THỨC thì chân giác.

IV-Cõi THIÊN VÔ SẮC **thứ tư** được mệnh danh là PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XÚ (neva saññā nāsaññāyatana) ám chỉ rằng, ở đó vấn đề «**cảnh giới**» (bhūmi) hay «**ĐỐI**

TUỜNG» (kammaṭṭhāna, ālambana) của cái BIẾT hoàn toàn SIÊU THOÁT, không giống như «cõi DỤC» hay «cõi SẮC».

-Nghĩa là tất cả «*TÂM cảnh*» thuộc cõi THIỀN VÔ SẮC **thứ tư**, đều là «*SIÊU DANH PHÁP*» (abhināma-dhammā). Ở đây «*SẮC PHÁP*» hoàn toàn «vắng mặt» (suññatā), dù chỉ trong một «*niệm*». -NIỆM (saṭi) cũng có nghĩa là «*nhất tâm*» hay «*nhớ biết thanh tịnh*» (visuddhi sañña).

-Như đã nói trước đây, «*chúng sanh*» (deva satta) trong các cõi VÔ SẮC (arūpa loka) chỉ là những SINH LINH «*cực vi như siêu ánh sáng*». Và tùy vào «*năng lực*» của «*QUẢ THIỀN VÔ SẮC*» (arūpa vipāka), họ là những «*tập hợp*» của «*tứ UẨN*» (catukhandhā), của «*tam UẨN*» (tikhandhā), hay của «*nhị UẨN*» (dukhandhā) vô cùng tinh khiết.

-Những hành giả **đầy đủ phạm hạnh**, đã chứng đắc các bậc thiền VÔ SẮC (arūpa jhāna), thì đương nhiên họ có các «*thiền tâm tương ứng*». Khi chết họ chắc chắn sẽ «*tiền sinh*» lên 4 cõi tinh khiết VÔ SẮC (arūpa bhūmi).

<>Nếu *sinh linh VÔ SẮC* ấy là «**tập hợp**» của «TỨ UẨN» thì sự hiện hữu của họ gồm có -1/«THO uẩn» (vedanā khandha = upekkhā = XẢ), -2/«TUỜNG uẩn» (saññā khandha = suññatā = KHÔNG), -3/«HÀNH uẩn» (saṅkhārā khandha = anupādāna =

VÔ CHẤP), và -4/«THỨC uẩn» (viññāna khandha = appamaññā = VÔ LƯỢNG).

<>Nếu *sinh linh VÔ SẮC* ấy là «**tập hợp**» của «TAM UẨN» thì sự hiện hữu của họ gồm có -1/«*THỌ uẩn=XẢ*» nhập một với «*TUỞNG uẩn*», -2/«HÀNH uẩn» (Saṅkhāra khandha), và -3/«THỨC uẩn» (Viññāna khandha).

<>Nếu *sinh linh VÔ SẮC* ấy là «NHI UẨN» thì sự hiện hữu của họ **gồm có** «*thọ uẩn*», «*tuởng uẩn*», và «*hành uẩn tự động nhập MỘT*», thành ra gồm -1/«*THỌ-TUỞNG-HÀNH uẩn*» (vedanā-saṅñā-khandha), và -2/«THỨC uẩn» (viññāna khandha).

*Cần nhớ rằng, *TUỞNG UẨN* (saññāna khandha) và *THỨC UẨN* (viññāna khandha) là «2 mặt CĂN BẢN» của một “sinh linh” **HIỆN HỮU** (bhava).

*«*TUỞNG uẩn*» (sañña khandha) là «*TÂM SỞ*» (cetasika), và «*THỨC uẩn*» (viññāna khandha) là «*TÂM VƯƠNG*» (citta). - Như chúng ta đã học và đã biết trong “A-Tỳ-Đạt-Ma” hay VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma).

-Khi hành giả đã thuần thực AN CHỈ (appanā), đạt đến CẢNH VÔ SẮC (arūpa), thì «*TÂM SỞ LÀNH*» (kusala cetasika) của họ phải được THIỀN PHÁP (jhāna dhamma) làm cho «thanh

khiết». Nó có thể hóa giải mọi «*sắc pháp đang đóng khung cái BIẾT*»...nên gọi là họ đặc «*PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG*» (neva saññā nā saññā).

<>Nghĩa là khi ấy, nếu tuổi thọ của HÀNH GIẢ đặc *đệ IV* thiên vô sắc mà chấm dứt, thì ĐỒNG TỐC (javana) trong «*thiền tâm vô sắc*» (Arūpajjhāna javana), sẽ đẩy tâm thức họ «*tiến sinh*» lên cõi trời VÔ SẮC (arūpa bhūmi), với «*nhị uẩn*». THÂN họ không bao gồm «*sắc pháp*» (rūpa dhammā), và TÂM VƯƠNG (Citta) chính là “thân vô sắc”. -Hay ấy là 2 MẶT HỢP NHẤT của «*trưởng uẩn*» và «*thức uẩn*» siêu việt (bhūta).

-Trường hợp nếu HÀNH GIẢ chưa hết tuổi thọ, mà đặc được bậc thiên *PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ* (neva saññā nā saññāyatana) ngay trên thế gian này, thì nhất thời tuy «*hành giả*» vẫn còn «mang thân ngũ uẩn», nhưng THIỀN PHÁP VÔ SẮC đã làm cho ảnh hưởng của «*sắc uẩn*» không còn khả năng chi phối tâm linh. NÓ đã tự «*triệt tiêu*».

-Khi THỌ uẩn (vedanā khandha) mất «*đồng minh*» là *sắc uẩn*, thì «*thọ tánh vướng mắc trong vật chất*» trong “khôi sống” cũng bị «*vô hiệu*». -Còn lại TƯỞNG UẨN (sañña khandha), HÀNH UẨN (saṅkhāra khandha), và THỨC UẨN (viññāna khandha) thì đã trở thành AN TỊNH (appanā), kể từ khi đặc thiên HỮU

SẮC THỨ NĂM (rūpa pañcamajjhāna), và “được tái củng cố” bởi 3 bậc thiền VÔ SẮC (arūpa jhāna) đầu tiên, làm cho chúng «*giải thoát khỏi các giới hạn*».

<> Nếu pháp «HÓA GIẢI» hay sự «*xóa biên giới*» cho *TUỞNG UẨN* (sañña khandha) một lần chưa đủ, thì thiền VÔ SẮC (arūpa jhāna) «*sẽ lập lại nhiều lần*», nên gọi tắt là PHI TUỞNG PHI PHI TUỞNG XỨ (neva sañña nā sañña).

*Xin nhắc lại :

***Đề mục** hay «đối tượng» (kammaṭṭhāna) của **đệ nhất thiền vô sắc**, tên *KHÔNG VÔ BIÊN XỨ* (arūpa paṭhamajjhāna, - ākāśānañcāyatana) là *XẢ* (Upekkhā bala), vì NÓ dựa trên «**hiệu lực**» *THỌ XẢ* (upekkhā vedanā) của «**đệ ngũ thiền**» *HỮU SẮC* (rūpa pañcamajjhāna).

***Đề mục** hay «đối tượng» (kammaṭṭhāna) của **đệ nhị thiền vô sắc**, tên *THỨC VÔ BIÊN XỨ* (viññānañcāyatana) cũng lấy **hiệu lực XẢ** (upekkhā bala) của **đệ ngũ THIÊN HỮU SẮC** (pañcama rūpajjhāna), *phối hợp với CHÚNG ĐẮC* của **đệ nhất THIÊN VÔ SẮC** (paṭhama arūpajjhāna, - ākāśānañcāyatana), để củng cố **NĂNG LƯỢNG THIÊN** (jhāna-bala).

***Đề mục** hay «đối tượng» (kammaṭṭhāna) của **đệ tam thiền vô sắc**, tên VÔ SỞ HỮU XÚ (ākiñcaññāyatana) thì lấy **hiệu lực** của **đệ nhị thiền vô sắc**, -**THỨC VÔ BIÊN XÚ** (dutiya arūpajjhāna, -viññānañcāyatana), để củng cố **NĂNG LƯỢNG THIỀN**.

***Đề mục** hay «đối tượng» (kammaṭṭhāna) của **đệ tứ thiền vô sắc**, tên PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XÚ (nevasaññā nāsaññāyatana) thì lấy **hiệu lực** của **đệ tam thiền vô sắc**, **VÔ SỞ HỮU XÚ** (ākiñcaññāyatana), để củng cố **NĂNG LƯỢNG THIỀN** (jhāna-bala).

Nói cách khác thì như sau :

<>**ĐỊNH** và **XẢ** (ekaggatā upekkhā shagata), trong **đệ ngũ THIỀN HỮU SẮC** (pañcama rūpajjhāna) sẽ là **tiềm lực căn bản** đưa «*tâm thiền*» của hành giả tiến lên **KHÔNG VÔ BIÊN XÚ** (ākāsānañcāyatana), tức là **đệ nhất THIỀN VÔ SẮC** (paṭhama arupajjhāna), một cách vững chắc.

<>**HIỆU LỰC** (bala) của **ĐỊNH** và **XẢ** ấy, của **đệ ngũ THIỀN HỮU SẮC** (pañcama rūpajjhāna), cũng là sức mạnh hùng hậu.....đẩy «*tâm thiền*» của hành giả tiến lên **THỨC VÔ BIÊN XÚ** (viññānañcāyatana), tức là đắc **đệ nhị THIỀN VÔ SẮC** (dutiya arūpajjhāna), một cách vững chắc tượng tự.

<>HIỆU LỰC (bala) của «2 bậc», **đệ nhất** và **đệ nhị THIỀN VÔ SẮC** (arūpa paṭhamajjhāna ca dutiyajjhāna ca), -tức là «*tịnh quả*» của «KHÔNG VÔ BIÊN XÚ» (ākāsānñcāyatana) và «THỨC VÔ BIÊN XÚ» (viññānñcāyatana) sẽ là **sức đẩy kiên cố**....đưa «*tâm thiền*» của hành giả tiến lên **đệ tam THIỀN VÔ SẮC** (arūpa tatiyajjhāna), hay VÔ SỞ HỮU XÚ (ākiñcaññāyatana), một cách kỳ diệu.

<>Rồi HIỆU LỰC (bala) của **đệ tam THIỀN VÔ SẮC** (tatiya arūpajjhāna), tức là **năng lượng** của thần pháp VÔ SỞ HỮU XÚ (ākiñcaññāyatana) sẽ là **sức đẩy**...đưa «*tâm thiền*» của hành giả tiến lên **đệ tứ THIỀN VÔ SẮC** (arūpa catuttṭhajjhāna), hay PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XÚ (nevasaññā nāsaññāyatana). Đây là bậc thiền VÔ SẮC (arūpa antimajjhāna) sau cùng, trước khi «hội nhập» và THÁNH LƯU.

“TÁI SINH” và TÂM CẢNH của THÁNH NHÂN.

<>Theo giáo lý nhà Phật, thì *Tâm Thức của Thánh Nhân* hoàn toàn không có **nhân duyên** để “*tái sinh vào cảnh đọa*” (duggati paṭisandhi). Lý do, THỰC QUẢ hiện tiền (paccuppanna vipāka) nơi **thân-khẩu-ý** của thánh nhân đã **THANH TỊNH** và trong sạch, nên «*chúng tử sa đọa*» trong «*chu trình tâm thức*»

của các Ngài, chẳng có “điều kiện” đưa “tâm thức” xuống cõi *thấp* (ninna bhūmi).

-Trong 4 hạng Thánh nhân, chỉ có 2 bậc là “*Tu-đà-hườn*”, còn gọi là “***Thất lai***” (sotāpanna) và “*Tư-đà-hàm*”, còn gọi là “***Nhất lai***” (sakadāgāmi), thì THỰC QUẢ lành mạnh hiện tiền (paccuppanna vipāka) chỉ có thể làm cho các Ngài “*tái sinh*” làm “*NGƯỜI có thân tâm hoàn hảo*” (không tàn tật), tối đa là 7 lần (cho bậc Thánh thứ I) và 1 lần cho bậc Thánh thứ II).

-Thánh ***Thất Lai*** Tu-đà-hườn, *tái sinh làm người 7 lần*, và Thánh ***Nhất lai*** Tư-đà-hàm, *tái sinh làm người 1 lần*, chỉ để thực hiện ***phần cuối cùng*** của ***đạo hạnh giải thoát***, tức là ***viên tròn công phu ba-la-mật*** (pāramī sampanno), chấm dứt TỬ-SINH, và tháo gỡ toàn bộ “*ràng buộc vi tế*”, từ “vô thủy”, đã từng cột chặt tâm thức quá khứ vào “*tam giới luân hồi*” (=sinh tử đồ, saṃsāra), -chứ các Ngài không quay lại cõi người để “*hưởng thụ*”, hay vì lý do nào khác.

<>Còn những Thánh nhân đã chứng quả “*A-na-hàm*” hay “***Bất lai***” (ānāgāmi) thì các Ngài vĩnh viễn không tái sinh xuống cõi trần làm người nữa, mà chỉ tái sinh làm *TRỜI* (deva), để tiếp tục THANH LỘC TÂM LINH, rồi giải thoát tất cả duyên kiếp *sinh tử luân hồi* trên cõi trời ấy.

<> Riêng Thánh nhân toàn thiên **A-La-Hán** (Arahatta), sau khi đã chứng đắc **tịnh quả trọn lành**, thì lúc mãn kiếp làm người hiện tiền, “*linh thức*” của các Ngài sẽ **VÔ NHIỆM** và **TOÀN XẢ**, để “*nhập niết-bàn*” (nibbāna) ngay tại thế gian, và không còn “*tái sinh*” vào bất cứ cảnh giới nào cả, dù cho đó là cảnh thiên đàng cao nhất !

<> “*Điểm độc đáo*” và cũng là “*điểm vi diệu đặc biệt*” trong phần “TÁI SINH và TÂM CẢNH của THÁNH NHÂN” này, là nói về “*năng lượng đồng tốc*” (Javana) trong “*THỨC TÁNH THANH TỊNH*” (citta viññāna) của Thánh nhân (Ariya puggala) có thể lập lại theo nguyên vọng.

NÓI CHUNG, CÓ VÀI ĐIỀU ĐÁNG CHÚ Ý :

I/ Khi Thánh nhân **nhập định** (ekaggatā=appanā), thì “*năng lượng*” của “**ĐỒNG TỐC AN CHỈ**” (appanā javana) tự nhiên trở thành “**liên miên bất tận**”.

-Còn chữ “**ĐỒNG TỐC**” (Javana) trong *CHU KỲ LUÂN HỒI TÂM THỨC* (citta vīthi), theo triết học “A-tỳ-đạt-ma” (Abhidhamma), có nghĩa là “đà quay lập lại ÁN TUƠNG”, của một hành động do **THÂN** (kaya), do **KHẨU** (vacī), hay do **Ý** (mano), gọi chung là «*DU ẢNH của NGHIỆP*».

-“**Đà quay**” (javana) đó tùy thuộc vào TÂM CẢNH (maṇodvārāmbana) hay TRẦN CẢNH (pañcadvārāmbana) «đập vào TÂM» (citta), mạnh (mahanta) hay yếu (paritta), để lập lại tối đa là 7 lần, rồi «*roi vào tình trạng thụ động tự nhiên*» (bhavaṅga) của dòng chảy TÂM THỨC (citta vīthi). Và chúng ta gọi là “7 *chập sát-na đồng tốc*” (javana khaṇa).

-Từ ngữ «**đồng tốc**» dạng «Hán-Việt», ngoài cái nghĩa thông thường trong *CHU KỲ LUÂN HỒI TÂM THỨC* (citta vīthi), thuộc VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), là “trón lực lập lại”, nó còn «*một nghĩa khác*» do sự phiên dịch từ chữ Pāḷi “JAVANA”, là “**thưởng thức**” SỨC MẠNH của “*trải nghiệm ấn tượng đã in vào tâm*”.

-Nhưng khi nói về “*chu kỳ luân hồi tâm thức*” (citta vīthi) trong THIỀN PHÁP liên quan đến Thánh nhân, thì “JAVANA” lại có nghĩa là “**trải nghiệm định tâm kiên cố**” (appanā). Và số lượng *chập sát-na đồng tốc* (javana khaṇa) trong trường hợp này thì BẤT ĐỊNH (aniyata).

Xin nêu ra 2 trường hợp :

<>Nếu đó là «**TRẢI NGHIỆM ĐỊNH TÂM KIÊN CỐ**» (ekaggatā appanā) để biểu diễn «**sức mạnh tâm linh**» (citta-bala) hay

«**thần thông**» (abhiñña), thì «Thánh nhân» chỉ cần 4 hay 5 *chập sát-na đồng tốc* (javana khaṇa) mà thôi.

<>Nếu đó là “**TRẢI NGHIỆM ĐỊNH TÂM KIÊN CỐ**” để **nhập định lâu dài**, thì “số lượng” *chập sát-na đồng tốc* (javana khaṇa) sẽ tùy theo «sự phát nguyện của hành giả là bao lâu», chứ không hạn định.

<>Và trước con mắt của những người phạm tục, “*phải chăng một đạo sĩ có khả năng nhập định, trải qua nhiều ngày, không ăn uống là một “thần thông” ?*

-Nói chung, từ ngữ “thần thông” ám chỉ sự thực hiện những chuyện “**lạ thường**” mà rất hiếm ai có thể làm được, nên tư tưởng con người liền “nghĩ ra” các hiện tượng, như “*bay trên trời*” (thăng thiên), “*lặn trong nước*” (độn thủy), hay “*tàng hình và tái hiện*” (biến hóa)...v...v...Nhưng các thứ ấy ngày nay khoa học đã đạt được.

*N như vậy, KHOA HỌC là THẦN THÔNG ? -Lời đáp thì tùy theo mọi người, và ai cũng biết là NÓ đã có !

Chương VII

«TUYỆT CÔNG» trong VI DIỆU PHÁP

(Pasatthatamākati savimhaya)

<>«**Tên gọi**» của «chương VII» này có lẽ đang làm cho quý độc giả thắc mắc ? -Vậy «**TUYỆT CÔNG** (pasatthatamākati savimhaya) **trong VI DIỆU PHÁP**» (abhidhamma) là gì ?

-Hai chữ «TUYỆT CÔNG» (pasatthatamākati savimhaya) mới nghe qua, chúng ta có cảm tưởng “**đó là phần nói về những công phu tuyệt vời**”, hay “**Những PHẬT PHÁP NÒNG CỐT, QUI NẠP VÀO ĐOẠN CHUNG KẾT**”.

<>Sự thật, Tạng VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma piṭaka) có 42.000 pháp môn (khandha), tất cả đều là “**những pháp tuyệt vời**” (savimhaya dhammā) trong Phật giáo, chúng ta không thể dựa trên “tư duy phạm tục” mà phân biệt, hay so sánh «*giáo lý của sách này tuyệt vời hơn giáo lý trong sách kia*» !

-Nhưng «TUYỆT CÔNG» (pasatthatamākati) nêu ra ở đây, muốn ám chỉ “**một tác phẩm văn học đặc biệt**” (=kiệt tác), ra đời sau PHẬT NIẾT-BÀN (Nibbāna) khoảng 1200. Đó là truyện “*phiêu lưu thần thoại*” TÂY DU KÝ, của Ngô Thừa Ân, thời nhà Đường bên Tàu.

***TUYỆT CÔNG** (pasatthatamākati) trong TÂY DU KÝ gồm “**72 thần công**”. Đó là những đặc điểm liên quan sâu sắc đến VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma). Những **đặc điểm** ấy là “**phản ảnh**” của TÂM VƯƠNG (citta), TÂM SỞ (cetasika), SẮC PHÁP (rūpa), và NIẾT-BÀN (nibbāna), theo mô tả của một nhà văn Trung hoa, am tường Phật học.

-**VI DIỆU PHÁP** (Abhidhamma), chứa nhieu pháp môn THẦN KỲ là một điều dĩ nhiên. Vì VI DIỆU PHÁP nói về con người, thì không thể không tiết lộ những «**khả năng thần thông quảng đại**» (abhiññā) mà con người có thể đạt được. Nhà văn Ngô Thừa Ân ngày xưa đã đặt tên cho «**những khả năng thần thông**» ấy, là «**Thất thập nhị HUYỀN CÔNG**».

<>Theo chúng tôi nhận xét, thì sách TÂY DU KÝ “*chuyên chở*” một cách kín đáo những giáo lý sâu sắc của nhà Phật. Ông Ngô Thừa Ân viết «TÂY DU KÝ», để mô tả «sức mạnh» của TOÀN BỘ TINH THẦN, hay tâm vương (citta) và tâm sở

(cetasika) của ***một người cầm bút***, khi phải «***đối diện với tất cả nghiệp quả thực tại***» (sabba kamma-vipāka), bao gồm xác thân đang sinh hoạt, và toàn thể ngoại vật «***biến thiên***» (saṅkhāra rūpāmbana) trong cuộc sống có đặc tính “***vừa hiện hữu vừa biến mất***” (aniccā).

-Tác giả TÂY DU KÝ đã tượng trưng TÂM VƯƠNG (Citta) «***câu hữu***» với TÂM SỞ (Cetasika), dưới dạng “***thiện hạnh***” (brahmacariya) lẫn “***ác hành***” (akusalācarana), trong mạch văn “ngụ ngôn”, ám chỉ **3 tật xấu** là THAM (lobha), SÂN (dosa), SI (moha), lẫn **3 tật tốt** là VÔ THAM (alobha), VÔ SÂN (adosa), VÔ SI (amoha), nơi một con người, xuyên qua 4 nhân vật, là «***Đường tăng***», «***Bát giới***», «***Ngộ không***», và «***Sa tăng***».

-Còn SẮC PHÁP (Rūpa) thì được tác giả tượng trưng trong TÂY DU KÝ, bằng toàn bộ “***hoàn cảnh***” (āmbana), là nội tâm và ngoại cảnh, trong *cuộc TÂY DU* đầy “***biến cố***” tương tương, đến “***Thiên trúc***” để thỉnh KINH, -tức là «***hành trình tâm linh đối diện với vật chất***», để tìm nguồn PHÁP GIẢI HOÁT.

-Đối với sự LUÂN HỒI, thì “***hoàn cảnh***” (sabbāmbana) là “***nghiệp quả suốt đời***” (kamma vipāka) của một kiếp sống, mà một người hướng thiện, hay muốn tiến hóa, cần đến «***giải pháp***» (dhamma) từ «***Tây phương Phật***» (nibbāna= niết-bàn).

CÁC NHÂN VẬT :

<>“**Đường tăng**” tương trưng tổng quát cho “**tâm vương**” (citta), tuy vẫn còn *chịu ảnh hưởng của 3 TẬT tham-sân-si*”, nhưng trong quá khứ «đương sự» đã từng tu hành, phát triển TUỆ CĂN tâm sở (paññindriya cetasika), nên *sau khi trải nghiệm HOÀN CẢNH* hiện tại (=khổ lẫn vui), thì có khả năng “**THỨC TỈNH**” (bojjhaṅga), để biết sửa sai hành động.

<>“**Bát giới**” tương trưng đặc biệt cho «**tâm sở THAM**» (lobha) vốn **không đầy**, *ngắm ngăm và triển miên*, vô cùng *tận*, -dù cho đã trải qua quá nhiều tình trạng “khổ sở vì tham” (lobha dukkha), nhưng tâm tính phàm tục vẫn không thể bỏ.

<>“**Ngộ không**” tương trưng đặc biệt cho «**tâm sở SÂN**» (dosa) hay tật NÓNG GIẬN (paṭigha)...tuy hung dữ nhất thời, nhưng «tánh khí» này thường «chịu đựng» **nóng nguội xen kẽ khác nhau** rồi quen đi. -Khi “**nóng**” thì “*chúng tử thiện*” biến mất (akusala), và khi “*nguội*” thì “*chúng tử lành*” (kusala) le lói trong tâm, nên “*thiện ác bất chừng*”, khó đo lường.

-Tinh thần của “**Ngộ không**” nếu TỈNH TÁO, tỏ ra “*hữu dụng*” và “*vâng lời*” bao nhiêu, thì lúc NỔI GIẬN (paṭigha) nó biến hóa ngược lại bấy nhiêu. Từ 2 chữ “**Ngộ không**” nó biến thành 2 chữ “**Không ngộ**”, nên cái gì cũng dám làm, ngay cả hành

động *phản thiên nhiên*, đảo lộn trật tự. (Phá thiên cung, loạn vũ trụ là một bằng chứng).

<>“***Sa tăng***” tượng trưng đặc biệt cho ***tâm sở SI*** (moha) hay NGU ĐỘN. ***Tâm sở SI*** (moha cetasika) tuy nhìn bề ngoài có vẻ “thực thà”, “nhu mì”, ai nói gì «có lý» cũng nghe. Nhưng sự “ngoan ngoãn tự nhiên” ấy do tối tăm, chứ không phải “chân tánh”. Người ta thường bảo “*hiền quá hóa ngu*”.

-Nghĩa là “HÀNH VI” của kẻ SI MÊ (moha purisa) lúc nào cũng dường như “ngoan hiền”, “thành thật”, nhưng thực chất «HÀNH VI» ấy là phản ảnh của “***đần độn***”, chịu “sức ép” của cả 2 tật THAM (lobha) và SÂN (dosa).

*Còn “***Hoàn cảnh***” (ālambana) trong TÂY DU KÝ ám chỉ SẮC PHÁP hay vật chất (rūpa), thì được xem như tất cả những gì “xảy ra” trong suốt cuộc hành trình của “*4 nhân vật giả sử đi thỉnh kinh*” sang TÂY TRÚC.....

<>Một chút “*liên hệ*” đến “*ngu ngôn*” trong ***văn truyện*** của nhà văn Nô Thừa Ân (thuộc Phật giáo Trung hoa), để giúp quý độc giả “*thư giản tinh thần phần nào*”, sau khi đã đọc qua hơn 400 trang KIẾN GIẢI, làm “mệt óc”.

NÊU MỐI LIÊN QUAN.

<>*Tây Du Ký* thì diễn tả «*Thất Thập Nhị Huyền Công*» (=72 thần lực), nhưng kinh văn trong “THẮNG PHÁP TẬP YẾU” (samuccaya-saṅgaha-vibhāga), thuộc “A-Tỳ-Đạt-Ma” hay Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), thì trình bày 4 lãnh vực VI DIỆU, là 1/TÂM VƯƠNG (Citta), 2/TÂM SỞ (Cetasika), 3/SẮC PHÁP (Rūpa dhamma), và 4/NIẾT-BÀN (Nibbāna). Nhưng trong “Vi Diệu Pháp Tập Yếu” lại có đoạn «án định» khác, so với các con số đã nêu.

Sự “ÁN ĐỊNH KHÁC” ấy là :

*Toàn thể 89 hay 121 mẫu TÂM VƯƠNG (Citta) được xem là 1 “*khả năng chủ chốt*”...

*Nhưng tất cả TÂM SỞ (Cetasika) vẫn được xem là 52 đơn vị biểu lộ “đặc thù”...

*Và SẮC PHÁP (Rūpa) do TỨ ĐẠI (catu mahābhūta) biến ra thì chỉ có 18 có thể dùng để luyện TUYỆT CÔNG (Abhiññā). (-Thay vì toàn thể là 28).

*Riêng NIẾT-BÀN (Nibbāna) thì duy nhất chỉ có 1.

<> Khi cộng tất cả 4 con số này thì chúng ta có “**Thất Thập Nhị Huyền Công**”, hay $1 + 52 + 1 + 18 = \underline{72}$ pháp xuất qui nhập thân, tung hoành giữa “tam giới”.

<> Như vậy, «**TUYỆT CÔNG**» (bhiññā) trong VI DIỆU PHÁP (Ābhidhammā) liên quan đến «**TÂM TÁNH**» của 1 CON NGƯỜI có thể biểu lộ ra **72 pháp kỳ diệu**.

<> 72 PHÁP này «phản ánh» TUỆ BÁT-NHÃ (Prajña) trong THIỀN HỌC (Samādhi bhāvanā) của nhà Phật.

<> Và để «hiểu được» TUYỆT CÔNG (abhiññā) trong TÂY DU KÝ thần kỳ (savimhaya) như thế nào, chúng ta cần phải nhớ lại VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma). - Xin nhắc lại như sau :

A-Nói đến **TÂM VƯƠNG** (Citta).

<> Trong sách “**Vi Diệu Pháp Thống Kê Tâm Thức**” (Abhidhamma saṅgaha), chúng ta thấy có **89** hay **121** “*mẫu tâm vương*” (citta), là “*phản ánh*” của «**TINH THẦN**» (maṇo), hay «**TÁNH BIẾT**» (viññāna).

-Nhưng sự trình bày dưới dạng “thống kê tâm thức” (89=121), nếu đã giúp cho chúng ta “*có con số*”, để nghiên cứu một cách hệ thống, đi sâu vào “*chi tiết*”, thì cũng chính sự trình bày “*với*

con số” ấy, có thể làm cho chúng ta rối trí, khó phân biệt “SỰ BIẾN HÓA” một mặt giữa các “mẫu” *TÂM VƯƠNG* (citta), một mặt giữa các «loại» *TÂM SỞ* (cetasika), và mặt thứ ba giữa các *THỨC TÁNH* (viññāna) trong DANH PHÁP (nāma dhammā) hay TINH THẦN (maṇo) của con người.

-Rồi từ đó, chúng ta lại khó xác định một cách dứt khoát, *thế nào là TÂM VƯƠNG* (citta), *thế nào là TÂM SỞ* (cetasika), cũng như *thế nào là TÂM THỨC* (citta viññāna), trước cả 3 “từ ngữ kép” thuộc về “hán việt”, đều «có mặt» chữ «TÂM».

-Chưa kể một số “từ ngữ Pāḷi” khác, cũng dễ ám chỉ “*tinh thần*”, như “MANO”, “CETANĀ”, “MANASIKĀRA” càng làm cho “ám từ” TÂM trở thành “phức tạp”, “bất định” hơn.

Ba chữ này đã được tạm dịch ra “hán việt” như sau :

MANO = “*Tâm chủ ý*”,

CETANĀ = “*Tâm tác ý*”, và

MANASIKĀRA = “*Tâm khéo ý*”.

<>Và để tránh sự phức tạp, do tính ĐA DẠNG trong cách diễn tả các phương diện khác nhau của TINH THẦN (maṇo), phần THĂNG PHÁP TẬP YẾU (samuccaya saṅgaha vibhāga) này (hay chương VII) sẽ “qui nạp” 89 tâm mẫu tinh thần, thành **1**

đơn vị chủ yếu, gọi là **TÂM VƯƠNG** (citta) để làm “*trung điểm*” cho các “*biến thiên*” của «*danh pháp*» (nāma-dhammā) hay TINH THẦN (maṇo), được “*nổi bật*” hơn.

-Nghĩa là “*các dạng diễn tả*” nói về TINH THẦN (maṇo), đều chỉ đến từ “*một gốc duy nhất*” gọi là TÂM VƯƠNG (Citta).

B-Nói về **TÂM SỞ** (Cetasika).

<>Ngược lại, **52 tâm sở** thì không thể qui nạp thành **1 đơn vị độc nhất** được. Vì tất cả **TÂM SỞ** (cetasika) phát sinh tùy thuộc vào HOÀN CẢNH (āḷambana), hay **sắc pháp** (rūpa). -Mà HOÀN CẢNH hay **sắc pháp** (rūpa dhammā) là gì, -nếu đó không phải là toàn bộ những «*biến thiên*», **thay đổi** không ngừng (aniccā=vô thường) ?!

-Chưa kể, ngoài những **tâm sở** THIỆN (kusala) và BẤT THIỆN (akusala) ra, còn có các **tâm sở** với bản sắc lưng chừng (abyākata), gọi là BIẾN HÀNH (sādhāraṇa) và BIỆT CẢNH (pakīṇṇaka), nên không thể vận hành một cách “*thuần tính*”, “*nhất dạng*” được.

<>Hơn nữa, **đặc tính** của **tâm sở** (cetasika) là vừa “đồng sanh” (sahajāti) với **tâm vương** (citta), vừa “chịu ảnh hưởng” (ānubhāva) của **sắc pháp** (rūpa), và vừa dưới sự “thúc đẩy liên

túc” (khipana) bởi 3 **NHÂN XẤU** (**tham-sân-si**), hay bởi 3 **NHÂN TỐT** (**vô tham, vô sân, vô si**).

<>3 **NHÂN TỐT** (kusala hetu) thì đương nhiên, ÍT hay KHÔNG phát sinh **tâm sở** PHIỀN NÃO (kilesa). Nhưng 3 **NHÂN XẤU** (akusala hetu) thì **LUÔN LUÔN** phát sinh những **tâm sở** PHIỀN NÃO (kilesa). Và “**di sản**” (dāyāda bhava) của PHIỀN NÃO chính là những **LẬU HOẶC CHÔNG CHẤT** (āsava khandha), hằng “**thieu hủy**” (jhāpeti) *con đường TIẾN HÓA*.

-Do đó **chương VII** trong tập “**KIẾN GIẢI**” khiêm nhượng này, khi nói về **TUYỆT CÔNG** (abhiññā) chính là nói về phần cốt lõi của **VI DIỆU TÁNH** trong Pháp PHẬT (Buddhassa dhammā), xuyên qua hành đạo THANH TỊNH (samādhi) và MINH SÁT (vipassnā), được hiểu là có thể hóa giải những **tâm sở phiền não** (kilesa cetasika).

-Sự “**kê khai**” một số **TÂM SỞ XẤU** hay **BẤT THIỆN** (akusala cetasika) dưới đây, cần phải trình bày lại một cách thật rõ ràng, thì mới làm “nổi bật” những “**PHÁP ĐỐI TRI**” (nilīna paccatthika), được hiểu ngầm của THIỀN MINH SÁT (Vipassanā bhāvanā). -Xin nêu theo thứ tự các nhóm “**tâm sở đầy đặc tính bại hoại**” sau đây :

*Thứ nhất, **TỨ LẬU** (CATŪSAVA).

<>Trước tiên hãy nói về thuật ngữ «**LẬU**». «Chữ» này đến từ tiếng Pālī «**ĀSAVA**», được tạm dịch ra «hán việt» là «**LẬU**» hay “lậu hoặc”, để ám chỉ các hiện tượng «*suy đồi*», «*tai họa*», «*căn bã*», «*ung động*», «*rũa mục*», «*thiêu hủy*», «*rỉ mắt*», «*kiệt quệ*»...-Tạm kết luận «**lậu hoặc**» là «**độc tố**»

-Theo tự điển Pālī từ các quốc gia theo «*Phật giáo Nguyên thủy*» (Theravāda) và của RHYDS DAVIDS & STEDE (đại học Oxford, Anh quốc) thì chữ «**ĀSAVA**» cũng có nghĩa đen là «*đã lên men*», «*trở thành chua*» hay «*bốc mùi cay*», «*trở thành chất say*» (như rượu chẳng hạn), và “*có đặc tính gây bệnh*”.

-Trong lãnh vực hạnh kiểm, «**LẬU**» (āsava) là thứ «**độc**» có thể «*phá hủy*» những gì tươi đẹp, hữu dụng, vững chắc, và làm cho đối tượng hư thối tận cốt lõi.

*Sách “Triết học A-TỲ-ĐẠT-MA” (Buddhist Philosophy) hay Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) thuộc Tạng LUẬN (Abhidhamma piṭaka) nói rõ, “**LẬU HOẶC**” (āsava) là những «**cố chấp**» (upādāna), vừa **hiển nhiên thô kệch** vừa **vô cùng vi tế**, và vừa **luôn luôn độc hại**, rất khó nhận diện.

-Và **LẬU HOẶC** không phải chỉ «*hoành hành*» trong CÔI DỤC (kāma tanhā), mà NÓ còn «*nguy hiểm*» hay «**độc ngầm**» cho 2 cõi SẮC (bhava tanhā) và VÔ SẮC (vibhava tanhā) nữa.

-Vì **LẬU HOẶC** có thể làm *suy đồi* ngay cả những **tâm thiền SẮC GIỚI** (Rūpa jhāna) và **VÔ SẮC GIỚI** (Arūpa jhāna).

-Một người dù đã đắc được **đệ tứ thiền vô sắc** (Phi tướng phi phi tướng xứ=Neva saññā nāsaññāyatana-jhāna), nhưng nếu không diệt được lậu **THÂN KIẾN** (Sakāya diṭṭhi), chưa hội-nhập vững vàng vào *Thánh lưu* (ariya magga), thì vẫn còn bị **NÓ** phá hoại, nhân danh «lậu **phi hữu**» (vibhavataṇhā).

Vì sao ?

*Vì các lậu **THAM-SÂN-SI** (lobha, dosa, moha) có đầy đủ **3 rễ độc** (*tīhetukāśava*). Chúng thừa khả năng duyên theo «**cảnh pháp**» (dhammā-lambana) của **ĐỆ TỨ THIỀN VÔ SẮC** là «**chuyển tánh**» (gotrabhū) và «**dữ tịnh**» (vodāna), để ảnh hưởng «rất độc địa» vào “tâm thức”, bằng cách làm cho hành giả «**đam mê**» cái **XỨ THIỀN vô sắc phi hữu** ấy (arūpa jhānāyatana-vibhavataṇhā)).

-Nghĩa là ở đâu có «**pháp XỨ**» (āyatana dhammā) và có «**pháp GIỚI**» (dhātu dhammā) là ở đó **lậu hoặc** (āsava), hay có «**điều kiện**» để phát sinh và «**hoành hành**» một cách «**độc địa**».

<> Nguồn gốc của **LẬU** (Āsava) là gì ?

-Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), **LẬU** đến từ 3 **TÂM SỞ** (cetasika) **tham** (lobha), **sân** (dosa), và **si** (moha), -nhưng chính yếu là **tâm sở SI ĐỘC** (moha cetasika).

-Từ **si độc** (moha) sinh ra **tham độc** (lobha), rồi từ **tham độc** sinh ra **sân độc** (dosa), và từ **sân độc** đến phiên **NÓ** sinh ra “**CHẤT NUÔI DƯỠNG**” **si độc**. Nghĩa là **SI ĐỘC** càng ngày càng mạnh và càng hiệu lực. Chúng liên hoàn tương tác, tăng cường và nuôi dưỡng **CÁI SI CỐ HỮU** (atīta moha āsava).

*Lậu **SI CỐ HỮU** (atīta moha āsava) cũng chính là **VÔ MINH CĂN** (Avijjā), **khởi điểm** trong giáo lý «**thập nhị duyên khởi**» (paṭiccasamuppāda) của nhà Phật. -Mời quý vị đọc lại kinh này.

Hãy cẩn thận :

<>Chớ «hiều lắm» **SI** (moha) là «**không thông minh**». Theo Phật học, «**người si**» có thể là một «**kẻ rất thông minh**» (giảo quyết), «**rất khôn khéo**» và «**rất nhiều mách lới**» nhưng chỉ vì **cố chấp**, nên họ bị nhiễm **SI ĐỘC**.

-Nói một cách nhẹ nhàng, chữ «**SI**» ở đây có thể chuyên chở ý nghĩa tương đương với từ ngữ «**đam mê**». Một nhà «**đại trí thức**» dù thông minh đến đâu, cũng không thể tránh khỏi **đam**

mê. Và với ảnh hưởng của lòng tham không đáy, **đam mê** luôn luôn được củng cố và trở thành **cố chấp** (upādāna).

*Nghĩa là **đam mê** khi có lòng THAM (lobha) làm «nền tảng», thì chắc chắn **cố chấp** sẽ phát sinh, và sau cùng biến thành **SI**.

-Kết quả, tất **mắc dính** hay **bám chặt** (upādāna=THỦ), không buông thả, tức là «*hậu thân*» của **SI MÊ** (moha), sẽ là **chướng ngại tối nguy hiểm** cho trình độ thanh tịnh TIẾN HÓA.

-Một nhà «khoa học ngghiêm chỉnh» không bao giờ nói : «*Những gì trong nền văn minh nhân loại, đã được tìm ra ngày hôm nay, thì hoàn toàn chỉ có thể, chẳng còn gì khác*». -Vì trên thực tế, «*tiến bộ khoa học của thế kỷ 21*» đang dần dần thay đổi bộ mặt của «*tất cả tiến bộ khoa học các thế kỷ trước, nhất là ngành vi tính* đã bắt đầu trong thế kỷ 19», và càng về sau TRÍ KHÔN của con người càng đi xa hơn nữa, *không phải chỉ có thể* !

◁>Ai nói “*tiến bộ khoa học chỉ có thể*” là...“*bế tắc*” !

-Sự **cố chấp**, cho rằng «**chỉ có thể**» (ám chỉ cái độc nhất mà ta ôm ấp, Phật học gọi là THỦ=upādāna) sẽ làm cho *đà văn minh nhân loại dừng lại*. Nhưng “*bánh xe thời gian*” thì không bao giờ ngừng nghỉ, nên nếu khoa học không đưa đến TÂN TIẾN (vavattaṇ) thì đưa đến U MINH (sammoha).

-Người «*bám chắc thành quả*» (THỦ=CỔ CHẤP=upādāna) ví như kẻ đã hoàn toàn “đam mê” như say rượu, nếu không thể đi tới một cách bình thường được, thì sẽ đi tới một cách lảo đảo, xiêu vẹo, lộn xộn, rồi té ngã...và nằm im, mặc cho bánh xe thời gian nghiền lên thân....

*Trên đây là nói về NGUỒN GỐC của «LẬU HOẶC» (āsava), nhưng khi «kê khai» (saṅgaha) thì LẬU (hay **độc**) có 4, gọi là «**tứ lậu**» gồm :

1-DỤC lậu (kā mā sāva),

2-HỮU lậu (bhā v ā sāva),

3-KIẾN lậu (diṭṭh ā sāva), và

4-VÔ MINH lậu (avijj ā sāva).

1-**DỤC lậu** (kā mā sāva=kāma+āsava) ám chỉ sự «**độc địa**» của lòng THAM LUYẾN (taṇhā) và VỌNG MÓNG (uddhacca). Hễ còn **tham luyến** và **vọng móng** tức là “trở dưỡng” một thứ ĐỘC làm cho *tâm thức không hài lòng* với những gì đang có. -**DỤC lậu** (kā mā sāva) ở đây chính là «động cơ» của sự *muốn thêm, muốn nữa*, «*muốn hoài*», *muốn cái khác*...gián tiếp hay trực tiếp chỉ cho «*riêng mình*» (atta=ngã) -ngay cả «*cái khác*» ấy cũng chưa biết là cái gì.

-Trong lãnh vực «*tình cảm nam nữ*», DỤC lậu (kāmasava) hằng làm cho con người chịu đựng những «*nỗi buồn vu vơ*», một cách vô duyên cớ. -Đó là một loại **khao khát** (rāga), mà không ai có thể biết nó thuộc «loại gì», để tìm cách thỏa mãn.

*Và **dục giới** (kāma loka) là «cõi tung hoành rộng rãi nhất» của **DỤC lậu**, với «5 môi trường vật chất cụ thể» (hay tứ đại biến hóa), là 5 giác quan MẮT, TAI, MŨI, LƯỖI và THÂN, đồng thời với 5 đối tượng của chúng, là SẮC (rūpa), THÍNH (sadda), HƯƠNG (gandha), VỊ (rasa), XÚC (phoṭṭhabba).

-Xuyên qua «5 môi trường» này, **DỤC lậu** -hết đòi hỏi **cảnh sắc** thì đòi hỏi **cảnh thính**, -hết đòi hỏi **âm thanh** thì đòi hỏi **cảnh hương**, -hết đòi hỏi **mùi hương** thì đòi hỏi **cảnh vị**, -hết đòi hỏi **khẩu vị**, thì đòi hỏi **cảnh xúc** hay *đụng chạm*...

<>Các đòi hỏi (tanhā) xoay vần mãi với 5 ngoại trần, cho đến khi nào «**NÓ**» nhàm chán, mệt mỏi, ngã gục.

-Rồi **DỤC lậu** lại thay đổi «lãnh vực», quay qua đòi hỏi những «*đối tượng ký ức*», nằm trong quá khứ (gần hay xa), thuộc về **tâm cảnh**, để tạo ra «*viễn ảnh*» khao khát cho tương lai.

-Chưa kể tại mỗi «**CẢNH**» (ālambana=cụ thể hay trừu tượng) vẫn có vô số «**đặc sản**» (thuận lẫn nghịch), để **DỤC lậu** chọn

lừa hay tù chối, ưu ái hay đồ kỵ, nâng niu hay ruồng rẫy, “nâng niu” thì *chiều chuộng quá đáng*, còn “ruồng rẫy” thì nhiều khi “*chà đạp cho bỏ ghét*”.

*Ác ý muốn “*hành hạ*” những cái “*khó ưa*” cũng là một loại ***DỤC lậu nguy hiểm***. (DỤC độc).

*Riêng trong ***SẮC GIỚI*** (rūpa loka) thì “đối tượng” (ālambana) của ***DỤC lậu*** tuy bị thiên pháp “hạn chế”, nhưng không phải là không có. -Chẳng hạn như người ta «*muốn đạt nhanh tầng thiên kỳ diệu này*» hay «*nhắm đến tầng thiên đặc biệt kia*»...

2-***HỮU lậu*** (bhavāsava=bhava+āsava) ám chỉ cái độc trong sự «***CÓ***», trong sự «***SỞ HỮU***», trong sự «***LÀM CHỦ mãi mãi***». «***HỮU lậu***» (Bhavāsava) đồ kỵ với điều kiện nào thay đổi, biến thiên, có thể «*chấm dứt quyền làm chủ*» ấy.

-Trong lãnh vực «*hiện sinh*», Lậu HỮU (bhavāsava) làm cho con người «*nhhiễm độc*», trở thành KEO KIẾT, ÍCH KỶ (issāmacchariya). Mỗi cá nhân (atta) là một ĐỐI THỦ tiềm tàng của cá nhân khác. Các tình trạng «bảo vệ quyền lợi của mình», «tiêu diệt những ai cạnh tranh» và «chồng chất vật sở hữu đến tối đa» (-nhiều khi chỉ để ngó, mà không dám xài), là 3 *hiện tượng tiêu biểu* cho ***HỮU lậu***. -Nhiễm độc bởi sự «***CÓ***», hay bởi “quyền làm chủ” (bhava).

-**HỮU lậu** (bhavāsava) cũng là «vật liệu» của *ảo tưởng*, hằng «xây dựng» cái «**ngã**» (atta). -Tôi CÓ mà anh KHÔNG CÓ, tức là...«tôi QUAN TRỌNG HƠN anh». -Anh CÓ mà tôi KHÔNG CÓ, tức là «tôi THUA anh». -Cái «**ngã**» của tôi bị xúc phạm, chỉ vì anh CÓ mà tôi KHÔNG CÓ.

<>Tôi phải «*phản ứng một cách xứng đáng*», để «bảo vệ» NÓ. Tôi đã «*nhhiễm độc*» mà tôi không hay.

*Kinh «BÁT PHONG» nói về «**8 thứ gió**», là 1/«**được lợi**», 2/«**mất lợi**», 3/«**được khen**», 4/«**bị chê**», 5/«**được thương**», 6/«**bị ghét**», 7/«**được hợp**», 8/ «**bị tan**», cũng là những «hoa lá» của **HỮU lậu**, củng cố cái **NGÃ** (atta) này.

-Ngoài ra, cái «**ngã**» hay cái «**tôi**» (atta) ấy, phải được xem là quan trọng, trong cả 3 thời, quá khứ (atīta), hiện tại (paccuppanna), và vị lai (anāgata), trên cả 2 phương diện là trực tiếp và gián tiếp. -«**Độc**» trực tiếp và gián tiếp.

-TRỰC TIẾP gồm chỉ **một mình tôi**. -GIÁN TIẾP thì gồm các **thân thuộc** và **bạn bè** xung quanh **tôi**. Tất cả tập trung lại, đóng góp vào «**danh dự**» và «**giá trị**» của tôi. -Nghĩa là cùng nhau «**nhhiễm độc chung**» !

3-**KIẾN lậu** (ditṭhāsava) ám chỉ cái «**THẤY PHIÊN DIỆN**» (ditṭhi) nơi «**con MẮT TÂM**» của một cá nhân bị đóng khung, và TINH THẦN đã bị **tham-sân-SI** phủ kín, trở thành «**ung thối**», «**lên men**»...-Cái «**THẤY**» ấy «tự nó vốn bị kín» trong một *băng đen cực đoan nào đó*, tạm gọi là «**khuyñh hướng chủ quan**». -Mắt TÂM «nhiễm độc» !

-Đó là cái **thấy cố chấp**, ví như một kẻ mang kính màu. Nếu ấy là màu đỏ, thì người mang kính thấy vật gì cũng màu đỏ. Nếu ấy là một màu khác thì tất nhiên...có tình trạng tương tự.

<>Kinh Phật nói, **KIẾN lậu** (Ditṭhāsava) làm cho người ta thấy vạn vật không đúng thực tại của nó. **Các tâm sở** THAM-SÂN-SI (lobha, dosa, moha) ví như 3 *độc tố pha trộn*, tạo ra một thứ «*màu sắc quái gở*» phủ lên con mắt tâm, khiến cho cái THẤY phải đa màu, «loạn thị»...

-Đó là **lý do** trong đời sống hằng ngày, con người thường xuyên hành động chủ quan, nhận xét rất nhiều vấn đề một cách nhầm lẫn, chẳng thật, «nhiễm độc» mà không hay. Ai cũng tuyên bố rằng, «*sống với sự thực thì hạnh phúc*», nhưng đa số chúng ta vẫn chối bỏ thực tại.

-Tính chủ quan phối hợp với **tham-sân-si** đã làm cho người ta thân cận với kẻ xấu mà nghĩ là «mình làm đúng». **KIẾN lậu**

thúc đẩy con người (nhiễm độc), nên âm thầm bênh vực các nguyên nhân đưa đến cảnh khổ, mặc dù ngoài miệng họ lý thuyết ngược hẳn.

*Nói tóm lại, **lậu hoặc** này (idhāsava) bao gồm tất cả các loại **tà kiến** (miccha diṭṭhi), vừa **thô kệch** (olārika) vừa **vi tế** (sukhuma), giăng phủ chằng chịt như màng lưới (jala), từ **dục giới** (kāma bhūmi) lên đến **sắc giới** (rūpa bhūmi) và **vô sắc giới** (arūpa bhūmi), với 2 cái tên là **thường kiến** và **đoạn kiến**.

4-**VÔ MINH lậu** (avijjāsava) ám chỉ tình trạng ĐỘC HẠI của sự «**hoàn toàn không biết**», «**biết lẫn lộn**», «**biết trái ngược**» hay «**biết phiến diện**». Đó là một loại «vương độc» đối với tâm thức. Và **VÔ MINH lậu** ở đây cũng ám chỉ **SI PHẤN** (moha), «**nguyên nhân gốc**» của tất cả KHỔ NÃO (dukkha kilesa) và LUÂN HỒI (Saṃsāra).

-Xin nhắc lại, **SI PHẤN** có thể xem là «**tạo hóa**» chế ra «**bánh xe SANH TỬ LUÂN HỒI**», gồm 12 cãm, là 1/**vô minh** (avijjā), 2/**hành** (saṅkhārā), 3/**thức** (viññāna), 4/**đanh sắc** (nāma rūpa), 5/**lục nhập** (salāyatana), 6/**xúc** (phasso), 7/**thọ** (vedanā) 8/**ái** (taṇhā), 9/**thủ**, (upādāna) 10/**hữu** (bhava), 11/**sinh** (jāti), và 12/**lão tử** (jarā maraṇa).

-Về phương diện LÝ (dhamma) và SỰ (saṅkhāra), xin chớ hiểu suông, một cách «giản dị» rằng, VÔ MINH (avijjā) là **không thấy gì hết**. -Mà trong «pháp hành» VÔ MINH chính là **thấy lẫn lộn**, hay **thấy đảo ngược**, tức là «THẤY» đưa đến nẻo ÁC nhiều hơn là đến nẻo THIÊN, -gấp trăm lần !

-Do **VÔ MINH lậu** (avijjā) mà hầu hết, ai cũng biết nói các câu đầy triết lý thanh tịnh, như : -«*hãy buông bỏ cái GIÁ, cố gắng giữ gìn cái CHÂN*», -«*hãy làm ngơ trước cảnh thùng rỗng kêu to*», -«*đó chỉ là hiện tượng nhất thời*», -«*cuộc đời vốn là cõi giả tạm*», -*thăng trầm là chuyện thường*», hay nói chung là «*vạn vật vô thường*»...v...v...Nhưng mấy ai hành động đúng cách ?

Trái lại, trong đời sống hằng ngày, người ta vẫn thường xuyên «*ura chuộng*» những gì có bề ngoài «*hào nháng*», «*rực rỡ*»..., nghe êm tai, thuận với lòng THAM, thuận với NHẤT THỜI...đề **củng cố** VÔ MINH lậu !?

*Như thế, nếu không gọi NÓ là «**ĐỘC TỔ**» trong tâm thức, hằng làm cho tinh thần «*thấy biết lầm lạc, đảo ngược, sa đọa, thoái hóa*...», thì còn có thể gọi tên khác là gì ?!

-Thậm chí 2 chữ «**GIÁC NGỘ**» là một «*danh từ rất quý báu*» trong nhà Phật, mà **VÔ MINH lậu** (avijjāsava) cũng «*lạm dụng được*» như thường.

*Theo nhà Phật, sau khi GIÁC NGÔ (Dhammacariya sambojjhaṅga), hành giả sẽ hành động tự tại, để giảm thiểu (hay triệt tiêu **tham-sân-si**), nhưng trên thực tế ngày nay, người ta lại quan niệm khác đi, như sau :

«Sau khi giác ngộ», đương sự liền vội vàng lên kế hoạch, để hành động đạt được những mục tiêu mong muốn (trong chiều sâu đầy vụ lợi), càng nhanh càng tốt, bất chấp mình đang nằm trong hoàn cảnh nào».

-Chẳng hạn như :

<>“Xưa nay tôi đã từng hiểu lầm, tin lầm, và hành động sai lạc”...-Bây giờ tôi biết ra **sự thật** (=giác ngộ), tôi cần làm sao để có “thành công” tốt và nhanh nhất (=THAM), một cách xứng đáng, -không xứng đáng thì không được (=SÂN), -bằng mọi giá, phương tiện chứng minh cho “cứu cánh” mà ! (=SI).

<>Nhà Phật mô tả và khuyến khích rằng, «sau khi giác ngộ, tham-sân-si sẽ tự động giảm xuống hay tam vắng mặt», thì đối với người đời ngày nay, «**sau khi giác ngộ, tham-sân-si có thể phát sinh**», do cái “vọng niệm” về “thành công” ấy !

*Thành ra, 2 chữ «giác ngộ» trong kinh Phật cũng bị «lam dụng» cùng với bao nhiêu «từ ngữ» khác, như «luật nhân quả»,

«duyên khởi», «lòng từ bi», «hạnh bồ-tát», «nhập thế», «xuất thế», «giải thoát»...v...v...

-Chúng ta học Phật, *nêu ra để tự nhắc nhở mình*, không phải để «phản đối», vì “phản đối” là rơi vào cái “bẫy SÂN HẬN”, -mà cũng là để «hướng về» tính THẬN TRỌNG trên con đường *thanh tịnh tiến hóa*.

C-Nói về **SẮC PHÁP** (rūpadhamma) thì có 18.

<>Trong *toàn thể sắc pháp* (rūpa) mà chúng ta đã học qua, thì chỉ có **18 sắc pháp**, gọi là “*tác tịnh*”. Đó là những “VẬT CHẤT” «*có vai trò làm đề mục tích cực*», (kammaṭṭhāna) trong THIỀN HỌC nói chung, và MINH SÁT (Vipassanā) nói riêng, để «quán chiếu» 3 PHÁP ÁN «*vô thường*» (aniccā), «*chịu đựng thuận nghịch khổ*», và «*vô ngã*» (anattā) một cách “xây dựng” (nimmāṇakara) .

<>Bốn chữ «*đề mục tích cực*» ở đây cũng ám chỉ chúng có đặc tính «*biểu lộ rõ*» các «trạng thái» là *THAY ĐỔI* (aniccā), *BẤT TOẠI* (dukkha), và *RÔNG TUẾCH* (anattā) tại điểm chung, của vạn vật trong vũ trụ.

*Nhưng ngoài “*minh sát thiền*” (vipassanā) ra, thì **đề mục** “đồng nghĩa” với tất cả “đối tượng” hay “**trần cảnh**” (ālabhana), gồm “*tâm cảnh*” và “*vật cảnh*” trong sự sống.

*Mười tám SẮC PHÁP ấy là 1/**đất** (paṭhavī), 2/**nước** (āpo), 3/**lửa** (tejo), 4/**khí** (vāyo), 5/**mắt** (cakkhu), 6/**tai** (sota), 7/**mũi** (ghāṇa), 8/**lưỡi** (jīvha), 9/**thân** (kāya), 10/**sắc** (rūpa), 11/**thính** (sadda), 12/**hương** (gandha), 13/**vị** (rasa), 14/**xúc** (phoṭṭhabba), 15/**giống nam** (pulliṅga), 16/**giống nữ** (itṭhiliṅga), 17/**quả tim** (hadaya), và 18/**duyên chất** (āhāra).

-Mười sắc pháp còn lại, gồm 1/**không gian** (ākāsa), 2/**thân biểu tri** (kāya paññatti), 3/**khẩu biểu tri** (vacī paññatti), 4/**nhẹ nhàng** (lahutā), 5/**mềm dẻo** (mudutā), 6/**thích ứng** (kammaññatā), 7/**sinh** (jāti), 8/**trụ** (tiṭhi), 9/**dị** (jarā), 10/**diệt** (maraṇa)...thì «*không tích cực*», hay chúng vốn “luôn luôn khách quan” đối với thiền MINH SÁT (vipassanā), vì chúng là những SẮC PHÁP «*hằng nhiên*». Và những gì “hằng nhiên” thì khó kích thích sự TÍNH THỨC TỈNH !

D-Nói về NIẾT-BÀN (Nibbāna).

<>Theo Phật học, NIẾT-BÀN (nibbāna) thì chỉ có **MỘT**, nhưng gồm 2 “chân pháp” là «*Vô Dư Niết-Bàn*» (anupādisesa), và «*Hữu Dư Niết-Bàn*» (supādisesa).

*VÔ DU NIẾT-BÀN (anupādisesa nibbāna) là một “phẩm cách” hoàn toàn SIÊU VIỆT (yathābhūta), ám chỉ QUẢ PHẬT HẾT SINH TỬ sau khi «tịch diệt» (=chết). “Phẩm cách” này đối với phàm nhân thì «*bất khả thuyết*» và «*bất khả tư nghì*».

*Nhưng HỮU DU NIẾT-BÀN (supādisesa nibbāna) là một “phẩm cách” cụ thể, vô cùng «*thanh tịnh*» (abhivisuddhi), và «*thâm mật*» (gambhīra) tiềm tàng nơi thân Phật lúc hiện tiền. “Phẩm cách” ấy chỉ có trong Đức Phật (Buddha) và Chư Thánh A-la-hán, khi các Ngài còn sống.

*Theo Vi Diệu Tạng (abhidhamma piṭaka), HỮU DU NIẾT-BÀN (supādisesa nibbāna) chính là “hiện thân” của Pháp TOÀN XẢ (sabbupekkhā), hay TỨ VÔ LƯỢNG TÂM (catu brahmavīra), cấu hữu với TUỆ CĂN (paññindriya), *một loại tâm sở vô thượng* (anuttara cetasika), trong DANH SẮC (nāma rūpa) toàn thiện của chư Phật.

* «PHẨM CÁCH SIÊU THOÁT» (lokuttara brahmacariya) này bằng biểu lộ qua các hành vi thường nhật của các Ngài, và luôn luôn chuyên chở các «đặc tính», như **khinh an** (passaddhi), **nhu nhuyễn** (mudutā), **thích ứng** (kammaññatā), **chánh trực** (ujukatā), **tiết chế** (virati), **quân bình** (tatramajjhataṭṭatā), và **thanh tịnh vô biên** (appamaññā visuddhi),

mà người học Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) có thể tìm thấy trong các «**tịnh quang tâm sở**» (sobhaṇa cetasika).

***Thứ hai, TỨ BỘC (Catogha).**

<> Danh từ «TỨ BỘC» là dịch nghĩa của chữ Pālī «CATOGHA». Đó là dạng kết hợp (sandhi) của 2 từ ngữ Pālī, gồm «Catu» là «bốn», và «Ogha» là «*giòng nước lũ*» => (Catu+Ogha=Catogha).

-Ở đây, «TỨ BỘC» (Catogha) ám chỉ «*4 giòng nước đổ mạnh như thác*», phủ lên một vật gì đó. Do vậy, ý nghĩa văn học của «TỨ BỘC» là «*4 sự tràn ngập*» hay «*4 sự nhận chìm*».

*Nguồn gốc của «TỨ BỘC» (Catogha) cũng giống như nguồn gốc của «TỨ LẬU» (Catāsava). Đó là «hậu quả nguy hiểm» của **tham** (lobha), **sân** (dosa), **si** (moha), và **tà kiến** (miccha diṭṭhi). Hậu quả này «nhận chìm» TÂM THỨC chúng sanh xuống **4 đọa cảnh** (parihāni), là địa ngục (niraya), bàng sanh (tiracchāna), ma đói (peta), và a-tu-la (asura).

***TỨ BỘC (Catogha) nêu ra là :**

1-DỤC bộc (kāmogha) : Bị nhận chìm bởi lòng THAM,

2-HỮU bộc (bhavogha) : Bị nhận chìm bởi ôm chắc CÁI CỐ,

3-TÀ KIẾN bộc (ditṭhogha) : Bị nhận chìm bởi THẤY SAI,

4-Và VÔ MINH bộc (avijjogha) : Bị nhận chìm bởi TỐI TẮM,
và đảo lộn trong hỗn mang.

Lược giải :

<>**DỤC bộc** (kāmogha) tức là tình trạng «*bị nhận chìm*» xuống 4 đọa cảnh (parihāni) bởi THAM DỤC, hay tình trạng bị sa đọa, do tham luyến «*lục trần*», là *sắc* (rūpa), *thinh* (sadda), *hương* (gandha), *vị* (rasa), *xúc* (phoṭṭhabba), và *pháp* (dhamma), xuyên qua «6 căn môn».

-**DỤC bộc** (kāmogha) cũng ám chỉ các hàng «*đạo sĩ*» (tāpasa) THAM CHẤP. Nó «báo động» cái tình trạng TÂM THỨC «bị nhận chìm», do sự ôm cứng cảnh giới tâm linh, «*tà kiến về những cảnh hoang đường*», hay sự thoái hóa do «*say đắm trong các «quyền năng» của thiên định*» (samādhī).

-Mỗi «DỤC bộc» có thể ví như một «*giòng nước lũ*», thường xuyên tràn ngập, nhận chìm **tâm thức** chúng sanh tận đáy vực, một cách mạnh bạo, không cho phép ngoi lên.

<>**HỮU bộc** (bhavogha) tức là tình trạng «*bị nhận chìm*», do mắc dính **hiện hữu** (bhāva), hay do TÂM THỨC (citta) bám

chắc *cái gì đang có* (upādāna), -nhất là bám chắc vào **thân xác** (sakāyadit̤ṭhi) và **ngoại vật**, mà một người không thể đem theo, vào giây phút lâm chung.

-Ở đây chữ «**HỮU**» (bhava) ngụ ý rất «thần học». Nó bao gồm tất cả *pháp HỮU* (bhavadhammā) trong TAM GIỚI (tiloka), làm «đối tượng» (ālambana) của TÂM THỨC (citta), -như HỮU ở **cõi dục** (kā mābhava), HỮU ở **cõi sắc** (rūpa bhava), và HỮU ở **cõi vô sắc** (arūpa bhava).

*Do đó, **chấp HỮU** (bhavupādāna) chính là «chủ lực» của **BỘC LUU**, hay «*giòng nước nhận chìm* bởi **HỮU**» này.

<>**KIẾN bộc** (diṭṭhogha) ám chỉ sự nhân chìm TÂM THỨC trong «**ĐỊNH KIẾN BẤT THIỆN**» (akusala diṭṭhi). **Định kiến bất thiện** ấy là «*giòng nước phủ ngập TINH THẦN*» (maṇo) trong mỗi kiếp sống. Vì ảnh hưởng của «*định kiến bất thiện*» mà con người **không thể** tạo nghiệp thiện, để tiến hóa trong các vòng sanh tử luân hồi (saṃsāra). -«**Kiến bộc**» cũng ám chỉ **tà kiến** (miccha diṭṭhi).

<>Và «*pháp tố lành mạnh đầu tiên*» của **BÁT CHÁNH ĐẠO** (atthaṅgika magga), phải là **chánh kiến** (sammā diṭṭhi). Nếu **chánh kiến** là chiếc «*chìa khóa, mở được bốn cửa Thánh vực*»,

thì **tà kiến** (miccha diṭṭhi) chính là «*bức tường dày, ngăn chặn con đường tiến hóa giải thoát*».

<>**VÔ MINH** *bộc* (avijjogha) ám chỉ sự NHẬN CHÌM tinh thần của người vào **TỐI TẮM** (moha). Ấy là tình trạng **thiếu hiểu biết đối tượng**, hay **không biết đúng vấn đề**, trong một hoàn cảnh nào đó của **TÂM THỨC** (citta).

-Khi **VÔ MINH** (avijjā) còn hiện hữu mạnh mẽ trong THÂN TÂM, thì **TRÍ CĂN** (paññindriya) không thể nào phát triển được. **VÔ MINH** luôn luôn có tiềm lực «nhận chìm» tất cả các khả năng tìm ra **ánh sáng** của tâm linh con người. Và «hiện thân» của vô minh là **bóng tối**.

-Trên phương diện xã hội, **VÔ MINH** là «**bộc lưu mù chữ**», hằng nhận chìm đại đa số người vào tình trạng **NGU DÂN**. Và **lạc hậu** là «**hậu quả thoái hóa**» không thể tránh được, -khoan nói đến «*sự chậm tiến*».

*Thứ ba, **TỨ ÁCH** (Yoga).

<>**TỨ ÁCH** (catu yogā) ở đây là «**4 cái ách**», tròng lên cổ con vật kéo xe. -Xin chớ nhầm lẫn và diễn dịch chữ «**yoga**» này, với

cái nghĩa là «*luyện tập thân thể cho mềm dẻo*», trong «văn hóa thể thao thể dục» của người Ấn-độ.

Bốn sự CÁI ÁCH ấy là :

- DỤC ÁCH (kāma yoga),
- HỮU ÁCH (bhava yoga),
- KIẾN ÁCH (dīṭhi yoga), và...
- VÔ ÁCH (avijāyoga).

Lược giải :

=>**DỤC ÁCH** (kāma yoga) hay CÁI ÁCH có tên là «*khao khát hưởng thụ*» (-nhất là hưởng thụ *lạc thú* trong cõi DỤC (kāma). Đó là một **TIỀM LỰC ĐỀ MẶNG** (yoga), «*lên vai*» mỗi chúng sanh xuyên qua tất cả «*các kiếp sinh tử luân hồi*», xoay vần và lập lại mãi mãi...

-Nói cách khác, tham luyến cảnh giới (kāmatanḥā) là «duyên khởi» của «DỤC ÁCH» (kāmayoga). Hầu hết «sinh linh» vì *dục phược*, mà đã «*bị cột chặt vào gọng xe*» một cách «*chắc chắn*» kéo vào nhiều cảnh giới KHỔ ĐAU.

-Và *thân tâm hiện tại* chính là một «*chùm dây cột trời*» của DỤC ÁCH. Mỗi khi HAM MUỐN *phát sanh*, là «*chùm dây cột*

trói» ấy lại được tăng cường, siết mạnh vào cái ÁCH. Rồi «cường độ vương mắc» (upādāna) là «năng lực» của DỤC ÁCH (Kāmayoga), hay ***gánh nặng không thể rời***. Nó không cho phép những *kẻ buông xuôi theo dục vọng* tháo gỡ các ***bế tắc khổ đau*** một cách dễ dàng.

=>**HỮU ÁCH** (bhava yoga) hay «CÁI GÔNG» ***chấp hữu*** (bhavupādāna), là một ***dạng khác***. Nó «kết nối» với tất cả «khô-vui» trong 3 cõi, *Dục giới* (=kāma bhūmi), *Sắc giới* (=rūpa bhūmi), và *Vô Sắc giới* (=arūpa bhūmi).

-Trong ***dục giới*** (kāma bhūmi), thì HỮU ÁCH (bhava yoga) «liên minh» với ***4 cảnh đạo*** một cách «chắc chắn». Sự ***cụ thể*** của HỮU ÁCH này trên thế gian, là CÁC RÀNG BUỘC (saṃyojana), như *vợ con, cha mẹ, anh em, quyến thuộc, bạn bè, tư kiến...*, song song với *tiền của, danh vọng, quyền lực...*

-Trong ***sắc giới*** (rūpa loka) thì HỮU ÁCH (bhava yoga) «nối liền» với ***hưởng thụ*** «*phúc lạc*» hay «*thọ mạng*» một cách lâu dài, làm cho chư thiên SẮC GIỚI (rūpa deva) sống «*tràn ngập vui thú*», quên hẳn *vun bồi thiện căn*, đến khi hết tuổi thọ, dĩ nhiên sẽ bị suy đạo.

-Còn trong ***vô sắc giới*** (arūpa loka) thì HỮU ÁCH (bhava yoga) “tự đồng hóa” với THỌ MẠNG (Jīvitindriya), sinh linh thấy nó

đường như bền vững (=không có tuổi thọ), và luôn luôn đầy đủ phúc đức. Đây là lý do làm cho *chur thiên vô sắc* (arūpa deva) tưởng lầm rằng «*cõi sống VÔ SẮC là cõi BÁT TỬ*». Nhưng một ngày kia, khi mạng chung «họ» sẽ bị đọa xuống các cõi thấp.

=>KIẾN ÁCH (ditṭhi yoga) ám chỉ «TU KIẾN là một ÁCH trên cổ. Cái **thấy chủ quan** của một người, luôn luôn luôn là cái ách gắn chắc trên cổ người ấy, do CÁI BIẾT KHÔNG THẬT.

-Một khi đã **cố chấp** thì người ta sẽ có thái độ bất mãn nhiều hơn hài lòng, và «*bảo thủ*» nhiều hơn «*cởi mở*». Từ đó, họ hành động trong tư thế «*cố chấp, cô lập*», không «*thuận hòa và thích ứng*» với những kẻ khác.

<>Từ đó, tất CHỦ QUAN, một dạng của tính ÍCH KỶ (atta), được «*trử dưỡng, lẫn khuyến khích*», làm cho đương sự lúc nào cũng sẵn sàng **phản đối** cái THẤY của kẻ khác, không cần biết các phương diện khác nhau của mỗi vấn đề. Ví như những 4 KẼ MÙ sờ VOI vậy :

-Người sờ lỗ TAI thì cho rằng con VOI giống cái QUẠT.

-Người sờ cái ĐUÔI thì cho rằng con VOI giống CÂY CHỐI.

-Người sờ các CHÂN thì nói con VOI giống CỘT NHÀ. Và...

-Người sờ BỤNG thì nói con VOI giống hông cái TRỐNG.

*Kết quả, vì KIẾN ÁCH (ditṭhi yoga), mà cả 4 người mù đều không biết được THÂN THỂ của voi như thế nào !

=>VÔ MINH ÁCH (avijjā yoga) hay «SỰ KHÔNG BIẾT» là một CÁI ÁCH (yoga) khác. **Cái ách** này có thể ví như một «**băng vải rất dày**», quấn nhiều vòng xung quanh đầu (che nhiều lớp trên đôi mắt), làm cho ánh sáng không còn hiệu lực xuyên thấu «**đập vào tận mắt**».

-Nghĩa là VÔ MINH ÁCH (avijjā yoga) chẳng những «tách rời» TÂM THỨC (citta) khỏi ÁNH SÁNG, mà nó còn làm cho ÁNH SÁNG trở thành «bất lực», đối với hoàn cảnh.

*Thứ tư, TỨ KẾT (Catu gantha).

<>**TỨ KẾT** (catu gantha) ở đây hơi khác với các «bộ tứ» đã đề cập trước đây. Dĩ nhiên **TỨ KẾT** ám chỉ «**4 CÁI GÚT**» hay «**4 thắt nút**», khó «**tháo gỡ**» trong nguồn gốc của các ÁC PHÁP (akusala dhamma) là THAM-SÂN-SI. Nhưng bây giờ trình bày dưới trạng thái đặc biệt. **Bốn cái gút** ấy có tên là :

-«**KHÁT DỤC kết**» (abhiññhā-kāyagantha),

-«**ÁC Ý kết**» (abyāpāda-kāyagantha),

-«**GIỚI CẤM kết**» (sīlabbata-parāmāsa-kāyagantha), và

-«**CỤC ĐOAN kết**» (idamsaccābhinivesa-kāyagantha).

Lược giải :

<> **KHÁT DỤC KẾT** (rāga gantha), hay «**dục vọng kết** » dưới dạng **KHAO KHÁT** là một cái **GÚT** (gantha) vô cùng khó mở, - nhất là khi đã «mang THÂN NGŨ UẨN» vốn **để suy tàn** này.

-Những «*đòi hỏi tự nhiên*» của **thân ngũ uẩn**, như *ăn, mặc, chỗ ở, thuốc men, kiến thức...v...v...không thể nào không đáp ứng.*

-Mà một khi «chậm đáp ứng» hay «không đáp ứng» thì **KHAO KHÁT** càng **đòi hỏi**. Nhưng dù có đáp ứng đầy đủ, thì *đòi hỏi* vẫn không ngừng, vì **TÚI THAM** vốn **không đáy**. -Cái tên «**KHÁT DỤC KẾT**» (rāga kāyagantha) được sử dụng chắc hẳn bởi lý do này.

*Và trong các «**khát dục kết**», có **một thứ** vô cùng thâm hậu, là «**khát khao tình cảm**» xuyên qua «TÂM TƯ» và XÁC THỊT, tiếng Pāḷi gọi là «**Rāga-kāyagantha**». NÓ «*kết chặt tinh thần vào thân thể ô trược*», để tạo thành **THỌ UẨN** (vedanā khandha), nguồn gốc của **đau khổ tâm tư**.

-Thứ **ĐÒI HỎI** tâm lý và vật lý đó trong cảnh **DỤC** (kāma bhūmi) thì «vô địch». Ngay cả «*những nhà tu hành*» đã đắc

THIỀN, nhưng *chưa chứng đạt quả THÁNH*, nếu không khéo cũng chẳng thể nào tránh khỏi.

-Ở đây, chúng ta nên chú ý đến «NGUỒN GỐC» của TỨ KẾT (catu gantha), tuy cũng là TAM-SÂN-SI, nhưng xuyên qua một «*ngữ nghĩa*» khác. Chữ THAM ở đây chuyên chở cái nghĩa của «*abhijjhā*», hay của KHAO KHÁT, chứ không phải của «LOBHA». Chữ SÂN ở đây chuyên chở cái nghĩa của «*abyāpāda*», của ÁC Ý, chứ không phải của «DOSA». Chỉ có SI vẫn là «ngữ nghĩa MOHA» ngu muội, không thay đổi.

<> **ÁC Ý KẾT** (abyāpāda kāyagantha) hay *HÒN GIẬN* (paṭigha), là một cái **GÚT** khác. NÓ «kết chặt» TÂM THỨC (citta) vào **pháp hành**.

-Đối với loài người, thì **ÁC Ý KẾT** (abyāpāda gantha) hằng làm cho con người thường xuyên chịu đựng sự THIÊU ĐỐT, bởi «*bất mãn, thù hận*». Dù người ta muốn xóa bỏ OAN TRÁI cũng không xong, nhất là khi CHẲNG CÓ KHẢ NĂNG để «trả thù».

ÁC Ý KẾT (abyāpāda kāyagantha) luôn luôn hành hạ tâm thức, thậm chí lúc thân thể đã già nua bệnh hoạn, chẳng còn sức sống. Nhân loại trong **thời mạt pháp** (vô đạo đức) sẽ bất mãn, thù hận nhau đến độ, mà người ta trường kỳ chuẩn bị chiến tranh, với danh nghĩa TỰ VỆ

-Và dù cho chân lý (sacca) NHÂN DUYÊN QUẢ (paṭiccasamuppāda-dhammā) thì ai cũng biết, nhưng tật THÙ HẬN (paṭigha) đã được «**thắc gút**» (gantha) quá chắc chẽ trong mỗi con người, nên khó ai «tháo gỡ» nổi.

<>**GIỚI CẤM KẾT** (sīlabbata-parāmāsa-kāyagantha) hay cái **GÚT** tà kiến, là...một **ác pháp** khác. GIỚI CẤM KẾT một khi đã «**có mặt**» trong kẻ nào, thì NÓ khóa chặt TÂM THỨC (citta) của kẻ ấy trong *si mê* (moha bandhanāgāra), tin *huyền năng hoang đường*, có thể «giải nạn» xuyên qua «nghi lễ cúng bái».

-Người ta thỉnh thoảng nói đến 2 chữ «**nhôi sọ**», là để diễn tả cái «*hiệu lực nguy hiểm*» này của GIỚI CẤM KẾT (sīlabbata-parāmāsa-kāyagantha).

*Một số tôn giáo hay chủ thuyết chính trị đã «khai thác **giới cấm kết**» để «ngu dân», giữ chặt *tín đồ* hay *đoàn viên*, bắt họ phải luôn tuân trung thành.

-**GIỚI CẤM KẾT** có thể ví như 2 miếng da che mắt con ngựa, để nó chỉ thấy sự vật trong một khung hẹp phía trước. Và nó phải đi tới theo ý muốn của kẻ chỉ huy. Nếu **xa phu** là một «*người tốt*» thì «*sự khổ cực của con ngựa xem ra còn xứng đáng*», -vì được chủ nhân chăm sóc. Nhưng nếu **xa phu** là một «*kẻ ác*» thì «*công lao*» của con ngựa chính là một «*khổ hình*».

<>**CỤC ĐOAN KẾT** (idamsaccābhinivesa-kāyagantha) hay cái **GÚT cuồng tín** (=tà kiến) là một **ác pháp** khác nữa. Xin nhấn mạnh **TÀ KIẾN** (miccha diṭṭhi) luôn luôn là một **đại ác pháp**, chứ không phải là một **ác pháp tầm thường**.

-Nhắc lại, trong VI DIỆU TẠNG (Abhidhamma pitaka) của nhà Phật, có nêu ra **3 nhân ác** (THAM-SÂN-SI), là để giúp cho người học Phật dễ hiểu. Nhưng sự thật, **ba nhân ác** trong CHIỀU SÂU, chỉ có MỘT là **SI MÊ**. Nghĩa là, từ **SI MÊ** (moha) mà phát sinh **tham lam** (lobha) hay **khát vọng** (abhiṃhā), rồi phát sinh **sân hận** (dosa) hay **ác ý** (byāpāda).

-Và **SI MÊ** (moha) còn chứa một nội dung tương đương khác là **VÔ MINH** (avijjā), nghĩa là **không thấy**, và **không biết**, hay **thấy biết chẳng rõ ràng, thấy biết một cách hằng lẫn lộn**.

*Thứ năm, TỨ THỦ (Catupādāna).

«Catu»=>«tứ». «Upa»=>«ưu thế». «Apādāna»=>«nắm giữ».

<>**TỨ THỦ** (catupādāna) ở đây ám chỉ 4 sự «**GIỮ CỨNG**» hay 4 tình trạng «**nắm chặt**», «**đeo dính**» (catupādāna), không có viễn cảnh sẽ buông ra.

-**TỨ THỦ** (catupādāna) cũng giống như «*nhóm bốn cột trói*» kia, là **TỨ KẾT** (catu gantha), vừa được trình bày qua. Nó gồm các «**NẤM GIỮ**» (upādāna) sau đây :

-**DỤC THỦ** (kāmapādāna),

-**KIẾN THỦ** (ditṭhupādāna),

-**GIỚI CẤM THỦ** (sīlabbatupādāna),

-**NGÃ THỦ** (attavādupādāna).

Lược giải :

<>**DỤC THỦ** (kāmapādāna) hay lòng **tham** (=tật đam mê trong ngũ dục), là một loại **nấm giữ** (THỦ=upādāna). Và chính sự «*đam mê ngũ trần*» ấy đã làm cho TÂM THỨC (citta-viññāna) bị «**giữ chặt**» trong TAM GIỚI luân hồi.

-«**DỤC**» (kāma) được «*biểu lộ*» bằng «*khoen thứ 8*», có tên là «**ÁI**» (taṇhā), trong chuỗi 12 khoen «*nhân duyên sinh khởi*».

-Còn «**THỦ**» (upādāna) là «*khoen thứ 9*» trong «*chuỗi*» 12 khoen nhân duyên sinh khởi, đưa TÂM THỨC (citta viññāna) «*hội nhập*» vào SẮC PHÁP (rūpa dhammā), để thành lập một kiếp người, và chắc chắn phải qua 4 giai đoạn **sinh lão bệnh tử**, trong vòng luân hồi (saṃsāra).

*«Phối hợp» 2 phần tiếng Pāḷi «*kāmatanhā*» và «*upādāna*», chúng ta có «*kāmatanhā-upādāna*», tạm dịch là «DỤC THỦ».

<>**KIẾN THỦ** (*diṭṭhupāda*) hay «**không buông bỏ TU KIẾN**», là một loại ***nắm giữ*** (THỦ) khác. -Và ôm cứng TU KIẾN thì ít có yếu tố là chính đáng. Nói cách khác, *TU KIẾN* (*diṭṭhi*) tự nó luôn luôn phiền diện, nên nó *không thể cao thượng*, nếu không muốn nói là *thấp hèn* (*hīna*).

KIẾN THỦ (*diṭṭhupāda*) không bao giờ cho phép người ta chấp nhận «*cái thấy bất đồng*» từ kẻ khác, dù cho «*cái thấy bất đồng*» ấy đã được chứng minh một cách thực nghiệm, và hợp lý, cũng được đa số người tán thành.

-**KIẾN THỦ** cũng có khi được gọi bằng «hán việt» là **KIẾN CHẤP**. Nó hằng giảm thiểu sự *phong phú* của trí khôn. Bất cứ một «*phương pháp*» nào phát sinh từ KIẾN CHẤP, đều không có khả năng giải quyết trọn vẹn một vấn đề.

-Nói tóm lại, **KIẾN THỦ** (*diṭṭhupāda*) là nhà tù (*bandhanāgāra*) của **TRI THỨC** (*viññāna*) !

<>**GIỚI CẤM THỦ** (*sīlabbatupādāna*) hay «**tin tưởng vào nghi lễ, để tôn vinh thần thánh, có năng lực tuyệt đối**» là một TẬP KHÍ khác (cũng thuộc về TỨ THỦ) trong tâm thức (*viññāna*)

con người phạm tục. TẬP KHÍ này chính là ***nguồn gốc*** của tất cả hiện tượng ***mê tín dị đoan***.

-Ngày xưa ở Ấn-độ, có những giáo phái tu hành theo GIỚI CẤM THỦ (sīlabbatupādāna). Tín đồ thuần thành của giáo phái này «*hành đạo*» bằng cách «***sống với cung cách, cử chỉ như súc vật***» để được «giải thoát» (?!).

-Đặc biệt là họ tôn thờ **BÒ CÁI** (gāvī) và cố gắng sống như loài bò, với hy vọng sẽ đạt tới «*cảnh giới thoát khổ*» (?!).

-Ngày nay, tín đồ Ấn-độ giáo (Hindouisme) tin tưởng nơi «GIỚI CẤM THỦ» rằng, «***tắm gội trong nước sông Hằng, thì rửa sạch tội lỗi***». Sự TIN TƯỞNG đó đã làm cho dòng sông Hằng càng ngày càng bị ô-nhiễm.

<>Ngoài ra, GIỚI CẤM THỦ (sīlabbatupādāna) còn «biểu lộ» dưới những hình thức khác. Chẳng hạn như, cúng thần linh muốn có hiệu quả, thì phải dùng «*máu dê tươi*» hay «*giết gà đen*», và phải thực hiện vào một «*giờ khắc nhất định*» (12 giờ trưa hay đúng nửa đêm)...v...v...

-Nghĩa là GIỚI CẤM THỦ (sīlabbatupādāna) nêu ra những «***nghi lễ***» mà không ai có thể giải thích nổi tính hợp lý «***vì sao phải làm như vậy***» !

<>**NGÃ THỦ** (attavāda-upādāna) hay tin chắc rằng «**sự sống là biểu tượng của một linh hồn bất diệt**», xuyên qua thân xác vật chất tạm bợ này.

-VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) trong đạo Phật, gọi sự tin tưởng như vậy là «**NGÃ THỦ**» (attavāda-upādāna), một TẬP KHÍ làm lạc (upādāna) rất khó giải trừ.

*Chữ «**NGÃ**» (atta, atma) xưa nay có nhiều cách «diễn tả» :

-«**NGÃ**» là «**tôi**», một danh xưng, ám chỉ sự *phối hợp cụ thể*, gồm **TINH THẦN** và **THỂ XÁC**, của những kẻ **duy vật**. Loại người này quan niệm «**chết là hết**», «không trách nhiệm» trước tất cả việc mình làm.

-«**NGÃ**» là «**linh hồn**», một năng lực trừu tượng, **VÔ HÌNH** và **bất biến, trường cửu** (!) của những người **duy tâm**. Họ quan niệm rằng, «linh hồn **chịu trách nhiệm** trước mọi việc mình làm» (=LƯƠNG TRI).

-«**NGÃ**» là một «đơn vị sinh hoạt» trong vũ trụ, «**sản phẩm có chủ ý**» của «**TẠO HÓA**» hay «**THƯỢNG ĐẾ**» của một số đông người **duy thần**. Họ quan niệm rằng, «*mọi hành động đều do một đấng **TOÀN NĂNG** chủ trì*», và mỗi «đơn vị sinh hoạt» thì **vô trách nhiệm**. Còn sự «**THƯỢNG PHẬT**» của họ thì tùy theo

«LUẬT LỆ» của «*Đấng Toàn Năng*» đã ra. Không ai có quyền biết «*nguồn gốc*» của «*Đấng Tạo Hóa*» ấy.

<>Nhưng Phật giáo thì chẳng thuộc về «tín điều» nào trong 3 quan niệm trên. Phật giáo không nói về «*NGÃ bất biến, vĩnh cửu*». Phật giáo cũng không nói về «*NGÃ do Thượng đế tạo ra*». Phật giáo chỉ nói về «*GIẢ NGÃ*» như **HIỆU LỰC TẤT NHIÊN** (vipāka citta) của **NGHIỆP** (kamma) hay của tất cả **HÀNH ĐỘNG** từ vô số vòng sống chết.

*Và với cái KIẾN THỨC xuyên qua TRẢI NGHIỆM này (idha-sammā-diṭṭhi) này, mà VI-DIỆU-PHÁP (Abhidhamma) trong nhà Phật, đề cập đến «*NGÃ*» như một «khả năng vận hành và **hằng biến** tùy theo hiệu lực (thăng hay đoạ) của những chuỗi NGHIỆP», kéo dài bất tận.

-Tiếng «*NGÃ*» (Pālī Atta = Saṅskrit Atman) đối với Phật giáo là một danh từ «**chế định**» (paññatti). Người học Phật khi nghe tiếng «*NGÃ*» hay «*TÔI*» (atta) thì liền «*nắm bắt cái ý*», chứ không chấp cứng vào một **định kiến** nào cả. «*NGÃ*» ở đây chỉ là sự biểu lộ «*khả năng hoạt động trong một giai đoạn*» của **NGHIỆP** vận hành, xuyên qua một kiếp sống.

-Vì vậy, người học Phật không phê phán, rồi bác bỏ «*NGÃ*» hay «*TÔI*» một cách «*cứng ngắc*», căn cứ trên quan niệm của

các tôn giáo khác, mà người học Phật luôn luôn quay về với «TRI KIẾN» bản thân, xuyên qua «TRẢI NGHIỆM TRONG THỰC TẠI» như Đức Phật đã dạy.

-Từ đó, để ám chỉ **HIỆU LỰC vận hành** của NGHIỆP (Kammassa vipāka citta-viññāna), người học Phật tùy theo trường hợp có thể gọi «NGÃ» (atta) ấy «là LINH HỒN» (maṇa), «là THỨC TÁNH» (viññāna), «là TÁC Ý» (cetanā), hay «là BẢN MỆNH» (jīvita)...v...v...

-Tất cả chỉ là QUI ƯỚC (paññatti), diễn tả cái **liên quan thực tại** của THÂN TÂM trong khi sống và sau khi chết !

<>Quay lại 2 chữ «**NGÃ THỦ**» (Attavāda-upādāna).

-«**NGÃ THỦ**» được nói đến trong Phật giáo là sự bám chắc lâm lạc, “tin chắc” rằng «**sắc thân ngũ uẩn** (pañca khandha), gồm **tinh thần** và **vật chất** này là TA hay TÔI bất biến».

-Tiếng Pālī gọi «**NGÃ THỦ**» là «sakkāyadiṭṭhi upādāna» tạm dịch là «THÂN KIẾN», ám chỉ cái «thấy và tin» phạm tục về «*thân sống này*» thì «**sai lệch**», không chính xác. Nó chỉ là một khối 5 TẬP KHÍ có dạng tạm thời, chắc chắn sẽ chấm dứt. Và trong khi «hiện hữu», NÓ thay đổi không ngừng, -thay đổi để suy tàn, để hướng đến chấm dứt, hoàn KHÔNG.

*Có người nói «*thân sống này*» hay **sắc uẩn** là «BẢN NGÃ».

*Có người nói «*cảm giác này*» hay **thọ uẩn** là «BẢN NGÃ».

*Có người nói «*nhớ lại này*» hay **tưởng uẩn** là «BẢN NGÃ».

*Có người nói «*vận động này*» hay **hành uẩn** là «BẢN NGÃ».

*Có người nói «*nhận biết này*» hay **thức uẩn** là «BẢN NGÃ».

*Có người nói **tổng hợp 5 uẩn** (pañca khandha) này là «BẢN NGÃ» (atta).

<>Tất cả đều không phải là «*quan niệm*» của nhà Phật.

*Chưa kể «**4 nguyên tắc tin tưởng**» lầm lạc khác nữa, là :

1-Nguyên tắc NGŨ UẨN (pañca khandha) có thể «**sinh ra**» của BẢN NGÃ (atta).

2-Nguyên tắc BẢN NGÃ (atta) có thể «**sinh ra**» của NGŨ UẨN (pañca khandha).

3-Nguyên tắc NGŨ UẨN (pañca khandha) «**nằm trong**» BẢN NGÃ (atta).

4-Nguyên tắc BẢN NGÃ (atta) «**nằm trong**» NGŨ UẨN (pañca khandha)

<> Và hành giả phải vượt qua «NGÃ THỦ» (sakkāyadiṭṭhi), hay hết chấp BẢN NGÃ, là ***công hạnh đầu tiên***, để hội nhập vào THÁNH LƯU, theo Phật giáo.

*Thứ sáu, LỤC TRIỀN CÁI (Cha nīvāraṇāni).

<> **TRIỀN CÁI** (nīvaraṇa) nói chung, ám chỉ những ***tâm sở bất thiện (akusala cetasika)*** có đặc tính cản trở thiền định của TÂM, *ngăn chặn TÂM* tái sinh lên thiên giới, làm *bạc nhược TÂM*, không thể lấy Niết-bàn làm cảnh, hay GIẢI THOÁT.

***LỤC TRIỀN CÁI** nói chung, là «**6 chương ngại**» (cha nīvāraṇāni), không cho TÂM THỨC (cittaviññāna) đạt được an trú (ekaggatā bhāvanā), thanh tịnh trong THIỀN.

-Từ trước đến giờ, chúng ta chỉ nghe nói «**5 TRIỀN CÁI**» (pañca nīvāraṇāni), nhưng ở đây chúng tôi lại nêu ra đến «**6 thiền cái**»...là một điều mới.

*Theo sách «THE COMPREHENSIVE MANUAL Of ABHIDHAMMA» (C.M.A) của Ngài Bhikkhu Bodhi, và «*Handbook of Abhidhamma Studies*» (cuốn III), của Cố Đại lão Hòa thượng Sayādaw U Sīlānanda (người Miến-điện), một

«chuyên gia» VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), thì «**6 triền cái**» (hay **chướng ngại**) ấy là :

1- **THAM DỤC** (kāmachanda) : Sự **thèm khát** các đối tượng ở sáu căn trong **cõi dục** (kāma-loka), là chướng ngại (nīvaraṇa) của THIỀN PHÁP (Jhāna bhāvanā).

-Đối với loài người, đó là sự lôi kéo, do những trần cảnh (kā mā lambana), như **sắc** (rūpa), **thính** (sadda), **hương** (gandha), **vị** (rasa), **xúc** (phoṭṭhappa) **pháp** (dhamma), đập vào TÂM (citta) với nhân THAM (lobha hetu).

2- **SÂN HẬN** (byāpāda) : Sự «**nổi giận**» dưới bất kỳ «*dạng nào*», cũng lưu dấu hờn ghét (paṭigha) trong lòng đương sự trước đối tượng. Vì vậy, **chướng ngại** (nīvaraṇa) thứ hai này cũng có nghĩa là **ÁC Ý** (byāpāda).

3- **HÔN THUY** (thīna-middha) : Sự «**u ám**» (nơi tâm) và “**buồn ngủ**” (nơi thân), -nhà Phật còn gọi đầy đủ, là «**hôn trầm**» và «**thuy miên**», chính là **chướng ngại** (nīvaraṇa) của THIỀN PHÁP (Jhāna bhāvanā).

4- **PHÓNG HỐI** (Uddhacca-kukkucca) : Sự «**phóng tâm**» và «**hối tiếc**» là **chướng ngại** (nīvaraṇa) của THIỀN PHÁP (bhāvanā dhammā).

5- **HOÀI NGHI** (Vicikicchā) : Sự «**phân vân**» hay «**ngghi ngờ**» là **chướng ngại** (nīvaraṇa) của THIỀN PHÁP.

6-**VÔ MINH** (Avijjā) : Sự «**thấy lẫn lộn**» hay «**không biết**», «**vô năng lực chú ý**» là **chướng ngại** (nīvaraṇa) của THIỀN PHÁP (bhāvanā dhammā).

NHẬN DIỆN theo thực tế hành thiền :

***TRIỀN CÁI** (nīvaraṇa) ám chỉ tất cả 8 tâm sở bất thiện thuộc DỤC GIỚI, (kāmaloka cetasika) gồm 1/**tham** (lobha), 2/**sân** (dosa), 3/**hôn trầm** (thina), 4/**thụy miên** (middha), 5/**phóng tâm** (uddhacca), 6/**hối tiếc** (kukkucca), 7/**hoài nghi** (vicikicchā), và 8/**si mê** (moha).

*Nhưng mỗi **TRIỀN CÁI** hay **CHƯỚNG NGẠI** (nīvaraṇa) đều sinh ra, lông hành, và chấm dứt, xuyên qua “3 mặt” là CHỨC NĂNG (kicca), DUYÊN HÀNH (paccaya) và ĐỐI PHÁP (paccatthika dhammā).

-**Hôn trầm** (thīna) làm cho tâm thức tối tăm, u-ám, và **thụy miên** (middha) làm cho thân thể năng nề, buồn ngủ. Hai tình trạng ấy được “nhập lại” thành **một triền cái** (nīvaraṇa).

-Cặp **CHƯỚNG NGẠI** (nīvaraṇa) này luôn luôn làm cho hành giả **MỆT MỎI, BUÔNG TRÔI**. -Và **đối pháp** (paccatthika

dhammā) của «hôn trầm thủy miên» là CHUYÊN CẦN (padhāna) và NHẪN NẠI (khantī).

-**Phóng tâm** (uddhacca) hằng làm cho tinh thần phân tán, sẵn sàng chạy theo bất cứ ngoại cảnh nào, bởi **sự lôi kéo bất thiện** của nhân THAM=lobha hetu). -Còn **hối tiếc** (kukkucca) thì làm cho tâm thức bồn chồn, lo lắng, bởi **sự che áng của nhân SI** (moha hetu). Cặp tâm sở bất thiện **phóng tâm** (uddhacca) và **hối tiếc** (kukkucca) cũng một cách tương tự, nghĩa là chúng được “nhập lại” thành **một triền cái** (nīvaraṇa).

-Cặp CHUỐNG NGẠI này làm cho tinh thần của hành giả thường xuyên phân tán và ray rức. -Và **đối pháp** (paccatthika dhamma) hữu hiệu nhất của tình trạng đó, là TRÌ GIỚI (sīla) phối hợp với THIỀN ĐỊNH (samādhi).

*Nói cách khác, **8 tâm sở bất thiện** thuộc **DỤC GIỚI** (akusala kāmaloṇa cetasika) đã được sắp xếp trở lại thành **6 triền cái** (cha nīvaraṇāni), như đã ghi trên đây, căn cứ theo “**The Comprehensive Manual of Abhidhamma**” (C.M.A). -Quý vị nào biết tiếng Anh, mời đọc thêm cách ấy để biết.

Tổng kết :

<>Khi kê khai 5 TRIỀN CÁI, là nêu ra các **chướng ngại** (nīvaraṇāni), ngăn cản sự **thành tựu những tầng thiền** (jhāna) thuộc SẮC GIỚI (rūpa loka). Nếu hành giả không «*giải quyết được*» 5 TRIỀN CÁI (pañca nīvaraṇāni) ấy, thì hành giả không hy vọng chứng đắc THIỀN ĐỊNH (samatha).

*Kinh Pālī nói lên **điều kiện đầu tiên** của THIỀN ĐỊNH là :

«...vivicceva kāmehi vivicceva akusalehi dhammehi...»

-Tạm dịch : «...*chẳng những ly khai dục vọng, mà còn phải ly khai các pháp bất thiện... thì hành giả mới có thể đạt được thiền SẮC GIỚI...*».

<>Còn khi nêu ra **VÔ MINH** (avijjā) hay **SI** (moha), như 1 trong 6 triền cái đối với pháp THIỀN (jhāna dhammā), là chúng tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh rằng, VÔ MINH hay SI là **chướng ngại chính** của phát sinh TRI TUỆ.

-Và **TRÍ TUỆ** (prajñā), phát sinh do thanh tịnh, là dụng cụ duy nhất, đủ sức mạnh phá tan «**bức tường SI MÊ**», chặt hết mọi RÀNG BUỘC (saṃyojana) đang cột chặt sinh linh vào bánh xe sinh tử luân hồi (saṃsāra).

<>Hơn nữa, **VÔ MINH** (avijjā) vốn là **một TÂM SỞ BẤT THIỆN** (akusala cetasika), luôn luôn nương nhờ (anusaya) vào

5 triền cái (pañca nīvaraṇāni). Nếu 5 triền cái bị «đẹp», thì VÔ MINH (avijjā) sẽ yếu dần, để sau cùng bị «triệt tiêu», bởi **Thánh quả A-la-hán** (arahatta phala).

<> Xem ra, trên con đường tu tập, giải thoát, chúng ta nhận thấy «dường như» có sự PHÂN CÔNG trong các «pháp hành», chẳng hạn như :

*TRÌ GIỚI (Sīla), tạo *thuần thực hạnh* kiểm vô hại cho chính mình, và đối với người, là **giai đoạn đầu**.

*ĐỊNH TÂM (Samādhi), *đẹp hết triền cái* (nīvaraṇāni), *đắc các tầng thiền hữu sắc, an chỉ* (ekaggatā) là **giai đoạn giữa**.

*TUỆ QUANG (Prajñā) *triệt tiêu vô minh* (avijjā), *thành tựu thiền minh sát, để chứng đắc đạo giải thoát* (lokuttara dhamma) là **giai đoạn sau cùng**.

*Thứ bảy, THẤT TIỀM MIÊN (Sattānusaya).

<> Từ ngữ «**TIỀM MIÊN**» (anusaya) ở đây có nghĩa là «**ngấm ngấm**», một «*đặc tính nguy hiểm khác*» của ÁC PHÁP (akusala-dhamma).

-Chữ Pālī «**anusaya**» cũng ám chỉ cái «*thế lực ẩn mặt*», cái «*thế lực núp sau lưng*», hay cái «*thế lực nằm bên dưới*» một hành vi nào đó, gọi là **thế lực ngũ ngầm**. Nói theo VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) thì nó tương đương với CĂN SI.

-«**TIỀM MIÊN**» (anusaya) *phát sinh khi hội đủ điều kiện, và không phát sinh khi chẳng hội đủ điều kiện.* -Nhất là khi chúng ta thuần thực trong thiện pháp (kusala dhammā), có đầy đủ «KHÉO LÉO TÁC Ý» (yoniso mnasikāra), thì nó KHÔNG THỂ phát sinh.

-Một người tuy trong hiện tại không «THAM» (lobha) hay «SÂN» (dosa) ngự trị nơi TÂM, nhưng trong **quá khứ** (atīta) người kia **hẳn đã có** THAM-SÂN, và trong **tương lai** (anāgata) người ấy **cũng sẽ có** THAM-SÂN *nổi lên ảnh hưởng TÂM THỨC*, khi hoàn cảnh cho phép.

<>«**TIỀM MIÊN**» (anusaya) là một ÁC LỰC phát sinh phiền não (kilesa) *phi thời gian* (akālika bāla), và có «3 mức độ» là :

TIỀM ẨN => BIỂU LỘ, và => CÔNG PHÁ.

<>Khi **TIỀM MIÊN** (anusaya) «ngủ yên» thì dường như «ôn hòa», nhưng khi «*thức giấc*» và «*công phá*» thì NÓ chính là *phiền não «bạo động»*.

-«**ĐỒNG MINH**» (sambandha) của TIỀM MIÊN (anusaya) là *sự vướng mắc* hay *THỦ CHẤP* (upādāna). Khi chúng ta «sở hữu một cái gì đó» mà chúng ta *vướng mắc vật ấy*, thì **tiềm miên** phát sinh dưới «**DẠNG tham**» (lobhānusaya), hay lúc chúng ta *không hài lòng* (amānāpa) thì **tiềm miên** phát sinh dưới «**DẠNG sân**» (dosānusaya).

<>Thực ra TIỀM MIÊN (anusaya) vốn có rất nhiều, nhưng VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma) trong nhà Phật đã «*tiêu chuẩn hóa*» chúng, thành 7 LOẠI, như sau :

- 1- KHÁT DỤC TIỀM MIÊN (Kāmārāgānusaya),
- 2- HỮU ÁI TIỀM MIÊN (Bhavarāgānusaya),
- 3- SÂN HẬN TIỀM MIÊN (Paṭighānusaya),
- 4, NGÃ MẠN TIỀM MIÊN (Manānusaya),
- 5- TÀ KIẾN TIỀM MIÊN (Ditṭhānusaya),
- 6- HOÀI NGHI TIỀM MIÊN (Vicikicchānusaya),
- 7- VÔ MINH TIỀM MIÊN (Avijjānusaya).

Lược giải :

<> Có sách «gộp chung» KHÁT DỤC TIỀM MIÊN (Kāmārāga-anusaya) và HỮU ÁI TIỀM MIÊN (Bhavarāga-anusaya) làm MỘT, thành ra TIỀM MIÊN chỉ còn có 6.

1-2/ Hai **TIỀM MIÊN** đầu tiên này (*tham dục* và *chấp hữu*) là 2 ác pháp «bất ly». Hễ có **tham dục** (lobha) thì có **chấp hữu** (bhava). Hễ có **chấp hữu** thì có **tham dục**. Cả hai *tương tác* và *sát cánh thúc đẩy*, làm «*duyên sinh khởi lẫn nhau*», nên gọi là «bất ly» (avinibbhoga).

3/ **SÂN HẬN TIỀM MIÊN** (paṭighānusaya), là «*dấu ấn*» (hay *cáu cặn*) của tật **NÓNG GIẬN** (dosa). Đó là **sự cháy ngâm** (=oán hòn) trong **TÂM TÁNH** (citta), khi *lòng bất mãn* (amānāpa) vẫn còn tiếp tục.

4/ **NGÃ MẠN TIỀM MIÊN** (maṇānusaya), là «*niềm tự hào*» hay sự **NGÃ MẠN** (Atta-upādāna), hằng làm cho **TÂM THỨC** tự đắc một cách *tôi tằm*.

5/ **TÀ KIẾN TIỀM MIÊN** (diṭṭhānusaya), tức là tình trạng **KHÔNG THẤY** hay **KHÔNG BIẾT**, bao gồm cả sự **THẤY** hay **BIẾT** một cách mù mờ, lầm lạc. Tà kiến (diṭṭhi) là **trở ngại lớn nhất** (mahā-nīvaraṇa), trước khi bước vào **Bát Chánh Đạo** (Atthaṅgika magga).

6/ **HOÀI NGHI TIỀM MIÊN** (vicikicchānusaya), là tình trạng *phân vân, nghi ngờ, không có sự tin tưởng, khó quyết định trước đối tượng* (ā lambana).

7/ **VÔ MINH TIỀM MIÊN** (Avijjānusaya), là tình trạng *DUI MÙ ngấm ngấm nguy hiểm nhất trong tất cả. VÔ MINH NGẤM NGẤM là **nguyên nhân** (hetu) của toàn thể ác pháp.*

*Thứ tám, THẬP XIỀNG XÍCH (Dasa saṃyojanāni).

<>**XIỀNG XÍCH** với «nghĩa đen» trong tự điển, là **những sợi dây câu thúc** có chiều dài CHẾ NGỰ. Những tù nhân khổ sai được phép đi đứng, nhưng bước chân có hạn, không thể chạy nhảy tự do, bởi sự câu thúc của các XIỀNG XÍCH (saṃyojana) ở chân và ở tay.

-Nhưng XIỀNG XÍCH (saṃyojana) trong Phật giáo, ám chỉ những **trói buộc nguy hiểm** nơi TÂM (citta), không để cho PHÁP GIẢI THOÁT **sinh tử luân hồi**, được dễ dàng thực hiện.

*THẬP XIỀNG XÍCH (dasa saṃyojana) được tìm thấy trong Tạng KINH (Sutta piṭaka), và được tìm thấy trong Tạng VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma piṭaka), tuy có khác nhau đôi chút,

nhưng NỘI DUNG không thay đổi. -Chúng tôi nêu ra cả 2 xuất xứ ở đây, để quý vị rộng đường tra cứu.

<>THẬP XIỀNG hay 10 TRÓI BUỘC theo tạng KINH là :

1-**DỤC ÁI** (kāma-rāga) hay «*vướng mắc dục trần*» (kāma upadāna) là ***một xiềng xích***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi*** (saṃsāra).

2-**SẮC ÁI** (rūpa rāga) hay «*vướng mắc thân hữu sắc*» là ***xiềng xích thứ hai***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi*** (saṃsāra).

3-**VÔ ÁI SẮC** (arūpa rāga) hay «*vướng mắc thân vô sắc*», là ***xiềng xích thứ ba***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi*** (saṃsāra).

4-**SÂN HẬN** (paṭigha) hay «*hòn oán kẻ khác*», là ***xiềng xích thứ tư***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi***.

5-**NGÃ MẠN** (māṇa) hay «*kiêu căng, tự cho mình cao hơn kẻ khác*», là ***xiềng xích thứ năm***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi*** (saṃsāra).

6-**TÀ KIẾN** (miccha diṭṭhi) hay «*thấy sai lạc và cố chấp*», là ***xiềng xích thứ sáu***, cột dính sinh linh vào ***BÁNH XE sinh tử luân hồi*** (saṃsāra).

7-**GIỚI CẨM THỦ** (sīlabbata parāmāsa) hay «tin vào hình thức nghi lễ có thể giải trừ được tội» là **xiềng xích thứ bảy**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

8-**HOÀI NGHI** (vicikicchā) hay «phân vân, nghi ngờ», là **xiềng xích thứ tám**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

9-**PHÓNG DẬT** (uddhacca) hay «tâm phân tán, phóng theo tất cả các cảnh», là **xiềng xích thứ chín**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

10-**VÔ MINH** (āviijā) hay «tâm tối tăm, không nhận ra sự THẬT, xuyên qua tứ diệu đế», là **xiềng xích thứ mười**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

<>THẬP XIỀNG XÍCH theo VI DIỆU PHÁP là :

1-**DỤC ÁI** (kāma-rāga) hay «vướng mắc dục trần» là **1 xiềng xích thứ nhất**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

2-**HỮU ÁI** (bhāva rāga) hay «vướng mắc vào sự hiện hữu» là **xiềng xích thứ hai**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

3-**SÂN HẬN** (paṭigha) hay «*vướng mắc hờn giận, bất bình*», là *xiềng xích thứ ba*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

4-**NGÃ MẠN** (māṇa) hay «*kiêu căng, tự cho mình cao hơn kẻ khác*», là *xiềng xích thứ tư*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

5-**TÀ KIẾN** (miccha diṭṭhi) hay «*thấy sai lạc và cố chấp*», là *xiềng xích thứ năm*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

6-**GIỚI CẤM THỦ** (sīlabbata parāmāsa) hay «*tin vào hình thức nghi lễ có thể giải trừ được tội*» là *xiềng xích thứ sáu*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

7-**HOÀI NGHI** (vicikicchā) hay «*phân vân, nghi ngờ*», là *xiềng xích thứ bảy*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi** (saṃsāra).

8-**TẬT ĐỐ** (issā) hay «*ganh tỵ, không thích người khác có cái hơn mình hay được có như mình*» là *xiềng xích thứ tám*, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

9-**BỎN XẼN** (macchariya) hay «keo kiệt, không muốn chia sẻ bất cứ cái gì của mình cho người khác», là **xiềng xích thứ chín**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

10-**VÔ MINH** (avijjā) hay «tâm tối tăm, không nhận ra sự THẬT, xuyên qua tứ diệu đế», là **xiềng xích thứ mười**, cột dính sinh linh vào **BÁNH XE sinh tử luân hồi**.

<> Tuy nhiên, nếu chúng ta «**cô đọng**» 2 bảng kê khai (theo Tạng KINH và theo Tạng VI DIỆU PHÁP) lại, thì chung qui chỉ có 8 loại **xiềng xích**, là :

1/**Xiềng xích** bởi THAM DỤC (lobha saṃyojana),

2/**Xiềng xích** bởi SÂN HẬN (dosa saṃyojana),

3/ **Xiềng xích** bởi NGÃ MẠN (māṇa saṃyojana),

4/**Xiềng xích** bởi TÀ KIẾN (miccha diṭṭhi saṃyojana),

5/**Xiềng xích** bởi HOÀI NGHI (vicikicchā saṃyojana),

6/**Xiềng xích** bởi GANH TỶ (issā saṃyojana),

7/**Xiềng xích** bởi BỎN XẼN (macchariya saṃyojana),

8/ **Xiềng xích** bởi SI MÊ (moha saṃyojana).

*Thứ chín, THẬP PHIỀN NÃO (Dasa kilesa).

-Thế nào là PHIỀN NÃO (Kilesa) ?

<>«**PHIỀN NÃO**» là những gì làm cho tâm trí bị «sa sút», bị «xuống cấp», bị «tối tăm», và bị «dơ bẩn». Tiếng Pālī gọi PHIỀN NÃO là «**Kilesa**».

-«**Kilesa**» còn có nghĩa là «sự đau đớn», «sự bế tắc», «sự chịu đựng hành hạ», hay «sự tự dày vò» bởi những **độc tố nội tại** do **ác pháp** (akusala dhammā).

Mười PHIỀN NÃO (KILESA) là :

1/THAM LAM (lobha), là **phiền não** làm cho tâm thêm khát.

2/SÂN HẬN (dosa), là **phiền não** làm cho tâm tự đốt cháy.

3/SI MÊ (moha), là **phiền não** làm cho tâm bị tối tăm.

4/NGÃ MẠN (māṇa), là **phiền não** làm cho tâm cao ngạo.

5/TÀ KIẾN (diṭṭhi), là **phiền não** làm cho tâm lầm lạc.

6/HOÀI NGHI (vicikicchā), là **phiền não** làm tâm phân vân.

7/HÔN TRẦM (thīṇa), là **phiền não** làm cho tâm lừ đừ.

8/PHÓNG TÂM (uddhacca), là **phiền não** làm tâm phân tán.

9/VÔ TÀM (ahirika), là **phiền não** làm cho tâm mất phẩm giá.

10/VÔ ÚY (anottappa), là **phiền não** làm cho tâm điên rồ.

<>Trên đây, là những **tâm sở bất thiện** (akusala cetasika), tượng trưng bằng 10 XIỀNG XÍCH (dasa saṃyojanāni), không những thường được «*kê khai trên trang sách*» VI DIỆU PHÁP (Abhidhamma), mà chúng còn được «*khảo sát*» xuyên qua «*trải nghiệm sống trong cuộc đời*».

*Nói tóm lại, 10 PHIỀN NÃO (lisesa) ấy chính là những «**biến dạng**» của THAM-SÂN-SI, chủ yếu là CĂN SI (momūha).

*Và **đối trị** của CĂN SI (momūha) là TUỆ CĂN (paññindriya).
Và xuyên qua học Phật, chúng ta thấy rằng :

-**Tâm sở bất thiện thấp nhất là SI.**

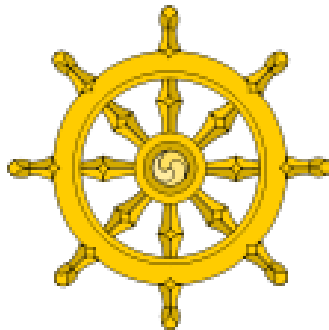
-Còn **tâm sở thiện**, hay **tâm sở tinh quang cao nhất** là **TUỆ CĂN** (paññindriya cetasika) vậy !



*Kính mời đọc tiếp KIẾN GIẢI “A-tỳ-đạt-ma” cuốn II.

Mục lục :

Lời nói đầu.....	trang 3
Chương I : Citta “Nguyên tâm”.....	14
Chương II : Cetasika “Tâm sở”.....	44
Chương III : Rūpa dhamma “Sắc pháp”...	87
Chương IV : Nibbāna “Niết-bàn”.....	156
Chương V : Cittavīthi “Chu trình tâm”....	194
Chương VI : Aniyata “Bất định”.....	336
Chương VII : Abhiñña “Tuyệt công”.....	413



Phụ lục :

Bảng song ngữ VIỆT-PĀLĪ chuyên biệt,
được dùng trong sách này, sắp theo thứ tự a, b, c...

-A-

Ách : Goya, ám chỉ «các lậu hoặc» (phiền não) trong thân tâm con người như cái «ách» trên cổ con bò, rất khó tháo gỡ.

Âm : Niredhatthavācaka, một trong hai nguyên tắc thái cực.

Ấm thấp : Addatta, môi trường nóng và nhiều hơi nước.

Ấn tượng : Maṇorañjaka, ám chỉ sự lưu lại hình ảnh.

A-na-hàm : Ānāgāmi : Thánh bất lai, bậc thanh tịnh siêu độ sau khi chết, không tái sinh làm người hay thấp hơn cõi dục.

A-la-hán : Arahatta : Thánh giải thoát, bậc đã diệt tận tham-sân-si, sau khi chết thì nhập «niết-bàn» (nibbāna), ra khỏi tam giới sinh tử luân hồi.

-B-

Bát chánh đạo : Aṭṭhaṅgika magga, con đường tu Phật thể hiện «8 bước chân chánh», để sống thanh tịnh.

Bản ngã : *Atta*, ám chỉ sự chấp trước lầm lạc, cho rằng thân tâm này trường tồn, bất biến...là “TA”.

Bất thiện : *Akusala*, ám chỉ hành vi «có kết quả không tốt», hay «không thuần thực», vụng về, vô định hướng.

Bĩ mẫn : *Karuṇā*, ám chỉ sự không vui, khi thấy kẻ khác khổ.

Biên giới : *Pariccheda*, lần mức giữa 2 địa phương.

Biệt nghiệp : *Visesa kamma*, thực tại hiện tiền của mỗi cá nhân.

Bồng bột : *Bubbuluppādāna*, ý muốn hành động nhất thời.

-C-

Cá nhân : *Puggala, pacceka*, thuộc riêng, độc hành.

Cảnh : *Ālambana*, ám chỉ đối tượng bên trong và bên ngoài thân tâm.

Cảnh ngoại : *Bahiddhā lambana*, ám chỉ sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Cảnh nội : *Maṇo lambana*, ám chỉ «pháp cảnh» trong tâm, đối tượng suy nghĩ.

Căn : *Hetu = mūla = Indriya*, ám chỉ nguyên nhân, hay cái rễ giữ cho cây đứng vững, ví như quyền lực ngầm.

Căn bản : *Paṭitthāna*, pada, nền tảng chính.

Căn cước : *Abhisañjānana, abhinivesa, samānna*, chứng có tượng trưng cho xuất xứ.

Cần an trú : *Bhāvanā padhāna*, ám chỉ chuyên cần hành thiền.

Cần chế ngự : *Samvara padhāna*, ám chỉ chế ngự điều ác.

Cần giữ hạnh : *Anurakkhanā padhāna*, ám chỉ cần giữ giới.

Cần lìa ác : *Pahāna padhāna*, ám chỉ cần xa lìa ác pháp.

Cẩu thả : *Anādariya*, dễ duôi, vô ý.

Cộng nghiệp : *Gaṇībhūta kamma*, thực tại hiện tiền của nhiều người giống nhau

Cùng hợp : *Sampayutta*, ám chỉ sự đi chung, hay sự vận hành đồng thời trong một hành vi, xuyên qua 3 nơi thân khẩu ý.

Cụ thể : *Samhata*, có thể tiếp nhận bằng giác quan.

Cùng ly : *Vippayutta*, ám chỉ sự tách rời, hay không vận hành đồng thời trong một hành vi, xuyên qua 3 nơi thân khẩu ý.

Chánh đẳng giác : *Sammā sambhuddha*, bậc toàn giác.

Chánh định : *Sammā samādhi*, ám chỉ «định tâm tự tại».

Chánh kiến : *Sammā diṭṭhi*, ám chỉ «cái thấy đúng chân pháp», vô chấp, vượt thành kiến, không chủ quan.

Chánh nghiệp : *Sammā kammanta*, ám chỉ «hành vi chân chánh».

Chánh ngữ : *Sammā vācā*, ám chỉ mọi «lời nói chân chánh».

Chánh mạng : *Sammā ājīva*, ám chỉ cách «nuôi mạng chân chánh».

Chánh niệm : *Sammā sati*, ám chỉ sự «tỉnh thức chân chánh».

Chánh tinh tấn : *Sammā vāyāma*, ám chỉ sự «cố gắng chân chánh».

Chánh tư duy : *Sammā saṅkappa*, sự suy nghĩ lành mạnh.

Chấp cứ : *Anusaya*, tật ôm chặt thành kiến, không cởi mở trước cái lạ.

Chính xác : *Yathāva*, nghiệm đúng về hình thức, năng lực, và phẩm chất

Chướng ngại : *Nāvaraṇa*, vật cản trở một «động tử» đi tới.

Chu kỳ : *Vīthi*, ám chỉ sự vận hành theo đường cong, nghĩa là trở lại hướng đi vòng tròn như cũ, luân hồi.

Chu kỳ ngũ môn : *Pañcadvāravīthi*, ám chỉ sự vận hành theo đường cong, xuyên qua 5 giác quan, theo vòng tròn lặp lại, luân hồi.

Chu kỳ ý môn : *Maṇodvāravīthi*, ám chỉ sự vận hành theo đường cong, xuyên qua giác quan thứ 6 (=Ý), theo vòng tròn lặp lại, luân hồi.

Chu kỳ chủ quan (lộ tâm) : *Citta-vīthi*, ám chỉ “yếu tố nằm trong hệ thống”.

Chu kỳ khách quan (lộ tâm) : *Citta-vīthi vimutti*, ám chỉ “yếu tố không nằm trong hệ thống”.

Chung : *Sādhāraṇa*, thuộc về nhiều người.

Chứng thật : *Sakkhita*, bằng có xác nhận là đúng.

Cột trói : *Ganthā*, ám chỉ «các lậu hoặc» (phiền não) trong thân tâm con người ví như sợi dây quán chặt, hay sự ràng buộc, rất khó tháo gỡ.

-D-

Danh pháp : *Nāma dhamma*, ám chỉ tên của vật trừu tượng, không thể thấy hay sờ được.

Danh sắc : *Nāma-rūpa*, ám chỉ tâm và thân, tinh thần và vật chất (=vô hình và hữu hình).

Diệt thọ tưởng : *Nirodha saññā nirodha*, khả năng của thiền làm cho hành giả không còn cảm giác nơi thân tâm.

Dục giới : *Kāmāvacara loka*, cõi luân hồi của chúng sanh đầy tham-sân-si, dục vọng không ngừng.

Dùng chất say : *Osadha*, như rượu, cũng ám chỉ cờ bạc.

Dục thần túc : *Chanda iddhipāda*, ám chỉ có nguyện vọng đầy đủ, như ý muốn.

Dương : *Ekanta* hay *Niyata*, 1 trong 2 nguyên tắc của thái cực.

-Đ-

Đa chiều : *Bahuvridha*, liên hệ đến nhiều hướng tới lui.

Đạo : *Magga*, ám chỉ khoảng trống trên mặt đất để đi tới một mục tiêu nào đó, nhưng trong Phật học ám chỉ sự thực hành, hay sống đạo.

Đại : *Mahā*, ám chỉ tính to lớn của vật chất, nhưng trong Vi Diệu Pháp nó ám chỉ sự «có mặt khắp cùng».

Đại sắc : *Mahābhūta*, sắc co mặt khắp cùng.

Đại tổ : *Mahādhātu*, nguyên tố có mặt khắp cùng.

Đen : *Kaṇha*, màu ngược lại với trắng.

Đề mục : *Kamaṭṭhāna*, ám chỉ đối tượng hành thiền.

Đĩa đề mục : *Kasiṇa*, ám chỉ vật dụng hình tròn để định tâm.

Điểm tựa : *Vatthu*, ám chỉ chỗ nương vào để vận hành.

Định căn : *Samādhindriya*, ám chỉ «quyền năng nhất điểm» của thiền định.

Định giác chi : *Samādi sambojjhaṅga*, ám chỉ tâm an trú trên đề mục thiền là yếu tố giác ngộ

Định lực : *Samādhibala*, ám chỉ sức mạnh của thiền định.

Đọa cảnh : *Parihāni*, môi trường thấp hèn và chịu khổ.

Đoạn kiến : *Ucchedadiṭṭhi*, ám chỉ tuyệt đối duy vật, chết là hết, không có vấn đề tâm linh, hay luân hồi trả quả kiếp sau.

Đối lập : *Viruddha*, có đặc tính chống lại.

Độc giác : *Pacceka buddha*, ám chỉ bậc tự chứng quả giải thoát, mà không làm đệ tử (hay thỉnh văn) của Phật khác.

Đối trị : *Paccatthika* (hay pháp đối trị), ám chỉ “đối thủ”.

Đông : *Hemanta*, mùa đông.

Đồng diệt : *Sahamaraṇa*, ám chỉ sự chấm dứt cùng một lúc.

Đồng sinh : *Sahajāta*, ám chỉ sự chấm dứt cùng một lúc.

Động : *Sañcaraṇa*, đối lập với tĩnh.

-G-

Gần : *Avidūre*, khoảng cách không quan trọng.

Giác chi : *Sambojjhaṅga*, ám chỉ «một chi pháp đưa đến giác ngộ». Giác ngộ ở đây là giải thoát.

Giới : *Dhātu*, ám chỉ ranh giới làm chuẩn.

Gốc : *Mūla*, ám chỉ phần thân ây gần mặt đất nhất, nhưng trong Vi Diệu Pháp ám chỉ «tật si mê», vô minh.

-H-

Hạn chế : *Paricchindana*, nằm trong ranh giới.

Hành uẩn : *Saṅkhārā khandha*, ám chỉ năng lực vận chuyển.

Hạ : *Gimhāna*, mùa hè.

Hệ thống : *Patipāṭi*, ám chỉ tình trạng liên hệ có trật tự.

Hiếu : *Bujjhati*, biết qua sự hợp lý.

Hình dạng : *Sanṭhāna*, cái thân có thể nhìn thấy được.

Hỏa đại : *Tejo mahābhūta*, ám chỉ tính «nóng và lạnh» (âm dương) có mặt khắp cùng (=đại).

Hỏa tổ : *Tejo mahādhātu*, ám chỉ nguyên tố «nóng và lạnh», hay «âm dương» có mặt khắp cùng (=đại).

Hữu hạn : *Nicchayaakara*, có biên giới.

Hữu trợ : *Sasaṅkhārika*, ám chỉ có trợ giúp, hay nhờ thuận tiện mới làm được.

Hỷ : *Pīti*, ám chỉ sự hân hoan trong thân tâm.

-K-

Kiến : *Diṭṭhi*, ám chỉ «sự thấy» của «mắt tâm». Đối với phàm nhân, sự thấy ấy luôn luôn bị tham-sân-si ảnh hưởng, nên gọi là «tà kiến».

Ký ức : *Sati, Anussaraṇa*, ám chỉ hình ảnh còn trong tâm.

Kiến chấp : *Diṭṭhi upādāna*, ám chỉ sự ôm cứng thành kiến.

Kiến giải : *Ujjala vivaraṇa*, ám chỉ sự trình bày soi sáng.

Kiết sử : *Samyojana*, ám chỉ những sợi dây cột chắc để sai khiến, bắt khuất phục để chỉ huy.

Khách quan (lộ tâm) : *Citta-vīthivimutti*, ám chỉ “yếu tố tự nhiên”, không tùy thuộc vào hệ thống.

Khai thị : *Vimhayākula*, làm mở mắt, làm cho thấy.

Khái niệm : *Saṅkappa*, hiểu và giữ lại trong đầu.

Khán thân tức : *Vimaṃsa iddhipāda*, ám chỉ «xem xét đầy đủ»=Thấy trong sự sáng suốt.

Khao khát : *Rāga*, ám chỉ tình trạng thường xuyên thêm khát, đòi hỏi không ngừng.

Khẩu : *Vacī*, ám chỉ cơ quan phát ra tiếng nói.

Khinh an : *Passaddhi*, ám chỉ trạng thái nhẹ nhàng, khinh thoát cả thân lẫn tâm.

Khí đại : *Vāyo mahābhūta*, ám chỉ «không khí có mặt khắp cùng», không hạn chế bởi biên giới.

Khí tố : *Vāyo dhātu*, ám chỉ yếu tố không khí, hiện tượng của nó còn gọi là «phong tố».

Khối óc : *Lasī*, phần tủy nằm trong xương sọ

Khởi điểm sinh : *Ārambha*, khởi đầu của sự thụ thai...

Ký sinh : *Paraputṭha, parabhāta, cāṭupara*, vật tiếp tục sống nhờ vào vật khác.

-L-

«**Lậu hoặc**» : *Āsava*, ám chỉ «cáu cặn», nguồn gốc ung thối, mục nát, sa đọa của tham sân si.

Lý trí : *Ñāna*, ám chỉ khả năng nhận thức một hành vi, dựa trên tương quan nhân quả.

Lộ trình tâm : *Cittavīthi*, ám chỉ «chu kỳ chuyển vận» của tâm thức hay tinh thần.

Lực : *Bala*, ám chỉ sức mạnh bộc lộ hay tiềm tàng trong thân một sinh vật nào đó.

Lười biếng : *Alasa*, không thích cực nhọc.

-M-

Mạnh : *Balavantu*, ám chỉ hình ảnh, ấn tượng.

Mẫu tâm : *Citta*, ám chỉ «nguyên tâm», chưa bị nhiễm cảnh.

Minh mẫn : *Vijjā*, ám chỉ tình trạng tinh thần không bị tham, sân, si bao phủ.

Mờ (cảnh tượng) : *Upākata* (ālambana).

Môn : *Dvāra*, hay «cửa» gồm *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý*.

-N-

Nói láo : *Musāvādā*, thông tin không thật.

Nội (trong thân) : *Antoṭhita*, ám chỉ “từ trên thân thể” hay “từ bên trong thân thể”.

Ngoại (thân) : *Bāhira, bahiddhā*, ám chỉ ở ngoài thân.

Ngũ song thức : *Dvi pañcaviññāna*, ám chỉ «5 cặp» *tâm thức*, vận hành ở «5 giác quan».

Nguồn gốc : *Mūluppatti*, lý do phát sinh.

Nghiệp : *Kamma*, ám chỉ tất cả hành vi, do thân, do khẩu, và do ý thực hiện.

Nhà tù : *Bandhanāgāra*, chỗ nhốt những người phạm tội.

Nhãn môn : *Cakkhudvāra*, ám chỉ *cửa mắt*.

Nhãn cảnh : *Cakkhālambana*, ám chỉ đối tượng của mắt, hình thái.

Nhãn căn : *Cakkhiṇdriya*, ám chỉ «*tiềm năng*» trong cơ quan thị giác.

Nhãn thức : *Cakkhuviññāna*, ám chỉ cái «*biết*» nhờ đôi mắt.

Nhãn thức giới : *Cakkhu dhātu viññāna*, ám chỉ giới hạn của «cái biết» do con mắt.

Nhãn xứ : *Cakkhāyatana*, ám chỉ «môi trường» của nhãn thức trước đối tượng.

Nhập thiền : *Jhāna*, ám chỉ tâm an trụ trên một «đề mục», toàn tỉnh.

Nhĩ môn : *Sotadvāra*, ám chỉ cửa tai.

Nhĩ cảnh : *Sotālabhāna*, ám chỉ «đối tượng» của lỗ tai, hay âm thanh.

Nhĩ thức : *Sotaviññāna*, ám chỉ cái «biết» nhờ hai tai.

Nhĩ thức giới : *Sota dhātu viññāna*, giới hạn của «cái biết», xuyên qua 2 tai.

Nhĩ xứ : *Sotāyatana*, ám chỉ «môi trường» của nhĩ thức.

Nhiều : *Bahuka*, từ 2 đơn vị trở lên.

Niệm : *Sati*, ám chỉ sự nhớ biết thực tại, tỉnh thức hay cảnh giác trước sự vật.

Niệm căn : *Satīndriya*, ám chỉ khả năng của tỉnh thức.

Niệm lực : *Satibala*, ám chỉ sức mạnh của tỉnh thức.

«**Niết-bàn**» : *Nibbāna*, chữ viết dựa theo phát âm của «nibbāna», ám chỉ sự *giải thoát khỏi tham-sân-si*.

Niệm giác chi : *Satisambojjhaṅga*, sự tỉnh thức là yếu tố giác ngộ, hay “thức bồ-đề”.

Niệm thân : *Kāya anupassanā*, ám chỉ an trú tâm trong thân và quan sát biến chuyển của thân.

Niệm thọ : *Vedanā anupassanā*, ám chỉ an trú tâm trong cảm giác và quan sát biến chuyển của thọ.

Niệm tâm : *Citta anupassanā*, ám chỉ an trú tâm trong tâm và quan sát biến chuyển của chính nó.

Niệm pháp : *Dhamma anupassanā*, ám chỉ an trú tâm trong tâm và quan sát vạn pháp một cách vô tư, như thị.

Niệm xứ : *Satipaṭṭhāna*, ám chỉ nền tảng của sự tỉnh thức.

Nội xứ : *Ajjhattāyatana*, ám chỉ «môi trường bên trong», thuộc về tâm thức.

Ngoại xứ : *Bhīrāyatana=Bahiddhāyatana*, ám chỉ «môi trường bên ngoài», thuộc về trần vật.

Nguyện vọng : *Chanda*, ám chỉ sự «muốn làm».

Ngũ căn : *Pañcīndriyāni*, ám chỉ «5 tiềm năng» trong thân tâm «người đắc thiền», còn gọi là «**ngũ quyền**».

Ngũ lực : *Pañcabalāni*, ám chỉ «5 sức mạnh» (bộc lộ hay tiềm tàng) trong thân tâm «người đắc thiền».

Ngũ uẩn : *Pañca khandhā*, 5 tập hợp tạo thành thân tâm con người (tinh thần và vật chất).

-Ô-

Ô trước : *Dūsana*, ám chỉ sự nhiễm 3 thứ độc, là tham, sân, si.

-P-

Phản lại : *Vipakkha*, bản chất nghịch hành.

Pháp : *Dhamma*, ám chỉ *tất cả những gì* tâm biết và những gì không biết hay chưa biết.

Pháp ác : *Akusala dhammā*, ám chỉ các pháp đưa đến hành vi tổn hại cho đơn phương hay song phương.

Pháp cảnh : *Dhamma Ālambana*, ám chỉ cái biết là cảnh trong tâm.

Pháp học : *Sekkha dhammā*, ám chỉ *sự học lý thuyết*.

Pháp hành : *Bhāvanā dhammā*, ám chỉ sự thực hành cho thuần thực.

Pháp thành : *Sammā sambodhi*, ám chỉ sự hoàn toàn giác ngộ, biết đúng “chân nguyên” của vạn vật.

Pháp thiện : *Kusala dhammā*, ám chỉ các pháp đưa đến hành vi vô hại.

Pháp vô lậu : *Abyākatā dhammā*, ám chỉ pháp không trở quả.

Phát khởi : *Ārabhati*, khởi thai sinh...

Phần hành : *Kicca*, ám chỉ sự vận hành riêng.

Phỉ lạc giác chi : *Pīti sambojjhaṅga*, ám chỉ phỉ lạc là chi giác ngộ.

Phiền não : *Kilesa*, ám chỉ «sản phẩm của tham sân si».

Phóng sinh : *Pamoceti*, trả tự do và mạng sống.

Phức hợp : *Missaka*, trộn lộn một cách không qui tắc.

-Q-

Quả : *Vipāka = Phala*, ám chỉ «thành tích» của vận hành tâm và vật.

Quán : *Vipassanā*, ám chỉ sự «quan sát» một cách thông suốt, vô ngại, và thấy đúng sự thật.

-R-

Rất yếu kém : *Atidubbala*, sức mạnh thấp nhất.

Rõ (cảnh tượng) : *Pasanna* (ā lambana).

Riêng : *Puggalika*, thuộc về một cá nhân.

Rung động : *Calana*, ám chỉ tình trạng cảnh chạm vào 1 trong 6 căn làm cho dòng hữu phần «rung động».

-S-

Sách : *Potthaka, ganta*, 1 tập giấy hay 1 cuộn giấy chứa rất nhiều chữ, chuyên chở những tư tưởng.

Sắc : *Rūpa*, ám chỉ vật chất vi tế hay thô kệch, như thân xác, bụi trần....

Sắc biểu tri : *Paññatti rūpa*, ám chỉ khả năng biểu lộ ý muốn.

Sắc dinh dưỡng : *Āhāra rūpa*, ám chỉ vật thực.

Sắc đặc tính : *Lakkhaṇa rūpa*, ám chỉ «tính riêng» của một hiện tượng hữu hình.

Sắc giới : *Rūpa vacara loka*, ám chỉ cõi tâm chạy theo tứ đại.

Sắc hữu phần : *Bhava rūpa*, ám chỉ vật chất có hữu.

Sắc hương : *Gandha rūpa*, ám chỉ mùi bốc ra.

Sắc hữu tướng : *Gocara rūpa*, ám chỉ vật chất có tướng trạng.

Sắc không gian : *Ākāsa rūpa*, ám chỉ khoảng trống.

Sắc nam tính : *Puriso rūpa*, ám chỉ bộ phận thuộc giống nam.

Sắc nữ tính : *Itṭhi rūpa*, ám chỉ bộ phận thuộc giống nữ.

Sắc nhãn : *Cakkhu rūpa*, ám chỉ đôi mắt.

Sắc nhĩ : *Sota rūpa*, ám chỉ hai tai.

Sắc mạng căn : *Jīvita rūpa*, ám chỉ năng lượng sinh mạng.

Sắc pháp : *Rūpa dhammā*, ám chỉ vật chất thô hay tế.

Sắc thanh : *Sadda rūpa*, ám chỉ âm thanh.

Sắc thân : *Kāya rūpa*, ám chỉ toàn da thân.

Sắc thiệt : *Jīvhā rūpa*, ám chỉ cái lưỡi.

Sắc tố : *Dhātu rūpa*, ám chỉ vật là yếu tố.

Sắc tỷ : *Ghāna rūpa*, ám chỉ cái mũi.

Sắc uẩn : *Rūpa khandha*, ám chỉ tập hợp sắc pháp.

Sắc vô thường : *Aniccā rūpa*, ám chỉ vật chất thay đổi.

Sắc xứ : *Āyatana rūpa*, ám chỉ vật chất môi trường.

Sắc Ý : *Hadaya rūpa*, ám chỉ quả tim.

Sắc y sinh : *Upādāya rūpa*, hay «nguyên sắc», chưa thành cơ quan sinh hoạt.

Sân : *Dosa*, ám chỉ sự bức xúc, nóng giận, do bị cản trở.

Sự tràn ngập : *Ogha*, ám chỉ tham sân si như nước phủ lên.

Si mê : *Moha*, ám chỉ đắm mê mà không biết.

Siêu thế : *Lokuttara bhūmi*, ám chỉ cõi pháp siêu độ.

Siêu việt : *Gambhīra*, có ý nghĩa sâu sắc.

Sinh hoạt : *Sajīvam*, có sự sống và cử động.

Sinh thức : *Jīvita*, có sự biết là “mình đang sống”

Sự tiến hóa : *Abhigamana*, cơ bản chất đổi mới tốt.

-T-

Ta : *Atta*, ám chỉ tôi, một cá nhân nào đó.

Tà dâm : *Kāmesumicchācārā*, liên hệ tình dục bất hợp pháp.

Tam giới : *Tiloka*, ám chỉ dục giới, sắc giới, và vô sắc giới.

Tánh : *Sabhāva*, sinh ra là đã như thế.

Tâm duy tác : *Kiriya citta*, ám chỉ tâm làm ra hành vi không hậu quả.

Tâm dứt dòng : *Cuti citta*, hay «chập tâm» kết thúc lộ trình=tâm tử.

Tâm đạo : *Magga citta*, ám chỉ tâm nhập thánh lưu.

Tâm đăng ký : *Tadālabhāna citta*, ám chỉ tâm ghi nhận.

Tâm hộ kiếp : *Bhavaṅga citta*, ám chỉ hữu phần, duy trì mạng sống, duy trì «tánh động».

Tâm hướng môn : *Āvajjana citta*, ám chỉ chập tâm hướng giác quan.

Tâm quả : *Phala citta*, ám chỉ tâm thánh chuẩn bị lên bậc thanh tịnh cao hơn.

Tâm vương : *Citta*, ám chỉ tinh thần, phần linh động tự nhiên trong một con người.

Tâm sở : *Cetasika*, ám chỉ tâm vương đã bị các nhân (hetu) ảnh hưởng.

Tâm sở hành : *Saṅkhārā cetasika*, ám chỉ tâm là hành vi.

Tâm sở thọ : *Vedanā cetasika*, ám chỉ tâm là cảm giác.

Tâm sở tưởng : *Saññā cetasika*, ám chỉ tâm là sự nhớ.

Tâm suy đạt : *santīraṇa citta*, ám chỉ chấp tâm «điều tra».

Tâm thức : *Citta viññāna*, ám chỉ «tâm biết» ở một giác quan nào đó.

Tâm tiếp thu : *Sampaticchana citta*, ám chỉ chấp tâm thu nhận cảnh.

Tâm tốc hoạt : *Javana citta*, ám chỉ «chấp tâm lập lại» theo độ rõ hay mờ=đồng tốc.

Tâm vô nhân : *Ahetuka citta*, ám chỉ tâm không bị nhân ảnh hưởng, tâm «bẩm sinh».

Tâm xác định : *Voṭṭhappana citta*, ám chỉ chấp tâm qui nạp cảnh bằng «một kết luận».

Tâm tục sinh : *Paṭisandhi citta*, ám chỉ chấp tâm thức tái sinh, nối vào chu trình mới.

Tâm thần túc : *Citta iddhipāda*, ám chỉ tâm định đầy đủ.

Tấn căn : *Viriya indriya* ám chỉ tiềm năng của tinh tấn.

Tấn giác chi : *Viriya sambojjhaṅga*, ám chỉ tinh tấn là giác ngộ, là thấu đáo chân lý.

Tấn lực : *Viriya bala*, ám chỉ sức mạnh của tinh tấn.

Tấn thần túc : *Viriya iddhipāda*, ám chỉ cố gắng đầy đủ.

Tập khí : *Vasana*, ám chỉ «lớp tánh khí tánh ao bọc tâm thức».

Tật : *Vāsana*, ám chỉ sự cố chấp, hay thành kiến.

Tiềm lực : *Nilīna bala*, sức mạnh ngầm.

Tham : *Lobha= Abhijjā*, ám chỉ vương mắc.

Thân : *Kāya*, ám chỉ toàn thân.

Thân cảnh : *Phoṭṭhabba rūpa*, ám chỉ sắc «xúc chạm».

Thân môn : *Kāya dvāra*, ám chỉ toàn da bọc thân là «cửa» của cảm giác.

Thân thức : *Kāya viññāna*, ám chỉ thân là nơi phát sinh thức.

Thân thức giới : *Kāya viññāna dhātu*, ám chỉ thân thể nói chung là nơi phát sinh cảm thức.

Thân xứ : *Kāyāyatana*, ám chỉ thân là môi trường.

Thần kinh : *Nahāru, Hānabala*, ám chỉ khả năng vận hành của bộ óc.

Thằng thúc : *Samyojana*, ám chỉ những dây kiết sử.

Thanh tịnh : *Visuddhi*, ám chỉ tính tinh khiết.

Thất bồ-đề phần : *Satta sambojjhaṅga*, hay «7 chi pháp giác ngộ», 7 yếu tố để nhận ra chân lý sâu thẳm.

Thất giác chi : *Satta bojjhaṅga*, ám chỉ «7 chi pháp giác ngộ», 7 yếu tố nhận diện chân lý thâm sâu.

Thiện : *Kusala*, ám chỉ có tính vô hại.

Thiệt cảnh : *Rasa rūpa*, ám chỉ sắc vị cảnh.

Thiệt môn : *Jīvhā dvāra*, ám chỉ «cửa lưỡi»

Thiệt thức : *Jīvhā viññāna*, ám chỉ cái «biết» ở lưỡi.

Thiệt thức giới : *Jīvhā viññāna dhātu*, ám chỉ «biết giới hạn» ở lưỡi, cơ quan vị giác.

Thiệt xứ : *Jīvhā āyatana*, ám chỉ «môi trường» để lưỡi hoạt động, bắt được các thứ vị.

Thinh văn giác : *Sāvaka buddha*, ám chỉ các thánh nhân giải thoát, trước là đệ tử Phật.

Thọ uẩn : *Vedanā khandha*, ám chỉ sự tích tụ cảm giác.

Thù oán : *Paṭigha*, ám chỉ giận hờn.

Thu : *Saradasamaya*, mùa thu.

Thủ : *Upādāna*, ám chỉ sự bám chặt.

Thủ đoạn : *Byāpāda*, ám chỉ ác ý.

Thụ thai : *Āvañjhatā, saphalīkaraṇa*, trứng nhận tác dụng...

Thổ đại : *Paṭhavī mahābhūta*, ám chỉ một “vật” cho cảm giác «cứng và mềm», và có mặt khắp nơi.

Thổ tố : *Paṭhavī dhātu*, ám chỉ «yếu tố cứng mềm có mặt khắp cùng».

Thủy đại : *Āpo mahābhūta*, một VẬT có đặc tính «kết và phân» cũng có mặt khắp cùng.

Thủy tố : *Āpo dhātu*, ám chỉ một VẬT có đặc tính «kết và phân» hiện diện khắp nơi.

Thức : *Viññāna*, ám chỉ tâm biết ở một giác quan nào đó.

Thức uẩn : *Viññāna khandha*, ám chỉ sự tích tụ những cái biết, hầu hết là cái biết cố chấp.

Thường kiến : *Sassatavāda*, ám chỉ thuyết tin tưởng linh hồn bất diệt.

Tin : *Saddahati, vissasati*, chấp nhận là thực.

Tín căn : *Saddhindriya*, ám chỉ tiềm năng của đức tin.

Tín lực : *Saddhā bala*, ám chỉ sức mạnh của niềm tin.

Tiến độ : *Vega*, sự đi tới trong một công trình nào đó.

Tiến độ : *Abhivuddhi*, khả năng đi tới trong sự thực hành.

Tiến hóa : *Vuddhigāmī, vaddhamāna*, biến thành tốt hơn.

Tiêu chuẩn : *Mūlikasacca*, yếu tố căn bản.

Tịnh hảo : *Sobhaṇa*, ám chỉ TỐT.

Trạch pháp giác chi : *Dhamma vicaya sambojjhaṅga*, ám chỉ làm đúng theo pháp là yếu tố giác ngộ.

Trải nghiệm : *Vīmaṃsā, uparikkhā*, đã sống qua.

Trộm cắp : *Adinnādānā, theyya*, lấy tài sản của người khác.

Trung hữu : *Antarabhava*, ám chỉ cõi trung gian sau khi chết.

Trú sở : *Sādhāraṇa vatthu*, chỗ ở.

Trực giác : *Sahajañāna*, do tự cảm giác.

Trừu tượng : *Sāraṃsa*, ám chỉ “hình ảnh” chỉ có trong ý nghĩ.

Tướng : *Lakkhaṇa*, nét đặc biệt.

Trung tính : *Abyākatā*, ám chỉ không thiện không ác.

Tu-đà-hườn : *Sotāpanna*, ám chỉ bậc thánh thất lai.

Tuệ căn : *Pañña indriya* ám chỉ tiềm năng của sự sáng suốt.

Tuệ lực : *Pañña bala* ám chỉ sức mạnh của sự sáng suốt.

Tuyệt công : *Vimhaya*, sự biểu diễn được các việc phi thường.

Tuyệt đối : *Paripunna, paramattha*, cao nhất, hoàn toàn nhất.

Tư-đà-hàm : *Sakadāgāmi*, ám chỉ bậc thánh nhất lai.

Tương đối : *Bandhu, ñāti*, còn cái khác ngang hàng.

Từ : *Karunā*, ám chỉ lòng trắc ẩn, không vui thấy cảnh khổ.

Từ trường : *Ākaḍḍhakabalayutta*, ám chỉ “vùng có sức hút”.

Tứ chánh cần : *Catu sammappadhāna*, ám chỉ «4 pháp chuyên cần trong thiện tánh».

Tứ niệm xứ : *Catu satipaṭṭhāna*, ám chỉ «4 nền tảng tỉnh thức trong thanh tịnh».

Tứ thân tức : *Cati iddhipāda*, ám chỉ «4 toại ý».

Tứ sinh đồ : *Saṃsāra*, ám chỉ «tam giới luân hồi».

Tưởng uẩn : *Saññā khandha*, ám chỉ sự tích tụ của ghi nhớ.

Tự nhiên : *Pakati*, là như thế kể từ khi hiện hữu.

Tự nhiên là : *Nesaggika*, cùng nghĩa với tự động.

Tỷ cảnh : *Gandha rūpa*, ám chỉ sắc làm mùi.

Tỷ môn : *Ghāna dvāra*, ám chỉ «cửa mũi».

Tỷ thức : *Ghāna viññāna*, ám chỉ «biết» ở mũi.

Tỷ thức giới : *Ghāna viññāna dhātu*, ám chỉ «biết giới hạn» ở mũi.

Tỷ xứ : *Ghāna āyatana*, ám chỉ «môi trường» mũi hoạt động.

-U-

U-minh : *Mandappabha*, tranh tối tranh sáng.

Ưu : *Domanassa*, ám chỉ tâm không vui.

-V-

Vâng giữ : *Veramanī*, tình nguyện thực hành.

Vật liệu : *Rūpa*, vật chất làm phương tiện chế tạo.

Vĩ thức : *Sukhumasatta*, sinh vật quá nhỏ.

Vi trùng : Sukhumapāṇī, sinh vật nhỏ nhất.

Vô căn tính : Alinga, không thể ấn định nam hay nữ.

Vô hiệu hóa : Dubbalaṃ karoti, làm cho bất lực, hóa giải.

Vô minh : Avijjā, ám chỉ không rõ, thấy lẫn lộn.

Vô sắc giới : Arūpa loka, ám chỉ cõi không có tứ đại.

Vô trợ : Asaṅkhārika, ám chỉ không cần hỗ trợ hay vô điều kiện để thực hiện.

Vội vàng : Sambhava, muốn làm xong trong thời gian ngắn.

Vụ lợi : Lābha, có dụng ý kiếm lời.

-X-

Xa : Dūre, khoảng cách quan trọng.

Xác chết : Chavatulya, còn gọi là tử thi.

Xả : Upekkhā, ám chỉ sự dửng dưng, buông bỏ, đối xử bình đẳng, không vương mắc.

Xả giác chi : Upekkhā sambojjhaṅga, ám chỉ vô chấp, bình đẳng là yếu tố giác ngộ, giải thoát.

Xiềng xích : *Samyojana*, ám chỉ những sợi cột chặc để chỉ huy, còn gọi là kiết sử hay thăng thức.

Xóa bỏ : *Apamajjati*, chùi bỏ (không dùng nữa).

Xuân : *Vasanta*, mùa xuân.

Xứ : *Āyatana*, ám chỉ môi trường, hay cái khung hoạt động.

-Y-

Ý : *Maṇo*, ám chỉ «kết tinh» của ấn tượng xuyên qua «6 cửa».

Yếu (cảnh yếu) : *Dubbala* (ālambana).

Ý môn : *Maṇo dvāra*, ám chỉ «cửa ý».

Ý thức : *Maṇo viññāna*, ám chỉ cái «biết» ở Ý.

Ý thức giới : *Maṇo viññāna dhātu*, ám chỉ cái «biết có giới hạn» ở Ý thức.

Ý xứ : *Maṇo āyatana*, ám chỉ «cái khung hoạt động» của ý.



Mục lục :

Lời nói đầu.....	trang 03
Chương I : “Tâm vương” (Citta).....	14
Chương II : “Tâm sở” (Cetasika).....	44
Chương III : «Sắc pháp» (Rūpa).....	87
Chương IV : «Niết-bàn» (Nibbāna).....	156
Chương V : Chu trình tâm (Cittavīthi).....	194
-Bảng « <i>Lược đồ chu trình tâm</i> ».....	220
Chương VI : «Bất định» (Aniyata).....	336
Chương VII : «Tuyệt công» (Abhiññā).....	413
Phụ lục từ ngữ Việt-Pāli.....	473

Tham gia ÁN TỔNG :

Đạo hữu Bạch Tuyết300.00 Euros

Đạo hữu Đặng Kim Hoa, Diệu Tiên.....150.00 (id.)

Gia đình Giác Định (G. Thuyên, G. Quý, G. Hảo).....100.00 (id.)

Đh. Lê Văn Vinh.....50.00 (id.)

Đh. Huỳnh Mai.....50.00 (id.)

Đh.Quỳnh Hạnh70.00 (id.)

Quỳnh Phước Trương.....30.00 (id.)

Quỳnh Tiên Nguyễn.....30.00 (id.)

Đạo hữu Ngô Thị Phụng.....20.00 (id.)

Đạo hữu Đàm Quang Chí.....20.00 (id.)

Cs. TL và nhóm «***Ái Hữu Sinh Viên A-Tỳ-Đạt-Ma, Paris***» chu toàn
phần chi phí còn lại.

<>Đạo hữu Diệu Tường chăm sóc bảng đánh máy và làm P.D.F.

<>Thành kính cảm ơn và HỒI HƯỚNG PHƯỚC BÁU đến tất cả.



